

MỤC LỤC

NỘI DUNG.....	TRANG.....
1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN.....	2.....
2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN.....	22.....
3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	48.....
4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	73.....
5. MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	90.....
6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG.....	120.....
7. VẬN HÒA KINH DOANH.....	148.....
8. KỸ NĂNG MỀM.....	158.....
9. TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI.....	174.....
10. LỊCH SỬ KINH TẾ.....	189.....
11. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ.....	203.....
12. TIẾNG ANH 1 - ENGLISH 1.....	222.....
13. TIẾNG ANH 2 - ENGLISH 2.....	244.....
14. TIẾNG ANH 3 (ENGLISH 3).....	270.....
15. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN.....	297.....
16. TOÁN KINH TẾ 1.....	307.....
17. TOÁN KINH TẾ 2.....	322.....
18. XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TRONG KINH TẾ HỌC.....	336.....
19. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KINH DOANH.....	351.....
20. TOÁN CẦU HÒA (GLOBALIZATION).....	363.....
21. ĐẠI CƯƠNG KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG.....	378.....
22. GIÁO DỤC THE CHAT 1.....	397.....
23. GIÁO DỤC THE CHAT 2.....	412.....
24. GIÁO DỤC THE CHAT 3.....	426.....
25. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH.....	442.....
26. THỰC HÀNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH.....	465.....

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH BỒ DÀI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: Sinh viên các ngành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN
(Philosophy of marxism and leninism)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Cao Xuân Sang. Điện thoại: 0912240980

- Chức danh, học hàm, học vị: P. Trưởng bộ môn Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: caoxuansang0912240980@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Bùi Văn Hà. Điện thoại: 0988716816

- Chức danh, học hàm, học vị: P. Trưởng khoa LLCT, Thạc sĩ

- Email: Buivanha67@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trương Mạnh Dũng. Điện thoại: 0975100568

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: tuongmanhdung@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Phan Thị Huế. Điện thoại: 0388990636

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: phanhue79@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Bình. Điện thoại: 0919181983

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email: thanhbinh7783@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Email: honghanhcdcnhy@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Họ và tên: Luyên Thị Hồng Hạnh. Điện thoại: 0981081981

1.12. Giảng viên 12:

- Email: vutthuydhspskthly@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Vũ Thị Thuý. Điện thoại: 0934271086

1.11. Giảng viên 11:

- Email: binhtraman@yahoo.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Trần An Bình. Điện thoại: 0913327833

1.10. Giảng viên 10:

- Email: Nguyenthiquoc@yahoo.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Nguyễn thị Quốc. Điện thoại: 0974403296

1.9. Giảng viên 9:

- Email: lethithomllct@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thôm. Điện thoại: 0974398938

1.8. Giảng viên 8:

- Email: ngthitoann@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Nguyễn thị Toan. Điện thoại: 09888849008

1.7. Giảng viên 7:

- Email: phammhuanllct@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ.

- Họ và tên: Phạm Thị Nhuận. Điện thoại: 0974923459

1.6. Giảng viên 6:

1.13. Giảng viên 13:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lê Hương. Điện thoại: 0394047896

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: lehuonglct@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Triết học Mác - Lênin

2.2. Mã số: 911102

2.3. Khối lượng: 03 tín chỉ

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học	Thời gian	Tổng số giờ
Lý thuyết	45	135
Thảo luận, Tự học, tự nghiên cứu	90	

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Bộ tri học kỳ I năm thứ nhất trình độ đào tạo đại học,

cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là môn học

thứ nhất của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

- Học phần học trước: Không

- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên các ngành

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý luận Chính trị

3. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 3 chương, bao gồm: Chương 1. Triết học và vai trò của

Triết học trong đời sống xã hội; Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học:

*** Kiến thức:**

CO1: Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất trên nền tảng khoa học về thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật trong vật chất tự nhiên, xã hội và tư duy về hệ thống khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin

*** Kỹ năng:**
CO2: Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa cho sinh viên;
*** Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**
CO3: Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận

chung nhất để tiếp cận nhân thức các vấn đề, nội dung của môn học khác.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
CO1	CL01	Lập luận và giải thích được một số vấn đề liên quan đến lý luận cơ bản nhất trên nền tảng khoa học về thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật trong tự nhiên, xã hội và tư duy về hệ thống khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.			
CO2	CL02	Giải thích và vận dụng được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin; Tư duy xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên .			
CO3	CL03	Từ những hiểu biết cơ bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin, người học xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận nhân thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác			

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

a. Triết học Mác – Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhân thức và thực tiễn

b. Triết học Mác – Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ

c. Triết học Mác – Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Chương 2

CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIẾN CHỨNG

22 tiết

I. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất

a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước Mác về phạm trù vật chất

b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XI, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất

c. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất

d. Các hình thức tồn tại của vật chất

e. Tính thông nhất vật chất của thế giới

2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức

a. Nguồn gốc của ý thức

b. Bản chất của ý thức

c. Kết cấu của ý thức

3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ siêu hình

b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biến chứng

II. PHÉP BIẾN CHỨNG DUY VẬT

1. Hai loại hình biến chứng và phép biến chứng duy vật

a. Biến chứng khách quan và biến chứng chủ quan

b. Khái niệm phép biến chứng duy vật

2. Nội dung của phép biến chứng duy vật

a. Hai nguyên lý của phép biến chứng duy vật

b. Các cấp phạm trù cơ bản của phép biến chứng duy vật

c. Các quy luật cơ bản của phép biến chứng duy vật

III. LÝ LUẬN NHẬN THỨC

1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biến chứng

2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức

3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

4. Các giai đoạn của quá trình nhận thức

5. Tính chất của chân lý

I. HỌC THUYẾT HÌNH THAI KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội
2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- a. Phương thức sản xuất
- b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
- a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
- b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

4. Sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

- a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội

- b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loại người

- c. Giá trị khoa học bên vững và ý nghĩa cách mạng

II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

- a. Giai cấp

- b. Đấu tranh giai cấp

- c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản

2. Dân tộc

- a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc

- b. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay

3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc – nhân loại

- a. Quan hệ giai cấp – dân tộc

- b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại

III. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI

1. Nhà nước

- a. Nguồn gốc của nhà nước

- b. Bản chất của nhà nước

- c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước

- d. Chức năng cơ bản của nhà nước

- e. Các kiểu và hình thức nhà nước

2. Cách mạng xã hội

- a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội

- b. Bản chất của cách mạng xã hội

- c. Phương pháp cách mạng

- d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay

IV. Y THỨC XÃ HỘI

1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yêu tố cơ bản của tồn tại xã hội

a. Khái niệm tồn tại xã hội

b. Các yêu tố cơ bản của tồn tại xã hội

2. Y thức xã hội và kết cấu của y thức xã hội

a. Khái niệm y thức xã hội

b. Kết cấu của y thức xã hội

c. Trình giai cấp của y thức xã hội

d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và y thức xã hội

e. Các hình thái y thức xã hội

g. Trình độc lập tương đối của y thức xã hội.

V. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

1. Khái niệm con người và bản chất con người

a. Con người là thực thể sinh học – xã hội

b. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người

c. Con người vừa là chủ thể lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử

d. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội

2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người

a. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa

b. Trình giai cấp toàn thể xã hội khi bóc lột, áp bức

c. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người

3. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của

quản chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội

b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

8. Học hiệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học hiệu bài buộ:

Khoa Ly luận chính trị (2021), Bài giảng môn Triết học Mác - Lênin, Đại học

Su phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

8.2. Học hiệu tham khảo

- Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình triết học Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia sự

thất, Hà Nội, 2021.

- Bộ giáo dục và đào tạo, triết học 3 quyển, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
- Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.
- Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình triết học Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở nghiên cứu	Tổng số
	Lên lớp	Lý thuyết			
	Thảo luận	Bài tập	Luận		

Tin chỉ 1					
Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội	6			12	18
Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng	9			18	27

Tin chỉ 2					
Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng (tiếp)	13			26	39
Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử	2			4	6

Tin chỉ 3					
Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tiếp)	15			30	45
Tổng cộng	45			90	135

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mức tiêu
------	----------------	---------------------------	-------------	----------------------------	----------

CO1 CO2 CO3	<p>Nghiên cứu trả lời câu hỏi: Triết học là gì? Khai niệm duy vật, duy tâm? Đối tượng của triết học?</p>	03	<p>LI thuyết</p>	<p><i>Chương I</i> TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI I. TRIẾT HỌC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA 1. Khai lược về triết học a. Nguồn gốc của triết học b. Khai niệm triết học c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử d. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan 2. Vấn đề cơ bản của triết học a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm 3. Biện chứng và siêu hình và a. Khai niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử</p>	<p>Tư học, tự NC</p>	<p>Độc 2.c; 3.b</p>
		06		<p>- Thuyết có thể biết và thuyết không thể biết - Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử</p>		

CO1 CO2 CO3				<p>3</p> <p><i>Chương 2</i> CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIẾN CHỨNG VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC</p> <p>I. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước Mác về phạm trù vật chất b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm</p>
CO1 CO2 CO3	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về thế giới quan và phương pháp luận</p>	03	<p>Lý thuyết</p>	<p>2</p> <p>3. Biên chứng và siêu hình a. Khai niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử + II. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI I. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do Mác và Ăngghen thực hiện d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác 2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin a. Khai niệm triết học Mác - Lênin b. Đối tượng của triết học Mác - Lênin c. Chức năng của triết học Mác - Lênin</p>
		06	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p>

CO1 CO2 CO3	Độc 2.c	03	Tự học, từ NC	Tình thông nhất vật chất của thế giới	4	<p>đuy vật siêu hình về vật chất</p> <p>c. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất</p> <p>d. Các hình thức tồn tại của vật chất</p>	<p>đuy vật siêu hình về vật chất</p> <p>2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của y thức</p> <p>a. Nguồn gốc của y thức</p> <p>b. Bản chất của y thức</p> <p>c. Kết cấu của y thức</p> <p>3. Mọi quan hệ giữa vật chất và y thức</p> <p>a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình</p> <p>b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật siêu hình</p> <p>3. Mọi quan hệ giữa vật chất và y thức</p> <p>a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình</p> <p>b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật siêu hình</p>	Tự học, từ NC	06	3.b	Mối quan hệ giữa vật chất và y thức	5	<p>II. PHEP BIEN CHUNG DUY VẬT</p> <p>1. Hai loại hình biến chứng và phép biến chứng duy vật</p> <p>a. Biến chứng khách quan và biến chứng chủ quan</p> <p>b. Khai niệm phép chứng duy vật</p> <p>2. Nội dung của phép biến chứng duy vật</p> <p>a. Hai nguyên lý của phép biến chứng duy vật</p>	Tự học, từ NC	03	Độc 1.b	CO1 CO2 CO3
	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về vật chất và y thức	Lý thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi liên quan môi trường													

CO1 CO2 CO3	Tự học, tự NC	03	Chia thành 3 nhóm NC	Biên chứng khách quan và biện chứng chủ quan		II. PHÉP BIẾN CHỨNG DUY VẬT		b. Các cấp phạm trù cơ bản của phép biến chứng duy vật	7
				Lý thuyết		II. PHÉP BIẾN CHỨNG DUY VẬT b. Các cấp phạm trù cơ bản của phép biến chứng duy vật (tiếp) 2. Nội dung của phép biến chứng duy vật c. Các quy luật cơ bản của phép biến chứng duy vật			
CO1 CO2 CO3	Lý thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi quan điểm chưa chủ nghĩa Mác – Lênin về quy luật, bản chất của Đảng công sản	II. PHÉP BIẾN CHỨNG DUY VẬT		II. PHÉP BIẾN CHỨNG DUY VẬT b. Các cấp phạm trù cơ bản của phép biến chứng duy vật (tiếp) 2. Nội dung của phép biến chứng duy vật c. Các quy luật cơ bản của phép biến chứng duy vật		8	
CO1 CO2 CO3				Lý thuyết		2. Nội dung của phép biến chứng duy vật c. Các quy luật cơ bản của phép biến chứng duy vật			
CO1 CO2 CO3	Tự học, tự NC	18	Đọc 2.b	Các cấp phạm trù Tất nhiên ngẫu nhiên; nội dung – hình thức; bản chất – hiện tượng; khả năng – hiện thực;		III. LÝ LUẬN NHẬN THỨC 1. Các nguyên tắc của lý luận nhân thức duy vật biện chứng 2. Nguồn gốc, bản chất của nhân thức 3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhân thức 4. Các giai đoạn của quá trình nhân thức		9	
				Lý thuyết		Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về nhân thức và lý luận.			
CO1 CO2 CO3	Lý thuyết	03	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về nhân thức và lý luận.	5. Tính chất của chân lý; + Chuong 3 CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ I. HỌC THUYẾT HÌNH THAI KINH TẾ - XÃ HỘI I. Sản xuất vật chất là cơ sở		5. Tính chất của chân lý; + Chuong 3 CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ I. HỌC THUYẾT HÌNH THAI KINH TẾ - XÃ HỘI I. Sản xuất vật chất là cơ sở		10	
				Lý thuyết		Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về nhân thức và lý luận và học thuyết HTKTXH			

		5. II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC		
		1. Vấn đề giải cấp và đấu tranh giải cấp	1. Vấn đề giải cấp và đấu tranh giải cấp a. Giải cấp b. Đấu tranh giải cấp c. Đấu tranh giải cấp của giai cấp vô sản	
		2. Dân tộc a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc b. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay		
		Tự học, tự NC	- Văn dựng hình thái kinh tế - xã hội ở Việt Nam	
		Tự học, tự NC	Mối quan hệ kinh tế và chính trị ở Việt Nam	
CO1 CO2 CO3	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: về giải cấp và các kiểu nhà nước	03	Ly thuyết	3. Mối quan hệ giải cấp - dân tộc – nhân loại a. Quan hệ giải cấp – dân tộc b. Quan hệ giải cấp, dân tộc với nhân loại III. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI 1. Nhà nước a. Nguồn gốc của nhà nước b. Bản chất của nhà nước c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước d. Chức năng cơ bản của nhà nước e. Các kiểu và hình thức nhà nước 2. Cách mạng xã hội a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội b. Bản chất của cách mạng xã hội c. Phương pháp cách mạng xã hội d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay
		03	Tự học, tự NC	Vấn đề giải cấp ở Việt Nam hiện nay
		03	Độc 2.a	

Hiện nay	Thảo luận	03	Chia thành 3 nhóm NC
----------	-----------	----	----------------------

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Bài tập cá nhân: Mọi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm qua trình và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, đúng quy cách theo yêu cầu của giảng viên;

- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.

11. Phương pháp và hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
LI thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy các khái niệm, Phạm trù, quy luật, các nội dung lí thuyết liên quan đến Lý luận chung về triết học Mác - Lênin	CLO1; CLO2; CLO3
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Hệ thống phương pháp, kĩ năng dạy học, thiết kế bài học ở nhà trường giáo dục nghề nghiệp	CLO1; CLO2; CLO3
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Rèn luyện kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề về thể giới quan, phương pháp luận cho sinh viên.	CLO1; CLO2; CLO3
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO1; CLO2; CLO3

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- Nội dung:
 - + Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)
- Tiêu chí đánh giá:

- + Tham gia học trên lớp đầy đủ;
- + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
- + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v.):
- Hình thức danh giá - Tham điểm chấm là 10, trong đó:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ: 6 điểm;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên: 2 điểm;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v.): 2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các văn đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin;
- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức, tính tham mĩ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.

- Tiêu chí danh giá:

- + Trình bày kỹ lưỡng lý thuyết của bài tập;
- + Giải bài tập trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết.
- Hình thức danh giá: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:
 - + Trình bày kỹ lưỡng lý thuyết của bài tập: 4 điểm;
 - + Giải bài tập trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết: 6 điểm

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát;
- Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được kỹ năng lý thuyết của câu hỏi thi. Trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết sinh viên phải lý giải, phân tích được các luận điểm hoặc liên hệ được với văn đề thực tiễn hiện nay.

- Tiêu chí danh giá:

- + Trình bày kỹ lưỡng lý thuyết theo câu hỏi;
- + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết theo câu hỏi.
- Tiêu chí danh giá: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian 90 phút. Trong đó:
 - + Trình bày kỹ lưỡng lý thuyết theo câu hỏi: 4 điểm;
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết theo câu hỏi: 6 điểm.

11.3. Cách thức danh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV không đủ điều kiện dự thi KTHP hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trong số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần	
		Chuyên cần	Bài tập cá nhân
Đánh giá quá trình	25	CLO1; CLO2; CLO3	CLO1; CLO2; CLO3
Thi kết thúc học phần	50	CLO1; CLO2; CLO3	

i) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Hiện diện trên lớp	60	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học
Tích cực	40	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khả tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi	Ít tham gia hỏi, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu
Tiêu chí	Tỷ lệ	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu

ii) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu
Tiêu chí	Tỷ lệ	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu

iii) Rubric đánh giá thi KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Tiêu chí	Tỷ lệ	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu

TRƯỜNG KHOA TS Nguyễn Trường Cảnh
 TRƯỞNG BỘ MÔN TS Cao Xuân Sáng
 GIẢNG VIÊN

12. Ngày hoàn thành đề cương: 5/8/2022

Đúng và đủ nội dung kiến thức trình bày khá	Đúng và đủ nội dung kiến thức trình bày khá đẹp	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng >50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập hoặc liên hệ
Viết đúng kỹ thuật	Đúng và đủ nội dung kiến thức trình bày đẹp	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Giải bài tập hoặc liên hệ (phụ thuộc vào câu hỏi thi)	40
40	60			

CHƯƠNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: Sinh viên các ngành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN
(Political economics of marxism and leninism)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Cao Xuân Sang. Điện thoại: 0912240980

- Chức danh, học hàm, học vị: P.Trường bộ môn Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: caoxuansang240980@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Bùi Văn Hà. Điện thoại: 0988716816

- Chức danh, học hàm, học vị: P.Trường khoa LLCT, Thạc sĩ

- Email: Buivanha67@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trương Mạnh Dũng. Điện thoại: 0975100568

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: tuongmanhdung@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Phan Thị Huế. Điện thoại: 0388990636

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: phanhue79@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Bình. Điện thoại: 0919181983

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email: thanhbinh7783@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Email: honghanhcdcnhy@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Họ và tên: Luyên Thị Hồng Hạnh. Điện thoại: 0981081981

1.12. Giảng viên 12:

- Email: vutnuydhspskthy@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Vũ Thị Thuý. Điện thoại: 0934271086

1.11. Giảng viên 11:

- Email: binhtraman@yahoo.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Trần An Bình. Điện thoại: 0913327833

1.10. Giảng viên 10:

- Email: Nguyenthiquet@yahoo.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Nguyễn thị Quê. Điện thoại: 0974403296

1.9. Giảng viên 9:

- Email: lethithom.lct@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thom. Điện thoại: 0974398938

1.8. Giảng viên 8:

- Email: ngthitoann@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Nguyễn thị Toan. Điện thoại: 0988849008

1.7. Giảng viên 7:

- Email: phamnhuanlct@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ.

- Họ và tên: Phạm Thị Nhuận. Điện thoại: 0974923459

1.6. Giảng viên 6:

1.13. Giảng viên 13:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lê Hương. Điện thoại: 0394047896

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: lehuongllct@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2. Mã số: 911203

2.3. Khối lượng: 2 tín chỉ

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học	Thời gian	Triết/Giờ thực hiện
Lý thuyết		30
Thảo luận, tự học, tự nghiên cứu		60
Tổng số giờ		90

2.5. Học phần: Bất buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Bộ tri học kỳ II năm thứ nhất trình độ đào tạo đại học,

cao đẳng khởi không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là môn học

thứ hai của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

- Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin.

- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên các ngành

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý luận Chính trị/Bộ

môn Nhưng nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

3. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương, bao gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên

cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò

của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường;

Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng

xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại

hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

4. Mục tiêu của học phần

			các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO3	CI.03	Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mac – Lenin đối với sinh viên.	PL.03

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT																			
	Triết	học	Mac	Lenin																
911102	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10										
	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0										
	PL011	PL012	PL013	PL014	PL015															
	0	0	0	1	0															
	0																			

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LENIN

TỔ CHỨC TRỊ MÁC - LENIN

(2 tiết)

1.1. KHAI QUÁT SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LENIN

1.2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LENIN.

MÁC - LENIN.

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mac – Lenin.

1.2.2. Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mac – Lenin.

1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mac – Lenin.

1.3. CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LENIN.

1.3.1. Chức năng nhận thức.

1.3.2. Chức năng thực tiễn.

1.3.3. Chức năng tư tưởng.

1.3.4. Chức năng phương pháp luận.

Chương 2

HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

(5 tiết)

2.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC – LÊNIN VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG

HÓA.

2.1.1. Sản xuất hàng hóa

2.1.1.1. Khai niệm.

2.1.1.2. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa.

2.1.2. Hàng hóa.

2.1.2.1. Khai niệm và thuộc tính của hàng hóa

2.1.2.2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa

2.1.2.3. Lượng giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa

2.1.3. Tiền tệ

2.1.3.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền

2.1.3.2. Chức năng của tiền

2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa

thông thường ở điều kiện ngày nay

2.1.4.1. Dịch vụ

2.1.4.2. Quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường

ở điều kiện ngày nay

2.2. THỊ TRƯỜNG VÀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

2.2.1. Khai niệm, phân loại và vai trò thị trường.

2.2.1.1. Khai niệm và phân loại thị trường.

2.2.1.2. Vai trò của thị trường.

2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường.

2.2.2.1. Nền kinh tế thị trường

2.2.2.2. Một số quy luật kinh tế chủ yếu của nền kinh tế thị trường.

2.3. VAI TRÒ CỦA MỘT SỐ CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

2.3.1. Người sản xuất.

2.3.2. Người tiêu dùng.

2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường.

2.3.4. Nhà nước.

Chương 3

GIA TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

(6 tiết)

3.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIA TRỊ THẶNG DƯ

3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư.

3.1.1.1. Công thức chung của tư bản

3.1.1.2. Hàng hóa sức lao động

3.1.1.3. Sự sản xuất giá trị thặng dư

3.1.1.4. Tư bản bất biến, tư bản khả biến

3.1.1.5. Tiền công

3.1.1.6. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản

3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư.

3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.

3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản.

3.2.2. Nhưng nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy tư bản.

3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản.

3.3. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

3.3.1. Lợi nhuận

3.3.1.1. Chi phí sản xuất

3.3.1.2. Bản chất lợi nhuận

3.3.1.3. Tỷ suất lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận

3.3.1.4. Lợi nhuận bình quân

3.3.1.5. Lợi nhuận thương nghiệp

3.3.2. Lợi tức

3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

Chương 4

CÁNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

(4 tiết)

4.1. CÁNH TRANH Ở CẤP ĐỘ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ

TRƯỜNG

4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền.

4.1.1.1. Nguyên nhân hình thành độc quyền và độc quyền nhà nước.

4.1.1.2. Tác động của độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

4.1.2. Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền

4.2. LÝ LUẬN CỦA V.I. LÊNIN VỀ CÁC ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ CỦA ĐỘC

QUYỀN VÀ ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

4.2.1. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền.

4.2.1.1. Các tổ chức độc quyền có quy mô tích tụ và tập trung tư bản lớn.

4.2.1.2. Sức mạnh của các tổ chức độc quyền do tư bản tại chính và hệ thống tài phiệt chi phối

4.2.1.3. Xuất khẩu tư bản trở thành phổ biến

4.2.1.4. Cảnh tranh để phân chia thị trường thế giới là tất yếu giữa các tập đoàn độc quyền.

4.2.1.5. Lợi kéo, thúc đẩy các chính phủ vào việc phân định khu vực lãnh thổ ảnh hưởng là các thực để bảo vệ lợi ích độc quyền.

4.2.2. Lý luận của V.I. Lenin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản.

4.2.2.1. Sự kết hợp về nhân sự giữa tổ chức độc quyền và nhà nước.

4.2.2.2. Sự hình thành và sở hữu nhà nước.

4.2.2.3. Độc quyền nhà nước trở thành công cụ để nhà nước điều tiết nền kinh tế.

4.2.2.4. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

4.3. BIỂU HIỆN MỚI CỦA ĐỘC QUYỀN, ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN NGÀY NAY; VAI TRÒ LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền.

4.3.1.1. Biểu hiện mới của tích tụ và tập trung tư bản.

4.3.1.2. Biểu hiện về vai trò của tư bản tại chính trong các tập đoàn độc quyền.

4.3.1.3. Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản.

4.3.1.4. Biểu hiện mới của sự phân chia thị trường thế giới giữa các liên minh độc quyền.

4.3.1.5. Biểu hiện mới về sự phân chia lãnh thổ ảnh hưởng dưới sự chi phối của các tập đoàn độc quyền.

4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước dưới chủ nghĩa tư bản.

4.3.2.1. Những biểu hiện mới về cơ chế nhân sự.

4.3.2.2. Những biểu hiện mới về sở hữu nhà nước.

4.3.2.3. Biểu hiện mới trong vai trò công cụ điều tiết kinh tế của độc quyền nhà nước.

4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

4.3.3.1. Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản.

4.3.3.2. Những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Chương 5

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐÌNH HƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

(7 tiết)

5.1. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐÌNH HƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường đình hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường đình hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.1.3. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.1.3.1. Về mục tiêu

5.1.3.2. Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế.

5.1.3.3. Về quan hệ quản lý nền kinh tế.

5.1.3.4. Về quan hệ phân phối

5.1.3.5. Về quan hệ giữa các thành phần kinh tế với công bằng xã hội.

5.2. HOÀN THIÊN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.2.1.1. Thể chế và thể chế kinh tế

5.2.1.2. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.2.2.1. Hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

5.2.2.2. Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

5.2.2.3. Hoàn thiện thể chế để gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội và thực đẩy hội nhập quốc tế

5.2.2.4. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hệ thống chính trị.

5.3. CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM

5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế

5.3.1.1. Lợi ích kinh tế.

5.3.1.2. Quan hệ lợi ích kinh tế

5.3.2. Vai trò nhà nước bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích

5.3.2.1. Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế.

5.3.2.2. Điều hòa lợi ích giữa cá nhân – doanh nghiệp – xã hội.

5.3.2.3. Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội.

5.3.2.4. Giải quyết các mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế

6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

6.1.1. Khai quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa

6.1.1.1. Khai quát về cách mạng công nghiệp

6.1.1.2. Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới

6.1.2. Tình tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.

6.2.1.1. Tình tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

6.2.1.2. Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

6.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

6.2.1. Khai niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

6.2.1.1. Khai niệm và sự cần thiết khách quan hội nhập kinh tế quốc tế

6.2.1.2. Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam.

6.2.2.1. Tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế

6.2.2.2. Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế

6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.

6.2.3.1. Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.

6.2.3.2. Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp.

6.2.3.3. Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực.

6.2.3.4. Hoàn thiện thể chế kinh tế và luật pháp.

6.2.3.5. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế.

6.2.3.6. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam.

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc:

Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin dành cho bậc đại học (chương trình không chuyên)

8.2. Học liệu tham khảo

- Robert B.Ekelund, JR và Robert F.Hesbert (2003), Lịch sử các học thuyết kinh tế, Bản tiếng Việt, Nxb Thông kê, HN.

- Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018),
Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin, NXB Lý luận Chính trị, HN.
- David Beggs, Stanley Fisher, Rudiger Dornbusch, Kinh tế học, NXB Giáo dục
Hà Nội 1992.

- Đảng cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ
XII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr55-132.
- C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, Tập 23, 25, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội,
2002.

- Đảng cộng sản Việt Nam (2016), Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và
thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 – 2016), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2017), Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017
về “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

- Chỉ thị 16/CT-TTg (2017), “về việc tăng cường năng lực tiếp cận cách mạng
công nghiệp lần thứ tư”.

- Manfred B. Steger (2011) Toàn Cầu hóa, NXB Tri thức, HN.
- Klaus Schwab (2015), Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, (Bộ Ngoại giao
dịch), NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, 2018,HN.

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Lên lớp		Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số
	Lý thuyết	Bài tập				
Tin chi 1						
Chương 1: Đòi tương, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin.	2				4	6
Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	5				10	15
Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	6				12	18
Chương 4: Cảnh tranh và độc quyền trong	2				4	6

CO1 CO2 CO3	trường hợp một số yêu tố khác hàng hóa thông tin trong điều kiện hiện nay. 2.1.4.1. Dịch vụ 2.1.4.2. Quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yêu tố khác hàng hóa thông tin trong điều kiện hiện nay. 2.2. THỊ TRƯỜNG VÀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò thị trường. 2.2.1.1. Khái niệm và phân loại thị trường. 2.2.1.2. Vai trò của thị trường. 2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường. 2.2.2.1. Nền kinh tế thị trường 2.2.2.2. Một số quy luật kinh tế chủ yếu của nền kinh tế thị trường 2.3. VAI TRÒ CỦA MỘT SỐ CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG 2.3.1. Người sản xuất. 2.3.2. Người tiêu dùng. 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường. 2.3.4. Nhà nước.	Lý thuyết	2	Độc mục: -2.1.4.2. -2.2.1.	CO1 CO2 CO3
CO1 CO2 CO3	trường hợp một số yêu tố khác hàng hóa thông tin trong điều kiện hiện nay. 2.1.4.1. Dịch vụ 2.1.4.2. Quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yêu tố khác hàng hóa thông tin trong điều kiện hiện nay. 2.2. THỊ TRƯỜNG VÀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò thị trường. 2.2.1.1. Khái niệm và phân loại thị trường. 2.2.1.2. Vai trò của thị trường. 2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường. 2.2.2.1. Nền kinh tế thị trường 2.2.2.2. Một số quy luật kinh tế chủ yếu của nền kinh tế thị trường 2.3. VAI TRÒ CỦA MỘT SỐ CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG 2.3.1. Người sản xuất. 2.3.2. Người tiêu dùng. 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường. 2.3.4. Nhà nước.	Lý thuyết	2	Độc mục: -2.1.4.2. -2.2.1.	CO1 CO2 CO3
CO1 CO2 CO3	trường hợp một số yêu tố khác hàng hóa thông tin trong điều kiện hiện nay. 2.1.4.1. Dịch vụ 2.1.4.2. Quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yêu tố khác hàng hóa thông tin trong điều kiện hiện nay. 2.2. THỊ TRƯỜNG VÀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò thị trường. 2.2.1.1. Khái niệm và phân loại thị trường. 2.2.1.2. Vai trò của thị trường. 2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường. 2.2.2.1. Nền kinh tế thị trường 2.2.2.2. Một số quy luật kinh tế chủ yếu của nền kinh tế thị trường 2.3. VAI TRÒ CỦA MỘT SỐ CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG 2.3.1. Người sản xuất. 2.3.2. Người tiêu dùng. 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường. 2.3.4. Nhà nước.	Lý thuyết	2	Độc mục: -2.1.4.2. -2.2.1.	CO1 CO2 CO3

3

Chương 3

6	<p>3.3. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG</p> <p>3.3.1. Lợi nhuận</p> <p>3.3.1.1. Chi phí sản xuất</p> <p>3.3.1.2. Bản chất lợi nhuận</p> <p>3.3.1.3. Tỷ suất lợi nhuận và các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận</p>	Lý thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi và các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận và ý nghĩa nghiên cứu văn đề này ở nước ta hiện nay.</p>	CO1 CO2 CO3
5	<p>3.1.1.6. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản</p> <p>3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư.</p> <p>3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.</p> <p>3.2. TÍCH LŨY TƯ BẢN</p> <p>3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản.</p> <p>3.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy tư bản.</p> <p>3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản.</p>	Lý thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi Ý nghĩa việc nghiên cứu các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay?</p>	CO1 CO2 CO3
4	<p>GIA TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG</p> <p>3.1. LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ</p> <p>3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư.</p> <p>3.1.1.1. Công thức chung của tư bản</p> <p>3.1.1.2. Hàng hóa sức lao động</p> <p>3.1.1.3. Sự sản xuất giá trị thặng dư</p> <p>3.1.1.4. Tư bản bất biến, tư bản khả biến</p> <p>3.1.1.5. Tiền công</p>	Tự học nghiên cứu	6	<p>Đọc mục: -2.3.1. -2.3.2. -2.3.3. -3.1.1.5.</p>	
	<p>- Người sản xuất.</p> <p>- Người tiêu dùng.</p> <p>- Các chủ thể trung gian trong thị trường.</p> <p>- Tiền công</p>			<p>Đọc mục: -3.1.2. -3.2.3.</p>	

CO1 CO2 CO3	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Tác động của xuất khẩu tư bản tới nước nhập khẩu tư bản và y nghĩa đối với Việt Nam.</p>	3	Li thuyết	<p>4.2. LÝ LUẬN CỦA V.I. LENIN VỀ CÁC ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ CỦA ĐỘC QUYỀN VÀ ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TƯ BẢN CHỦ NGHĨA</p> <p>4.2.1. Lý luận của V.I. Lenin về đặc điểm kinh tế của độc quyền.</p> <p>4.2.1.1. Các tổ chức độc quyền có quy mô tích tụ và tập trung tư bản lớn.</p> <p>4.2.1.2. Sức mạnh của các tổ chức độc quyền do tư bản lái chính và hệ thống</p>
CO1 CO2 CO3	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Tác động của độc quyền và y nghĩa đối với nước ta hiện nay?</p>	2	Li thuyết	<p>3.3.1.5. Lợi nhuận thương nghiệp</p> <p>3.3.2. Lợi tức</p> <p>3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa</p> <p><i>Chương 4</i></p> <p>CẢNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG</p> <p>4.1. CẢNH TRANH Ở CẤP ĐỘ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG</p> <p>4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền.</p> <p>4.1.1.1. Nguyên nhân hình thành độc quyền và độc quyền nhà nước.</p> <p>4.1.1.2. Tác động của độc quyền trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.1.2. Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền</p>
	<p>Độc mục: - 3.3.1.2. - 3.3.1.4.</p>	6	Tự học, tự NC	<p>3.3.1.4. Lợi nhuận bình quân</p> <p>- Bản chất của lợi nhuận</p> <p>- Lợi nhuận bình quân</p>
	<p>Độc mục: - 3.3.2. - 3.3.3. - 4.1.2.</p>	6	Tự học, tự NC	<p>- Lợi tức.</p> <p>- Địa tô tư bản chủ nghĩa</p> <p>- Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền</p>

				<p>tại phiêi chi phôi 4.2.1.3. Xuât khâu tư bản trở thành phôi biên 4.2.1.4. Cánh tranh để phân chia thị trường thế giới là tại yếu giữa các tập đoan độc quyền. 4.2.1.5. Lợi kéo, thực đây các chính phủ vào việc phân định khu vực lãnh thổ ảnh hưởng là các thực để bảo vệ lợi ích độc quyền. 4.2.2. Lý luận của V.I. Lenin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. 4.2.2.1. Sự kết hợp về nhân sự giữa tổ chức độc quyền và nhà nước. 4.2.2.2. Sự hình thành và sở hữu nhà nước. 4.2.2.3. Độc quyền nhà nước trở thành công cụ để nhà nước điều tiết nền kinh tế. 4.3. BIỂU HIỆN MỚI CỦA ĐỘC QUYỀN, ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN NGÀY NAY; VAI TRÒ LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN 4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền. 4.3.1.1. Biểu hiện mới của tích tụ và tập trung tư bản. 4.3.1.2. Biểu hiện về vai trò của tư bản tại chính trong các tập đoàn độc quyền. 4.3.1.3. Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản. 4.3.1.4. Biểu hiện mới của sự phân chia thị trường thế giới giữa các liên minh độc quyền. 4.3.1.5. Biểu hiện mới về sự phân chia lãnh thổ ảnh hưởng dưới sự chi phối của các tập đoàn độc quyền.</p>
			<p>- Các tổ chức độc quyền có quy mô tích tụ và tập trung tư bản lớn.</p>	

	<p>Đọc mục: -4.2.1.1. -4.2.1.4. -4.2.1.5. -4.3.1.1. -4.3.1.4. -4.3.1.5.</p>	6	<p>Tự học, Tự NC</p> <p>- Cảnh tranh để phân chia thị trường thế giới là tài liệu giữa các tập đoàn độc quyền.</p> <p>- Lợi kéo, thực đẩy các chính phủ vào việc phân định khu vực lãnh thổ ảnh hưởng là các thực để bảo vệ lợi ích độc quyền.</p> <p>- Biểu hiện mới của tích tụ và tập trung quyền.</p> <p>- Biểu hiện mới của sự phân chia lãnh thổ ảnh hưởng dưới sự chi phối của các tập đoàn độc quyền.</p>
<p>CO1 CO2 CO3</p>	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Ý nghĩa việc hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế?</p>	2	<p>Lý thuyết</p> <p>4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước dưới chủ nghĩa tư bản.</p> <p>4.3.2.1. Những biểu hiện mới về cơ chế nhân sự.</p> <p>4.3.2.2. Những biểu hiện mới về sở hữu nhà nước.</p> <p>4.3.2.3. Biểu hiện mới trong vai trò công cụ điều tiết kinh tế của độc quyền nhà nước.</p> <p>4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>4.3.3.1. Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản</p> <p>4.3.3.2. Những giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản.</p> <p><i>Chương 5</i> KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐÌNH HƯƠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM</p> <p>5.1. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐÌNH HƯƠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM</p> <p>5.1.1. Khai niệm kinh tế thị trường đình hương xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc</p>

<p>Chương 6 CÔNG NGHIỆP HÒA, HIỆN ĐẠI HÒA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM (6 tiết) 6.1. CÔNG NGHIỆP HÒA, HIỆN ĐẠI HÒA Ở VIỆT NAM 6.1.1. Khai quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</p>	<p>6.1.1.1. Khai quát về cách mạng công nghiệp 6.1.1.2. Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. 6.2.1.1. Tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p>	<p>Tự học tự NC</p>	<p>6</p>	<p>- Khai quát về cách mạng công nghiệp</p>
<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi mô hình công nghiệp hóa nào có nhiều ưu điểm và phù hợp nhất với nước ta? Vì sao?</p>	<p>6.2.1.1. Tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.2.1.2. Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p>	<p>Tự học tự NC</p>	<p>6</p>	<p>- Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</p>
<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi phân tích những tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến Việt Nam.</p>	<p>6.2.1.1. Khai niệm và sự cần thiết khách quan hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.1.2. Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam. 6.2.2.1. Tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2.2. Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế</p>	<p>Ly thuyết</p>	<p>2</p>	<p>- Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</p>
<p>Độc mục: - 6.2.1.2.</p>	<p>Độc mục: - 6.1.1.1.</p>	<p>Độc mục: - 6.2.1.2.</p>	<p>Độc mục: - 6.2.1.2.</p>	<p>Độc mục: - 6.2.1.2.</p>

13

14

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

11. Phương pháp và hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.
- Bài tập cá nhân: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm qua trình và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, dùng quy cách theo yêu cầu của giảng viên;
- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ và học tập được giao.

10. Quy định của học phần đối với người học

15	Lý thuyết	2	<p>6.2.3. Phương pháp giảng dạy cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.</p> <p>6.2.3.1. Nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.</p> <p>6.2.3.2. Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp.</p> <p>6.2.3.3. Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực.</p> <p>6.2.3.4. Hoàn thiện thể chế kinh tế và luật pháp.</p> <p>6.2.3.5. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế.</p> <p>6.2.3.6. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ của Việt Nam.</p>	Độc mục: - 6.2.3.1 - 6.2.3.3
			Tự học từ NC	

Nghiên cứu và trả lời câu hỏi tại sao phải xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ?

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
LI thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	<p>Đầy các khái niệm, các nội dung lí thuyết liên quan đến Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>hệ thống phương pháp, kĩ năng dạy học, thiết kế bài học ở nhà trường giao đực nghề nghiệp</p>	CLO1; CLO2; CLO3
Thảo luận	thảo luận nhóm, toàn lớp	<p>Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, danh giá và nhân diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</p>	CLO1; CLO2; CLO3
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	<p>Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và tách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần</p>	CLO1; CLO2; CLO3

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần 11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Danh giá ý thức học tập của sinh viên

- Nội dung:

+ Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;

+ Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên

quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;

+ Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)

- Tiêu chí danh giá:

+ Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;

+ Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên

quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;

+ Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v.)

- Hình thức danh giá - Tháng điểm chấm là 10, trong đó:

- + Tham gia học trên lớp đầy đủ: 6 điểm;
- + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên: 2 điểm;
- + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v.): 2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các văn đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin;
- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức, tính thẩm mỹ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.

- Tiêu chí đánh giá:

- + Trình bày kỹ lưỡng lý thuyết của bài tập;
- + Giải bài tập trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết.
- Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:
 - + Trình bày kỹ lưỡng lý thuyết của bài tập: 4 điểm;
 - + Giải bài tập trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết: 6 điểm

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát;
- Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được kỹ lưỡng lý thuyết của câu hỏi thi. Trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết sinh viên phải lý giải, phân tích được luận điểm hoặc liên hệ được với vấn đề thực tiễn hiện nay.

- Tiêu chí đánh giá:

- + Trình bày kỹ lưỡng lý thuyết theo câu hỏi;
- + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết theo câu hỏi.
- Hình thức đánh giá: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian 75 phút. Trong đó:
 - + Trình bày kỹ lưỡng lý thuyết theo câu hỏi: 4 điểm;
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết theo câu hỏi: 6 điểm.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Các điểm danh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV không đủ điều kiện dự thi KTHP hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trong số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần	
		Chuyên cần	CL01; CL02; CL03
Đánh giá quá trình	25	Chuyên cần	CL01; CL02; CL03
		Bài tập cá nhân	CL01; CL02; CL03
Thi kết thúc học phần		50	CL01; CL02; CL03

i) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Từ 7 - dưới 8	Tham gia 85-95% buổi học	Khả	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia >80% buổi học	Không tham gia và không trả lời	Không tham gia trả lời khi được chỉ định	Không tham gia trả lời được khi có yêu cầu
		Tốt	Từ 8 - 10	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Khả tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia trả lời	Không tham gia trả lời được khi có yêu cầu	
Hiện diện	60									
Tích cực	40									

ii) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Từ 8 - 10	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Khả	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Bài do người khác thực hiện	Đúng trên 80% yêu cầu	Đúng 70-80% yêu cầu	Đúng 50% - 70% yêu cầu	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu
		Tốt	Từ 7 - dưới 8	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Khả	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Bài do người khác thực hiện	Đúng trên 80% yêu cầu	Đúng 70-80% yêu cầu	Đúng 50% - 70% yêu cầu	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu
Thực hiện bài tập	30										
Nội dung	70										

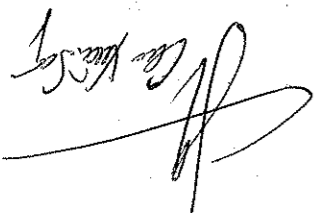
iii) Rubric đánh giá thi KTHP

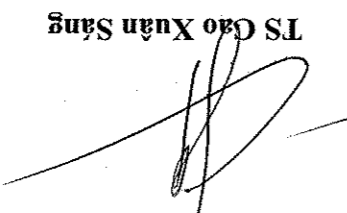
Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Từ 8 - 10	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Khả	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức
		Tốt	Từ 7 - dưới 8	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Khả	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức
Viết đúng khung lý thuyết	40							

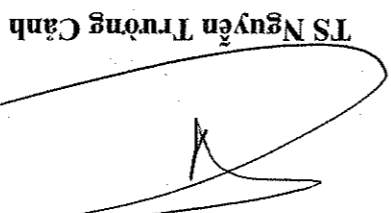
Mức chất lượng

12. Ngày hoàn thành đề cương: 5/8/2022

Thực hiện đáp ứng >50% hoặc nội dung không liên quan đến bài thực của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng >50% hoặc nội dung không liên quan đến bài thực của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	60	Giải bài tập hoặc liên hệ (phụ thuộc vào câu hỏi thi)
--	--	---	---	----	---

GIẢNG VIÊN


P. TRƯỞNG BỘ MÔN


TRƯỞNG KHOA


TS Cao Xuân Sang

TS Nguyễn Trường Canh

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Cao Vinh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiên sĩ, Trưởng Bộ môn Lịch sử

Đang và Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Email, điện thoại: lecaovinhspkthuy@gmail.com, 0979139568

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Trường Cảnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiên sĩ, Trưởng Khoa LLCT

- Email, điện thoại: truongetcanhduong@gmail.com - 0983855043

03213713083

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lê Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email, điện thoại: lehuongllct@gmail.com - 09394047896

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Hoàng Thị Giang

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: Zang219@gmail.com – 0902097828

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Mã số: 911504

2.3. Khối lượng: 2 tín chỉ

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học	Thời gian		Tiết/Giờ thực hiện	
	Lý thuyết	Thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số giờ
			60	90

2.5. Học phần: (Bắt buộc)

6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Bộ tri thức I năm thứ ba trình độ đào tạo đại học, cao đẳng
- khỏi không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là môn học thứ năm của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.
- Học phần học trước: Triết học Mác- Lênin; Kinh tế chính trị Mác- Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên các ngành

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý Luận Chính trị.

3. Mô tả học phần

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đời tư tưởng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở qua trình hình thành phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đại đoàn kết quốc tế; về văn hoá, đạo đức, con người.

4. Mục tiêu của học phần

4.1. Kiến thức:

CO1: Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

4.2. Kỹ năng:

CO2: Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

4.3. Thái độ:

CO3: Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhân thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)
		Kiến thức
CO1	CLO1	Lập luận và giải thích được một số vấn đề liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như một số tư tưởng cụ thể của Người về cách mạng Việt Nam như: tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về Đảng công sản, về nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới...
		Kỹ năng
CO2	CLO2	Giải thích, phân tích và vận dụng được một số nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác của người học
		Mức tự chủ và trách nhiệm
CO3	CLO3	Chủ động, tích cực đầu tư tranh chấp lại các quan điểm sai trái, xuyên tạc về đường lối của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã Tên	HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTBT									
		Tư tưởng	Hồ Chí Minh	Chi Minh							
911504		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
		0	0	0	0	0					

- 2.2.5 Thời kỳ từ đầu 1941 đến tháng 9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta
- 2.2.4 Thời kỳ từ đầu 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sóng gió, thử thách, sẵn sàng
- 2.2.3 Thời kỳ từ cuối 1920 đến đầu năm 1930: Dẫn dắt hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản
- 2.2.2 Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dẫn dắt hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản
- 2.2.1 Thời kỳ trước 5-6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới.

2.2 Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

- 2.1.3.2 Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận
- 2.1.3.1 Phẩm chất Hồ Chí Minh
- 2.1.3 Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh
- 2.1.2.3 Chủ nghĩa Mác – Lê nin
- 2.1.2.2 Tinh hoa văn hóa nhân loại
- 2.1.2.1 Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam
- 2.1.2 Cơ sở lý luận
- 2.1.1.2 Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
- 2.1.1.1 Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX
- 2.1.1 Cơ sở thực tiễn

2.1 Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

4. tiết (LT)

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Chương 2

- 1.3.1 Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh
- 1.3.1.1 Thông nhất tính Đảng và tính khoa học
- 1.3.1.2 Thông nhất lý luận và thực tiễn
- 1.3.1.3 Quan điểm lịch sử - cụ thể
- 1.3.1.4 Quan điểm toàn diện và hệ thống
- 1.3.1.5 Quan điểm kế thừa và phát triển
- 1.3.2 Một số phương pháp cụ thể
- 1.4 Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh
- 1.4.1 Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận
- 1.4.2 Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước
- 1.4.3 Xây dựng, rèn luyện phương pháp và cách công tác

2.3 Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

- 2.3.1 Đối với cách mạng Việt Nam
- 2.3.1.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam để thăng lợi và bất đầu xã dựng xã hội mới trên đất nước ta
- 2.3.1.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay
- 2.3.2 Đối với sự phát triển và tiến bộ của nhân loại
- 2.3.2.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội
- 2.3.2.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển thế giới

Chương 3

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

9 tiết (LT)

3.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc

- 3.1.1 Vấn đề độc lập dân tộc

- 3.1.1.1 Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc
- 3.1.1.2 Độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân

- 3.1.1.3 Độc lập dân tộc là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để

- 3.1.1.4 Độc lập dân tộc gắn liền với thông nhất và toàn vẹn lãnh thổ

- 3.1.2 Về cách mạng giải phóng dân tộc

- 3.1.2.1 Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thăng lợi phải đi theo con đường cách

mạng vô sản

- 3.1.2.2 Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thăng lợi

phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo

- 3.1.2.3 Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân

tộc, lấy liên minh công-nông làm nền tảng

- 3.1.2.4 Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành

thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc

- 3.1.2.5 Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bảo lực

cách mạng

3.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở

Việt Nam

- 3.2.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

- 3.2.1.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

- 3.2.1.2 Tiên lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan

- 3.2.1.3 Một số đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

- 3.2.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- 4.2.3.2 Phòng chống tiêu cực trong Nhà nước
- 4.2.3.1 Kiểm soát quyền lực nhà nước
- 4.2.3 Nhà nước trong sạch, vững mạnh
- 4.2.2.3 Pháp quyền nhân nghĩa
- 4.2.2.2 Nhà nước thượng tôn pháp luật
- 4.2.2.1 Nhà nước hợp pháp, hợp hiến
- 4.2.2 Nhà nước pháp quyền
- 4.2.1.2 Nhà nước của dân, do dân, vì dân
- 4.2.1.1 Bản chất giai cấp của nhà nước
- 4.2.1 Nhà nước dân chủ

4.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước Việt Nam

- 4.1.2.3 Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên
- 4.1.2.2 Những vấn đề nguyên tắc trong sinh hoạt Đảng
- 4.1.2.1 Đảng là đạo đức, là văn minh
- 4.1.2 Đảng phải trong sạch, vững mạnh
- 4.1.1 Tinh thần yêu nước và vai trò lãnh đạo của Đảng

4.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

7 tiết (LT)

NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÀ DÂN

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ

Chương 4

- 3.4.4 Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức lối sống và sự “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ
- 3.4.3 Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị
- 3.4.2 Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa
- 3.4.1 Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định
- 3.4 Vấn đề xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn hiện nay
- 3.3.3 Điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội
- 3.3.2 Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc
- 3.3.1 Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội
- 3.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
- 3.2.3.2 Một số nguyên tắc về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ
- 3.2.3.1 Tinh chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ
- 3.2.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- 3.2.2.2 Độc lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- 3.2.2.1 Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- 4.3 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước
- 4.3.1 Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh
- 4.3.2 Xây dựng Nhà nước

Chương 5
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ
ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

3 tiết (LT)

5.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

- 5.1.1 Vai trò của đại đoàn kết dân tộc
- 5.1.1.1 Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.
- 5.1.1.2 Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam

- 5.1.2 Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc

- 5.1.2.1 Chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc

- 5.1.2.2 Nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc

- 5.1.3 Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

- 5.1.4 Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất

- 5.1.4.1 Mặt trận dân tộc thống nhất

- 5.1.4.2 Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

- 5.1.5 Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

5.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế

- 5.2.1 Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế

- 5.2.1.1 Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam

- 5.2.1.2 Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

- 5.2.2 Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

- 5.2.2.1 Các lực lượng cần đoàn kết

- 5.2.2.2 Hình thức tổ chức

- 5.2.3 Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

- 5.2.3.1 Đoàn kết trên cơ sở thông nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình.

- 5.2.3.2 Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ

5.3 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay

- 5.3.1 Quan triết tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương đường lối của Đảng

- 5.3.2 Xây dựng khởi đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng
- 5.3.3 Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

Chương 6

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI

5 tiết (LT)

- 6.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa**
- 6.1.1 Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác
- 6.1.1.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa
- 6.1.1.2 Quan niệm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác
- 6.1.2 Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa
- 6.1.2.1 Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng
- 6.1.2.2 Văn hóa là một mặt trận
- 6.1.2.3 Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân
- 6.1.3 Quan niệm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

- 6.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức**
- 6.2.1 Quan niệm về vai trò, sức mạnh của đạo đức
- 6.2.1.1 Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng
- 6.2.1.2 Đạo đức là nhân tố tạo nên sự hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội
- 6.2.2 Quan niệm về chuẩn mực đạo đức cách mạng
- 6.2.2.1 Trung với nước, hiếu với dân
- 6.2.2.2 Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
- 6.2.2.3 Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa
- 6.2.2.4 Tinh thần quốc tế trong sáng
- 6.2.3 Quan niệm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng
- 6.2.3.1 Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức
- 6.2.3.2 Xây đi đôi với chống
- 6.2.3.3 Tu dưỡng đạo đức suốt đời

- 6.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người**
- 6.3.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người
- 6.3.2 Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người
- 6.3.3 Quan niệm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người
- 6.4 Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh**
- 6.4.1 Xây dựng và phát triển văn hóa, con người
- 6.4.2 Về xây dựng đạo đức cách mạng

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc:

- Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh (2019), Bài giảng môn tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

8.2. Học liệu tham khảo

- Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ giáo dục và đào tạo tổ chức biên soạn
 - Nguyễn Trường Cảnh (2016), Tư tưởng Hồ Chí Minh về những đặc trưng chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới, Nxb Khoa học Kỹ thuật

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tin chỉ 1				Tin chỉ 2					
	Lên lớp		Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập	Thảo luận	Thảo luận nhóm	Tự nghiên cứu	Lên lớp	Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập	Thảo luận	Thảo luận nhóm	Tự nghiên cứu
	Lý thuyết	Bài tập											
Chương 1: Khai niệm, Đối tượng, phương pháp, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	1	3	6	0	0	0	1	3	6	0
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	0	0	1	7	12	0	0	0	1	7	12	0
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	9	0	0	3	15	27	0	0	0	3	15	27	0
Tin chỉ 2													
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của dân, do dân, vì dân	7			2	12	21				2	12	21	
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	3			1	5	9				1	5	9	
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức con	5			2	8	15				2	8	15	

người									
Tổng cộng	30	0							

9.2 Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên	Mục tiêu
1	<p>Chương 1</p> <p>KHAI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1.1 Khai niệm tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.2 Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.3 Phương pháp nghiên cứu</p> <p>1.3.1 Phần pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.3.2 Thông nhất tính Đảng và tính khoa học</p> <p>1.3.3 Thông nhất lý luận và thực tiễn</p> <p>1.3.4 Quan điểm lịch sử - cụ thể</p> <p>1.3.5 Quan điểm toàn diện và hệ thống</p> <p>1.3.6 Quan điểm kế thừa và phát triển</p> <p>1.3.7 Một số phương pháp cụ thể</p> <p>1.4 Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.4.1 Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận</p> <p>1.4.2 Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, cũng cố niềm tin khoa học gắn liền với trao đổi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước</p> <p>1.4.3 Xây dựng, rèn luyện phương pháp và cách công tác</p>	Lý thuyết	2	<p>1.4 Nghiên cứu trả lời câu hỏi: Định nghĩa và đối tượng nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Đọc 1.1; 1.2; 1.3;</p>	CLO1 CLO2 CLO3

<p>Chương 2</p> <p>CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>2.1 Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.1.1 Cơ sở thực tiễn</p> <p>2.1.1.1 Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</p> <p>2.1.1.2 Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</p> <p>2.1.2 Cơ sở lý luận</p> <p>2.1.2.1 Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam</p> <p>2.1.2.2 Tinh hoa văn hóa nhân loại</p> <p>2.1.2.3 Chủ nghĩa Mác – Lênin</p> <p>2.1.3 Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</p> <p>2.1.3.1 Phẩm chất Hồ Chí Minh</p> <p>2.1.3.2 Tài năng hoạt động, xông kết thực tiễn phát triển lý luận</p>	<p>Độc 2.1.1 Nghiên cứu và trả lời vai trò của bối cảnh thực tiễn đối với sự hình thành TT Hồ Chí Minh</p> <p>Độc 2.1.2; 2.1.3 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về yêu tố quyết định hình thành đến nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh</p>	<p>2</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>Tư học, lý luận và thảo luận</p>	<p>8</p>	<p>Độc 1.4;</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p>
	<p>2.2 Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.2.1 Thời kỳ trước 5-6- 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm con đường cứu nước mới.</p> <p>2.2.2 Thời kỳ từ cuối 1920 đến đầu năm 1930: Dẫn dắt hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản</p>	<p>Độc 2.2 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi thời kỳ nào là quan trọng nhất</p>					

<p>đôi với sự hình thành TT Hồ Chí Minh ? Vì sao ?</p> <p>Độc 2.3 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi TT Hồ Chí Minh đã có những tác động và ảnh hưởng gì đối với phong trào cách mạng thế giới</p>		2	<p>2.2.3 Thời kỳ từ đầu 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sông gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng dùng dân, sáng tạo 2.2.4 Thời kỳ từ đầu 1941 đến tháng 9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta</p> <p>2.3 Gia trị tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.3.1 Đối với cách mạng Việt Nam</p> <p>2.3.1.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam để hàng lợi và bãi đầu xã dựng xã hội mới trên đất nước ta</p> <p>2.3.1.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay</p> <p>2.3.2 Đối với sự phát triển và tiến bộ của nhân loại</p> <p>2.3.2.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển thế giới</p>	2
<p>Độc 3.1 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: quan điểm của chủ nghĩa Mác</p>		2	<p>Chương 3</p> <p>TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ</p>	Lý thuyết

<p>– Lenin về dân tộc và giải cấp</p>	<p>Độc 2.1.3; 2.2.2</p>	<p>8</p>	<p>3.1.1 Văn đề độc lập dân tộc 3.1.1.1 Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc 3.1.1.2 Độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân 3.1.1.3 Độc lập dân tộc là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để 3.1.1.4 Độc lập dân tộc gắn liền với thông nhất và toàn vẹn lãnh thổ</p>	<p>3.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.1.1 Văn đề độc lập dân tộc 3.1.1.1 Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc 3.1.1.2 Độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân 3.1.1.3 Độc lập dân tộc là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để 3.1.1.4 Độc lập dân tộc gắn liền với thông nhất và toàn vẹn lãnh thổ</p> <p>Tự học, tự NC và thảo luận nhóm</p>
<p>CL01 CL02 CL03</p>	<p>Độc 3.2.1 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: những sáng tạo trong TT Hồ Chí Minh về các màng giải phóng dân tộc</p>	<p>4</p>	<p>3.1.2 Về cách mạng giải phóng dân tộc 3.1.2.1 Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản 3.1.2.2 Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Công Lý thuyết sản lãnh đạo 3.1.2.3 Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công- nông làm nền tảng 3.1.2.4 Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô</p>	<p>3 3</p>

<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>	<p>Độc 3.2.1 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi Những quan niệm của Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam</p>	<p>Độc 3.1.2; 3.2.1.2</p>	<p>Tự học, tự NC và thảo luận nhóm</p>	<p>3.2.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1.1 Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.1.2 Tiên lên chủ nghĩa xã hội là một yêu khách quan 3.2.1.3 Một số đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội</p> <p>- Những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải tự NC và thảo luận - Tinh tất yếu của việc đi lên CNXH ở Việt Nam</p>	<p>3.2.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.2.1 Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.2.2 Độc lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3.1 Tinh chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ 3.2.3.2 Một số nguyên tắc về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ 3.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.3.1 Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã</p>	<p>Độc 3.2.2; 3.2.3 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	<p>3</p>	<p>Ly thuyết</p>	<p>4</p>
-------------------------------	---	---------------------------	--	--	--	--	----------	------------------	----------

<p>Độc 3.3 Trả lời câu hỏi về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và CNXH ở Việt Nam</p>	<p>Độc 3.4 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Vấn đề dân tộc và tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay cần phải được thực hiện như thế nào</p>
<p>Độc 4.1.1; 4.1.2 trả lời câu hỏi về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam</p>	<p>Độc 4.1.1; 4.1.2 trả lời câu hỏi về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam</p>
<p>Độc 4.1.1 Tinh tầt yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng</p>	<p>Độc 4.1.1 Tinh tầt yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng</p>
<p>Độc 4.1.1 Tinh tầt yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng</p>	<p>Độc 4.1.1 Tinh tầt yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng</p>

<p>Đảng và xây dựng Nhà nước</p> <p>4.3.1 Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>4.3.2 Xây dựng Nhà nước</p>	<p>Chương 5</p> <p>TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</p> <p>5.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.1 Vai trò của đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.1.1 Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.</p> <p>5.1.1.2 Đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam</p> <p>5.1.2 Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.2.1 Chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.2.2 Nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.3 Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.4 Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p>5.1.4.1 Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p>5.1.4.2 Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p>5.1.5 Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.1 Sự cần thiết phải đoàn kết</p>	<p>Đảng và xây dựng Nhà nước</p> <p>4.3.1 Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>4.3.2 Xây dựng Nhà nước</p>	<p>Đảng và xây dựng Nhà nước</p> <p>4.3.1 Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>4.3.2 Xây dựng Nhà nước</p>
<p>hỏi: việc vận dụng TT Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và Nhà nước cần thực hiện như thế nào</p>	<p>Độc 5.1.1; 5.1.2; 5.1.5 Nghiên cứu và trả lời các câu hỏi: Sự cần thiết, lực lượng, phương pháp tiến hành thực hiện khối đại đoàn kết dân tộc</p>	<p>Ly thuyết</p> <p>2</p>	<p>Độc 5.1.1; 5.1.2; 5.1.5 Nghiên cứu và trả lời các câu hỏi: Sự cần thiết, lực lượng, phương pháp tiến hành thực hiện khối đại đoàn kết dân tộc</p>

	<p>Độc 5.2 Nghiên cứu và trả lời các câu hỏi: Sự cần thiết, lực lượng, phương pháp tiến hành thực hiện khối đoàn kết quốc tế</p>	<p>Độc: 5.2</p>	<p>Tự học, tự NC và thảo luận nhóm</p>	<p>Quốc tế 5.2.1.1 Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam 5.2.1.2 Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại 5.2.2 Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 5.2.2.1 Các lực lượng cần đoàn kết 5.2.2.2 Hình thức tổ chức 5.2.3 Nguyên tắc đoàn kết quốc tế 5.2.3.1 Đoàn kết trên cơ sở 5.2.3.1 Đoàn kết trên cơ sở 5.2.3.2 Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ</p>	<p>Chương 5 TỰ TƯỜNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ (tiếp) 5.3 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay 5.2.4 Quan triết tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương đường lối của</p>	<p>Độc 5.3 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Việc vận dụng TT HCM vào xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế cần được thực hiện như thế nào</p>
		<p>1</p>	<p>Ly thuyết</p>			

<p>đức đối với con người, Các chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức mà con người cần phải rèn luyện</p>	<p>Hồ Chí Minh Toàn tập: T5,6,7</p>
	<p>Tư học, luận nhóm</p>
<p>tạo nên sự hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội 6.2.2 Quan điểm về chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.2.1 Trung với nước, hiếu với dân 6.2.2.2 Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư 6.2.2.3 Thuong yêu con người, sống có tình có nghĩa 6.2.2.4 Tinh thần quốc tế trong sáng 6.2.3 Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.2.3.1 Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức 6.2.3.2 Xây đi đôi với chống 6.2.3.3 Tu dưỡng đạo đức suốt đời</p>	<p>Tác phẩm: Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân</p>

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức từ học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.
- Bài tập cá nhân: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm qua trình và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, đúng quy cách theo yêu cầu của giảng viên;
- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm trong quá trình tự học, tự nghiên cứu môn học

10. Quy định của học phần đối với người học

CLO1 CLO2 CLO3	Đọc 6.3.2 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi: Quan điểm của Hồ Chí Minh về con người, vai trò của con người	2	Lý thuyết	Tự học, tự NC và thảo luận nhóm	Đọc 6.3; 6.4
	Đọc 6.4 Nghiên cứu và trả lời câu hỏi Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tầm gương đạo đức Hồ Chí Minh				
8	<p>6.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người</p> <p>6.3.1 Quan điểm của Hồ Chí Minh về con người</p> <p>6.3.2 Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người</p> <p>6.3.3 Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người</p> <p>6.4 Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>6.4.1 Xây dựng và phát triển văn hóa, con người</p> <p>6.4.2 Về xây dựng đạo đức cách mạng</p>				

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy khái niệm, nguồn gốc, qua trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về Đảng công sản, về nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới...	CLO1; CLO2; CLO3
Tự học, tự NC và thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm	Rèn luyện kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề và xây dựng tư duy độc lập, sáng tạo cho sinh viên trong việc vận dụng lý luận vào giải quyết những vấn đề thực tiễn của xã hội	CLO1; CLO2; CLO3
luận	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và tách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO1; CLO2; CLO3

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- Nội dung:
 - + Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)
- Hình thức đánh giá - Thang điểm chấm là 10, trong đó:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ: chấm từ 0 điểm đến 6 điểm (trong đó SV nghỉ học không lý do cứ 1 tiết trừ 0,25 điểm);

+ Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên. Chấm từ 0 điểm đến 2 điểm;
+ Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..). Chấm từ 0 điểm đến 2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các vấn đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin;

- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức, tính chính xác và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Trình bày khung lý thuyết của bài tập;

+ Liên hệ thực tế vấn đề tìm hiểu trên cơ sở khung lý thuyết.

- Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:

+ Trình bày khung lý thuyết của bài tập: chấm từ 0 điểm đến 4 điểm;

+ Liên hệ thực tế vấn đề tìm hiểu trên cơ sở khung lý thuyết: chấm từ 0 điểm đến 6 điểm

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát;

- Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được khung lý thuyết của câu hỏi thi.

Trên cơ sở khung lý thuyết sinh viên phải lý giải, phân tích được các luận điểm hoặc liên hệ được với vấn đề thực tiễn hiện nay.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi;

+ Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi.

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian

75 phút hoặc 90 phút. Trong đó:

+ Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi: chấm từ 0 điểm đến 4 điểm;

+ Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi: chấm từ 0

điểm đến 6 điểm.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dung thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trong số các điểm thành phần như sau:

Thành phần danh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần		
		Đánh giá quá	Chuyên cần	25
			Bài tập cá nhân	25
Thi kết thúc học phần		50		
		CLO1; CLO2; CLO3		
		CLO1; CLO2; CLO3		

iv) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Hiện diện trên lớp	60	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia >80% buổi học	
Tích cực	40	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khả tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi	It tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	

v) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện	
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng >50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	

vi) Rubric đánh giá thi KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Mức chất lượng						

Viết đúng lý thuyết	60	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Giải bài tập hoặc liên hệ (phụ thuộc vào câu hỏi thi)	40	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng >50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Không đúng nội dung kiến thức
---------------------	----	--	--	---	---	---	----	---	---	-------------------------------

12. Ngày hoàn thành đề cương: 5/8/2022

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Trường Canh

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Lê Cao Vinh

GIẢNG VIÊN

THS. Hoàng Thị Giang

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DẪN HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: SINH VIÊN KHỐI KHÔNG CHUYÊN NGÀNH
MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
(Vietnam Communist Party History)

1. Thông tin về Giảng viên

- 1.1. Giảng viên 1:
- Họ và tên: Lê Cao Vinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ, Trưởng Bộ môn Lịch sử Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Email, điện thoại: lecaovinhspkthuy@gmail.com. 0979139568
- 1.2. Giảng viên 2:
- Họ và tên: Nguyễn Trường Cảnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ, Trưởng Khoa Lý luận chính trị
- Email, điện thoại cơ quan: truongcảnhduong@gmail.com - 03213713083

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Lê Đình Dương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: napoleduong@gmail.com, điện thoại cơ quan: 0963692996

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Đỗ Thị Thanh Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: huyendo3010@gmail.com, điện thoại: 09866687607

1.5. Giảng viên: 5

- Họ và tên: Lê Thị Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lethuy.lct@gmail.com, điện thoại: 0973366986

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: nguyennangan88llct@gmail.com, điện thoại: 0978097288

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2.2. Mã số: 911409

2.3. Khối lượng: 2TC

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

HD dạy học	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự nghiên cứu và thảo luận	Tiết/Giờ thực hiện	
			30	60
				90

2.5. Học phần: Bất buộc

2.6. Điều kiện học phần

- Sinh viên phải học xong môn Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên các ngành

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý Luận Chính trị.

3. Mô tả học phần

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học nằm trong các môn Lý luận chính trị thuộc khối các môn kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng các chuyên ngành. Môn học này giới thiệu về quá trình lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng như những chủ trương, đường lối mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong thực tiễn quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

4. Mục tiêu của học phần

Kết thúc học phần này sinh viên có thể:

4.1 Kiến thức:

CO1: Cung cấp những tri thức cơ bản về hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước qua độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)

4.2 Kỹ năng:

CO2: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

4.3 Thái độ:

CO3: Thông qua các sự kiện lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào Đảng

4.4. Mục độ tự chủ và trách nhiệm

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTĐT															
		Lịch sử Đảng	Đảng	công sản			Đảng				Nam Việt						
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10	PL011	PL012	PL013	PL014	PL015	
911409		3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

7. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng sản Việt Nam

2 tiết (LT)

1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng sản Việt Nam

1.1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.1.2. Phạm vi nghiên cứu môn học

1.2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học lịch sử Đảng sản Việt Nam

1.2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng

1.2.2. Nhiệm vụ của môn học

1.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học lịch sử Đảng sản Việt Nam

1.3.1. Phương pháp luận

1.3.2. Các phương pháp cụ thể

Chương 2: Đảng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

6 tiết (LT)

2.1. Đảng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)

2.1.1. Bối cảnh lịch sử

2.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

2.1.3. Thành lập Đảng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

2.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng sản Việt Nam

2.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

- 2.2.1 Phong trào cách mạng 1930-1931 và khởi phục phong trào 1932-1935
- 2.2.2 Phong trào dân chủ 1936-1939
- 2.2.3 Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945
- 2.2.4 Tinh thần, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

Chương 3: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)

7 tiết (LT)

- 3.1 Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)
 - 3.1.1 Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946
 - 3.1.2 Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946-1950
 - 3.1.3 Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến tháng 10/1954
 - 3.1.4 Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ
- 3.2 Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)
 - 3.2.1 Lãnh đạo cách mạng hai miền giải phóng 1954 - 1965
 - 3.2.2 Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975
 - 3.2.3 Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975

Chương 4: Đảng lãnh đạo cả nước qua độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

12 tiết (LT)

- 4.1 Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975-1986)

- 4.1.1 Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981
- 4.1.2 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986

- 4.2 Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)

- 4.2.1 Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996
- 4.2.2 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-2018
- 4.2.3 Thành tựu và kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

Chương 5: Tổng kết

3 tiết (LT)

- 5.1 Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam**
- 5.1.1 Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- 5.1.2 Thắng lợi của các cuộc kháng chiến anh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc
- 5.1.3 Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước qua độ lên chủ nghĩa xã hội
- 5.2 Những bài học lời về sự lãnh đạo của Đảng**
- 5.2.1 Năm vùng ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
- 5.2.2 Sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân và vì dân
- 5.2.3 Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế
- 5.2.4 Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế
- 5.2.5 Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

- 8.1. Học liệu bài buổi
- Khoa Lý luận chính trị (2019), Tập bài giảng Lịch Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại học SPKT Hưng Yên
- 8.2. Học liệu tham khảo
- Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Lên lớp		Thực hành/Thi nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Thảo luận	Tự học, tự NC	Tổng số
	Lý thuyết	Bài tập					
	Hình thức tổ chức dạy học						
Chương 1: Đồi tuồng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0				4	6
Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền 1930-1945	6	2				10	18
Chương 3: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải	7	3				11	21

Tin chỉ 1

CLO1; CLO2; CLO3	4	Tự học, tự NC và	<p>- Đặc điểm, tính chất, kinh nghiệm và ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng 1930-1945</p> <p>* Bài tập: vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc 1930-1945</p>	CLO1; CLO2; CLO3	4	Đọc 2.2.4 để trả lời câu hỏi: những bài học kinh nghiệm quý giá trong CM Tháng 8/1945 là gì	CLO1; CLO2; CLO3	4	Tự học, tự NC và	<p>2.2.3 Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945</p> <p>2.2.4 Tinh thần, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945</p> <p>* Bài tập: vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc 1930-1945</p>
	2	Lý thuyết	<p>2.2.1 Phong trào cách mạng 1930-1931 và khởi phục 1932-1935</p> <p>2.2.2 Phong trào dân chủ 1936-1939</p> <p>* Bài tập: Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử Cuong Lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p>		4	Đọc 2.2.2 để thấy được đường lối của Đảng ta trong giai đoạn này		4	Tự học, tự NC và	<p>- Phong trào dân chủ 1936-1939</p>
CLO1; CLO2; CLO3	3	Lý thuyết	<p>* Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) (tiếp)</p> <p>2.2 Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p> <p>2.2.1 Phong trào cách mạng 1930-1931 và khởi phục 1932-1935</p> <p>2.2.2 Phong trào dân chủ 1936-1939</p> <p>* Bài tập: Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử Cuong Lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p>	CLO1; CLO2; CLO3	2	<p>Đọc 2.2.1 để trả lời câu hỏi phong trào cách mạng 30-31 và những hạn chế của luận cương CT</p> <p>- Đọc 2.2.2 trả lời câu hỏi: chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng trong những năm 1939-1945 là gì</p>	CLO1; CLO2; CLO3	2	Lý thuyết	<p>2.2.1 Phong trào cách mạng 1930-1931 và khởi phục 1932-1935</p> <p>2.2.2 Phong trào dân chủ 1936-1939</p> <p>* Bài tập: Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử Cuong Lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p>
			4		Tự học, tự NC và	<p>Hành trình Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lê nin và tìm ra con đường cứu nước</p>		4	<p>Đọc 2.1.1, 2.1.2; để thấy được qua trình Nguyễn Ái Quốc khảo sát, tìm tòi khoa nghiệm con đường cứu nước</p>	4

9	4.1.1.2 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và qua trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981 * Bài tập: Hoàn cảnh và những nội dung chính qua Đại hội IV (1976)	Li thuyết	2	Đọc 4.1.1.2, để thấy được đường lối của Đảng đề ra tại ĐH IV (1976)	CLO1; CLO2; CLO3.
	Thực hiện thành tựu đạt được sau khi thực hiện Nghị quyết ĐH IV	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 4.1.1.2	
8	4.1 Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975-1986) 4.1.1 Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 4.1.1.1 Hoàn thành thông nhất đất nước về mặt nhà nước	Li thuyết	1	Đọc 4.1.1.1, để thấy được đường lối của Đảng đề ra để thực hiện việc thông nhất đất nước về mặt nhà nước	CLO1; CLO2; CLO3
	Chương 4: Đảng lãnh đạo cả nước qua độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ 1975 đến nay)				
	3.2.3 Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975	Li thuyết	1	Đọc 3.2.3 để thấy được Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	
	Qua trình xây dựng CNXH trên cả nước và qua trình tìm con đường đổi mới đất nước	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 4.1.1.1 để thấy được quá trình xây dựng và CNXH trên cả nước và quá trình tìm con đường đổi mới đất nước	
7	3.2.1 Lãnh đạo cách mạng hai miền giải đoàn 1954 - 1965 3.2.2 Lãnh đạo cách mạng cả nước giải đoàn 1965-1975 * Bài tập: Sự phát triển đường lối và khai quật quá trình chỉ đạo thực hiện đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975				
	Cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả đạt được ở miền Bắc 1954-1975	Tự học, tự NC và thảo luận	4	Đọc 3.2 để thấy được những thành quả trong xây dựng CNXH ở miền Bắc	

CLO1; CLO2; CLO3	Độc 4.1.2 để thấy được đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước thông qua nội dung DH V; đôn thời chỉ ra được những hạn chế về đường lối trong giai đoạn này	Độc 4.1.2.2 để chỉ ra các bước đột phá của Đảng về cơ cấu sản xuất, về cải tạo xã hội, cơ chế quản lý...	Lý thuyết	Tự học, thảo luận	4	Độc 4.2.1, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	CLO1; CLO2; CLO3
	Độc 4.1.2.2 để chỉ ra các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế của Đảng giai đoạn 1982-1986	Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế của Đảng giai đoạn 1982-1986	Lý thuyết	Tự học, thảo luận	4	Độc 4.2.1, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	
CLO1; CLO2; CLO3	Độc 4.1.2.1 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và qua trình thực hiện nghị quyết DH và qua trình thực hiện	Độc 4.1.2.2 Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế	Lý thuyết	Tự học, thảo luận	2	Độc 4.2.1, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	CLO1; CLO2; CLO3
	Độc 4.1.2.1 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và qua trình thực hiện nghị quyết DH và qua trình thực hiện	Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế của Đảng và qua trình thực hiện	Lý thuyết	Tự học, thảo luận	4	Độc 4.2.1, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	
CLO1; CLO2; CLO3	Độc 4.2.1 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và quốc lộ đầu thực hiện	Độc 4.2.1, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	Lý thuyết	Tự học, thảo luận	2	Độc 4.2.2, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	CLO1; CLO2; CLO3
	Độc 4.2.1 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và quốc lộ đầu thực hiện	Độc 4.2.1, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	Lý thuyết	Tự học, thảo luận	4	Độc 4.2.1, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	
12	Độc 4.2.2 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ 1996 đến nay)	Độc 4.2.1 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và quốc lộ đầu thực hiện	Lý thuyết	Tự học, thảo luận	2	Độc 4.2.2, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	CLO1; CLO2; CLO3
	Độc 4.2.2 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX tiếp tục thực hiện CNH, HDH	Độc 4.2.2, để thấy đường lối đổi mới toàn diện đất nước trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế	Lý thuyết	Tự học, thảo luận	4	Độc 4.2.2.1 để thấy được nội dung nghị quyết về phát triển giáo dục - đào tạo	

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

11. Phương pháp và hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.
- Bài tập cá nhân: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm qua trình và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, dùng quy cách theo yêu cầu của giảng viên;
- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

10. Quy định của học phần đối với người học

15	lãnh đạo của Đảng 5.2.1 Năm vùng ngọn cờ đỏ lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 5.2.2 Sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân và vì dân 5.2.3 Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế 5.2.4 Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế 5.2.5 Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam * Bài tập: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam hàng đầu cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam	Tự học, tự NC	4	Đọc 5.2 để thấy được vai trò quan trọng của Đảng trong lãnh đạo cách mạng	Phổ biến yêu cầu và cách thức đánh giá kết thúc học phần (Thời gian đánh giá: theo lịch của Trường)
				Đọc 5.2 để thấy được những bài học to lớn mà cách mạng Việt Nam đã rút ra được trong thực tiễn CM VN dưới sự lãnh đạo của Đảng	

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CDR của học phần
Loại thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy các nội dung lí thuyết liên quan đến lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam như: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và đường lối đấu tranh giành chính quyền; đường lối của Đảng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; Đảng lãnh đạo cả nước qua độ lên CNXH...	CLO1; CLO2; CLO3
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Rèn luyện kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề thực tiễn của đất nước cho sinh viên.	CLO1; CLO2; CLO3
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và tách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO1; CLO2; CLO3

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- Nội dung:
 - + Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;

+ Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..)
 - Hình thức danh gia - Thang điểm chấm là 10, trong đó:

+ Tham gia học trên lớp đầy đủ: chấm từ 0 điểm đến 6 điểm (trong đó SV nghỉ học không lý do cứ 1 tiết trừ 0,25 điểm);
 + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên. Chấm từ 0 điểm đến 2 điểm;
 + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..). Chấm từ 0 điểm đến 2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các văn đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin;

- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức, tính thẩm mỹ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Trình bày khung lý thuyết của bài tập;

+ Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết.

- Hình thức danh gia: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:

+ Trình bày khung lý thuyết của bài tập: chấm từ 0 điểm đến 6 điểm;

+ Liên hệ thực tiễn trên cơ sở khung lý thuyết: chấm từ 0 điểm đến 4 điểm

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát;

- Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được khung lý thuyết của câu hỏi thi. Trên cơ sở khung lý thuyết sinh viên phải lý giải, phân tích được các luận điểm hoặc liên hệ được với văn đề thực tiễn hiện nay.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi;

+ Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi.

- Hình thức danh gia: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian 75 phút hoặc 90 phút. Trong đó:

+ Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi: chấm từ 0 điểm đến 6 điểm;

+ Phần tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi: chấm từ 0 điểm đến 4 điểm.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Thi kết thúc học phần	
		Chuyên cần	Bài tập cá nhân
Chuyên cần	25	CL01; CL02; CL03	
Bài tập cá nhân	25	CL01; CL02; CL03	
	50	CL01; CL02; CL03	

vii) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Hiện diện	60	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học
Tích cực	40	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khả tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

viii) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5

ix) Rubric đánh giá thi KTHP

Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp Mùn	Bài do người khác thực hiện
		Đủ số bài yêu cầu kiến thức	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70%-80% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng >50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu

Mức chất lượng	Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm
			Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức	
			Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	
			Giải bài tập hoặc liên hệ (phụ thuộc vào câu hỏi thi)	40	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	

12. Ngày hoàn thành đề cương 05/08/2022

TRƯỜNG KHOA
TS. Nguyễn Trường Cảnh

TRƯỜNG BỘ MÔN
TS. Lê Cao Vinh

GIẢNG VIÊN
THS. Lê Thị Thủy

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: Sinh viên các ngành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học
(Scientific socialism)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Cao Xuân Sang. Điện thoại: 0912240980

- Chức danh, học hàm, học vị: P. Trưởng bộ môn Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: caoxuansang0912240980@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Bùi Văn Hà. Điện thoại: 0988716816

- Chức danh, học hàm, học vị: P. Trưởng khoa LLCT, Thạc sĩ

- Email: Buivanha67@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Trương Mạnh Dũng. Điện thoại: 0975100568

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: tuongmanhdung@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Phan Thị Huệ. Điện thoại: 0388990636

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email: phanhue79@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Bình. Điện thoại: 0919181983

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email: thanhbinh7783@gmail.com. Điện thoại cơ quan: 03213713083

1.13. Giảng viên 13:

- Email: honghanhcdcnyh@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Họ và tên: Luyên Thị Hồng Hạnh. Điện thoại: 0981081981

1.12. Giảng viên 12:

- Email: vuthuydhspskthy@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Họ và tên: Vũ Thị Thủy. Điện thoại: 0934271086

1.11. Giảng viên 11:

- Email: binhtraman@yahoo.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Họ và tên: Trần An Bình. Điện thoại: 0913327833

1.10. Giảng viên 10:

- Email: Nguyenthiqu@yahoo.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Họ và tên: Nguyễn thị Quê. Điện thoại: 0974403296

1.9. Giảng viên 9:

- Email: lethithomllct@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Họ và tên: Nguyễn Thị Thom. Điện thoại: 0974398938

1.8. Giảng viên 8:

- Email: ngthitcoann@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Họ và tên: Nguyễn thị Toan. Điện thoại: 0988849008

1.7. Giảng viên 7:

- Email: phamhuanllct@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Họ và tên: Phạm Thị Nhuận. Điện thoại: 0974923459

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lê Hương. Điện thoại: 0394047896

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: lehuonglct@gmail.com, Điện thoại cơ quan: 03213713083

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: CNXHKKH

2.2. Mã số: 911302

2.3. Khối lượng: 2 tín chỉ

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học	Thời gian	Tiết/Giờ thực hiện		
		30	60	90
Lý thuyết				
Tự học, tự nghiên cứu				
Tổng số giờ				

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Bỏ trí học kỳ I năm thứ hai trình độ đào tạo đại học, cao

đang khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; là môn học thứ ba

của chương trình các môn Lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

- Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin.

- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên các ngành

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý luận Chính trị

3. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương, bao gồm: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa

học; Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên

chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã

hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội;

Văn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Văn đề gia đình

trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học:

*** Kiến thức:**

CO1: Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội

khóa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.

*** Kỹ năng:**

CO2: Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng

các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất

nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

*** Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

CO3: Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXH KH

nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mức tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần	CBR của CTĐT
	HP	(Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	
		Kiến thức	
CO1	CLO1	Lập luận và giải thích được một số vấn đề liên quan đến Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	PL01
		Kỹ năng	
CO2	CLO2	Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	PL02

		nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.
	Mức tự chủ và trách nhiệm	
CO3	CL03	Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXH KH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung, đồng thời vững tin, tự giác, phấn đấu lao động học tập và công hiến theo ngọn cờ của giai cấp công nhân, của Đảng cộng sản Việt Nam.

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã Tên	HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTĐT									
		Chủ nghĩa xã hội	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09
911302		3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	học	PL011	PL012	PL013	PL014	PL015					
	khoa										
	học	0	0	0	0	1					

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học

4 Tiết

- I. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học
 1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học
 - a. Điều kiện kinh tế - xã hội
 - b. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận
 2. Vai trò của Các Mác và Ph. Ăngghen
 - a. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị
 - b. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen
 - c. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học
 - II. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học
 1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXH KH

1. Thời kỳ từ năm 1848 đến công xã Paris (1871)
 - a. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga
 - b. Thời kỳ sau Công xã Paris đến năm 1895
 2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXH KH trong điều kiện mới
 - a. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga
 - b. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đến năm 1924
 3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo CNXH KH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay
 - a. Thời kỳ từ năm 1924 đến trước năm 1991
 - b. Từ năm 1991 đến nay
 - III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH KH
 1. Đối tượng nghiên cứu CNXH KH
 2. Phương pháp nghiên cứu của CNXH KH
 3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của CNXH KH
 - a. Về mặt lý luận
 - b. Về mặt thực tiễn
- BÀI TẬP CHƯƠNG 1
- Câu 1: Phân tích các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay?
 - Câu 2: Phân tích đối tượng, phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học? Suy nghĩ và nhận thức của anh/chị về việc học tập môn học này?
 - Câu 3: Phân tích đối tượng, phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học? So sánh với đối tượng của triết học?
 - Câu 4: Phân tích những đóng góp về lý luận chính trị - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam qua 35 năm đổi mới?

Chương 2: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
5 tiết

1. Quan niệm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
 1. Khai niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân
 - a. Khai niệm giai cấp công nhân
 - b. Đặc điểm của giai cấp công nhân
 2. Nội dung sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
 3. Những điều kiện quy định và thực hiện sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
 - a. Điều kiện khách quan quy định sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
 - b. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sự mệnh lịch sử
- II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay
 1. Giai cấp công nhân hiện nay

a. Về những điểm tương đối ổn định so với thế kỷ XIX

b. Nhưng biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại

2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của cấp công nhân trên thế giới hiện nay

a. Nội dung kinh tế

b. Nội dung chính trị - xã hội

c. Nội dung văn hóa, tư tưởng

III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của cấp công nhân Việt Nam hiện nay

a. Nội dung kinh tế

b. Nội dung chính trị - xã hội

c. Nội dung văn hóa, tư tưởng

3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

a. Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

b. Một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

BÀI TẬP CHƯƠNG 2

Câu 1: Trình bày quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? Nội dung sứ mệnh cấp

công nhân Việt Nam hiện nay?

Câu 2: Phân tích những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ

mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề trên đối với

nước ta hiện nay?

Câu 3: Giai cấp công nhân là gì? Hãy làm rõ sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của

giai cấp công nhân? Có ý kiến cho rằng trong điều kiện hiện nay, trí thức chủ không

phải GCCN mới là lực lượng tiên phong của cách mạng. Nếu quan điểm của anh chị

về vấn đề này?

Câu 4: Phân tích đặc điểm, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Việt nam hiện nay? Hãy chỉ ra phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây

dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

Câu 5: Giai cấp công nhân là gì? Hãy làm rõ sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của

giai cấp công nhân? Phân tích những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

đến giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?

I. Chủ nghĩa xã hội

1. CNXH, giai đoạn đầu hình thái kinh tế-xã hội CSCN

2. Điều kiện ra đời của CNXH

a. Điều kiện kinh tế

b. Điều kiện chính trị - xã hội

Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

04 tiết

- I. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa
 - a. Quan niệm về dân chủ
 - b. Sự ra đời và phát triển của dân chủ
 2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa
 - a. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
 - b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
 - II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa
 1. Sự ra đời, bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa
 - a. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa
 - b. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa
 - c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa
 2. Mọi quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa
 - a. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa
 - b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân
- III. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
 - I. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

05 tiết

Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa

- I. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa
 1. Đặc điểm qua đó lên CNXH ở Việt Nam là bỏ qua chế độ TBCN
 2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay
 - a. Những đặc trưng bản chất của CNXH ở Việt Nam
 - b. Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay
- III. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - a. Trên lĩnh vực kinh tế
 - b. Trên lĩnh vực chính trị
 - c. Trên lĩnh vực tư tưởng – văn hóa
 - d. Trên lĩnh vực xã hội
- II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
 1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH
 2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH
- Câu 1: Phân tích điều kiện ra đời và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội? Liên hệ với thực tiễn Việt Nam?
- Câu 2: Phân tích tính tất yếu, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? Liên hệ thực tiễn Việt Nam?
- Câu 3: Phân tích luận điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường đi lên của nước ta là sự phát triển qua đó lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa?

BÀI TẬP CHƯƠNG 3

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- III. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên

2. Xét từ góc độ kinh tế

1. Xét từ góc độ chính trị - xã hội

- II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

chủ nghĩa xã hội

2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên

b. Vị trí của cơ cấu – xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội

a. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội – giai cấp

1. Khái niệm và vị trí cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội

I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

04 tiết

quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ

Theo anh/chị, cần phải làm gì để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Câu 6: Hãy làm rõ đặc trưng và tính tất yếu của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Việt Nam?

Câu 5: Anh/chị hãy nêu và phân tích những thành tựu và hạn chế trong đời mới

ngành ở Việt Nam hiện nay?

Câu 4: Bàn chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa? Theo anh/chị,

ngành? Liên hệ với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

Câu 3: Anh/chị hãy làm rõ bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ

Liên hệ với bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

Câu 2: Anh/ chị hãy làm rõ khái niệm, bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa?

Việt Nam?

Câu 1: Hãy làm rõ quan niệm về dân chủ; sự ra đời và phát triển của dân chủ.

BÀI TẬP CHƯƠNG 4

b. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

a. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

ngành ở Việt Nam hiện nay

3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

b. Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Quan niệm về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

b. Bàn chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

III. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

b. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay

a. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

b. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

a. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo

II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

b. Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc

a. Đặc điểm dân tộc Việt Nam

3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

b. Công trình dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin

a. Hai xu hướng khác nhau của sự phát triển quần thể dân tộc

2. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc

1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc

I. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

04 tiết

Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

có khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân?

Câu 5: Làm rõ trách nhiệm của thanh niên, sinh viên trong việc góp phần củng cố khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân?

khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay?

lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường

Câu 4: Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ

các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội - giai cấp Việt Nam?

nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản nào. Phân tích vị trí, vai trò của

Câu 3: Cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ

hóa, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Liên hệ với Việt Nam?

giai cấp nào giữ vai trò chủ đạo, tiên phong trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại

Câu 2: Trong cơ cấu xã hội - giai cấp thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thì

giai cấp ở địa phương?

nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hãy dẫn chứng số liệu phân ảnh thực trạng cơ cấu xã hội -

Câu 1: Phân tích khái niệm cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ

BÀI TẬP CHƯƠNG 5

giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

b. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh

ở Việt Nam

a. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

a. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được

thiết lập và củng cố trên cơ sở công đồng quốc gia – dân tộc thông nhất

b. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng

truyền thống

c. Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh tác động đến đời sống

cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

a. Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết

toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của

cách mạng Việt Nam

b. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng

đồng quốc gia – dân tộc thông nhất, theo định hướng xã hội chủ nghĩa

c. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng,

tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh

chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị

BÀI TẬP CHƯƠNG 6

Câu 1: Phân tích nội dung Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung nào được coi là quan trọng nhất để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chủ thể thông nhất?

Câu 2: Anh, chị hãy nêu một số quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

Câu 3: Phân tích khái niệm dân tộc. Tại sao nói: giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam là yêu tố quan trọng nhất để có thể hội nhập thành công trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay?

Câu 4: Từ việc phân tích khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo. Anh, chị hãy liên hệ với sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, đưa ra và phê phán các hiện tượng mê tín dị đoan trong đời sống hiện nay?

Câu 5: Trình bày những quan điểm, tư tưởng, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo. Việt Nam có những tôn giáo lớn nào?

Câu 6: Phân tích mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo ở Việt Nam và ảnh hưởng của mối quan hệ đó đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc?

Chương 7: Văn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Khai niệm, vị trí và chức năng của gia đình

1. Khai niệm gia đình

2. Vị trí của gia đình trong xã hội

a. Gia đình là tế bào của xã hội

b. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hành phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên

c. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

3. Chức năng cơ bản của gia đình

a. Chức năng tái sản xuất ra con người

b. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục

c. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình

II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Cơ sở kinh tế - xã hội

2. Cơ sở chính trị - xã hội

3. Cơ sở văn hóa

4. Chế độ hôn nhân tiên bộ

III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình

a. Chức năng tái sản xuất ra con người

b. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

c. Chức năng giáo dục (xã hội hóa)

d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình

3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình

4. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời

kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

BÀI TẬP CHƯƠNG 7

Câu 1: Phân tích vị trí, chức năng của gia đình. Liên hệ với gia đình truyền thống Việt Nam?

Câu 2: Phân tích sự biến đổi các chức năng của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Lấy dẫn chứng?

Câu 3: Phân tích các chức năng xã hội cơ bản của gia đình. Là một thanh niên, anh chị cần và có thể làm gì để góp phần thực hiện các chức năng xã hội của gia đình mình?

Câu 4: Phân tích các phương hướng xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đưa ra những giải pháp xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay?

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc:

[1]. Khoa Lý luận chính trị (2021), Bài giảng môn CNXHKH, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội Khoa học* (Danh cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.2. Học liệu tham khảo

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội Khoa học* (Danh cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2006) *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*; NXB CTQG, Hà Nội

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Lên lớp		Thực hành/Thi nghiệm	Thực tập tại cơ sở nghiên cứu	Tổng số
	Lý thuyết	Bài tập			
Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	4				12
Chương 2: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	5				15
Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4				12
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà	2				6

<p>4.1; 4.2; 4.3 Nghiên cứu trả lời câu hỏi: Trình bày đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH?</p>	
<p>2</p>	<p>6</p>
<p>LI thuyết</p>	<p>Tự học, tự NC</p>
<p>2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXH KH trong điều kiện mới a. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga b. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đến năm 1924 3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo CNXH KH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay a. Thời kỳ từ năm 1924 đến trước năm 1991 b. Từ năm 1991 đến nay III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH 1. Đối tượng nghiên cứu CNXH KH 2. Phương pháp nghiên cứu của CNXH KH</p>	<p>triết học và lập trường chính trị b. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen c. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản danh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học II. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học I. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXH KH a. Thời kỳ từ năm 1848 đến công xã Paris (1871) b. Thời kỳ sau Công xã Paris đến năm 1895</p>

				3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của CNXH KH	
			Tự học, tự NC	Sự vận dụng và phát triển sáng tạo CNXH KH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay	
		6	II.3		
		2	Lý thuyết	Chương 2: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1. Quan niệm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1. Khai niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân a. Khai niệm giai cấp công nhân b. Đặc điểm của giai cấp công nhân 2. Nội dung sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4.1; 4.2; 4.3
		6	Tự học, tự NC	Lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	
		2	Lý thuyết	3. Những điều kiện quy định và thực hiện sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân a. Điều kiện khách quan quy định sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân b. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 1. Giai cấp công nhân hiện nay a. Về những điểm tương đối b. Những biến đổi và khác	4.1; 4.2; 4.3;
		2	Lý thuyết		4.1; 4.2; 4.3; đặt? giai cấp công nhân hiện nay biệt giữa giai cấp công nhân trong dòng và khác

<p>biết của giải cấp công nhân hiện đại</p> <p>2. Thực hiện sự mệnh lịch sử của cấp công nhân trên thế giới hiện nay</p> <p>a. Nội dung kinh tế</p> <p>b. Nội dung chính trị - xã hội</p> <p>c. Nội dung văn hóa, tư tưởng</p>	<p>Thực hiện sự mệnh lịch sử của cấp công nhân trên thế giới hiện nay</p>	
<p>III. Sự mệnh lịch sử của giải cấp công nhân Việt Nam</p> <p>1. Đặc điểm của giải cấp công nhân Việt Nam</p> <p>2. Nội dung sự mệnh lịch sử của cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p> <p>a. Nội dung kinh tế</p> <p>b. Nội dung chính trị - xã hội</p> <p>c. Nội dung văn hóa, tư tưởng</p> <p>3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giải cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p> <p>a. Phương hướng xây dựng giải cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p> <p>b. Một số giải pháp xây dựng giải cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p>	<p>Ly thuyết</p>	<p>2</p>
<p>5</p> <p>Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. CNXH, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội CSCN</p>	<p>4.1; 4.2; 4.3; Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về đặc điểm và nội dung sự mệnh lịch sử của giải cấp công nhân Việt Nam hiện nay?</p>	

	<p>4.1; 4.2; 4.3</p> <p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về dân chủ là gì và quan niệm về dân chủ, sự ra đời và phát triển của dân chủ?</p>	2	Lí thuyết	<p>2. Những đặc trưng của CNXH</p> <p>và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay</p> <p>a. Những đặc trưng bản chất của CNXH ở Việt Nam</p> <p>b. Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay</p> <p>Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>I. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ</p>		<p>4.1; 4.2; 4.3</p> <p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về tính tất yếu và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH?</p>	2	Tự học, tự NC	<p>2. Điều kiện ra đời của CNXH</p> <p>a. Điều kiện kinh tế</p> <p>b. Điều kiện chính trị - xã hội</p> <p>3. Những đặc trưng bản chất của CNXH</p> <p>II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>a. Trên lĩnh vực kinh tế</p> <p>b. Trên lĩnh vực chính trị</p> <p>c. Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa</p> <p>d. Trên lĩnh vực xã hội</p> <p>III. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>1. Đặc điểm qua độ lên CNXH ở Việt Nam là bỏ qua chế độ TBCN</p> <p>Những đặc trưng bản chất của CNXH</p>		<p>III.3</p>	6	Tự học, tự NC	<p>2. Điều kiện ra đời của CNXH hiện nay</p> <p>Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam</p>
		6	Tự học, tự NC				6	Tự học, tự NC				6	Tự học, tự NC	

	<p>quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?</p>	<p>III. 3</p>	<p>6</p>	<p>ở Việt Nam b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. hội chủ nghĩa ở Việt Nam. a. Quan niệm về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam b. Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay a. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay b. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa</p>			<p>Tự học, từ NC</p>	<p>Li thuyết</p>	<p>Chương 5: Cơ cấu xã hội - cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội I. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ qua độ lên chủ nghĩa xã hội 1. Khai niệm và vị trí cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội xã hội a. Khai niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp b. Vị trí của cơ cấu - xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội</p>		<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về Khai niệm và vị trí cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội?</p>	<p>2</p>		<p>10</p>
--	---	---------------	----------	--	--	--	--------------------------	------------------	--	--	---	----------	--	-----------

<p>2. Sự biến đổi cơ tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Xét từ góc độ chính trị - xã hội</p> <p>2. Xét từ góc độ kinh tế</p>	<p>Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>II. 1 II. 2</p>	<p>III. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>a. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>b. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	<p>6</p> <p>2</p> <p>III. 2. b</p>	<p>Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>
<p>4.1; 4.2; 4.3</p> <p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?</p>						

			tư NC	<p>dùng cơ cấu xã hội – giai cấp và tầng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>
<p>4.1; 4.2; 4.3</p>	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc; đặc điểm dân tộc Việt Nam; bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo?</p>	2	Lý thuyết	<p>Chương 6: Văn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Văn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc</p> <p>2. Chủ nghĩa Mác – Lênin về văn đề dân tộc</p> <p>a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển qun hệ dân tộc</p> <p>b. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin</p> <p>3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</p> <p>a. Đặc điểm dân tộc Việt Nam</p> <p>b. Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về văn đề dân tộc</p> <p>II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo</p> <p>a. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo</p> <p>b. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>

Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc	<p>2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay</p> <p>a. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>b. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay</p> <p>III. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>a. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở công đồng quốc gia – dân tộc thông nhất</p> <p>b. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống</p> <p>c. Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh tác động đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</p> <p>a. Tăng cường mối quan hệ</p>
Tự học	Lý thuyết
6	2
I. 3. b	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam; đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam?</p> <p>4.1; 4.2; 4.3</p>

<p>4.1; 4.2; 4.3</p>	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về khái niệm, vị trí của gia đình</p>	<p>2</p>	<p>Ly thuyết</p>	<p>Chương 7: Văn để gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình</p> <p>1. Khái niệm gia đình</p> <p>2. Vị trí của gia đình trong xã hội</p> <p>a. Gia đình là tế bào của xã hội</p> <p>b. Gia đình là tổ ấm, mang lại</p>
		<p>6</p>	<p>Từ học từ NC</p>	<p>tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, cũng có khi đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam</p> <p>b. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia – dân tộc thống nhất, theo định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>c. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dùng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.</p> <p>Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</p>

15	<p>4. Chế độ hôn nhân tiên bộ</p> <p>III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình</p>	2	Ly thuyết	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?</p>	4.1; 4.2; 4.3
	<p>các giá trị hành phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của môi trường thành viên</p> <p>c. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội</p> <p>3. Chức năng cơ bản của gia đình</p> <p>a. Chức năng tái sản xuất ra con người</p> <p>b. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục</p> <p>c. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng</p> <p>d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình</p> <p>II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>1. Cơ sở kinh tế - xã hội</p> <p>2. Cơ sở chính trị - xã hội</p> <p>3. Cơ sở văn hóa</p>	6	Tư học tự NC	<p>trong xã hội</p> <p>thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>Cơ sở xây dựng gia đình trong</p>	II.1 II.2 II.3

<p>CĐR của học phần</p>	<p>Mục đích sử dụng</p>	<p>Loại hình thực tập, chức DH</p>	<p>Loại học</p>
<p>CLO1; CLO2; CLO3</p>	<p>Dạy các khái niệm, các nội dung II thuyết liên quan đến Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ</p>	<p>Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại</p>	<p>Li thuyết</p>

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

11. Phương pháp và hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập

- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.
- Bài tập cá nhân: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm qua trình và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, dùng quy cách theo yêu cầu của giảng viên;
- Thảo luận: Câu hỏi thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.

10. Quy định của học phần đối với người học

		<p>6</p>	<p>Tự học</p>	<p>a. Chức năng tái sản xuất ra con người b. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng c. Chức năng giáo dục (xã hội hóa) d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tinh cảm gia đình 3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình 4. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>
	<p>III. 4</p>			<p>đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đình và phát triển gia đình đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>

		qua độ lên chủ nghĩa xã hội; Văn đề dẫn tộc và tồn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Văn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	hệ thống phương pháp, kĩ năng dạy học, thiết kế bài học ở nhà trường giáo dục nghề nghiệp
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Rèn luyện kĩ năng tư duy giải quyết vấn đề	CLO1; CLO2; CLO3
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO1; CLO2; CLO3

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức học tập của sinh viên
- Nội dung:
 - + Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;
 - + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;

- + Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..)
- Hình thức đánh giá - Tháng điểm chấm là 10, trong đó:
 - + Tham gia học trên lớp đầy đủ: 6 điểm;
 - + Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên: 2 điểm;

2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kĩ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các văn đề, kĩ năng thu thập và xử lí thông tin;
- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng thực, tính thẩm mĩ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập;

Hiện diện trên lớp		60	Tham gia >95% buổi	Tham gia 85-95%	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia >80% buổi
Tiêu chí	TY lệ	Tốt	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
		Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Diểm	
Mức chất lượng						

iv) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Chẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	25
	Bài tập cá nhân	25
Thi kết thúc học phần	50	CL01; CL02; CL03

Trong số các điểm thành phần như sau:

Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV không đủ điều kiện dự thi KTHP hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần. làm tròn đến một chữ số thập phân.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

điểm.

- + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi: 6 điểm.
- + Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi: 4 điểm;
- Hình thức đánh giá: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian 75 phút. Trong đó:
 - + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi.
 - + Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi;
 - Tiêu chí đánh giá:
 - Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được khung lý thuyết của câu hỏi thi. Trên cơ sở khung lý thuyết sinh viên phải lý giải, phân tích được luận điểm hoặc liên hệ được với vấn đề thực tiễn hiện nay.
- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kĩ năng phân tích tổng hợp khái quát;

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- + Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết.
- Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:
 - + Trình bày khung lý thuyết của bài tập: 4 điểm;
 - + Giải bài tập trên cơ sở khung lý thuyết: 6 điểm

Tiêu chí		Tỷ lệ	Mức chất lượng		Điểm
Viết đúng khung lý thuyết	Dùng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
	Dùng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu kiến thức của kiến thức của	Thực hiện đáp ứng 70- 80% yêu cầu kiến thức của yêu cầu kiến thức	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên (phụ liên hệ
Giai bài tập hoặc liên hệ (phụ		60			

vi) Rubric đánh giá thi KTHP

Tiêu chí		Tỷ lệ	Mức chất lượng		Điểm
Thực hiện bài tập	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng trên 70- 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%- 70% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%- 70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu
Nội dung		70			

v) Rubric đánh giá điểm bài tập

Tiêu chí		Tỷ lệ	Mức chất lượng		Điểm
Trích cực	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, tra lời nhiều câu hỏi	40	Khả tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi	It tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ dẫn	Không tham gia và không trả lời được khi có câu hỏi
	học		buổi học		học

thuộc vào		thực của bài	thực của bài	quan đến kiến
câu hỏi	bài tập hoặc	bài tập hoặc	tập hoặc liên	tập hoặc liên
(thi)	liên hệ	liên hệ	hệ	hệ

12. Ngày hoàn thành đề cương: 5/08/2022

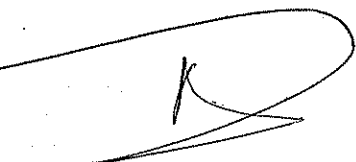
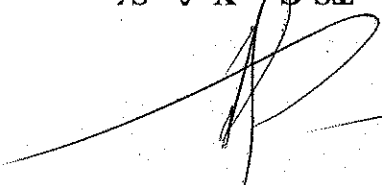
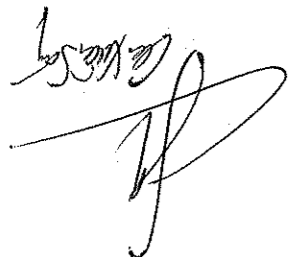
TRƯỜNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN

TS Nguyễn Trường Cảnh

TS Cao Xuân Sang

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: Sinh viên các ngành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

(General law)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Trường Cảnh - Telephone: 0983855043

- Chức danh, học hàm, học vị: Trường khoa lý luận chính trị, Giảng viên chính,

Tiến sĩ

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên : Lê Thị Hoa - Telephone: 0984286816

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

- Email: hoallct.spkthly@gmail.com, điện thoại cơ quan: 03213713083

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Lê Thị Nga - Telephone: 09844225839

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

- Email: lethingahy@gmail.com, điện thoại cơ quan: 03213713083

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Lê Đình Dương - Telephone: 0963692996

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: napoleduong@gmail.com, điện thoại cơ quan: 0963692996

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Hoàng Thị Giang - Telephone: 0902097828

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

- Email: Zang219@gmail.com, điện thoại cơ quan: 03213713083

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Pháp luật đại cương

2.2. Mã số: 9111602

2.3. Khối lượng: 2 tín chỉ

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học	Thời gian	
	Giờ giảng trên lớp	Tổng số giờ
Thảo luận, tự học, tự nghiên cứu	30	60
		90

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên các ngành

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Lý luận Chính trị

3. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương, bao gồm: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; Luật hình sự và luật tố tụng hình sự; Luật hôn nhân và gia đình; Luật dân sự

và luật tố tụng dân sự; Luật lao động; Luật phòng chống tham nhũng.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần trang bị cho người học:

4.1. Kiến thức:

CO1: Trang bị những kiến thức phổ thông về Nhà nước và pháp luật cho sinh viên góp phần giáo dục toàn diện, nâng cao ý thức và trách nhiệm công dân, ý thức tôn

trọng và bảo vệ quốc gia.

4.2. Kỹ năng:

CO2: Rèn luyện kỹ năng và xây dựng nếp sống, hành vi ứng xử theo pháp luật

cho sinh viên.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

CO3: Thực hiện nghĩa vụ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, có ý thức

chấp hành pháp luật, tham gia xây dựng và bảo vệ trật tự kỷ cương xã hội.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mức tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CBR của CTBT
<i>Kiến thức</i>			
CO1	CLO1	Lập luận và giải thích được một số vấn đề liên quan đến lý luận chung và nhà nước pháp luật, cũng như một số chế định của Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự; Luật hôn nhân và gia đình; Luật Dân sự và Luật Tố tụng dân sự; Luật Lao động; Lao động; Luật phòng chống tham nhũng	PL01
<i>Kỹ năng</i>			
CO2	CLO2	Giải thích và vận dụng được một số chế định của Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự; Luật của Luật Hình sự và Luật Tố tụng dân sự; Luật Dân sự và Luật Tố tụng dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật phòng chống tham nhũng vào xây dựng nếp sống, hành vi ứng xử theo pháp luật của sinh viên.	PL02
<i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i>			
CO3	CLO3	Thực hiện được nghĩa vụ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bản thân mình và của cộng dân, có ý thức chấp hành pháp luật, tham gia xây dựng và bảo vệ trật tự kỷ cương xã hội.	PL03

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTBT	Pháp luật	Đại cương	911602															
			PL01	3	PL011	0	PL012	0	PL013	0	PL014	0	PL015	2						

7. Nội dung chi tiết học phần

- 1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC
 - 1.1.1. Nguồn gốc và sự ra đời của Nhà nước
 - 1.1.1.1. Một số học thuyết phi Mác xít về nguồn gốc của Nhà nước
 - 1.1.1.2. Học thuyết Mác-Lenin về nguồn gốc Nhà nước
 - 1.1.2. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước
 - 1.1.3. Chức năng của Nhà nước
 - 1.1.4. Hình thức của Nhà nước
 - 1.1.4.1. Khái niệm hình thức nhà nước
 - 1.1.4.2. Yêu tố cấu thành hình thức nhà nước
 - 1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT
 - 1.2.1. Nguồn gốc của Pháp luật
 - 1.2.2. Bản chất và đặc trưng của Pháp luật
 - 1.2.2.1. Bản chất của Pháp luật
 - 1.2.2.2. Những đặc trưng cơ bản của Pháp luật
 - 1.2.3. Vai trò của pháp luật
 - 1.3. QUY PHẠM PHÁP LUẬT
 - 1.3.1. Khái niệm quy phạm pháp luật
 - 1.3.2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật
 - 1.4. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
 - 1.4.1. Khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật
 - 1.4.1.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật
 - 1.4.1.2. Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật
 - 1.4.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nước ta
 - 1.4.2.1. Văn bản luật
 - 1.4.2.2. Văn bản dưới luật
 - 1.5. QUAN HỆ PHÁP LUẬT
 - 1.5.1. Khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật
 - 1.5.2. Thành phần của quan hệ pháp luật
 - 1.5.2.1. Chủ thể quan hệ pháp luật
 - 1.5.2.2. Nội dung của quan hệ pháp luật
 - 1.5.2.3. Khách thể của quan hệ pháp luật
 - 1.5.2.4. Sự kiện pháp lý
 - 1.6. VI PHẠM PHÁP LUẬT
 - 1.6.1. Khái niệm vi phạm pháp luật
 - 1.6.2. Cấu thành của vi phạm pháp luật
 - 1.6.3. Các loại vi phạm pháp luật
 - 1.7. TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ
 - 1.7.1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý
 - 1.7.2. Các loại trách nhiệm
- 1.8. PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

- 1.8.1. Khái niệm pháp chế xã hội chủ nghĩa
- 1.8.2. Yêu cầu cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa
- 1.8.3. Nguyên tắc của pháp chế xã hội chủ nghĩa
- 1.8.4. Nội dung của pháp chế xã hội chủ nghĩa
- 1.8.5. Những điều kiện bảo đảm đối với pháp chế xã hội chủ nghĩa

BÀI TẬP CHƯƠNG 1

Câu 1: Trình bày các học thuyết về nguồn gốc ra đời của Nhà nước và nêu khái niệm nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Câu 2: Pháp luật là gì? Trình bày bản chất và chức năng của pháp luật.

Câu 3: Quy phạm pháp luật là gì? Phân tích cấu trúc của quy phạm pháp luật.

Nêu ví dụ một quy phạm pháp luật.

Câu 4: Quan hệ pháp luật là gì? Phân tích các thành phần của quan hệ pháp luật.

Lấy ví dụ một vài quan hệ pháp luật mà em đã tham gia trong cuộc sống hàng ngày.

Câu 5: Vi phạm pháp luật là gì? Trình bày cấu thành của vi phạm pháp luật và các loại vi phạm pháp luật. Lấy ví dụ về các loại vi phạm pháp luật.

Câu 6: Trách nhiệm pháp lý là gì? Trình bày đặc điểm trách nhiệm pháp lý, các loại trách nhiệm pháp lý. Lấy ví dụ về các loại trách nhiệm pháp lý.

Câu 7: Pháp chế xã hội chủ nghĩa là gì? Trình bày những yêu cầu cơ bản, nguyên tắc và nội dung của pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Chương 2 LƯẬT HÌNH SỰ VÀ LƯẬT TỘI TUNG HÌNH SỰ

05 tiết

2.1. LƯẬT HÌNH SỰ

2.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hình sự

2.1.2. Tội phạm – các yếu tố cấu thành tội phạm

2.1.2.1. Khái niệm tội phạm và phạm loại tội phạm

2.1.2.2. Một số quy định chung của bộ luật hình sự về tội phạm

2.1.2.3. Các yếu tố cấu thành tội phạm.

2.1.3. Hình phạt, các loại hình phạt

2.1.3.1. Khái niệm

2.1.3.2. Hình phạt chính.

2.1.3.3. Hình phạt bổ sung

2.1.3.4. Biện pháp tư pháp

2.1.4. Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng tách nhiệm hình sự

2.1.4.1. Các tình tiết giảm nhẹ tách nhiệm hình sự

2.1.4.2. Các tình tiết tăng nặng tách nhiệm hình sự

2.2. LƯẬT TỘI TUNG HÌNH SỰ

2.2.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự

2.2.2. Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội

2.2.2.1. Khởi tố vụ án hình sự

2.2.2.2. Điều tra vụ án hình sự

2.2.2.3. Truy tố bị can ra trước toà

2.2.2.4. Xét xử sơ thẩm

2.2.2.5. Xét xử phúc thẩm

2.2.2.6. Thi hành bản án và quyết định của toà án.

2.2.2.7. Thủ tục xét xử giám đốc thẩm

2.2.2.8. Thủ tục xét xử giám tái thẩm

2.2.3. Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân

BÀI TẬP CHƯƠNG 2

Câu 1: Trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hình sự.

Câu 2: Tội phạm là gì? Phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm.

Câu 3: Hình phạt là gì? Trình bày hệ thống các hình phạt chính, hình phạt bổ sung và một số biện pháp tư pháp.

Câu 4: So sánh tội phạm với các loại vi phạm pháp luật khác.

Câu 5: So sánh hình phạt với các loại trách nhiệm pháp lý khác.

Câu 6: Trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự

Câu 7: Phân tích trình tự các giai đoạn tố tụng khi giải quyết một vụ án hình sự.

Chương 3

LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

04 tiết

5.1. KHAI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

5.1.1. Khái niệm “hôn nhân” – “gia đình”

5.1.2. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình

5.1.2.1. Khái niệm luật hôn nhân và gia đình

5.1.2.2. Đối tượng điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình

5.1.2.3. Phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình

5.1.3. Các nguyên tắc của luật hôn nhân và gia đình

5.1.4. Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình

5.1.4.1. Khái niệm Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình

5.1.4.2. Các yếu tố của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình

5.2. MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CƠ BẢN CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

5.2.1. Kết hôn và hủy việc kết hôn trái pháp luật

5.2.1.1. Điều kiện kết hôn

5.2.1.2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật

5.2.2. Quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng

5.2.2.1. Quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng

5.2.2.2. Chế độ tài sản của vợ chồng

5.2.3. Quan hệ giữa các thành viên khác của gia đình

5.2.3.1. Quyền, nghĩa vụ giữa thành viên khác của gia đình

5.2.3.2. Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu

5.2.3.3. Quyền, nghĩa vụ của anh, chị, em

5.2.3.4. Quyền, nghĩa vụ của cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột

5.2.4. Chăm sóc hôn nhân

5.2.4.1. Chăm sóc hôn nhân do ly hôn và hậu quả pháp lý của ly hôn

5.2.4.2. Chăm sóc hôn nhân do vợ, chồng chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết

5.2.5. Cấp dưỡng

5.2.6. Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

5.2.6.1. Khái niệm về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

5.2.6.2. Thẩm quyền giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

5.2.6.3. Hợp pháp hoá lãnh sự giấy tờ, tài liệu về hôn nhân và gia đình

5.2.6.4. Công nhận, ghi chú bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về hôn nhân và gia đình

5.2.6.5. Kết hôn có yếu tố nước ngoài

5.2.6.6. Ly hôn có yếu tố nước ngoài

5.2.6.7. Xác định cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

5.2.6.8. Nghĩa vụ cấp dưỡng có yếu tố nước ngoài

BÀI TẬP CHƯƠNG 3

Câu 1: Trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình.

Câu 2: Trình bày các nguyên tắc và quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình.

Câu 3: Trình bày các điều kiện để việc kết hôn hợp pháp và việc hủy kết hôn trái pháp luật.

Câu 4: Quy định của luật Hôn nhân và gia đình về quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng; chế độ tài sản của vợ, chồng; quan hệ giữa các thành viên khác của gia đình.

Câu 5: Trình bày quy định của luật Hôn nhân và gia đình về chăm sóc hôn nhân và hậu quả pháp lý của ly hôn; cấp dưỡng; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

Chương 4

LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ

06 tiết

3.1. KHÁI NIỆM, QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật dân sự

3.1.2. Quan hệ pháp luật dân sự

3.1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự

3.1.2.2. Thành phần của quan hệ pháp luật dân sự

3.2. QUYỀN SỞ HỮU

3.2.1. Khái niệm

3.2.2. Chủ thể của quyền sở hữu

3.2.3. Khách thể của quyền sở hữu

3.2.4. Nội dung của quyền sở hữu

3.2.4.1. Chiếm hữu

3.2.4.2. Quyền sử dụng

3.2.4.3. Quyền định đoạt

3.2.5. Các hình thức sở hữu

3.3. QUYỀN THỪA KẾ

3.3.1. Một số quy định chung về thừa kế

3.3.2. Thừa kế theo di chúc

3.3.2.1. Khái niệm

3.3.2.2. Người lập di chúc

3.3.2.3. Di chúc hợp pháp

3.3.2.4. Những người hưởng di sản không phụ thuộc vào nội dung di chúc

3.3.3. Thừa kế theo pháp luật

3.3.3.1. Khái niệm

3.3.3.2. Những trường hợp thừa kế theo pháp luật

3.3.3.3. Hàng thừa kế

3.3.3.4. Thừa kế thế vị

3.4. HỢP ĐỒNG DÀN SỰ

3.4.1. Khái niệm

3.4.2. Chủ thể của hợp đồng dàn sự

3.4.3. Hình thức hợp đồng dàn sự

3.4.4. Nội dung chủ yếu của hợp đồng

3.4.5. Các loại hợp đồng dàn sự chủ yếu

3.4.5.1. Các loại hợp đồng dàn sự chủ yếu

3.4.5.1. Một số hợp đồng thông dụng

3.5. LUẬT TÒ TỤNG DÀN SỰ

3.5.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dàn sự

3.5.1.1. Khái niệm

3.5.1.2. Đối tượng điều chỉnh.

3.5.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật tố tụng dàn sự

3.5.2. Các giai đoạn tố tụng dàn sự

3.5.2.1. Khởi kiện và thụ lý vụ án dàn sự

3.5.2.2. Hòa giải vụ án dàn sự

3.5.2.3. Xét xử sơ thẩm vụ án dàn sự

3.5.2.4. Xét xử phúc thẩm vụ án dàn sự

3.5.2.5. Xét xử giám đốc thẩm vụ án dàn sự

3.5.2.6. Xét xử tái thẩm vụ án dàn sự

3.5.2.7. Thi hành bản án, quyết định tòa án

BÀI TẬP CHƯƠNG 4

Câu 1: Trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật dàn sự.

Câu 2: Quan hệ pháp luật dàn sự là gì? Phân tích thành phần quan hệ pháp luật.

Lấy ví dụ minh họa.

Câu 3: Quyền sở hữu là gì? Phân tích nội dung quyền sở hữu. Lấy ví dụ minh họa.
Câu 4: Thừa kế là gì? Phân tích những nội dung cơ bản của thừa kế theo di chúc. Lấy ví dụ minh họa.
Câu 5: Điều kiện phát sinh thừa kế theo pháp luật? Phân tích những nội dung cơ bản của thừa kế theo pháp luật. Lấy ví dụ minh họa.
Câu 6: Hợp đồng dân sự là gì? Trình bày chủ thể, hình thức, nội dung chủ yếu của hợp đồng dân sự. Lấy ví dụ minh họa.
Câu 7: Trình bày khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự.
Câu 8: Phân tích các giai đoạn tố tụng khi giải quyết vụ kiện dân sự.

Chương 5 LUẬT LAO ĐỘNG

4 tiết

4.1. KHAI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT LAO ĐỘNG

ĐỘNG

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Đối tượng điều chỉnh

4.1.3. Phương pháp điều chỉnh

4.2. MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CƠ BẢN CỦA LUẬT LAO ĐỘNG

4.2.1. Quan hệ pháp luật lao động

4.2.1.1. Khái niệm và đặc điểm

4.2.1.2. Chủ thể của quan hệ pháp luật lao động

4.2.1.3. Nội dung của quan hệ pháp luật lao động

4.2.1.4. Khách thể của quan hệ pháp luật lao động

4.2.1.5. Những căn cứ làm phát sinh, thay đổi và chấm dứt quan hệ pháp luật lao động

4.2.2. Hợp đồng lao động

4.2.2.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng lao động

4.2.2.2. Giao kết hợp đồng lao động

4.2.2.3. Phân loại hợp đồng lao động

4.2.2.4. Nội dung của hợp đồng lao động

4.2.2.5. Thứ bậc, thời gian thử việc, tiền lương trong thời gian thử việc, kết thúc thời gian thử việc.

4.2.2.6. Thực hiện, chuyển người lao động làm công việc khác, tạm hoãn, làm việc không trọn thời gian, sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động

4.2.2.7. Chấm dứt hợp đồng lao động

4.2.2.8. Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm

4.2.3. Thỏa ước lao động tập thể

4.2.3.1. Khái niệm về thỏa ước lao động tập thể

4.2.3.3. Kỳ kết thỏa ước lao động tập thể

4.2.3.5. Quá trình thương lượng kí kết hòa ước

4.2.4. Tiền Lương

4.2.4.1. Khai niệm và vai trò của tiền lương

4.2.4.2. Chức năng của tiền lương

4.2.4.3. Tiền lương tới nhiều

4.2.4.4. Nguyên tắc trả lương, trả lương, hình thức trả lương, ký hạn trả lương

4.2.4.5. Tiền lương trong một số trường hợp đặc biệt

4.2.4.6. Tiền thưởng

4.2.5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

4.2.5.1. Thời giờ làm việc

4.2.5.2. Thời giờ nghỉ ngơi

4.2.6. Bảo hiểm xã hội

4.2.6.1. Khai niệm, đặc điểm của bảo hiểm xã hội

4.2.6.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội

4.2.6.3. Phân loại bảo hiểm xã hội

4.2.7. Nội quy lao động, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất

4.2.7.1. Nội quy lao động của doanh nghiệp

4.2.7.2. Kỷ luật lao động

4.2.7.3. Trách nhiệm vật chất

4.2.8. Nhưng quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới

4.2.8.1. Chính sách của nhà nước và trách nhiệm của người sử dụng lao động

4.2.8.2. Bảo vệ thai sản

4.2.8.3. Quyền đơn phương chấm dứt, tạm hoãn hợp đồng lao động của lao động nữ

mang thai

4.2.8.4. Nghỉ thai sản và bảo đảm việc làm cho lao động nghỉ thai sản

BÀI TẬP CHƯƠNG 5

Câu 1: Trình bày khai niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật lao

động.

Câu 2: Quan hệ pháp luật lao động? Phân tích các thành phần của quan hệ pháp

luật lao động. Lấy ví dụ minh họa.

Câu 4: Trình bày khai niệm, đặc điểm và nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.

Câu 5: Trình bày chủ thể, hình thức và nội dung giao kết của hợp đồng lao động.

Lấy ví dụ minh họa.

Câu 6: Trình bày những quy định cơ bản của pháp luật về tiền lương, thời gian

làm việc, thời gian nghỉ ngơi, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất.

Chương 6

LUẬT PHÒNG - CHỐNG THAM NHŨNG

05 tiết

6.1. KHAI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, HÀNH VI THAM NHŨNG

6.1.1. Khai niệm tham nhũng

6.1.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng

6.1.3. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng

6.1.3.1. Các hành vi về tham nhũng.

6.1.3.2. Đối với các tội phạm về tham nhũng

6.2. KHAI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

6.2.1. Khai niệm phòng, chống tham nhũng

6.2.2. Đặc điểm của phòng, chống tham nhũng

6.3. NGUYÊN NHÂN, TÁC HẠI VÀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

6.3.1. Nguyên nhân của tham nhũng

6.3.1.1. Những hạn chế trong chính sách, pháp luật

6.3.1.2. Những hạn chế trong quản lý, điều hành nền kinh tế và trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội.

6.3.1.3. Những hạn chế trong việc phát hiện và xử lý tham nhũng.

6.3.1.4. Những hạn chế trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ, công chức cũng như trong hoạt động bỏ nhiệm, luân chuyển cán bộ.

6.3.2. Tác hại của tham nhũng

6.3.2.1. Tác hại về chính trị

6.3.2.2. Tác hại về kinh tế

6.3.2.3. Tác hại về xã hội.

6.3.3. Vai trò của công tác phòng, chống tham nhũng

6.4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

6.4.1. Trách nhiệm của công dân không phải là cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng

6.4.2. Trách nhiệm của công dân là cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng

6.4.2.1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức bình thường.

6.4.2.2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

BÀI TẬP CHUÔNG 6

Câu 1: Trình bày khái niệm, đặc điểm của hành vi tham nhũng và kê tên các hành vi tham nhũng.

Câu 2: Phân tích nguyên nhân, tác hại và ý nghĩa của công tác phòng, chống tham nhũng.

Câu 3: Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng? Liệt kê hệ bản thân.

Câu 4: Kê tên một số vụ án tham nhũng mà em biết.

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bắt buộc:

Nguyễn Trường Cảnh (2019), Giáo trình pháp luật đại cương, Nxb Khoa học Kỹ thuật, HN 2019

8.2. Học liệu tham khảo

1. Bộ luật Hình sự được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Van-ban-hop-mhat-01-VBHN-VPQH-2017-Bo-luat-Hinh-su-363655.aspx>

2. Bộ luật Tố tụng hình sự được Quốc hội thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-296884.aspx>

3. Bộ luật Dân sự được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 - <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx>

4. Bộ luật Tố tụng dân sự được Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Bo-luat-to-tung-dan-su-2015-296861.aspx>

5. Bộ luật lao động được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2013 - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-luat-lao-dong-2012-142187.aspx>

6. Luật Hôn nhân và Gia đình được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 - <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Hon-nhan-va-gia-dinh-2014-238640.aspx>

7. Luật Phòng chống tham nhũng được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 - <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-phong-chong-tham-nhung-2016-322049.aspx>

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Tổng số	Hình thức tổ chức dạy học						Nội dung
	Tự học, tập	Thực tập tại cơ sở	Thực hành/Thi nghiệm	Lên lớp	Bài tập	Lý thuyết	
18	12						Chương 1: Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật
15	10						Chương 2: Luật hình sự và luật tố tụng hình sự
12	8						Chương 3: Luật hôn nhân và gia đình
Tin chi 2							
18	12						Chương 4: Luật dân sự và luật tố tụng dân sự
12	8						Chương 5: Luật lao động

đồng								
Chương 6: Luật phòng chống, tham nhũng	5							15
Tổng cộng	30							90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mức tiêu
1	<p>Chương I LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT</p> <p>1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC</p> <p>1.1.1. Nguồn gốc và sự ra đời của Nhà nước</p> <p>1.1.1.1. Một số học thuyết phi Mác xít về nguồn gốc của Nhà nước</p> <p>Nước</p> <p>1.1.1.2. Học thuyết Mac-Lenin về nguồn gốc Nhà nước</p> <p>1.1.2. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước</p> <p>1.1.3. Chức năng của Nhà nước</p> <p>1.1.4. Hình thức của Nhà nước</p> <p>1.1.4.1. Khái niệm hình thức nhà nước</p> <p>1.1.4.2. Yêu tố cấu thành hình thức nhà nước</p> <p>1.1.4.3. Vai trò của pháp luật.</p>	L1 thuyết	2	<p>Nghiên cứu trả lời câu hỏi: nguồn gốc, bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>4.1; 4.2</p>	
	<p>Chương I LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT</p> <p>1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC</p> <p>1.1.1. Nguồn gốc và sự ra đời của Nhà nước</p> <p>1.1.1.1. Một số học thuyết phi Mác xít về nguồn gốc của Nhà nước</p> <p>Nước</p> <p>1.1.1.2. Học thuyết Mac-Lenin về nguồn gốc Nhà nước</p> <p>1.1.2. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước</p> <p>1.1.3. Chức năng của Nhà nước</p> <p>1.1.4. Hình thức của Nhà nước</p> <p>1.1.4.1. Khái niệm hình thức nhà nước</p> <p>1.1.4.2. Yêu tố cấu thành hình thức nhà nước</p> <p>1.1.4.3. Vai trò của pháp luật.</p>	Tự học, tự NC	6		

1.8. PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 1.8.1. Khái niệm pháp chế xã hội chủ nghĩa 1.8.2. Yêu cầu cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa 1.8.3. Nguyên tắc của pháp chế xã hội chủ nghĩa 1.8.4. Nội dung của pháp chế xã hội chủ nghĩa 1.8.5. Những điều kiện bảo đảm đối với pháp chế xã hội chủ nghĩa	Tư học, tự NC	6			Các loại vi phạm pháp luật và những yêu cầu cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa
2.1. LUẬT HÌNH SỬ VÀ LUẬT TỘI TỬNG HÌNH SỬ 2.1. LUẬT HÌNH SỬ 2.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật hình sự 2.1.2. Tội phạm – các yếu tố cấu thành tội phạm 2.1.2.1. Khái niệm tội phạm và phân loại tội phạm 2.1.2.2. Một số quy định chung của bộ luật hình sự về tội phạm 2.1.2.3. Các yếu tố cấu thành tội phạm	Tư học tự NC	6	2	Lý thuyết	Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về các yếu tố cấu thành tội phạm, lấy ví dụ minh họa
					https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-tu-NC-hat-2017-Bo-luat-VPQH-2017-Bo-luat-Hinh-su-363655.aspx
2.1.3. Hình phạt, các loại hình phạt 2.1.3.1. Khái niệm 2.1.3.2. Hình phạt chính 2.1.3.3. Hình phạt bổ sung	Lý thuyết	2	2		Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về các loại hình phạt được quy định tại Bộ luật Hình sự. An tặc có phải là hình phạt không? Tại sao?

	<p>2.1.3.4. Biện pháp tư pháp</p> <p>2.1.4. Các tình tiết giám nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự</p> <p>2.1.4.1. Các tình tiết giám nhẹ</p> <p>trách nhiệm hình sự</p> <p>2.1.4.2. Các tình tiết tăng nặng</p> <p>trách nhiệm hình sự</p> <p>trách nhiệm hình sự</p>	<p>Bộ luật Hình sự Việt Nam</p> <p>Tự học, tự NC</p>	<p>2.2. LUẬT TÒ TỤNG HÌNH SỰ</p> <p>2.2.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự</p> <p>2.2.2. Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội</p> <p>2.2.2.1. Khởi tố vụ án hình sự</p> <p>2.2.2.2. Điều tra vụ án hình sự</p> <p>2.2.2.3. Truy tố bị can ra trước toà</p> <p>2.2.2.4. Xét xử sơ thẩm</p> <p>2.2.2.5. Xét xử phúc thẩm</p> <p>2.2.2.6. Thi hành bản án và quyết định của toà án</p> <p>2.2.2.7. Thủ tục xét xử giám đốc thẩm</p> <p>2.2.2.8. Thủ tục xét xử giám tái thẩm</p> <p>2.2.3. Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với phạm nhân</p> <p>Chương 3</p> <p>LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH</p> <p>5.1. KHAI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH</p> <p>5.1.1. Khái niệm "hôn nhân" – "gia đình"</p> <p>5.1.2. Khái niệm, đối tượng,</p>	<p>2</p> <p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về các giải 4.1; đoàn tố tụng hình sự. 4.2; Phân biệt bị can và bị cáo? 4.3</p>
--	---	--	---	---

<p>phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình</p> <p>5.1.2.1. Khái niệm luật hôn nhân và gia đình</p> <p>5.1.2.2. Đối tượng điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình</p> <p>5.1.2.3. Phương pháp điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình</p> <p>5.1.3. Các nguyên tắc của luật hôn nhân và gia đình</p> <p>5.1.4. Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình</p> <p>5.1.4.1. Khái niệm Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình</p> <p>5.1.4.2. Các yếu tố của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình</p>	<p>Bộ luật tố tụng hình sự</p>	<p>7</p>
<p>5.2. MỘT SỐ CHẾ ĐÌNH CƠ BẢN CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH</p> <p>5.2.1. Kết hôn và hủy việc kết hôn trái pháp luật</p> <p>5.2.1.1. Điều kiện kết hôn</p> <p>5.2.1.2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật</p> <p>5.2.2. Quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng</p> <p>5.2.2.1. Quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng</p> <p>5.2.2.2. Chế độ tài sản của vợ chồng</p> <p>5.2.3. Quan hệ giữa các thành viên khác của gia đình</p> <p>5.2.3.1. Quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên khác của gia đình</p> <p>5.2.3.2. Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu</p> <p>5.2.3.3. Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>2</p>
<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về điều kiện kết hôn và quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ, chồng, v.v..</p>	<p>https://thuvienphapluat.vn/van-ban/trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-296884.aspx</p>	<p>4.1; 4.2; 4.3</p>

				anh, chị, em 5.2.3.4. Quyền, nghĩa vụ của cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột	
			Luật Hôn nhân và Gia đình	Tự học, tự NC	6
			5.2.4. Chăm sóc hôn nhân 5.2.4.1. Chăm sóc hôn nhân do ly hôn và hậu quả pháp lý của ly hôn 5.2.4.2. Chăm sóc hôn nhân do vợ, chồng chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết 5.2.5. Cấp dưỡng 5.2.6. Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 5.2.6.1. Khiếm nhiệm về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 5.2.6.2. Thẩm quyền giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 5.2.6.3. Hợp pháp hoá lãnh sự giấy tờ, tài liệu về hôn nhân và gia đình 5.2.6.4. Công nhận, ghi chú bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về hôn nhân và gia đình 5.2.6.5. Kết hôn có yếu tố nước ngoài 5.2.6.6. Ly hôn có yếu tố nước ngoài 5.2.6.7. Xác định cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài 5.2.6.8. Nghĩa vụ cấp dưỡng có yếu tố nước ngoài Chương 4 LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ	LI thuyết	2
					4.1: câu hỏi về tuân thủ ly hôn, ly hôn đơn phương và hậu quả của ly hôn; Lấy ví dụ về 4.2: 4.3 hệ pháp luật dân sự thành phần của quan
					4.1: 4.2: 4.3

<p>3.1. KHAI NIỆM, QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ</p> <p>3.1.1. Khai niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật dân sự</p> <p>3.1.2. Quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>3.1.2.1. Khai niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự</p> <p>3.1.2.2. Thành phần của quan hệ pháp luật dân sự</p>	<p>Tự học,</p> <p>6</p> <p>http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Hon-nhan-va-gia-dinh-tu-nc</p> <p>2014-238640.aspx</p>	<p>2</p> <p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về nội dung quyền sở hữu và những nội dung cơ bản của thừa kế theo di chúc.</p> <p>4.1; 4.2; 4.3</p>	<p>3.2. QUYỀN SỞ HỮU</p> <p>3.2.1. Khai niệm</p> <p>3.2.2. Chủ thể của quyền sở hữu</p> <p>3.2.3. Khách thể của quyền sở hữu</p> <p>3.2.4. Nội dung của quyền SH</p> <p>3.2.4.1. Chiếm hữu</p> <p>3.2.4.2. Quyền sử dụng</p> <p>3.2.4.3. Quyền định đoạt</p> <p>3.2.5. Các hình thức sở hữu</p> <p>3.3. QUYỀN THỪA KẾ</p> <p>3.3.1. Một số quy định chung về thừa kế</p> <p>3.3.2. Thừa kế theo di chúc.</p> <p>3.3.2.1. Khai niệm</p> <p>3.3.2.2. Người lập di chúc</p> <p>3.3.2.3. Di chúc hợp pháp</p> <p>3.3.2.4. Những người hưởng di sản không phụ thuộc vào nội dung di chúc</p>	<p>9</p>
<p>3.3. KHAI NIỆM, QUAN HỆ PHÁP LUẬT</p> <p>3.3.3.1. Khai niệm</p> <p>3.3.3.2. Những trường hợp thừa kế theo pháp luật</p>	<p>Tự học,</p> <p>6</p> <p>http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/2015-296215.aspx</p>	<p>2</p> <p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về những nội dung cơ bản của thừa kế theo pháp luật; Các loại hợp đồng dân sự</p>	<p>3.3.3. Thừa kế theo pháp luật</p> <p>3.3.3.1. Khai niệm</p> <p>3.3.3.2. Những trường hợp thừa kế theo pháp luật</p>	<p>10</p>

<p>4.1; 4.2; 4.3</p>	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về các giai đoạn tố tụng dân sự; Quan hệ pháp luật lao động, lấy ví dụ minh hóa.</p>	<p>2</p>	<p>3.5. LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ</p> <p>3.5.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự</p> <p>3.5.1.1. Khái niệm</p> <p>3.5.1.2. Đối tượng điều chỉnh.</p> <p>3.5.1.3. Phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.5.2. Các giai đoạn tố tụng dân sự</p> <p>3.5.2.1. Khởi kiện và thụ lý vụ dân sự</p> <p>3.5.2.2. Hòa giải vụ án dân sự</p> <p>3.5.2.3. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự</p> <p>3.5.2.4. Xét xử phúc thẩm vụ án dân sự</p> <p>3.5.2.5. Xét xử giám đốc thẩm vụ án dân sự</p> <p>3.5.2.6. Xét xử tái thẩm vụ án dân sự</p>	<p>11</p>
<p>chủ yếu, lấy ví dụ minh họa.</p>	<p>http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>Bộ luật dân sự Việt Nam</p>	<p>3.3.3. Hàng thừa kế</p> <p>3.3.3.4. Thừa kế thế vị</p> <p>3.4. HỢP ĐỒNG DÂN SỰ</p> <p>3.4.1. Khái niệm</p> <p>3.4.2. Chủ thể của hợp đồng dân sự</p> <p>3.4.3. Hình thức hợp đồng dân sự</p> <p>3.4.4. Nội dung chủ yếu của hợp đồng</p> <p>3.4.5. Các loại hợp đồng dân sự chủ yếu và một số hợp đồng thông dụng</p> <p>3.4.5.1. Các loại hợp đồng dân sự chủ yếu</p> <p>3.4.5.1. Một số hợp đồng thông dụng</p>

<p>4.1. KHAI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT LAO ĐỘNG</p> <p>4.1.1. KHAI NIỆM</p> <p>4.1.2. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH</p> <p>4.1.3. Phương pháp điều chỉnh</p> <p>4.2. MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CƠ BẢN CỦA LUẬT LAO ĐỘNG</p> <p>4.2.1. Quan hệ pháp luật lao động</p> <p>4.2.1.1. Khai niệm và đặc điểm</p> <p>4.2.1.2. Chủ thể của quan hệ pháp luật lao động</p> <p>4.2.1.3. Nội dung của quan hệ pháp luật lao động</p> <p>4.2.1.4. Khách thể của quan hệ pháp luật lao động</p> <p>4.2.1.5. Những căn cứ làm phát sinh, thay đổi và chấm dứt quan hệ pháp luật lao động</p>	<p>3.5.2.7. Thị hành bản án, quyết định tòa án</p> <p>Chương 5</p> <p>LUẬT LAO ĐỘNG</p>	<p>Tự học,</p> <p>6</p>	<p>6</p>	<p>Bộ luật tố tụng dân sự</p>
<p>4.1. Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về những nội dung cơ bản của hợp đồng lao động; Tên</p> <p>4.2; 4.3</p>	<p>4.2.2. Hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.1. Khai niệm, đặc điểm của hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.2. Giao kết hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.3. Phân loại hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.4. Nội dung của hợp đồng lao động</p> <p>4.2.2.5. Thủ tục, thời gian thu việc, tiền lương trong thời gian thu việc, kết thúc thời gian thu việc.</p>	<p>2</p>	<p>2</p>	<p>12</p>

<p>4.1; 4.2; 4.3</p>	<p>Ngành cứu và tra lời câu hỏi về thời giờ lao động, thời giờ nghỉ đông, nội quy lao động, kỹ luật lao động và trách nhiệm vật chất</p>	<p>2</p>	<p>Ly thuyết</p>	<p>4.2.5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 4.2.5.1. Thời giờ làm việc 4.2.5.2. Thời giờ nghỉ ngơi 4.2.6. Bảo hiểm xã hội 4.2.6.1. Khai niệm, đặc điểm của bảo hiểm xã hội</p>
	<p>https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2012-142187.aspx</p>	<p>6</p>	<p>Tự học tự NC</p>	<p>Bộ luật lao động</p> <p>4.2.2.6. Thực hiện, chuyển người lao động làm công việc khác, tạm hoãn, làm việc không trọn thời gian, sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động 4.2.2.7. Chấm dứt hợp đồng lao động 4.2.2.8. Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm 4.2.3. Thỏa ước lao động tập thể 4.2.3.1. Khai niệm về thỏa ước lao động tập thể 4.2.3.2. Ý nghĩa của thỏa ước lao động tập thể 4.2.3.3. Kỳ kết thỏa ước lao động tập thể 4.2.3.4. Nguyên tắc kí kết thỏa ước lao động tập thể 4.2.3.5. Quá trình thương lượng kí kết thỏa ước 4.2.4. Tiền Lương 4.2.4.1. Khai niệm và vai trò của tiền lương 4.2.4.2. Chức năng của tiền lương 4.2.4.3. Tiền lương tối thiểu 4.2.4.4. Nguyên tắc trả lương, trả lương, hình thức trả lương, kỳ hạn trả lương 4.2.4.5. Tiền lương trong một số trường hợp đặc biệt 4.2.4.6. Tiền thưởng</p>

	<p>4.2.6.2. Các chế độ bảo hiểm xã hội</p> <p>4.2.6.3. Phân loại bảo hiểm xã hội</p> <p>4.2.7. Nội quy lao động, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất của lao động</p> <p>4.2.7.1. Nội quy lao động của doanh nghiệp</p> <p>4.2.7.2. Kỷ luật lao động</p> <p>4.2.7.3. Trách nhiệm vật chất</p> <p>4.2.8. Nhưng quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới</p> <p>4.2.8.1. Chính sách của nhà nước và trách nhiệm của người sử dụng lao động</p> <p>4.2.8.2. Bảo vệ thai sản</p> <p>4.2.8.3. Quyền đơn phương chấm dứt, tạm hoãn hợp đồng lao động của lao động nữ mang thai</p> <p>4.2.8.4. Nghỉ thai sản và bảo đảm việc làm cho lao động nghỉ thai sản</p> <p>Chương 6 LUẬT PHÒNG - CHỐNG THAM NHŨNG HẠNH VI THAM NHŨNG 6.1. KHAI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, HẠNH VI THAM NHŨNG 6.1.1. Khai niệm tham nhŨng 6.1.2. Đặc điểm của hành vi tham nhŨng 6.1.3. Các hành vi tham nhŨng và tội phạm về tham nhŨng 6.1.3.1. Các hành vi về tham nhŨng 6.1.3.2. Đối với các tội phạm về tham nhŨng</p>	<p>Tử học từ NC</p>	<p>6</p>	<p>https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2012-142187.aspx</p>
--	--	---------------------	----------	--

14	<p>6.2. KHAI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG</p> <p>6.2.1. Khai niệm phòng, chống tham nhũng</p> <p>6.2.2. Đặc điểm của phòng, chống tham nhũng</p> <p>6.3. NGUYÊN NHÂN, TÁC HẠI VÀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG</p> <p>6.3.1. Nguyên nhân của tham nhũng</p> <p>6.3.1.1. Những hạn chế trong chỉnh sách, pháp luật</p> <p>6.3.1.2. Những hạn chế trong quản lý, điều hành nền kinh tế và trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội.</p> <p>6.3.1.3. Những hạn chế trong việc phát hiện và xử lý tham nhũng.</p> <p>6.3.1.4. Những hạn chế trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ, công chức cũng như trong hoạt động bộ phận, luận chuyên cán bộ.</p> <p>6.3.2. Tác hại của tham nhũng</p> <p>6.3.2.1. Tác hại về chính trị</p> <p>6.3.2.2. Tác hại về kinh tế</p> <p>6.3.2.3. Tác hại về xã hội.</p> <p>6.3.3. Vai trò của công tác phòng, chống tham nhũng</p>	Lý thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về nguyên nhân, tác hại và vai trò của công tác phòng chống tham nhũng</p>	<p>4.1; 4.2; 4.3</p>
15	<p>6.4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG</p> <p>6.4.1. Trách nhiệm của công dân</p>	Lý thuyết	2	<p>Nghiên cứu và trả lời câu hỏi về trách nhiệm của công dân không phải là cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham</p>	<p>4.1; 4.2; 4.3</p>

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Đánh giá ý thức học tập của sinh viên

- Nội dung:

+ Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;

+ Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;

+ Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng...)

- Tiêu chí đánh giá:

+ Tham gia học tập trên lớp đầy đủ;

+ Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên;

+ Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..)

- Hình thức đánh giá - Tháng điểm chấm là 10, trong đó:

+ Tham gia học tập trên lớp đầy đủ: 6 điểm;

+ Tham gia xây dựng bài, tích cực phát biểu trên lớp, trả lời được câu hỏi liên quan đến nội dung bài giảng của giảng viên: 2 điểm;

+ Có ý thức học tập trên lớp (không nói chuyện, không làm việc riêng, v.v..): 2 điểm.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp, phê phán các văn bản đề, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin;

- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết lời giải cho bài tập (viết tay), đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức, tính thẩm mỹ và thể hiện các thông tin chung theo mẫu hướng dẫn.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Trình bày kỹ lưỡng lý thuyết của bài tập;

+ Giải bài tập trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết.

- Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài tập cá nhân thang điểm 10. Trong đó:

+ Trình bày kỹ lưỡng lý thuyết của bài tập: 4 điểm;

+ Giải bài tập trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết: 6 điểm

11.2.3. Điểm thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của môn học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát;

- Nội dung: Sinh viên trình bày hoặc phân tích được kỹ lưỡng lý thuyết của câu hỏi thi. Trên cơ sở kỹ lưỡng lý thuyết sinh viên phân tích giải, phân tích được các luận điểm hoặc liên hệ được với văn đề thực tiễn hiện nay.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Trình bày kỹ lưỡng lý thuyết theo câu hỏi;

- + Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi.
- Hình thức đánh giá: Bài thi viết được phép sử dụng tài liệu, thang điểm 10 - thời gian 75 phút. Trong đó:

+ Trình bày khung lý thuyết theo câu hỏi: 4 điểm;

+ Phân tích luận điểm hoặc liên hệ trên cơ sở khung lý thuyết theo câu hỏi: 6

điểm.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV không đủ điều kiện dự thi KTHP hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

Trong số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Thi kết thúc học phần	
		Đánh giá quá trình	Bài tập cá nhân
Chuyên cần	25	CL01; CL02; CL03	CL01; CL02; CL03
Trọng số (%)	50	CL01; CL02; CL03	CL01; CL02; CL03

i) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Mức chất lượng		Mức chất lượng	
Tỷ lệ	Tiêu chí	Tỷ lệ	Tiêu chí
60	Hiện diện trên lớp	60	Hiện diện trên lớp
40	Tích cực	40	Tích cực

Từ 8 - 10	Tham gia >95% buổi học	Từ 7 - dưới 8	Tham gia 85-95% buổi học
Từ 8 - 10	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Từ 7 - dưới 8	Khả tích cực tham gia thảo luận; Có trả lời câu hỏi
40	Tích cực	40	Tích cực
60	Hiện diện trên lớp	60	Hiện diện trên lớp
40	Tích cực	40	Tích cực

ii) Rubric đánh giá điểm bài tập

Mức chất lượng		Mức chất lượng	
Tỷ lệ	Tiêu chí	Tỷ lệ	Tiêu chí
30	Thực hiện bài tập	30	Thực hiện bài tập

Từ 8 - 10	Đủ số bài và dung hạn. Hình thức trình bày đẹp	Từ 7 - dưới 8	Đủ số bài và dung hạn. Hình thức trình bày khá đẹp
Từ 8 - 10	Đủ số bài và dung hạn. Hình thức trình bày đẹp	Từ 7 - dưới 8	Đủ số bài và dung hạn. Hình thức trình bày khá đẹp
30	Thực hiện bài tập	30	Thực hiện bài tập
30	Thực hiện bài tập	30	Thực hiện bài tập

Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng >50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu
----------	----	---------------------------------	-------------------------------	--------------------------------	---

iii) Rubric đánh giá thi KTTP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Viết đúng khung lý thuyết	40	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
Giải bài tập hoặc liên hệ (phụ thuộc vào câu hỏi thi)	60	Thực hiện đúng 80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức của bài tập hoặc liên hệ	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập hoặc liên hệ
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5

12. Ngày hoàn thành đề cương: 05/08/2022

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN

TS Nguyễn Trường Cảnh

TS Lê Cao Vinh

Lê Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Văn hóa kinh doanh

(Business cu Lture)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Vũ Thị La

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: tuyetmai.7785@gmail.com 02213.767.066

1.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Yên

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: ngocyemti3387@gmail.com. 02213.767.066

1.3. Giảng viên 3:

Họ và tên: Hoàng Hai Bắc

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: hoanghaibac@gmail.com. 02213.767.066

1.2. Giảng viên 4:

Họ và tên: Nguyễn Đức Hưng

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, PGS.TS

- Email, điện thoại cơ quan: ndhungsbv@gmail.com. 02213.767.066

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Văn hóa kinh doanh

2.2. Mã số: 931139

2.3. Khối lượng: 2 TC (2 Lý thuyết)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

Thời gian	HĐ dạy học		
	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số giờ
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần

- Môn học tiên quyết: Quản trị học

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Quản trị kinh doanh/Kê toán/Kinh tế

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị Kinh doanh, Khoa

Kinh tế

3. Mô tả học phần

Học phần Văn hóa kinh doanh trang bị cho người học những kiến thức chung về văn

hóa kinh doanh (tổng quan về văn hóa kinh doanh, triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh,

văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp) và những kỹ năng cần thiết để tổ chức ứng dụng,

phát triển các kiến thức về văn hóa kinh doanh hoạt động kinh tế, kinh doanh. Thông

qua đó, sinh viên biết vận dụng những vấn đề lý luận để xây dựng và phát triển văn hóa của

doanh nghiệp, ứng dụng trong các hoạt động kinh tế.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần này trang bị cho người học:

* *Kiến thức:*

CO1. Trình bày được đặc trưng của văn hóa kinh doanh, vai trò của văn hóa kinh

doanh, các nhân tố tác động tới văn hóa kinh doanh.

CO2. Trình bày các khái niệm cơ bản về triết lý kinh doanh, Đào đưc kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa trong các hoạt đng kinh doanh.

CO3. Trình bày đưc các đđc trung của văn hóa doanh nghiệp trong từng thời kỳ xã hội Việt Nam.

CO4. Trình bày sự khác biệt về văn hóa trong kinh doanh quốc tế, các lưu ý về văn hóa tại một số quốc gia.

*** Kỹ năng:**

CO5. Phân tích đưc các đđc trung của văn hóa kinh doanh trong từng loại hình doanh nghiệp, trong môi trường gia có nền văn hóa khác nhau

CO6. Phân tích nội dung triết lý kinh doanh của doanh nghiệp, nêu đưc các vấn đề đạo đưc kinh doanh trong các lĩnh vực và vấn đề đạo đưc kinh doanh toàn cầu, phân tích đưc các vấn đề văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp gắn với từng loại hình doanh nghiệp

CO7. Vận dụng kiến thức hiểu biết về văn hóa kinh doanh Việt Nam để đưa ra đưc các vấn đề cần đề cập giải quyết đđi với văn hóa kinh doanh Việt Nam thời kỳ đđi mới.

CO8. Phân tích các đđc trung về văn hóa kinh doanh của một số quốc gia tiêu biểu, Có khả năng xây dựng văn hóa kinh doanh cho các doanh nghiệp khác nhau

Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

CO9. Hoàn thiện tác phong làm việc chuyên nghiệp và tuân thủ các quy định trong công việc đưc giao.

CO10. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đđi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đđi với nhóm trong công việc đưc giao.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CĐR của CTBT
CO1	CL01	Hiểu rõ những nội dung cơ bản của văn hóa kinh doanh; và vai trò của văn hóa kinh doanh, các nhân tố tác đđng tới văn hóa kinh doanh.	PL02, PL03
CO2	CL02	Có kiến thức về các khái niệm cơ bản về triết lý kinh doanh, Đào đưc kinh doanh, văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa trong các hoạt đng kinh doanh.	PL02, PL03, PL04
CO3	CL03	Năm đưc các đđc trung của văn hóa doanh nghiệp trong từng thời kỳ xã hội Việt Nam.	PL02, PL03, PL04
CO4	CL04	Năm đưc một số sự khác biệt về văn hóa trong kinh doanh quốc tế.	PL02, PL03, PL04
Kỹ năng			
CO5	CL05	Nhân diện đưc các đđc trung của văn hóa kinh doanh trong từng loại hình doanh nghiệp, trong môi trường gia có nền văn hóa khác nhau.	PL08
CO6	CL06	Nhân diện đưc các nội dung triết lý kinh doanh, đạo đưc kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp trong một doanh nghiệp cụ thể.	PL010
CO7	CL07	Nhân diện đưc các vấn đề cần đề cập giải quyết đđi với văn hóa kinh doanh Việt Nam thời kỳ đđi mới.	PL011
CO8	CL08	Đề xuất các cách thức xây dựng văn hóa kinh doanh cho các doanh nghiệp khác nhau	PL010, PL011
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
CO9	CL09	Thế hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp và tuân thủ các quy định trong công việc đưc giao	PL014

CO10	CLO10	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong công việc được giao.
		PL015

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

MA HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
931139	kinh doanh	Văn	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL7	PL08	
		hóa	0	0	0	3	0	2	0	0	
		kinh	PL09	PL010	PL011	PL012	PL013	PL014	PL015		
		doanh	0	0	0	0	0	0	0		

7. Nội dung chi tiết của học phần
Chương 1: Tổng quan về học phần văn hoá kinh doanh 7 tiết (05 LT, 02 TL)

- 1.1. Nội dung của môn học văn hóa kinh doanh
- 1.2. Sự cần thiết, phương pháp học môn văn hoá kinh doanh
- 1.3. Khái quát chung về văn hoá
- 1.3.1. Khái luận về văn hoá
- 1.3.2. Các yếu tố cấu thành văn hoá
- 1.3.3. Chức năng và vai trò của văn hoá
- 1.4. Khái quát chung về văn hoá kinh doanh
- 1.4.1. Khái niệm văn hoá kinh doanh
- 1.4.2. Các đặc trưng của văn hoá kinh doanh
- 1.4.3. Các nhân tố tác động tới văn hoá kinh doanh

Chương 2: Triết lý kinh doanh và Đạo đức kinh doanh 8 tiết (06 LT, 02 TL)

- 2.1. Triết lý kinh doanh
- 2.1.1. Khái niệm triết lý kinh doanh
- 2.1.2. Nội dung của triết lý doanh nghiệp
- 2.1.3. Cách thức xây dựng triết lý kinh doanh của doanh nghiệp
- 2.1.4. Các hình thức thể hiện của triết lý doanh nghiệp
- 2.1.5. Vai trò của triết lý doanh nghiệp trong quản lý và phát triển doanh nghiệp
- 2.2. Đạo đức kinh doanh
- 2.2.1. Khái niệm đạo đức kinh doanh
- 2.2.2. Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
- 2.2.3. Vai trò của đạo đức kinh doanh trong quan trị doanh nghiệp
- 2.2.4. Các khía cạnh thể hiện của đạo đức kinh doanh
- 2.2.5. Đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu

Chương 3: Văn hoá doanh nhân, văn hoá doanh nghiệp 6 tiết (04 LT, 02 TL)

- 3.1. Văn hoá doanh nhân
- 3.1.1. Khái niệm doanh nhân
- 3.1.2. Khái niệm văn hoá doanh nhân
- 3.1.3. Ảnh hưởng của văn hoá doanh nhân tới văn hoá kinh doanh
- 3.1.4. Các nhân tố tác động tới văn hoá doanh nhân
- 3.1.5. Các bộ phận cấu thành văn hoá doanh nhân

Nội dung	Lên lớp	Ly thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành/Thi nghiệm	Thực tập tại xưởng	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số

9.1. Lịch trình chung

9. Kế hoạch dạy học

Thông kê.

8.2.3. Nguyễn Mạnh Quân (2005), *Đào đức kinh doanh và văn hoá công ty*, NXB

Đại học Kinh tế quốc dân

8.2.2. Nguyễn Mạnh Quân (2007), *Giáo trình đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty*,

quốc dân

8.2.1. Dương Thị Liễu (2013), *Giáo trình Văn hoá kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế

8.2. Học hiệu tham khảo

thuật Hưng Yên

Khoa Kinh tế (2020), *Tập bài giảng Văn hoá kinh doanh*, Trường Đại học Sư phạm kỹ

8.1. Học hiệu bắt buộc

8. Học hiệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

5.2. Các lưu ý trong văn hoá kinh doanh với một số quốc gia

5.1.2. Hiện tượng sốc văn hoá và vượt qua sốc văn hoá

5.1.1. Khác biệt và giao lưu văn hoá

5.1. Khác biệt văn hoá trong kinh doanh quốc tế

4 tiết (03 LT, 01 TL)

Chương 5: Văn hoá kinh doanh quốc tế

4.3.4. Về bảo vệ môi trường tự nhiên

4.3.3. Về giữ chữ tín trong kinh doanh

4.3.2. Về xây dựng triết lý kinh doanh và chiến lược kinh doanh

4.3.1. Về tính thần hợp tác trong công đồng doanh nhân

4.3. Một số vấn đề đặt ra cần giải quyết trong văn hoá kinh doanh Việt Nam

4.2.3. Một số biểu hiện văn hoá kinh doanh trong doanh nghiệp tư nhân

4.2.2. Một số biểu hiện văn hoá kinh doanh trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước

4.2.1. Một số biểu hiện văn hoá kinh doanh trong doanh nghiệp nhà nước

4.2. Nhân diện văn hoá kinh doanh Việt Nam thời kỳ đổi mới

4.1.3. Văn hoá kinh doanh thời kỳ 1975-1986

4.1.2. Văn hoá kinh doanh trong thời kỳ chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ

4.1.1. Văn hoá kinh doanh Việt Nam thời kỳ phong kiến

4.1. Nhân diện văn hoá kinh doanh Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

5 tiết (04 LT, 01 TL)

Chương 4: Văn hoá kinh doanh Việt Nam

3.3.4. Văn hóa ứng xử trong đàm phán thương lượng

3.3.3. Văn hóa ứng xử trong môi quan hệ với khách hàng

3.3.2. Văn hóa ứng xử trong các mối quan hệ nội bộ doanh nghiệp

3.3.1. Vai trò của văn hóa ứng xử với doanh nghiệp

3.3. Văn hóa ứng xử trong kinh doanh

3.2.5. Các giai đoạn hình thành và cơ cấu thay đổi văn hóa doanh nghiệp

3.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành văn hóa doanh nghiệp

3.2.3. Tác động của văn hóa doanh nghiệp đối với sự phát triển của doanh nghiệp

3.2.2. Các cấp độ văn hóa doanh nghiệp

3.2.1. Khai niệm văn hóa doanh nghiệp

3.2. Văn hoá doanh nghiệp

3.1.6. Hệ thống tiêu chuẩn đánh giá văn hoá doanh nhân

ngoài

Chương	21	24	18	15	12	90
Chương 1	5	6	4	4	3	22
Chương 2	6	2	2	1	1	8
Chương 3	4	2	2	0	0	0
Chương 4	4	2	1	0	0	0
Chương 5	3	2	1	0	0	0
Cộng	22	14	10	8	60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của HP
1	Chương 1: Tổng quan về học phần văn hoá kinh doanh 1.1. Nội dung của môn học văn hoá kinh doanh 1.2. Sự cần thiết, phương pháp học môn văn hoá kinh doanh	Lý thuyết	02	SV nghiên cứu Chương 1 tại liệu 8.1 Đọc và tìm hiểu đặc trưng của văn hóa, văn hóa doanh nghiệp	CLO1
		Tự học, tự NC	04	Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	CLO9
2	Chương 1: Tổng quan về học phần văn hoá kinh doanh 1.3. Khái quát chung về văn hoá	Lý thuyết	02	SV nghiên cứu Chương 1 tại liệu 8.1 Đọc và tìm hiểu đặc trưng của văn hóa, văn hóa doanh nghiệp	CLO1
		Tự học, tự NC	04	Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	CLO9
3	Chương 1: Tổng quan về học phần văn hoá kinh doanh 1.4. Khái quát chung về văn hoá kinh doanh Thảo luận chương 1	Lý thuyết	01	SV nghiên cứu Chương 1 tại liệu 8.1 Đọc và tìm hiểu đặc trưng của văn hóa, văn hóa doanh nghiệp	CLO1
		Thảo luận	01	Liên quan đến chủ đề thảo luận	CLO5
		Tự học, tự NC	04	Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	CLO6
4	Chương 1: Tổng quan về học phần văn hoá kinh doanh Thảo luận chương 1 Chương 2: Triết lý kinh doanh và Đạo đức kinh doanh 2.1 Triết lý kinh doanh	Thảo luận	01	Liên quan đến chủ đề thảo luận	CLO2
		Lý thuyết	01	SV nghiên cứu Chương 2 tại liệu 8.1	CLO5
		Tự học, tự NC	04	Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	CLO6
		Lý thuyết	02	SV nghiên cứu Chương 2 tại liệu 8.1 Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	CLO2
5	Chương 2: Triết lý kinh doanh và Đạo đức kinh doanh 2.1 Triết lý kinh doanh	Lý thuyết	02	SV nghiên cứu Chương 2 tại liệu 8.1	CLO5
		Tự học, tự học,	04	Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	CLO6

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của HP
		tự NC		8.2.2 và các thông tin trên Internet	
6	Chương 2: Triết lý kinh doanh và Đạo đức kinh doanh 2.2 Đạo đức kinh doanh	Lý thuyết	02	SV nghiên cứu Chương 2 tại hiệu 8.1 Nêu vấn đề đạo đức kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp	CLO2 CLO5 CLO6
7	Chương 2: Triết lý kinh doanh và Đạo đức kinh doanh 2.2 Đạo đức kinh doanh	Lý thuyết	01	SV nghiên cứu Chương 2 tại hiệu 8.1	CLO2
		Thảo luận	01	Tìm hiểu các thông tin liên quan đến chủ đề thảo luận	CLO5 CLO6
		Tự học, tự NC	04	Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	
8	Chương 2: Triết lý kinh doanh và Đạo đức kinh doanh Chương 3: Văn hoá doanh nhân, văn hoá doanh nghiệp, văn hoá trong các hoạt động kinh doanh 3.1 Văn hoá doanh nhân	Thảo luận	01	Tìm hiểu các thông tin liên quan đến chủ đề thảo luận	CLO2
		Lý thuyết	01	SV nghiên cứu Chương 2,3 tại hiệu 8.1	CLO3 CLO5
		Tự học, tự NC	04	Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	CLO6
9	Chương 3: Văn hoá doanh nhân, văn hoá doanh nghiệp, văn hoá trong các hoạt động kinh doanh 3.2 Văn hoá doanh nghiệp	Lý thuyết	02	SV nghiên cứu Chương 3 tại hiệu 8.1	CLO2 CLO5
		Tự học, tự NC	04	Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	CLO6
10	Chương 3: Văn hoá doanh nhân, văn hoá doanh nghiệp, văn hoá trong các hoạt động kinh doanh 3.3. Văn hoá ứng xử trong kinh doanh	Thảo luận	01	Tìm hiểu các thông tin liên quan đến chủ đề thảo luận	CLO3
		Lý thuyết	01	SV nghiên cứu Chương 3 tại hiệu 8.1	CLO7
		Tự học, tự NC	04	Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	
11	Thảo luận chương 3 Chương 4: Văn hoá kinh doanh Việt Nam 4.1 Nhân diện văn hoá kinh doanh Việt Nam thời kỳ trước đổi mới	Thảo luận	01	Tìm hiểu các thông tin liên quan đến chủ đề thảo luận	CLO3 CLO7
		Lý thuyết	01	SV nghiên cứu Chương 4 tại hiệu 8.1	CLO8

Bộ môn/GV tự bổ trí

Kiểm tra 1 tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên của HP
		Tự học, Tự NC, Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	04	
12	Chương 4: Văn hoá kinh doanh Việt Nam 4.2 Nhân diện văn hoá kinh doanh Việt Nam thời kỳ đổi mới	Lý thuyết Tự học, Tự NC	02 04	SV nghiên cứu Chương 4 tài liệu 8.1 Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet
13	Chương 4: Văn hoá kinh doanh Việt Nam 4.2 Nhân diện văn hoá kinh doanh Việt Nam thời kỳ đổi mới	Lý thuyết Thảo luận	01 01	SV nghiên cứu Chương 4 tài liệu 8.1 Tìm hiểu các thông tin liên quan đến chủ đề thảo luận
14	Chương 5: Văn hoá kinh doanh quốc tế 5.1 Khác biệt văn hoá trong kinh doanh quốc tế	Lý thuyết Tự học, Tự NC	02 04	SV nghiên cứu Chương 5 tài liệu 8.1 Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet
15	Chương 5: Văn hoá kinh doanh quốc tế 5.1 Khác biệt văn hoá trong kinh doanh quốc tế	Lý thuyết Thảo luận	01 01	SV nghiên cứu Chương 5 tài liệu 8.1 Tìm hiểu các thông tin liên quan đến chủ đề thảo luận
		Tự học, Tham khảo tài liệu 8.2.1, 8.2.2 và các thông tin trên Internet	04	

10. Quy định của học phần đối với người học

- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.
- Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành.
- Mỗi sinh viên hoàn thành một quyển tiểu luận, nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, quy cách theo yêu cầu của GV.
- Hoàn thành bài kiểm tra giữa học phần, kết thúc học phần theo quy chế.
- Các bài tập, câu hỏi trong tuần phải được chuẩn bị trước khi thảo luận hoặc kiểm tra - đánh giá.

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Lý thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các khái niệm, các nội dung Lý thuyết liên quan đến văn hóa kinh doanh	CLO1, CLO2, CLO3
Bài tập, thảo luận	Trình huống, thảo luận nhóm, toạ đàm	Phát triển kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề, năng lực phân tích, rèn luyện hình thành kỹ năng trong văn hóa kinh doanh	CLO4, CLO5, CLO6
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và tách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO7, CLO8

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Tiêu luận

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng và trong văn hóa kinh doanh. Ngoài ra, bài tiêu luận còn giúp sinh viên có thêm kỹ năng trong sưu tầm và tìm kiếm các tài liệu về doanh nghiệp trong thực tế.

- Nội dung: Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về chủ đề được giao như: Văn hóa giao tiếp của các nước trên thế giới, cách thư từ chức vụ văn hóa doanh nghiệp... tìm kiếm tài liệu và trình bày tiêu luận theo đúng yêu cầu của giáo viên

- Hình thức đánh giá: Mỗi sinh viên thực hiện 1 tiêu luận và chấm trực tiếp trên bài tiêu luận.

11.2.2. Kiểm tra

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong nửa đầu của học phần.

- Nội dung: Sinh viên sử dụng các kiến thức để:
 . Trình bày được đặc trưng của văn hóa kinh doanh, vai trò của văn hóa kinh doanh, các nhân tố tác động tới văn hóa kinh doanh

+ Trình bày các khái niệm cơ bản về triết lý kinh doanh, Đạo đức kinh doanh
 + Trình bày được khái niệm cơ bản về văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa trong các hoạt động kinh doanh

+ Phân tích được các đặc trưng của văn hóa kinh doanh trong từng loại hình doanh nghiệp, trong môi trường quốc gia có nền văn hóa khác nhau

+ Phân tích nội dung triết lý kinh doanh của doanh nghiệp, nêu được các vấn đề đạo đức kinh doanh trong các lĩnh vực và vấn đề đạo đức kinh doanh toàn cầu

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết trong thời gian 01 tiết, thu bài kiểm tra và chấm điểm trực tiếp vào bài kiểm tra

11.2.3. Thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá kiến thức, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát hóa; kỹ năng thiết kế bài học; kỹ năng dạy học trực tiếp trên lớp.

- Nội dung: Vấn đề ứng dụng kiến thức của học phần để
 + Trình bày được các đặc trưng của văn hóa doanh nghiệp trong từng thời kỳ xã hội Việt Nam,
 + Trình bày sự khác biệt về văn hóa trong kinh doanh quốc tế, các lưu ý về văn hóa tại một số quốc gia

+ Phân tích được các vấn đề văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp gắn với từng loại hình doanh nghiệp

+ Vấn đề ứng dụng kiến thức hiểu biết về văn hóa kinh doanh Việt Nam để đưa ra được các vấn đề cần giải quyết đối với văn hóa kinh doanh Việt Nam thời kỳ đổi mới.
 + Phân tích các đặc trưng về văn hóa kinh doanh của một số quốc gia tiêu biểu
 + Có khả năng xây dựng văn hóa kinh doanh cho các doanh nghiệp khác nhau

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết trong thời gian 75 phút

- Thi kết thúc học phần: Theo lịch thi của phòng Đào tạo

11.3. Cách thức đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm trung bình qua trình là trung bình cộng của các điểm đánh giá bộ phận: điểm kiểm tra, điểm tiêu luận và điểm đánh giá phần thực hành. Các điểm đánh giá bộ phận phải \geq

5 điểm đủ điều kiện dự thi KTHP. Sinh viên được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt. Sinh viên không đủ điều kiện dự

thi sẽ học lại học phần đó.

- Học phần được công nhận đạt khi đảm bảo các điều kiện sau: Có đầy đủ các điểm thành phần quy định; điểm thi KTHP \geq 5 điểm.

- Trùng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá	Trùng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần	
		Tiêu luận	Kiểm tra
Đánh giá quá	25	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	CLO1, CLO2, CLO3
trình	25		Kiểm tra
Thi kết thúc học phần	50	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	

- Rubric của từng phần đánh giá trong bảng:

I) Rubric đánh giá điểm bài kiểm tra

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng tình huống mới	30%	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích tạo, phân tích đánh giá dựa trên 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá dựa trên 70% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá dựa trên 50% hoặc >50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá dựa trên 50% hoặc >50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài
Hiệu, áp dụng	40%	Thực hiện đáp ứng từ 80% yêu cầu bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 50% hoặc >50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài
Nhớ, biết	30%	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức
Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5

II) Rubric đánh giá điểm tiêu luận

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Hình thức	20	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày đẹp	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày khá	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, trình bày không đúng thể thức nộp muộn.	Không đúng kết cấu, không đúng thể thức nộp muộn.
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5

Nội dung	80	Đúng chủ đề được giao, liên hệ thực tế và có các đề xuất đáp ứng từ 80% yêu cầu của chủ đề được giao.	Đúng chủ đề được giao, liên hệ thực tế và có các đề xuất đáp ứng từ 50% dưới 70% yêu cầu của chủ đề được giao.	Đúng chủ đề được giao.
----------	----	---	--	------------------------

III) Rubric đánh giá thi KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	
Nhớ, biết	30%	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	
		Thực hiện đáp ứng từ 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	
		Phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng tình huống mới	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài
		Hiệu, áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập áp dụng
Tiền chi		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
Điểm		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu

TRƯỜNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN

TS. Nguyễn Văn Hương

Ths. Lê Thị Hồng Quyên

TS. Vũ Thị La

12. Ngày hoàn thành đề cương 05/08/2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: TẬP CẢ CÁC NGÀNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KI NĂNG MỀM
(Soft skills training)

1. Thông tin về Giảng viên

- 1.1. Giảng viên 1:
- Họ và tên: Nguyễn Hữu Hợp
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213713150, huuhop78@gmail.com
- 1.2. Giảng viên 2:
- Họ và tên: Nguyễn Thị Cục
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213713150, huuhop78@gmail.com

- 1.3. Giảng viên 3:
- Họ và tên: Trần Mai Duyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213713150: nguyenthicucspkth@gmail.com

- 1.4. Giảng viên 4:
- Họ và tên: Phan Thị Thanh Cảnh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, duyenutehy@gmail.com

- 1.5. Giảng viên 5:
- Họ và tên: Đoàn Thanh Hòa
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, phan.thanhcanh13@gmail.com

- 1.6. Giảng viên 6:
- Họ và tên: Nguyễn Thị Liễu
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, hoaspkthy@gmail.com

- 1.7. Giảng viên 7:
- Họ và tên: Hoàng Thị Ngọc
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, ntlieu.693@gmail.com

“Thực tế cho thấy người thành đạt chỉ có 25% là do những kiến thức chuyên môn, 75% còn lại được quyết định bởi những kĩ năng mềm họ được trang bị” – Wikipedia. Muốn đạt được thành công trong cuộc sống và sự nghiệp, người học phải hội tụ đủ kĩ năng chuyên môn (kĩ năng cứng) và kĩ năng mềm. Nếu số hữu được các kĩ năng mềm chuyên nghiệp, nó sẽ đóng góp lớn vào sự thành công trong công việc. Môn học kĩ năng mềm giới thiệu cho người học tầm quan trọng của kĩ năng từ nhân

nhân thực tế tầm quan trọng của kĩ năng mềm của ngành giáo dục nước ta. đây, kĩ năng mềm đã được đưa vào giảng các trường Đại học. Điều đó cho thấy việc trong những yêu cầu tuyển dụng quan trọng. Tại các trường học, gần chục năm trở lại nhà tuyển dụng xem trọng những kĩ năng mềm về tính cách này và xem đây là một Trong xã hội hiện đại, kĩ năng mềm ngày càng được đánh giá cao. Rất nhiều

3. Mô tả học phần

khoa Sư phạm Kĩ thuật

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Sư phạm Kĩ thuật,

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên các ngành

- Học phần song hành: Không.
- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không

2.6. Điều kiện học phần

2.5. Học phần: Bất buộc

HD dạy học	Thời gian	Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90
		Giờ giảng trên lớp		Tự học, tự NC	Tổng số giờ

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

2.3. Khối lượng: 2TC (2 Lít thuyết)

2.2. Mã số: 711170

2.1. Tên học phần: Kĩ năng mềm

2. Thông tin chung về học phần

- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, lethuy231083@gmail.com

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Lê Thị Thu Thủy

1.9. Giảng viên 9:

- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, phuongsptk.utehy@gmail.com

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Họ và tên: Lê Ngọc Phương

1.8. Giảng viên 8:

- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, hoangngocspkth@gmail.com

thực. Học phần cũng giới thiệu về cách thức giao tiếp, ứng xử trong môi trường công sở - nơi làm việc của sinh viên sau khi ra trường cách chuẩn bị hồ sơ xin việc, viết đơn xin việc, lý lịch ứng viên, kỹ năng tham gia phỏng vấn xin việc làm. Đây là những kỹ năng rất cần thiết, giúp người học lựa chọn cho mình một công việc phù hợp, biết phát huy điểm mạnh, biết khẳng định bản thân mình với nhà tuyển dụng và giúp người học tự tin, chủ động nhằm đạt được thành công trong quá trình giao tiếp.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COS)

Học phần này trang bị cho người học:

** Kiến thức:*

CO1: Cách thức tự nhận thức bản thân;

CO2. Phương pháp và kỹ năng học tập đại học;

CO3. Yêu cầu và cách thức chuẩn bị hồ sơ xin việc làm; quy trình, nội dung phỏng vấn xin việc.

CO4. Các nghi thức, nguyên tắc giao tiếp nơi công sở, cách thức giải quyết các tình huống trong giao tiếp nơi công sở.

** Kỹ năng:*

CO5. Nhân diện dùng điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

CO6. Xây dựng sơ đồ tư duy phù hợp với chủ đề và thuyết trình dựa trên sơ đồ

đồ.

CO7. Chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời các câu hỏi của nhà tuyển dụng;

CO8. Thực hiện đúng nghi thức giao tiếp nơi công sở, xử lý được các tình

huống giao tiếp điển hình nơi công sở.

CO9. Rèn luyện kỹ năng hợp tác, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn

đề, kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân, kỹ năng tư duy sáng tạo.

** Mức độ tự chủ và trách nhiệm:*

CO10: Thể hiện sự tự tin, chăm chỉ, tích cực trong giải quyết nhiệm vụ học tập.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là

CLOS)

Mức tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng)	CĐBT của CĐR
CO1	CLO1	Nêu được ý nghĩa và cách thức tự nhận thức đặc điểm của bản thân;	
<i>Kiến thức</i>			

CO2	CL02	Xác định được các phương pháp và kỹ năng học tập đại học căn cơ;	
CO3	CL03	Trình bày được các yêu cầu và cách thức chuẩn bị hồ sơ xin việc làm; quy trình, nội dung phỏng vấn xin việc.	
CO4	CL04	Phân tích được các nghi thức, nguyên tắc giao tiếp nơi công sở, cách thức giải quyết các tình huống trong giao tiếp nơi công sở.	
Kỹ năng			
CO5	CL05	Đánh giá được đúng đắn, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.	
CO6	CL06	Xây dựng được sơ đồ tư duy phù hợp với chủ đề và thuyết trình dựa trên sơ đồ đó.	
CO7	CL07	Chuẩn bị được hồ sơ xin việc và trả lời các câu hỏi của nhà tuyển dụng.	
CO8	CL08	Thực hiện được đúng nghi thức giao tiếp nơi công sở, xử lý được các tình huống giao tiếp điển hình nơi công sở một cách linh hoạt, khéo léo.	
CO9	CL09	Rèn luyện được các kỹ năng hợp tác, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân, kỹ năng tư duy sáng tạo.	
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO10	CL010	Thể hiện sự tự tin, chăm chỉ, tích cực trong giải quyết nhiệm vụ học tập.	

6. Mức độ đóng góp của học phần đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTBT									
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
711170	Ki năng mềm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		0	0	3	0	0	0	0	0	0	3

7. Nội dung chi tiết của học phần

Bài 1: Kỹ năng tự nhận thức

(1 LT + 2 BT/TL)

1.1. Khái quát chung về kỹ năng tự nhận thức

1.1.1. Khái niệm kỹ năng tự nhận thức

1.1.2. Ý nghĩa kỹ năng tự nhận thức

1.1.3. Biện pháp rèn luyện kỹ năng tự nhận thức

1.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Giáo viên hướng dẫn

Bước 2: Tổ chức hoạt động để sinh viên nhận thức bản thân

Bước 3: Nhận xét

Bài 2: Phương pháp và kỹ năng học tập ở đại học

(3 LT + 4 BT/TL)

2.1. Kỹ năng sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập

2.1.1. Sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập

- Ý nghĩa của việc sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập

- Yêu cầu của việc sử dụng sơ đồ tư duy trong học tập

- Các bước thiết kế sơ đồ tư duy trong học tập

2.1.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Giáo viên hướng dẫn

Bước 2: Sinh viên thiết kế sơ đồ tư duy cho chủ đề cụ thể

Bước 3: Giáo viên đánh giá

Sản phẩm: Sơ đồ tư duy theo chủ đề được phân công

2.2. Tư duy thiết kế (Design thinking)

2.2.1. Khái quát chung về tư duy thiết kế

- Khai niệm tư duy thiết kế

- Qua trình tư duy thiết kế

2.2.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Giáo viên hướng dẫn

Bước 2: Thực hiện các bài tập luyện tập về tư duy thiết kế

Bước 3: Giao viên danh gia
Sân phẩm: Bàn thiết kế hoặc mô hình sản phẩm theo bài thực hành

Bài 3: Kỹ năng xin việc làm

(5 LT + 5 BT/TL)

3.1. Kỹ năng xác định năng lực và mục đích nghề nghiệp

- 3.1.1. Khái quát chung về năng lực và mục đích nghề nghiệp
- Ý nghĩa danh gia năng lực của bản thân và xác định mục đích nghề nghiệp

nghề nghiệp

- Phương pháp danh gia năng lực của bản thân và xác định mục đích nghề nghiệp

nghề nghiệp

3.1.2. Quy trình luyện tập

3.2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin việc làm

3.2.1. Khái quát về tìm kiếm thông tin việc làm

- Các nguồn thông tin tuyển dụng chính thức và không chính thức

- Phương pháp tìm kiếm thông tin việc làm

3.2.2. Quy trình luyện tập

3.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ tuyển

3.3.1. Khái quát chung về kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc làm

- Vai trò và ý nghĩa của hồ sơ khi xin việc

- Cách thức chuẩn bị hồ sơ xin việc làm

3.3.2. Quy trình luyện tập

3.4. Kỹ năng tham dự phỏng vấn xin việc làm

3.4.1. Khái quát chung về tham dự phỏng vấn xin việc làm

- Xu hướng, hình thức tuyển dụng hiện nay

- Chuẩn bị cho phỏng vấn xin việc làm

- Quy trình phỏng vấn xin việc làm

- Phương án trả lời câu hỏi khi tham dự phỏng vấn xin việc làm

- Cách thức gây thiện cảm và thuyết phục nhà tuyển dụng

3.4.2. Quy trình luyện tập

* Bài tập/ Thảo luận

- Thảo luận: Tìm kiếm thông tin việc làm thông qua các nguồn nào? Cách

nhận biết độ tin cậy của các thông tin việc làm trên phương tiện truyền thông?

- Thực hành viết lý lịch và đơn xin việc làm phù hợp với chuyên ngành của

bản thân.

- Thực hành đóng vai trong các tình huống phỏng vấn xin việc

Bài 4: Kỹ năng tiếp nơi công sở
(SLT + 5 BT/TL)

4.1. Kỹ năng chào hỏi

4.1.1. Khái quát chung về chào hỏi

- Định nghĩa chào hỏi

- Yêu cầu khi chào hỏi

- Nguyên tắc chào hỏi

- Cách thức chào hỏi

4.1.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Tìm hiểu các tình huống

Bước 2: Nhập vai và luyện tập theo các tình huống

Bước 3: Thê hiện việc chào hỏi các tình huống giao tiếp cụ thể

Bước 4: Giáo viên đánh giá

Bài tập: Nhập vai các tình huống giao tiếp và thực hiện kỹ năng chào hỏi

4.2. Kỹ năng bắt tay

4.2.1. Khái quát chung về bắt tay

- Định nghĩa bắt tay

- Nguyên tắc bắt tay

- Cách thức bắt tay

4.2.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Tìm hiểu các tình huống

Bước 2: Nhập vai và luyện tập theo các tình huống

Bước 3: Thê hiện việc bắt tay các tình huống giao tiếp cụ thể

Bước 4: Giáo viên đánh giá

Bài tập: Nhập vai các tình huống giao tiếp và thực hiện kỹ năng bắt tay

4.3. Kỹ năng giới thiệu làm quen

4.3.1. Khái quát chung về giới thiệu làm quen

- Định nghĩa lời giới thiệu

- Nguyên tắc giới thiệu làm quen

- Cách thức giới thiệu

4.3.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Tìm hiểu các tình huống

Bước 2: Nhập vai và luyện tập theo các tình huống

Bước 3: Thể hiện việc giới thiệu làm quen các tình huống giao tiếp cụ thể

Bước 4: Giao viên danh giả

Bài tập: Nhập vai các tình huống giao tiếp và thực hiện kỹ năng giới thiệu làm quen

4.4. Kỹ năng giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở

4.4.1. Khai quát chung về giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở

- Cách thức giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở
- Những điểm cần lưu ý khi giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở

4.4.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Tìm hiểu các tình huống

Bước 2: Nhập vai và luyện tập theo các tình huống

Bước 3: Thể hiện việc giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở

Bước 4: Giao viên danh giả

Bài tập nhập vai các tình huống giao tiếp và thực hiện kỹ năng giao tiếp

bảng điện thoại

4.5. Kỹ năng ứng xử nơi công sở

4.5.1. Khai quát chung về ứng xử nơi công sở

- Quan hệ giao tiếp giữa cấp trên với cấp dưới

- Quan hệ giao tiếp giữa cấp dưới với cấp trên

- Quan hệ giao tiếp giữa nhân viên với nhân viên

4.5.2. Quy trình luyện tập

Bước 1: Tìm hiểu các tình huống

Bước 2: Nhập vai và luyện tập theo các tình huống

Bước 3: Thể hiện việc ứng xử nơi công sở trong các tình huống giao tiếp

Bước 4: Giao viên danh giả

Bài tập nhập vai các tình huống giao tiếp và thực hiện kỹ năng ứng xử nơi

công sở.

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Học liệu bài buổi

Khoa Sư phạm Kỹ thuật (2022), Đề cương bài giảng KT năng mềm, Trường DSHSPKT Hưng Yên.

8.2. Học liệu tham khảo
 Khoa Sư phạm Kỹ thuật (2015), Đề cương bài giảng giao tiếp, Trường
 ĐHSPKT Hưng Yên.

9. Kế hoạch dạy học
 9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Lên lớp			Thực hành/Thi nghiệm	Thực tập tại xưởng học, tự nghiên cứu	Tổng số
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Bài 1: Kỹ năng tự nhận thức	1	1	0			9
Bài 2: Phương pháp và kỹ năng tập ở đại học	3	4	0			21
Bài 3: Kỹ năng xin việc làm	5	4	1			30
Bài 4: Kỹ năng giao tiếp nơi công sở	5	5	0			30
Tổng cộng	14	15	1			90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức thực hành	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CDR của HP
1	Bài 1: Kỹ năng tự nhận thức 1.1. Khái quát chung về kỹ năng tự nhận thức 1.1.1. Khái niệm kỹ năng tự nhận thức 1.1.2. Ý nghĩa kỹ năng tự nhận thức	Lý thuyết	1	Đọc tài liệu 8.1, 8.2 và trả lời câu hỏi: Ý nghĩa của tự nhận thức bản thân?	

		NC			
		NC			
		Li thuyết	Đọc 8.1; 8.2: Danh giá năng lực và phẩm chất của cá nhân; xác định mục đích xin việc làm		
		Thảo luận	Độc 8.1; 8.2: Tìm hiểu các nguồn cung cấp thông tin việc làm và cách xác định độ tin cậy của thông tin. (Sản phẩm: Trình bày trên giấy A0, các nguồn tìm kiếm thông tin việc làm, cách nhận biết các thông tin đáng tin cậy)		
		Li thuyết	Độc 8.1; 8.2: Danh giá năng lực và phẩm chất của cá nhân; xác định mục đích xin việc làm		
		Thảo luận	Độc 8.1; 8.2: Tìm hiểu tin việc làm thông qua các nguồn nào? Cách nhận biết độ tin cậy của các thông tin việc làm trên phương tiện truyền thông?		
3		Li thuyết	Độc 8.1; 8.2: Danh giá năng lực và phẩm chất của cá nhân; xác định mục đích xin việc làm		
		Li thuyết	Độc 8.1; 8.2: Chuẩn bị hồ sơ xin việc làm (Kỹ thuật viết đơn, sơ yếu lý lịch)		
		Tự học, tự NC	Độc 8.1; 8.2: Danh giá yêu cầu của bản thân		

CLO3
CLO7
CLO9
CLO10

Loại học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mức đích sử dụng	CĐR của học phần
Li thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, Công nào, thảo luận nhóm	- Dạy học các khái niệm, các nội dung li thuyết liên quan đến kĩ năng tự nhân thức, phương pháp và kĩ năng học tập ở DH	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập

- Thảo luận/ Bài tập: 07 nhiệm vụ thảo luận/ bài tập phải được sinh viên chuẩn bị trước và trình bày trước lớp.
- Bài tập cá nhân, nhóm: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm qua trình.
- Thảo luận/ Bài tập: 07 nhiệm vụ thảo luận/ bài tập phải được sinh viên chuẩn bị trước và trình bày trước lớp.
- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

10. Quy định học phần đối với người học

CLO9 CLO10	4.4.1. Khái quát chung về giao tiếp bằng điện thoại nơi công sở	Bài tập	10	4.4.1. Khái quát chung về công nghệ	Tìm hiểu các cách thức ứng xử thông minh trong những tình huống giao tiếp nơi công sở	Tự nghiên cứu	4.4.2. Quy trình luyện tập công nghệ	Độc 8.1; 8.2 để chỉ ra những cách thức ứng xử thông minh, hiệu quả trong giao tiếp
	4.4.2. Quy trình luyện tập công nghệ			4.5. Kỹ năng ứng xử nơi công sở			4.5.1. Khái quát chung về công nghệ	
			3	Hình thành các nhóm cùng trao đổi, xây dựng tình huống, cách giải quyết tình huống và sắm vai thể hiện hình huống đó.				

		thuyết liên quan đến kỹ năng xin việc làm và kỹ năng giao tiếp nơi công sở
	Bài tập, thảo luận	- Phát triển kỹ năng tư duy, năng lực giao tiếp, hợp tác, rèn luyện kỹ năng thuyết trình, sự tự tin trong giao tiếp
	Luận	- Phát triển kỹ năng giao tiếp ứng xử, khả năng hợp tác, rèn luyện kỹ năng giao tiếp nơi công sở, phòng văn xin việc làm, viết đơn xin việc làm, sơ yếu lý lịch.
CL05; CL06; CL07; CL08; CL09; CL010;		
CL09; CL010	Tự học, Hướng dẫn học	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

phần

11.2.1. Chuyên cần

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; tính tự giác, tích cực, chủ động học tập của sinh viên
- Nội dung: Sinh viên thực hiện nề nếp ra vào lớp đúng giờ, dự đủ tối thiểu 80% giờ lên lớp; đọc trước tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ được giao trước khi đến lớp; tích cực tham gia xây dựng bài.
- Hình thức đánh giá: Cho điểm trực tiếp vào phiếu theo dõi học tập theo rubric đánh giá điểm chuyên cần.

11.2.2. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kỹ năng viết đơn xin việc và kỹ năng viết sơ yếu lý lịch trong quá trình chuẩn bị hồ sơ xin việc.
- Nội dung: Sinh viên thực hiện viết đơn xin việc và sơ yếu lý lịch đảm bảo tính thẩm mỹ và thể hiện các thông tin chung tin chung theo mẫu hướng dẫn.
- Hình thức đánh giá: Thu sản phẩm và đánh giá bằng phiếu theo rubric đánh giá điểm bài tập.

11.2.2. Thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá kỹ năng giao tiếp nơi công sở sự tự tin, chủ động của sinh viên trong thực hiện nhiệm vụ.
- Nội dung: Vấn dụng kiến thức của học phần để xây dựng và thể hiện tình huống giao tiếp nơi công sở.
- Hình thức đánh giá: Đánh giá sự thực hiện kỹ năng giao tiếp nơi công sở theo tiêu chí đánh giá cụ thể.
- Thời gian: Tổ chức cho sinh viên thể hiện kỹ năng giao tiếp nơi công sở theo nhóm vào buổi học cuối cùng của học phần.

11.3. Cách thực đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Các điểm danh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm danh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nêu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

- Trong số các điểm thành phần như sau:

Thành phần danh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	25	Chuyên cần
	25	Bài tập cá nhân
Thi kết thúc học phần	50	CL08; CL09; CL010;

- Rubric của từng phần danh giá trong bảng:

x) Rubric đánh giá điểm chuyên cần

Tiêu chí		Tỷ lệ	Mức chất lượng			
Hiện diện trên lớp	70	Tốt	Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học
	Tích cực	30	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khá tích cực tham gia thảo luận; Có ý kiến đóng góp	Ít tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu

Tiêu chí		Tỷ lệ	Mức chất lượng			
Thực hiện bài tập	30	Tốt	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
	Điểm	Không đạt yêu cầu	Trừ 8 - 10	Trừ 7 - dưới 8	Trừ 5 - dưới 7	Dưới 5

	Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng >50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu
--	----------	----	---------------------------------	-------------------------------	--------------------------------	---

!!!) Rubric danh giá thi KTHP

Mức chất lượng						
----------------	--	--	--	--	--	--

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt	Điểm
Xây dựng tình huống giao tiếp nơi công sở	30	Đúng quy định và đúng hàn. Hình thức trình bày đẹp	Đúng quy định và đúng hàn. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng quy định nhưng nộp muộn	Không đúng quy định và hạn nộp. Bài do người khác thực hiện	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Thế hiện kĩ năng giao tiếp nơi công sở	70	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	

12. Ngày hoàn thành đề cương: 5/8/2022

TRƯỜNG KHOA

Nguyễn Hữu Hợp



TRƯỜNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Liễu



GIẢNG VIÊN

Hoàng Thị Ngọc



CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CỬ NHÂN KINH TẾ, NGÔN NGỮ ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tâm lý học xã hội

(Social psychology)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Hợp

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: 03213713150, huuho78@gmail.com

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Lê Ngọc Phương

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, phuongspkt.uehy@gmail.com

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Lê Thị Thu Thủy

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, lethuthuyspkt@gmail.com

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Trần Mai Duyên

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, duyenuehy@gmail.com

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Phan Thị Thanh Cảnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, phan.thanhcanh13@gmail.com

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Cúc

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: 03213713150: nguyenthicucspkthy@gmail.com

1.7. Giảng viên 7:

- Họ và tên: Đoàn Thanh Hòa

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, hoaspkthv@gmail.com

1.8. Giảng viên 8:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Liễu

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, mlieu.693@gmail.com

1.9. Giảng viên 9:

- Họ và tên: Hoàng Thị Ngọc

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: 03213.713.150, hoangngocspkthv@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Tâm lý học xã hội

2.2. Mã số: 711135

2.3. Khối lượng: 2 TC (2 Li thuyết)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

HĐ dạy học	Thời gian	Tiết/Giờ thực hiện		
		30	60	90
Giờ giảng trên lớp				
Tự học, tự NC				
Tổng				

2.5. Học phần: Bất buộc

2.6. Điều kiện học phần

- Học phần tiên quyết: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Ngôn ngữ anh; Quản trị kinh doanh;

Kê toán.

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Sư phạm KI thuật,

khoa Sư phạm KI thuật.

3. Mô tả học phần

Môn tâm lý học xã hội là môn học giúp sinh viên có được cách tiếp

cận hoạt động- giao tiếp- nhân cách đối với các biểu hiện của tâm lý xã hội, từ

đó sẽ có nhân thức được một cách sâu sắc những vấn đề nổi bật của các giai

đoàn yêu tố tâm lý xã hội nhất định. Môn học này cho biết các hiện tượng tâm lý

xã hội, đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội; bầu không khí nhóm, vai trò,

và biểu hiện của nhóm; người thủ lĩnh nhóm phải làm gì, làm như thế nào để có

thể tạo lập và giữ vững bầu không khí tâm lý tích cực.

Môn học này được kết cấu thành 4 chương phân ảnh nhưng li luận cơ bản

về định kiến xã hội, ảnh hưởng, các hiện tượng tâm lý xã hội và hướng dẫn thực

hành về xây dựng bầu không khí tích cực, giải quyết xung đột, cách tạo sự đồng

thuận trong nhóm....

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COS)

Học phần này trang bị cho người học:

*** Kiến thức:**

CO1: Bản chất, nguyên tắc, các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học xã hội.

CO2: Các cơ chế tâm lý xã hội: Định kiến xã hội; ảnh hưởng xã hội đối với sự phát triển bản thân.

CO3: Các giai đoạn phát triển của nhóm; các hiện tượng áp lực nhóm.

CO4: Đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội và sự tác động của các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản như: bầu không khí tâm lý, tâm trạng xã hội, dư luận xã hội, sự tương đồng và xung đột.

*** Kỹ năng:**

CO5: Trình bày, chứng minh bản chất, nguyên tắc; phân tích các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học xã hội

CO6: Phân tích, đánh giá tác động của tri giác xã hội; định kiến xã hội; ảnh hưởng xã hội tới bản thân, người khác, tập thể và xã hội

CO7: Phân tích, đánh giá thực chất bầu không khí nhóm, từ đó hoạch định được phương thức chung để quản lý nhóm hiệu quả.

CO8: Giải quyết được xung đột, thuyết phục và thỏa hiệp trong tình huống cụ thể. Tạo sự ảnh hưởng để phát triển bản thân.

*** Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

CO9: Sự chăm chỉ, nhiệt tình, tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các khác biệt giữa các cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CTBT của CBR
CO1	CLO1	Trình bày, chứng minh được bản chất, nguyên tắc; phân tích được các phương pháp nghiên cứu của tâm lý học xã hội	
CO2	CLO2	Phân tích được các cơ chế tâm lý xã hội như: Định kiến xã hội; ảnh hưởng xã hội... và sự tác động đối với sự phát triển bản thân	
CO3	CLO3	Giải thích được tâm lý nhóm, phân biệt được các giai đoạn phát triển của nhóm cũng như các hiện tượng áp lực nhóm nhằm phục vụ cho công việc của bản thân	

Kiến thức

Mã	Tên	HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTBT									
			Tâm lý xã	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09

6. Mức độ đóng góp của học phần chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO16	Thê hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.
						CO7
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO15	Thiết lập được sự ảnh hưởng của bản thân tới người khác nhằm phát triển bản thân
						CO8
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO14	Giải quyết được những xung đột, thuyết phục và thỏa hiệp cho những tình huống cụ thể trong cuộc sống và công việc
						CO7
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO13	Hoạch định được kế hoạch phát triển nhóm. Xây dựng được chuẩn mực cho một nhóm.
						CO6
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO12	Sử dụng thành thạo kỹ thuật giải tỏa áp lực nhóm tạo sự đồng thuận trong nhóm
						CO5
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO11	Đánh giá được thực chất sự phát triển và truyền thông của nhóm
						CO4
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO10	Phân tích được bầu không khí tâm lý, mối quan hệ giữa các thành viên trong nhóm
						CO3
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO9	Phân tích được tác động của Ảnh hưởng xã hội đến bản thân, tập thể và xã hội
						CO2
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO8	Đánh giá được ảnh hưởng của định kiến xã hội đến con người và xã hội
						CO1
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO7	Phân tích được các cơ chế tri giác xã hội
						CO0
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO6	Sử dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học của tâm lý học xã hội
						CO0
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO5	Chương trình được nguyên tắc, bản chất của Tâm lý học xã hội
						CO0
Kỹ năng						
Mã	Tên	CLO	Mô tả	Mức tự chủ và trách nhiệm	CLO4	Phân tích được đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội (bầu không khí tâm lý, tâm trạng xã hội, dư luận xã hội, sự tương đồng và xung đột) và ảnh hưởng của các hiện tượng tâm lý xã hội này đến công việc của bản thân
						CO0

hội	0	0	3	0	0	0	0	0	0	3
	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15					
	0	0	0	1	0					

7. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: Tâm lý học xã hội là một khoa học

04 tiết (LT: 3, BT/TL: 1)

1.1. Sơ lược về lịch sử hình thành của Tâm lý học xã hội

1.1.1. Những tiền đề triết học

1.1.2. Các trường phái tâm lý học xã hội

1.2. Bản chất, đối tượng, nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội

1.2.1. Bản chất

1.2.2. Đối tượng

1.2.3. Nhiệm vụ

1.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

1.3.1. Nguyên tắc nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội

Chương 2: Các cơ chế tâm lý xã hội

8 tiết (LT: 6, BT/TL: 2)

2.1. Tri giác xã hội

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các cơ chế tri giác xã hội

2.2. Định kiến xã hội

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Nguyên nhân hình thành định kiến xã hội

2.3. Ảnh hưởng xã hội

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Phân loại

2.3.2.1. Bất chước

2.3.2.2. Lấy lan

2.3.2.3. Âm thi

2.3.2.4. Thỏa hiệp

2.3.2.5. Đồng nhất hoá

2.3.2.6. A dua

Chương 3: Tâm lý nhóm

10 tiết (LT: 7, BT/TL: 3)

3.1. Khái niệm về nhóm xã hội

3.1.1. Định nghĩa

- 3.1.2. Đặc điểm
- 3.1.3. Phân loại
- 3.1.4. Các giai đoạn phát triển của nhóm
- 3.1.5. Truyền thông nhóm
- 3.1.6. Chuẩn mực nhóm
- 3.1.7. Hiện tượng áp lực nhóm
- 3.1.8. Sự nhất trí trong nhóm
- 3.2. Nhóm lớn và tâm lý nhóm lớn**
- 3.2.1. Khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm lớn
- 3.2.2. Đặc điểm tâm lý nhóm lớn
- 3.3. Nhóm nhỏ và tâm lý nhóm nhỏ**
- 3.2.1. Khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm nhỏ
- 3.2.2. Đặc trưng tâm lý nhóm nhỏ
- Chương 4: Các hiện tượng tâm lý xã hội**
8 tiết (LT: 6, BT/TL:2)
- 4.1. Khái niệm chung về hiện tượng tâm lý xã hội**
- 4.1.1. Khái niệm hiện tượng tâm lý xã hội
- 4.1.2. Đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội
- 4.2. Các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản**
- 4.2.1. Bầu không khí tâm lý
- 4.2.2. Tâm trạng xã hội
- 4.2.3. Dự luận xã hội
- 4.2.4. Sự tương đồng và xung đột
- 8. Học hiệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)**
- 8.1. Học hiệu bất bước**
- Khoa Sư phạm Kĩ thuật (2022), Giáo trình nội bộ Tâm lý học xã hội, Đại học SPKT Hưng Yên
- 8.2. Học hiệu tham khảo**
- 8.2.1. Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc Uyên (1998), *Tâm lý học xã hội*, NXB Giáo dục.
- 8.2.2. Trần Hiệp (1991), *Tâm lý học xã hội (lý luận và ứng dụng)*, NXB Khoa học xã hội.
- 8.2.3. Bùi Văn Huệ (chủ biên), Vũ Dũng (2003), *Tâm lý học xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 8.2.4. Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc Uyên (1998), *Tâm lý học quản lí*, NXB Giáo dục.
- 8.2.5. Vũ Dũng (2009), *Tâm lý học dân tộc*, NXB từ điển Bách khoa, Hà Nội.

8.2.6. Hồ Ngọc Hải, Vũ Dũng (1996), *Các phương pháp của Tâm lý học xã hội*, NXB Khoa học xã hội.

9. Kế hoạch dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Lên lớp	Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng học, tự nghiên cứu	Tổng số
	Lý thuyết	Bài tập				
	Thảo luận	Thảo luận				
Chương 1. Tâm lý học xã hội là một khoa học	3	1				12
Chương 2. Các cơ chế tâm lý học xã hội	6	2				24
Chương 3. Tâm lý nhóm	7	2	1			30
Chương 4: Các hiện tượng tâm lý xã hội	6		2			24
Cộng	22	4	4			90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CDR của HP
1	<p>Chương 1:</p> <p>1.1. Sơ lược về lịch sử hình thành của Tâm lý học xã hội</p> <p>1.1.1. Những tiền đề triết học</p> <p>1.1.2. Các trường phái tâm lý học xã hội</p> <p>1.2. Bản chất, đối tượng, nhiệm vụ của Tâm lý học xã hội</p> <p>1.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của</p>	Lý thuyết	3		CDR CLO1; CLO5; CLO6

học xã hội	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 Xác định được đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý học	6	Tự học, tự NC	Tâm lý học xã hội 1.3.1. Nguyên tắc nghiên cứu của Tâm lý học xã hội 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và thảo luận tìm hiểu bản chất của tâm lý học xã hội.	1	Thảo luận 1	Chương 2: 2.1. Tri giác xã hội 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Các cơ chế tri giác xã hội	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời câu hỏi: Các cơ chế tri giác xã hội; Định kiến xã hội.	2	Lý thuyết	Tri giác xã hội	2	Tự học, tự NC	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan tìm hiểu Tri giác xã hội	CLO2; CLO7; CLO8
				2.1. Tri giác xã hội 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Các cơ chế tri giác xã hội 2.2. Định kiến xã hội 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Nguyên nhân hình thành định kiến xã hội				Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan tìm hiểu Tri giác xã hội								
học xã hội	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và thảo luận tìm hiểu bản chất của tâm lý học xã hội.	6	Tự học, tự NC	Tâm lý học xã hội 1.3.1. Nguyên tắc nghiên cứu của Tâm lý học xã hội 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học xã hội	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và thảo luận tìm hiểu bản chất của tâm lý học xã hội.	1	Thảo luận 1	Chương 2: 2.1. Tri giác xã hội 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Các cơ chế tri giác xã hội	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời câu hỏi: Các cơ chế tri giác xã hội; Định kiến xã hội.	2	Lý thuyết	Tri giác xã hội	2	Tự học, tự NC	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan tìm hiểu Tri giác xã hội	CLO2; CLO7; CLO8
				2.1. Tri giác xã hội 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Các cơ chế tri giác xã hội 2.2. Định kiến xã hội 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Nguyên nhân hình thành định kiến xã hội				Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan tìm hiểu Tri giác xã hội								
CLO2; CLO8; CLO9	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan tìm hiểu về cơ chế bất chước, lấy lan.	2	Lý thuyết	Chương 2: 2.3. Ảnh hưởng xã hội 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Phân loại 2.3.2.1. Bất chước 2.3.2.2. Lấy lan	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan tìm hiểu về cơ chế bất chước, lấy lan.	2	Lý thuyết	Chương 2: 2.3. Ảnh hưởng xã hội 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Phân loại 2.3.2.1. Bất chước 2.3.2.2. Lấy lan	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan tìm hiểu về cơ chế bất chước, lấy lan.	2	Lý thuyết	Chương 2: 2.3. Ảnh hưởng xã hội 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Phân loại 2.3.2.1. Bất chước 2.3.2.2. Lấy lan	2	Tự học, tự NC	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan tìm hiểu về cơ chế bất chước, lấy lan.	CLO2; CLO8; CLO9

CLO1; CLO2; CLO7; CLO10; CLO11; CLO12; CLO13	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời câu hỏi về định nghĩa, đặc điểm, phân loại của nhóm xã hội, các giai đoạn phát triển của nhóm	2	Lý thuyết	3.1. Khai niệm về nhóm xã hội 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Đặc điểm 3.1.3. Phân loại 3.1.4. Các giai đoạn phát triển của nhóm 3.1.5. Truyền thông nhóm 3.1.6. Chuẩn mực nhóm 3.1.7. Hiện tượng áp lực nhóm	5	Chương 3.				
CLO2; CLO3; CLO9;	Độc các tài liệu liên quan tìm hiểu về Lấy lan, Âm thi, Thờ hiệp, Đồng nhất hóa	6	Tự học, tự NC	Lấy lan, Âm thi, Thờ hiệp, Đồng nhất hóa	4	Chương 2: 2.3.2.3. Âm thi 2.3.2.4. Thờ hiệp 2.3.2.5. Đồng nhất hóa 2.3.2.6. A dua				
							Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và làm bài tập về cơ chế bất chức	1	Bài tập 2	Vận dụng các cơ chế âm thi, thờ hiệp, đồng nhất hóa, a dua vào thực tiễn nghề nghiệp.
							Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và làm bài tập ứng dụng cơ chế bất chức.	1	Bài tập 1	Ứng dụng cơ chế bất chức, lấy lan vào thực tiễn nghề nghiệp.
							Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và làm bài tập ứng dụng cơ chế bất chức.	1	Bài tập 1	Ứng dụng cơ chế bất chức, lấy lan vào thực tiễn nghề nghiệp.

		Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và thảo luận nhóm tìm hiểu áp lực nhóm đối với hiệu quả hoạt động của cá nhân.	1	Tự học, TC					
		Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan để tìm hiểu về Nhóm xã hội	6	Tự học, TC					
CLO1; CLO2; CLO7; CLO10	CLO11; CLO12; CLO13	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm lớn	2	Lý thuyết					
CLO11; CLO12; CLO13		Đọc các tài liệu liên quan và làm bài tập theo yêu cầu.	1	Bài tập 3					
		Đọc tài liệu liên quan để tìm hiểu nhóm lớn và tâm lý nhóm lớn	6	Tự học, TC					
CLO1; CLO2; CLO7; CLO10	CLO11; CLO12; CLO13	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm lớn	2	Lý thuyết					
		Vận dụng những đặc điểm tâm lý nhóm lớn để tư ra những bài học cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp.	1	Bài tập 3					
		Nhóm lớn và tâm lý nhóm lớn	6	Tự học, TC					
		3.1.8. Sự nhất trí trong nhóm 3.2. Nhóm lớn và tâm lý nhóm lớn 3.2.1. Khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm lớn 3.2.2. Đặc điểm tâm lý nhóm lớn	2	Lý thuyết					
		Nhóm nhỏ và tâm lý nhóm nhỏ	6	Tự học, TC					
		3.3. Nhóm nhỏ và tâm lý nhóm nhỏ 3.2.1. Khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm nhỏ 3.2.2. Đặc trưng tâm lý nhóm nhỏ	3	Lý thuyết					
CLO1; CLO2; CLO7; CLO10	CLO11; CLO12; CLO13	Đọc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan trả lời câu hỏi: khái niệm, cơ cấu tâm lý nhóm nhỏ	3	Lý thuyết					
		Đọc tài liệu liên quan để tìm hiểu về nhóm nhỏ	6	Tự học, TC					
CLO4; CLO14	CLO4; CLO14	Tìm và đọc tài liệu liên quan và làm bài	1	Bài tập 4					
		Ứng dụng những đặc trưng tâm lý nhóm nhỏ để rút ra	8	Bài tập 4					

: ; CLO15	tập theo yêu cầu.	những bài học cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp.	Chương 4:		4.1. Khái niệm chung về hiện tượng tâm lý xã hội	4.1.1. Khái niệm hiện tượng tâm lý xã hội	4.1.2. Đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội	Đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội		
			Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và các tài liệu liên quan	trả lời câu hỏi về hiện tượng tâm lý xã hội và các đặc trưng.	Tìm và đọc tài liệu liên quan để tìm hiểu về đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội.	6	Tự học, tự NC	Đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội		
: ; CLO14 : ; CLO15	CLO4;	Chương 4:	4.2. Các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản	4.2.1. Bầu không khí tâm lý	4.2.2. Tâm trạng xã hội	4.2. Các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản	4.2.1. Bầu không khí tâm lý	4.2.2. Tâm trạng xã hội		
			Ảnh hưởng của bầu không khí tâm lý, tâm trạng xã hội tới hiệu quả hoạt động của cá nhân. Biện pháp xây dựng bầu không khí tâm lý lành mạnh.	Thảo luận	3	Thảo luận	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và Thảo luận theo nhóm.	Tìm và đọc tài liệu liên quan để tìm hiểu về các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản	6	Tự học, tự NC
			Các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản	Thảo luận	3	Thảo luận	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và Thảo luận theo nhóm.	Ảnh hưởng của bầu không khí tâm lý, tâm trạng xã hội tới hiệu quả hoạt động của cá nhân. Biện pháp xây dựng bầu không khí tâm lý lành mạnh.	6	Tự học, tự NC
			4.2.3. Dự luận xã hội	4.2.4. Sự tương đồng và xung đột	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và CLO14	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và CLO14	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và CLO15	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và CLO14	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và CLO14	Độc 8.1.1; 8.2.1, 8.2.2; 8.2.3; 8.2.4 và CLO15

	Phân tích quá trình hình thành dư luận xã hội, sự tương đồng và xung đột. Rút ra các bài học cần thiết.	Thảo luận	4	
	Các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản	Tự học, tự NC	6	Đọc tài liệu liên quan để tìm hiểu về các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Bài tập cá nhân, nhóm: Mọi sinh viên hoàn thành 01 bài tập cá nhân để chấm điểm qua trình (bản kế hoạch dạy học chủ đề đã chọn), 01 bài tập nhóm và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, đúng quy cách theo yêu cầu của GV;

- Thảo luận: nhiệm vụ thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Loại thuyết	Loại bài tập, thảo luận
	Dạy học ý nghĩa, nhiệm vụ, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và việc ứng dụng tri thức của tâm lý học xã hội trong công việc; phân tích được các cơ chế tâm lý xã hội như: Định kiến xã hội; ảnh hưởng xã hội đối với sự phát triển bản thân, Giải thích được tâm lý nhóm, phân biệt được các giai đoạn phát triển của nhóm cũng như các hiện tượng áp lực nhóm; phân tích được đặc trưng của các hiện tượng tâm lý xã hội và các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản như: bầu không khí tâm lý, tâm trạng xã hội, dư luận xã hội, sự tương đồng và xung đột.	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Bài tập, thảo luận nhóm, bài tập cá nhân
CDR của học phần	Mục đích sử dụng	CDR của học phần	Mục đích sử dụng

Tự học, Tự NC	Hướng dẫn học	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và tách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO16
		xung đột, thuyết phục và thỏa hiệp trong những tình huống cụ thể, tạo sự ảnh hưởng để phát triển bản thân	CLO11; CLO12; CLO13; CLO14; CLO15;

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành

phần

11.2.2. Chuyên cần

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; tính tự giác, tích cực, chủ động học tập của sinh viên

- Nội dung: Sinh viên thực hiện nề nếp ra vào lớp đúng giờ, dự đủ tối thiểu 80% giờ lên lớp; đọc trước tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ được giao trước khi đến lớp; tích cực tham gia xây dựng bài.

- Hình thức đánh giá: Cho điểm trực tiếp vào phiếu theo dõi học tập theo rubric đánh giá điểm chuyên cần

11.2.3. Bài tập cá nhân

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kĩ năng phân tích, hoạch định kế hoạch phát triển, phương thức quản lý, chuẩn mực của một nhóm, tạo được mối quan hệ liên nhân cách giữa các thành viên trong nhóm.

- Nội dung: Sinh viên thực hiện hoàn thiện một chuyên đề, nội dung theo yêu cầu của giao viên về tâm lý xã hội.

- Hình thức đánh giá: Sinh viên nộp bài tập, giảng viên đánh giá bằng phiếu theo rubric đánh giá điểm bài tập.

11.2.4. Kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá kiến thức, kĩ năng phân tích được các cơ chế tâm lý xã hội; kỹ năng hoạch định được phương thức chung để quản lí nhóm hiệu quả; giải quyết được xung đột, thuyết phục và thỏa hiệp trong những tình huống cụ thể; từ đó tạo sự ảnh hưởng để phát triển bản thân.

- Nội dung: Vấn dụng kiến thức của học phần để thực hiện phân tích được các cơ chế tâm lý xã hội; kỹ năng hoạch định được phương thức chung để quản lí nhóm hiệu quả; giải quyết được xung đột, thuyết phục và thỏa hiệp trong những tình huống cụ thể; từ đó tạo sự ảnh hưởng để phát triển bản thân.

- Hình thức đánh giá: Thực hiện dự án theo nhiệm vụ được phân công. Đánh giá bằng sản phẩm theo rubric đánh giá KTHP.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Các điểm danh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm danh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

- Trong số các điểm thành phần như sau:

Thành phần danh giá	Chuyên cần		25	CL01; CL02; CL03; CL04; CL016
	Bài tập cá nhân		25	CL05; CL06; CL07; CL08; CL09; CL010; CL011; CL012; CL013; CL014; CL015
	Kết thúc học phần (Dự án)		50	CL05; CL06; CL07; CL08; CL09; CL010; CL011; CL012; CL013; CL014; CL015;
Chuẩn đầu ra của học phần				
Trong số (%)				

- Rubric của từng thành phần danh giá trong bảng:

i) Rubric danh giá điểm chuyên cần

Mức chất lượng	Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Khả	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm
			Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Hiện diện trên lớp	70		Tham gia >95% buổi học	Tham gia 85-95% buổi học	Tham gia 80-85% buổi học	Tham gia <80% buổi học	
			Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Khả tích cực tham gia thảo luận; Có ý kiến đóng góp	It tham gia thảo luận; Trả lời, đóng góp khi được chỉ định	Không tham gia và không trả lời được khi có yêu cầu	
Tích cực	30		Trả lời nhiều câu hỏi	đặt/trả lời câu hỏi			

ii) Rubric danh giá điểm bài tập

Mức chất lượng	Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Khả	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm
			Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
Thực hiện bài tập	30		Đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp	Nộp muộn so với thời hạn quy định nhưng có lý do chính đáng	Nộp muộn hoặc bài do người khác thực hiện	
			Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng >50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	
Nội dung	70						

iii) Rubric đánh giá KTHP

Tiêu chí		Tỷ lệ	Mức chất lượng		
Hình thức sản phẩm	20	Tốt	Từ 8 - 10	Trình bày khoa học, đẹp, đầy đủ các mục chính	Trình bày đầy đủ nhưng còn lộn xộn, còn mắc lỗi
			Từ 7 - dưới 8	Trình bày khoa học, đầy đủ	Trình bày đầy đủ nhưng còn lộn xộn, còn mắc lỗi
Nội dung sản phẩm	80	Tốt	Từ 8 - 10	Thực hiện đáp ứng trên 80% yêu cầu	Thực hiện đáp ứng 70% yêu cầu
			Từ 7 - dưới 8	Thực hiện đáp ứng 70-80% yêu cầu	Thực hiện đáp ứng 50%-70% yêu cầu
				Thực hiện đáp ứng >50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu	Thực hiện đáp ứng >50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu

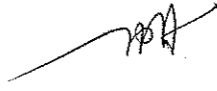
12. Ngày hoàn thành đề cương: 5/08/2022

Nguyễn Hữu Hợp



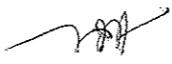
TRƯỜNG KHOA

Nguyễn Thị Liễu



TRƯỜNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Liễu



GIẢNG VIÊN

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN/KTGD/KINH TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ KINH TẾ
(Economic History)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lương Thị Hải Yến
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên khoa Kinh tế, Thạc sĩ
- Email: Haiyenh2009@gmail.com; Điện thoại cơ quan: 02213 767 066

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hoàng Minh Đức
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên khoa Kinh tế, Tiến sĩ
- Email: duchoaosungghau@gmail.com; Điện thoại cơ quan: 02213 767 066

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Hoàng Thị Hồng Đào
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên khoa Kinh tế, Tiến sĩ
- Email: hongdaos56@gmail.com; Điện thoại cơ quan: 02213 767 066

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Lịch sử kinh tế (Economic History)

2.2. Mã số: 931122

2.3. Khối lượng: 2TC(2LT)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Thời gian	HD dạy học	Giờ dạy trên lớp	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số giờ
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90	

2.5. Học phần: Tự chọn

2.6. Điều kiện học phần:

- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học học trước: Không
2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế đầu tư

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế - Khoa Kinh tế

3. Mô tả môn học

Môn học LSKT bao gồm 2 phần, Phần I giới thiệu cho người học qua trình phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới qua các thời kì lịch sử. Đó là lịch sử kinh tế của các nước TBCH, LSKT nước Mỹ, nước Nhật, Trung Quốc và các nước Asean. Qua trình phát triển kinh tế của mỗi quốc gia trên thế giới luôn có sự thăng

trăm nhất định và bài học từ sự thành công cũng như thất bại của quốc gia đó là vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Bên cạnh đó phần II của môn học cũng dành một thời lượng khá lớn để giới thiệu về toàn bộ lịch sử kinh tế Việt Nam từ thời kì phong kiến đến nay. Trải qua rất nhiều thời kì khó khăn đến nay kinh tế Việt Nam đang dần khẳng định được vị thế của mình trong sự phát triển chung của nền kinh tế thế giới.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COS)
- *Về kiến thức:*

CO1: Hiểu và trình bày được các vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế của các nước ngoài giai đoạn từ CNTB đến nay và lịch sử kinh tế của Việt Nam từ thời kì phong kiến đến nay.
CO2: Phân tích được các giai đoạn phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam qua các thời kì lịch sử.

CO3: Nhận diện được những ưu điểm và nhược điểm trong các giai đoạn phát triển kinh tế của các quốc gia và của Việt Nam qua các thời kì lịch sử, từ đó chỉ ra được những bài học kinh nghiệm cho quá trình xây dựng nền kinh tế nước ta trong giai đoạn hiện nay.
** Về kỹ năng:*

CO4: Hình thành tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử kinh tế vào các môn học khác của khối ngành kinh tế.
CO5: Thiết lập nhóm học tập giải quyết các nhiệm vụ của môn học theo nguyên tắc, quy trình và kĩ thuật hoạt động nhóm hiệu quả.
** Mục độ tự chủ và trách nhiệm*

CO6. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong công việc được giao.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là

CLOs)

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CBR của CTBT
CO1	CLO1	Hiểu và trình bày được các vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế của các nước ngoài giai đoạn từ CNTB đến nay và lịch sử kinh tế của Việt Nam từ thời kì phong kiến đến nay	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4,
CO2	CLO2	Phân tích được các giai đoạn phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam qua các thời kì lịch sử	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4,
CO3	CLO3	Nhận diện được những ưu điểm và nhược điểm trong các giai đoạn phát triển kinh tế của các quốc gia và của Việt Nam qua các thời kì lịch sử,	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4,
<i>Kiến thức</i>			

- 2.1. Tình hình kinh tế xã hội nước Mỹ trước khi thành lập nước (1776)
2.2. Kinh tế Mỹ trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước độc quyền

4 tiết (3LT, 1TL)

Chương 2: KINH TẾ NƯỚC MỸ

- 1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản
1.2. Kinh tế tư bản chủ nghĩa thời kỳ trước độc quyền
1.3. Kinh tế tư bản chủ nghĩa thời kỳ độc quyền

2 tiết (2LT)

Chương 1: KINH TẾ CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

7. Nội dung chi tiết học phần

Ma HP	Tên HP	Lịch sử	Số	tiết	931823
Mã HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTĐT	PL01	1	0	0
		PL02	0	0	0
		PL03	0	0	0
		PL04	3	0	0
		PL05	0	0	0
		PL06	0	0	0

6. Mức độ đóng góp của học phần đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần đầu ra của chương trình đào tạo	Mức độ đóng góp của học phần đầu ra của chương trình đào tạo	
			Mức độ đóng góp của học phần đầu ra của chương trình đào tạo	Mức độ đóng góp của học phần đầu ra của chương trình đào tạo
CO4	CLO4	Lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và vận dụng nhận thức lịch sử kinh tế vào các môn học khác của khối ngành kinh tế	PL07; PL08; PL09; PL10; PL11; PL12; PL13	0
			PL01; PL02; PL03; PL04; PL05; PL06	0
CO5	CLO5	Thiết lập được nhóm học tập giải quyết các nhiệm vụ của môn học theo nguyên tắc, quy trình và kĩ thuật hoạt động nhóm hiệu quả	PL01; PL02; PL03; PL04; PL05; PL06	0
			PL07; PL08; PL09; PL10; PL11; PL12; PL13	0
CO6	CLO6	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và tách nhiệm đôi với nhóm trong công việc được giao.	PL01; PL02; PL03; PL04; PL05; PL06	0
			PL07; PL08; PL09; PL10; PL11; PL12; PL13	0

2.3. Kinh tế Mỹ trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền (từ 1865 đến nay)

Chương 3: KINH TẾ NHẬT BẢN

4 tiết (3LT, 1TL)

3.1. Đặc điểm Kinh tế phong kiến Nhật Bản

3.2. Kinh tế Nhật Bản từ cải cách Minh Trị đến chiến tranh thế giới thứ hai (1868 - 1945)

3.3. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ 2 (1946 - nay)

Chương 4: KINH TẾ TRUNG QUỐC

4 tiết (3LT, 1TL)

4.1. Tình hình kinh tế - xã hội Trung Quốc trước ngày thành lập nước cộng hòa nhân dân Trung hoa (1-10-1949)

4.2. Kinh tế Trung Quốc từ ngày thành lập nước cộng hòa ND Trung Hoa đến năm 1978

4.3. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa (từ 1978 đến nay)

Chương 5: KINH TẾ CÁC NƯỚC ASEAN

2 tiết (2LT)

5.1. Kinh tế các nước ASEAN thời kỳ trước khi giành được độc lập

5.2. Kinh tế các nước ASEAN thời kỳ khi giành được độc lập đến nay

Chương 6: KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ PHONG KIẾN

2 tiết (2LT)

6.1. Kinh tế từ TK X đến TK XV

6.2. Kinh tế từ thời kỳ Lê mất tới thời kỳ Nguyễn (thế kỷ XVI nửa đầu thế kỷ XIX)

Chương 7: KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ TD PHÁP THỌNG TRỊ (1858-1945)

2 tiết (2LT)

7.1. Kinh tế từ khi Pháp xâm lược đến chiến tranh thế giới lần thứ hai (1958 - 1939)

7.2. Kinh tế trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945)

Chương 8: KINH TẾ VN THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

(1945-1954) 2 tiết (2LT)

8.1. Kinh tế năm đầu sau cách mạng tháng tám (1945 - 1946)

8.2. Kinh tế trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở vùng tự do (1947 - 1954)

8.3. Kinh tế trong vùng Pháp tạm chiếm

Chương 9. KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ ĐẶT NƯỚC TÂM THỜI BỊ CHIA

CẮT LÀM HAI MIỀN (1955 - 1975) 2 tiết (2LT)

A. Kinh tế miền Bắc thời kỳ (1955 - 1975)

9.1. Đặc điểm tình hình và nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc

9.2. Quá trình xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc

B. Kinh tế miền Nam (1955 - 1975)

9.3. Kinh tế trong vùng Mỹ - Ngụy kiểm soát

9.4. Kinh tế trong vùng giải phóng

Chương 10. KINH TẾ VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ 10 NĂM ĐẦU SAU KHÍ

ĐẤT NƯỚC ĐƯỢC THÔNG NHẬT (1976 – 1985)

3 tiết (2LT, 1TL)

10.1. Đặc điểm tình hình và đường lối kinh tế

10.2. Thực trạng của nền kinh tế nước ta thời kỳ 1976 – 1985

Chương 11. KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI (TỪ 1986 ĐẾN NAY)

3 tiết (2LT, 1TL)

11.1. Bối cảnh lịch sử và nội dung đổi mới kinh tế ở nước ta

11.2. Những chuyển biến của nền kinh tế

8. Học liệu

8.1. Học liệu bắt buộc:

8.1.1. TS. Hoàng Minh Đức, Ths. Lương Thị Hải Yến, Ths. Hoàng Thị Hồng Đào (2020), Bài giảng - Lịch sử Kinh tế, Khoa Kinh tế - Trường DHSPTKTHung Yên

8.2.1. Nguyễn Trí Đình, Phạm Thị Quy (2013), *Lịch sử kinh tế quốc dân*, NXB

Đại học Kinh tế Quốc dân.

8.1.2. *Học liệu tham khảo*

8.2.1. Nguyễn Trí Đình, Phạm Thị Quy (2013), *Lịch sử kinh tế quốc dân*, NXB

Đại học Kinh tế Quốc dân.

8.2.2. Nguyễn Trí Đình, Phạm Thị Quy (2003), *Lịch sử kinh tế quốc dân*, NXB

Đại học Kinh tế Quốc dân.

8.2.3. Văn kiện đại hội đảng qua các thời kì

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Hình thức tổ chức dạy học	Tổng số	Nội dung						
		Lên lớp	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành/Thi nghiệm	Thực tập tại cơ sở	
Tín chỉ 1	9	2	3	1				Chương 1: Kinh tế các nước TBCN
								Chương 2: Kinh tế Mỹ
								Chương 3: Kinh tế Nhật Bản
								Chương 4: Kinh tế Trung Quốc
								Chương 5: Kinh tế các nước ASEAN
	9	2	3	1				Chương 1: Kinh tế các nước TBCN
	9	3	1					Chương 2: Kinh tế Mỹ
	9	3	1					Chương 3: Kinh tế Nhật Bản
	9	3	1					Chương 4: Kinh tế Trung Quốc
	9	2						Chương 5: Kinh tế các nước ASEAN

Tin chi 2							
Chuong 6: Kinh tế Việt Nam thời kỳ Phong kiến	2					6	9
Chuong 7: Kinh tế Việt Nam thời kỳ thực dân Pháp thông ti	2					6	9
Chuong 8: Kinh tế VN thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp	2					6	9
Chuong 9: Kinh tế VN thời kỳ đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền	2					4	6
Chuong 10: Kinh tế VN thời kỳ 10 năm đầu sau khi đất nước thống nhất	2			1		4	6
Chuong 11: Kinh tế VN thời kỳ đổi mới từ (1986 đến nay)	2			1		4	6
Cộng	25			5			90

9.2. Lịch trình chi tiết (thiết kế cho cả tiến trình, 8 tuần)

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của học phần
1	Chuong 1 Kinh tế các nước TBCN 1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản; 1.2. Kinh tế tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ trước độc quyền; 1.3. Kinh tế tư bản chủ nghĩa thời kỳ độc quyền.	Lý thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6
	Điều chỉnh kinh tế của các	Tự	4		

Tuần, ngày	Nội dung chính	học/từ	NC	Hình thức tổ chức tiết/dạy học	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của học phần
2	Chương 2: Kinh tế nước Mỹ 2.1. Tình hình kinh tế xã hội nước Mỹ trước khi thành lập nước 1776 2.2. Kinh tế nước Mỹ thời kỳ CNTB trước độc quyền 2.3. Kinh tế nước Mỹ thời kỳ từ chủ nghĩa tư bản độc quyền 1865-nay;	Lí thuyết	4	NC học, từ	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6
	Cuộc nội chiến ở Mỹ	Từ học/Từ	4	NC		
3	2.3. Kinh tế nước Mỹ thời kỳ từ chủ nghĩa tư bản độc quyền 1865 đến nay	Lí thuyết	1	NC	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	Thảo luận: Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam từ việc nghiên cứu LSKT Mỹ	Thảo luận	1	NC	- Thảo luận theo nhóm - Thực hiện việc thuyết trình trước lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	Điều chỉnh kinh tế Mỹ từ 1983 đến nay	Từ học/Từ	4	NC		
4	Chương 3: Kinh tế Nhật Bản 3.1. Đặc điểm kinh tế phong kiến Nhật Bản 3.2. Kinh tế Nhật Bản từ cải cách minh trị đến chiến tranh thế giới thứ hai (1868 – 1945) 3.3. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ 2 (1946-nay)	Lí thuyết	2	NC học, từ	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6
	Kinh tế Nhật Bản thời kì từ 1914 - 1945	Từ học, từ	4	NC		

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của học phần
5	3.3. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ 2 (1946- nay)	Lí thuyết	1	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	Thảo luận chương 3: Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam từ việc nghiên cứu nền kinh tế Nhật Bản	Thảo luận	1	thu viên và trên mạng internet	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	Kinh tế Nhật Bản từ năm 2000 đến nay	Tự học/ học/ Tự NC	4	- Thực hiện việc thuyết trình trước lớp	CLO6
6	4.1.Kinh tế Trung Quốc trước ngày thành lập nước cộng hoà nhân dân Trung hoa (1-10-1949)	Lí thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6
	4.2. Kinh tế Trung Quốc từ ngày thành lập nước cộng hoà ND	Tự học/ học/ Tự NC	4		
	4.3. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa (từ 1978 đến nay)	Lí thuyết	1	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
7	- Thảo luận chương 4: bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam từ việc nghiên cứu lịch sử kinh tế Trung Quốc	Thảo luận	1	thu viên và trên mạng internet	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	Kinh tế Trung Quốc giai đoạn từ năm 2000 đến nay	Tự học/ học/ Tự NC	4	- Thực hiện việc thuyết trình trước lớp	CLO6
	4.3. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa (từ 1978 đến nay)	Lí thuyết	1	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
8	ASEAN	Lí thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
	5.1.Kinh tế các nước Asean thời kỳ trước khi giành được độc lập	Lí thuyết	2	thu viên và trên mạng internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
	5.2. Kinh tế các nước ASEAN	Lí thuyết	2	thu viên và trên mạng internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CDR của học phần
	từ khi giành được độc lập cho đến nay;	Tự học/	4		
	Những khó khăn và yêu kém của nền kinh tế Asean	Tự học/	4		
Kiểm tra định kỳ					
9	Chương 6: Kinh tế Việt Nam thời kỳ Phong kiến; kiến hóa (179 tr.CN đến 938) 6.1. Kinh tế thời kỳ phong kiến dân tộc tự chủ (938-1858)	Li thuyết	52	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CL01 CL02 CL03 CL04 CL06 CL07
	Chương 7: Kinh tế Việt Nam thời kỳ thực dân Pháp thống trị 7.1. Kinh tế từ khi Pháp xâm lược đến chiến tranh thế giới lần thứ hai (1958 – 1939) 7.2. Kinh tế trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 – 1945)	Li thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CL01 CL02 CL03 CL04 CL06
10	Chương 8: Kinh tế VN thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp 8.1. Kinh tế năm đầu sau cách mạng tháng tám (1945 – 1946) 8.2. Kinh tế trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở vùng tự do (1947 – 1954); 8.3. Kinh tế trong vùng Pháp xâm chiếm	Li thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CL01 CL02 CL03 CL04 CL06
	Chương 8: Kinh tế của Pháp ở Việt Nam	Tự học/Tự NC	4		
11	Chương 8: Kinh tế VN thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp 8.1. Kinh tế năm đầu sau cách mạng tháng tám (1945 – 1946) 8.2. Kinh tế trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở vùng tự do (1947 – 1954); 8.3. Kinh tế trong vùng Pháp xâm chiếm	Li thuyết	2	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CL01 CL02 CL03 CL04 CL06
	Chương 8: Kinh tế của Pháp ở Việt Nam	Tự học/Tự NC	4		

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của học phần
	Vùng tâm chiếm	học, tự			
12	<p>Chương 9: Kinh tế VN thời kì đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền</p> <p>9.1. Đặc điểm tình hình và nhiệm vụ của Miền Bắc;</p> <p>9.2. Quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc</p> <p>9.3. Kinh tế Việt Nam trong vùng Mỹ - Ngụy kiểm soát;</p> <p>9.4. Kinh tế Việt Nam trong vùng giải phóng</p>	Lí thuyết	2	<p>Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet</p>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6
13	<p>Chương 10: Kinh tế VN thời kì 10 năm đầu sau khi đất nước thống nhất</p> <p>10.2. Thực trạng của nền kinh tế nước ta giai đoạn 1976-1985</p> <p>Những khó khăn chủ yếu của nền kinh tế nước ta trong thời kì này</p>	Lí thuyết	2	<p>Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet</p>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6
		Tự học, tự	4		
14	<p>Thảo luận: Bài học kinh nghiệm thời kì 1976-1985</p> <p>Chương 11: Kinh tế VN thời kì đổi mới từ (1986 đến nay)</p> <p>11.1. Bối cảnh lịch sử và nội dung đổi mới kinh tế ở nước ta</p>	Thảo luận	1	<p>Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet</p> <p>- Thảo luận theo nhóm</p> <p>- Thực hiện việc thuyết trình trước lớp</p>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
		Tự học/ học/ tự	4		
15	11.2. Những chuyển biến của nền kinh tế nước ta	Lí thuyết	1	Đọc 8.1.1; 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên	CLO1 CLO2

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức tiết/dạy học	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của học phần
	Thảo luận: Những khó khăn và yêu cầu của nền kinh tế nước ta trong giai đoạn hiện nay	Thảo luận	thư viên và trên mạng internet	CLO3
	Những thành tựu của nền kinh tế Việt Nam giai đoạn từ năm 2010 đến nay	Tự học/ Tự	- Thảo luận theo nhóm	CLO4 CLO5
		Tự NC	- Thực hiện việc thuyết trình trước lớp	CLO6

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Tiêu luận: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 tiêu luận để chấm điểm qua trình (theo đề tài đã chọn, nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, dùng quy cách theo yêu cầu của GV;

- Thảo luận: nhiệm vụ thảo luận phải được sinh viên chuẩn bị trước theo nhóm và trình bày trước lớp.

- Kiểm tra: Sinh viên phải làm một bài kiểm tra để chấm điểm qua trình, yêu cầu sinh viên phải nắm vững kiến thức và hoàn thành bài kiểm tra theo quy định của giáo viên

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các khái niệm, các nội dung lí thuyết liên quan đến các vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế của các nước ngoài giai đoạn từ CNTB đến nay và lịch sử kinh tế của Việt Nam từ thời kì phong kiến đến nay	CLO1; CLO2; CLO3, CLO4, CLO6
Thảo luận	Thảo luận nhóm, toàn lớp	Phát triển kĩ năng tư duy giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, rèn luyện, kĩ năng làm việc nhóm cho sinh viên	CLO4; CLO5; CLO6;
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và tách nhiệm cả nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO6, CLO4

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Bài kiểm tra

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong nửa đầu

của học phần.

- Nội dung: Sinh viên phải nắm chắc, hiểu rõ và phân tích được lịch sử kinh tế các nước ngoài giai đoạn từ CNTB đến nay

- Hình thức đánh giá: Thu bài kiểm tra và chấm điểm trực tiếp vào bài kiểm tra

11.2.5. Tiêu luận

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá

trình học tập môn học Lịch sử kinh tế. Ngoài ra, bài tiêu luận còn giúp sinh viên có thêm kỹ năng trong sự tìm kiếm các tài liệu về các vấn đề lịch sử kinh tế các

nước ngoài và của nước ta.

- Nội dung: Sinh viên phải nắm được các nội dung cơ bản về lịch sử kinh tế các

nước ngoài giai đoạn từ chủ nghĩa tư bản đến nay: Lịch sử kinh tế Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc... và lịch sử kinh tế của Việt Nam từ thời kỳ phong kiến đến nay: thời kỳ

phong kiến, thời kỳ đất nước bị chia cắt làm hai miền, thời kỳ 10 năm đầu sau khi đất nước thông nhất, thời kỳ đổi mới ... tìm kiếm tài liệu và trình bày tiêu luận theo đúng yêu cầu của giáo viên

- Hình thức đánh giá: Mỗi sinh viên thực hiện 1 tiêu luận và chấm trực tiếp trên

bài tiêu luận.

- Tiêu chí đánh giá:

- Điểm hình thức 20% (số trang tiêu luận từ 25-35 trang A4, cỡ chữ 13 hoặc 14, kiểu chữ Times New Roman, lề trái 3 cm, 3 lề còn lại 2 cm, dãn dòng 1,3 pt; kết cấu gồm: trang bìa, nền bìa, lời cam đoan, mục lục, danh mục từ viết tắt,

mở đầu, nội dung nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo).

- Điểm nội dung 80% (Nội dung liên quan đến học phần, góp phần giải đáp, mở rộng hoặc nâng cao về một vấn đề khoa học thuộc học phần 70%; Nội dung về ý kiến riêng của SV về vấn đề khoa học được đề cập 30%).

11.2.6. Thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá kiến thức, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng

phân tích tổng hợp khái quát hóa;

- Nội dung: Vận dụng kiến thức của học phần để phân tích, làm rõ các nội dung cơ bản về lịch sử kinh tế các nước ngoài giai đoạn từ chủ nghĩa tư bản đến nay: Lịch

sử kinh tế Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc... và lịch sử kinh tế của Việt Nam từ thời kỳ phong kiến đến nay: thời kỳ phong kiến, thời kỳ đất nước bị chia cắt làm hai miền, thời kỳ 10 năm đầu sau khi đất nước thông nhất, thời kỳ đổi mới ...

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết trong thời gian 75 phút

- Lịch thi KTHP: Theo kế hoạch do Phòng DT lập

11.3. Cách thức đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm,

làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Chỉ cho phép một trong 2 điểm danh giá qua trình đạt từ 4 trở lên, và các điểm

còn lại phải đạt từ 5 trở lên, đồng thời điểm tổng kết học phần phải đạt từ 5 trở lên mới đạt yêu cầu. Điểm thi KTHP phải đạt từ 5 trở lên. Trường hợp không đạt thì phải học lại cả học phần.

- Trong số các điểm thành phần như sau:

Thành phần danh giá	Trong số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Danh giá	Bài kiểm tra	CL01; CL02; CL03; CL07
	Tiêu luận	CL01; CL02; CL03; CL04; CL06;
Thi kết thúc học phần	50	CL01; CL02; CL03; CL06;

- Rubric của từng phần danh giá trong bảng:

IV) Rubric danh giá điểm bài kiểm tra

Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Từ 8 - 10	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Không đúng nội dung kiến thức	Điểm
		Khá	Từ 7 - dưới 8	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	
Tiêu chí	Tỷ lệ	Trung bình	Từ 5 - dưới 7	Thực hiện đáp ứng từ 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung kiến thức của bài tập áp dụng	Điểm
		Không đạt	Từ 3 - dưới 5	Thực hiện đáp ứng từ 50% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc không liên quan đến kiến thức của bài tập áp dụng	
Tiêu chí	Tỷ lệ	Yếu	Từ 2 - dưới 3	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích danh giá đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích danh giá đáp ứng <50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài	Điểm
		Không đạt	Từ 1 - dưới 2	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích danh giá đáp ứng từ 70% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích danh giá đáp ứng <50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài	

Mức chất lượng

IV)

Rubric danh giá điểm tiêu luận

Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Từ 8 - 10	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày đẹp	Điểm
		Khá	Từ 7 - dưới 8	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày khá	
Tiêu chí	Tỷ lệ	Trung bình	Từ 5 - dưới 7	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, trình bày không đúng thể thức văn bản, nộp muộn.	Điểm
		Không đạt	Từ 3 - dưới 5	Đúng kết cấu, không đúng thể thức văn bản, nộp muộn.	

Mức chất lượng

BỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ
(History of Economic theory)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Lương Thị Hải Yến
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên khoa Kinh tế, Thạc sĩ
- Email: Haiyenh2009@gmail.com; Điện thoại: 02213 767 066

1.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Hoàng Thị Hồng Đào
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên khoa Kinh tế, Thạc sĩ
- Email: hongdao5656@gmail.com; Điện thoại: 02213 713 066

1.3. Giảng viên 3:

Họ và tên: Hoàng Minh Đức
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên khoa Kinh tế, Tiến sĩ
- Email: duchoasunghau@gmail.com; Điện thoại: 02213 713 066

1.4. Giảng viên 4:

Họ và tên: Đỗ Văn Cường
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên khoa Kinh tế, Thạc sĩ
- Email: dovancuonghny@gmail.com; Điện thoại: 02213 713 066

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế

2.2. Mã số: 931550

2.3. Khối lượng: 2TC (2LT)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

học	HĐ dạy		Tổng số giờ
	Thời gian	học	
Tiết/Giờ thực hiện	30	60	90
Giờ thực hiện trên lớp	Tự học, tự nghiên cứu		

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học học trước: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế đầu tư

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế - Khoa Kinh tế

3. Mô tả môn học

Môn học lịch sử các học thuyết kinh tế bao gồm 2 phần cơ bản, Phần I giới thiệu cho người học quá trình phát sinh, phát triển của các hệ thống quan điểm kinh tế gắn với các giai đoạn lịch sử nhất định. Đó là Học thuyết kinh tế của những người trong tư tưởng; học thuyết kinh tế tư sản cổ điển; học thuyết kinh tế của trường phái kinh tế chính trị tâm tư tưởng xuất hiện; học thuyết kinh tế tiêu tư sản và những người chủ nghĩa xã hội không tương. Các học thuyết kinh tế mới ra đời như: học thuyết kinh tế cổ điển mới, học thuyết kinh tế tương phản, J.Keynes, học thuyết kinh tế của P.A.Samuelson. Phần II giới thiệu quá trình phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới qua các thời kì lịch sử. Đó là lịch sử kinh tế của các nước TBAN, nước Mỹ, nước Nhật, Trung Quốc và các nước Asean. Qua trình phát triển kinh tế của môi quốc gia trên thế giới luôn có sự thăng trầm nhất định và bài học từ sự thành công cũng như thất bại của quốc gia đó là vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Bên cạnh đó, môn học cũng dành một thời lượng khá lớn để giới thiệu về lịch sử kinh tế Việt Nam từ thời kì phong kiến đến nay. Bên nay kinh tế Việt Nam đang dần khẳng định được vị thế của mình trong sự phát triển chung của nền kinh tế thế giới.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COS)

- Về kiến thức:

CO1: Vận dụng được các vấn đề cơ bản về lịch sử các học thuyết kinh tế, nghiên cứu các học thuyết của các trường phái kinh tế về giải quyết hai vấn đề cơ bản: giá trị hàng hóa và vai trò của nhà nước trong việc sản xuất, phân phối, trao đổi và sử dụng giá trị trong tiến trình phát triển của lịch sử; lịch sử kinh tế của các nước ngoài giai đoạn từ CNTB đến nay và lịch sử kinh tế của Việt Nam từ thời kì phong kiến đến nay.

CO2: Phân tích được tiến trình phát triển của các học thuyết tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế Mac - Lenin, tư sản hiện đại; các giai đoạn phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam qua các thời kì lịch sử.

CO3: Áp dụng được những thành tựu khoa học, những hạn chế cũng như sự kế thừa các quan điểm kinh tế; những ưu điểm và nhược điểm trong các giai đoạn phát triển kinh tế của các quốc gia và của Việt Nam qua các thời kì lịch sử. Từ đó chỉ ra được những bài học kinh nghiệm cho quá trình nghiên cứu, xây dựng, điều hành sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta trong giai đoạn hiện nay.

* Về kỹ năng:

CO4: Hình thành tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử các học thuyết kinh tế, lịch sử kinh tế vào các môn học khác của khối kinh tế.

CO5: Thiệt lập nhóm học tập giải quyết các nhiệm vụ của môn học theo nguyên tắc, quy trình và kĩ thuật hoạt động nhóm hiệu quả.

* Mức độ tự chủ và trách nhiệm

CO6. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong công việc được giao.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là

(Clos)

Mức HP	Mục CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTBT
CO1	CL01	Hiệu và trình bày được các vấn đề cơ bản về lịch sử các học thuyết kinh tế, nghiên cứu các học thuyết của các trường phái kinh tế về giải quyết hai vấn đề cơ bản: giá trị hàng hóa và vai trò của nhà nước trong việc sản xuất, phân phối, trao đổi và sử dụng giá trị trong tiến trình phát triển của lịch sử; lịch sử kinh tế của các nước ngoài giai đoạn từ CNTB đến nay và lịch sử kinh tế của Việt Nam từ thời kì phong kiến đến nay	PL02, PL03, PL04
CO2	CL02	Phân tích được tiến trình phát triển của các học thuyết tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế Mac - Lenin, tư sản hiện đại; các giai đoạn phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam qua các thời kì lịch sử	PL02, PL03, PL04
CO3	CL03	Phân tích được tiến trình phát triển của các học thuyết tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế Mac - Lenin, tư sản hiện đại; các giai đoạn phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam qua các thời kì lịch sử	PL02, PL03, PL04
Kỹ năng			
CO4	CL04	Lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhân thức lịch sử các học thuyết kinh tế, lịch sử kinh tế vào các môn học khác của khối kinh tế	PL07, PL08, PL09, PL10; PL013
CO5	CL05	Thiết lập được nhóm học tập giải quyết các nhiệm vụ của môn học theo nguyên tắc, quy trình và kĩ thuật hoạt động nhóm hiệu quả	PL07, PL08, PL09, PL10; PL013
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CL06	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong công việc được giao.	PL014; PL015

6. Mức độ đóng góp của học phần đầu ra của chương trình đào tạo

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTBT	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10	PL11	PL12
931823	Lịch sử thuyết kinh tế		1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

			0	0	0		

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC

2 tiết (2LT)

1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế

1.2. Phương pháp nghiên cứu

1.3. Quá trình hình thành, phát triển của lịch sử các học thuyết kinh tế

1.4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế

CHƯƠNG 2. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ TƯ SẢN CỎ ĐIỆN

6 tiết (4LT, 2TL)

2.1. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương

2.1.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương

2.1.2. Những tư tưởng kinh tế chủ yếu của trọng thương

2.1.3. Sự phát triển tư tưởng kinh tế trọng thương ở các nước Tây Âu

2.1.3.1. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương Anh

2.1.3.2. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương Pháp

2.1.4. Quá trình tan rã của chủ nghĩa trọng thương

2.2. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông

2.2.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông

2.2.2. Nội dung các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông

2.3. Học thuyết kinh tế tư sản cỏ điển

2.3.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm của học thuyết kinh tế tư sản cỏ điển

2.3.2. Nội dung các học thuyết kinh tế tư sản cỏ điển

2.4. Học thuyết kinh tế thời kỳ hậu cỏ điển

2.4.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm của kinh tế thời kỳ hậu cỏ điển

2.4.2. Nội dung học thuyết kinh tế của kinh tế thời kỳ hậu cỏ điển

2.5. Học thuyết kinh tế Mác - Lenin

2.5.1. Hoàn cảnh sự ra đời và đặc điểm của học thuyết kinh tế Mác - Lenin

2.5.2. Quá trình xây dựng và phát triển kinh tế chính trị học Marx xít

2.5.3. Nội dung một số học thuyết của Mác

2.5.4. Quá trình hình thành và phát triển của học thuyết kinh tế V.I.Lenin

CHƯƠNG 3. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CỎ ĐIỆN MỚI,

TỰ DO MỚI VÀ HIỆN ĐẠI

7 tiết (5LT, 2TL)

- 3.1. Các học thuyết kinh tế cổ điển mới
- 3.1.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm của các học thuyết kinh tế cổ điển mới
- 3.1.2. Nội dung các học thuyết kinh tế cổ điển mới
- 3.2. Học thuyết kinh tế của J.Keynes
- 3.2.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm học thuyết kinh tế của J.Keynes
- 3.2.2. Các học thuyết kinh tế của J.Keynes
- 3.2.3. Sự phát triển học thuyết kinh tế J.Keynes và những hạn chế trong lý thuyết J.Keynes
- 3.3. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới và trường phái chính hiện đại
- 3.3.1. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới
- 3.3.2. Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại
- 3.3.2.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của trường phái chính hiện đại
- 3.3.2.2. Lý thuyết nền kinh tế hỗn hợp của Samuelson
- 3.3.2.3. Lý thuyết giới hạn khả năng sản xuất và sự lựa chọn
- 3.3.2.4. Lý thuyết thất nghiệp
- 3.3.2.5. Lý thuyết làm phật

CHƯƠNG 4. KINH TẾ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI
7 tiết (SLT, 2TL)

- 4.1. Kinh tế tư bản chủ nghĩa
- 4.1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản
- 4.1.2. Kinh tế tư bản chủ nghĩa thời kỳ trước độc quyền
- 4.1.3. Kinh tế tư bản chủ nghĩa thời kỳ độc quyền
- 4.2. Kinh tế nước Mỹ
- 4.2.1. Tình hình kinh tế xã hội nước Mỹ trước khi thành lập nước (1776)
- 4.2.2. Kinh tế Mỹ trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước độc quyền
- 4.2.3. Kinh tế Mỹ trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền(từ 1865 đến nay)
- 4.3. Kinh tế Nhật Bản
- 4.3.1. Đặc điểm Kinh tế phong kiến Nhật Bản
- 4.3.2. Kinh tế Nhật Bản từ cải cách Minh Trị đến chiến tranh thế giới thứ hai (1868 – 1945)
- 4.3.3. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ 2 (1946 – nay)
- 4.4. Kinh tế Trung Quốc
- 4.4.1. Tình hình kinh tế – xã hội Trung Quốc trước ngày thành lập nước cộng hòa nhân dân Trung hoa (1-10-1949)
- 4.4.2. Kinh tế Trung Quốc từ ngày thành lập nước
- 4.4.3. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa (từ 1978 đến nay)
- 4.5. Kinh tế các nước ASEAN
- 4.5.1. Kinh tế các nước ASEAN thời kỳ trước khi giành được độc lập

4.5.2. Kinh tế các nước ASEAN thời kỳ khi giành được độc lập đến nay

CHƯƠNG 5. KINH TẾ VIỆT NAM

8 tiết (6LT, 2TL)

5.1. Kinh tế thời kỳ phong kiến

5.1.1. Kinh tế từ TK X đến TK XV

5.1.2. Kinh tế từ thời kỳ Lê mạt tới thời kỳ Nguyễn (thế kỷ XVI nửa đầu thế kỷ XIX)

5.2. Kinh tế Việt Nam thời kỳ thực dân Pháp thống trị

5.2.1. Kinh tế từ khi Pháp xâm lược đến chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 – 1958)

5.2.2. Kinh tế trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 – 1945)

5.3. Kinh tế Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp

5.3.1. Kinh tế năm đầu sau cách mạng tháng tám (1945 – 1946)

5.3.2. Kinh tế trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở vùng tự do (1947 – 1954)

5.3.3. Kinh tế trong vùng Pháp tạm chiếm

5.4. Kinh tế Việt Nam thời kỳ đất nước chia làm hai miền

5.4.1. Kinh tế miền Bắc thời kỳ (1955 – 1975)

5.4.1.1. Đặc điểm tình hình và nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc

5.4.1.2. Quá trình xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc

5.4.2. Kinh tế miền Nam (1955 – 1975)

5.5. Kinh tế Việt Nam thời kỳ 10 năm đầu sau khi đất nước thống nhất (1976-1985)

5.5.1. Đặc điểm tình hình và đường lối kinh tế

5.5.2. Thực trạng của nền kinh tế nước ta thời kỳ 1976 – 1985

5.6. Kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới

5.6.1. Bối cảnh lịch sử và nội dung đổi mới kinh tế ở nước ta

5.6.2. Những chuyển biến của nền kinh tế

8. Học liệu

8.1. Học liệu bắt buộc:

8.1.1. TS. Hoàng Xuân Nghĩa, Ths. Lương Thị Hải Yến, Ths. Hoàng Thị Hồng Đào (2020),

Bài giảng - Lịch sử các học thuyết Kinh tế, Khoa Kinh Tế - Trường DHSPPKT Hưng Yên

8.2. Học liệu tham khảo

8.2.1. Trần Việt Tiến (2016), Giáo trình Lịch sử các học thuyết Kinh tế, NXB Đại học Kinh tế

Quốc dân

8.2.2. Nguyễn Tri Đình, Phạm Thị Quy (2013), Giáo trình Lịch sử kinh tế, NXB Đại học

Kinh tế Quốc dân

8.2.3. Văn kiện đại hội đảng cộng sản Việt Nam

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Lên lớp			Thực hành/Thi nghiệm	Thực tập tại cơ sở nghiên cứu	Tự học, Tự nghiên cứu	Tổng số
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Hình thức tổ chức dạy học							Tổng số

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của học phần
	<p>2.1. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương</p> <p>2.1.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm học thuyết kinh tế</p> <p>2.1.2. Những tư tưởng kinh tế chủ yếu của trọng thương</p> <p>2.1.3. Sự phát triển tư tưởng kinh tế trọng thương ở các nước Tây Âu</p> <p>2.1.4. Quá trình tan rã của chủ nghĩa trọng thương</p> <p>2.2. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông</p> <p>2.2.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông</p> <p>2.2.2. Nội dung các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông</p> <p>Chủ nghĩa trọng thương sơ kì và chủ nghĩa trọng thương chính thống</p>	Lí thuyết	4	<p>Đọc 8.1.1 và 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet</p> <p>Trả lời câu hỏi: Đặc điểm cơ bản của CNTT là gì?</p>	CLO3
3	<p>2.3. Học thuyết kinh tế tư sản cổ điển</p> <p>2.3.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm của học thuyết kinh tế tư sản cổ điển</p>	Lí thuyết	4	<p>Đọc 8.1.1 và 8.2.1. và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet</p> <p>Trả lời câu hỏi: Nội dung cơ bản của</p>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CĐR của học phần	
4	<p>2.3.2. Nội dung các học thuyết kinh tế tư sản cổ điển</p> <p>2.4. Học thuyết kinh tế thời kỳ hậu cổ điển</p> <p>2.4.1. Hoãn cảnh ra đời, đặc điểm của kinh tế thời kỳ hậu cổ điển</p> <p>2.4.2. Nội dung học thuyết kinh tế của kinh tế thời kỳ hậu cổ điển</p> <p>Thảo luận: Chủ nghĩa tự do kinh tế của trường phái kinh tế chính trị tư sản cổ điển</p> <p>Học thuyết nông và sản phẩm nông</p>	Thảo luận	1	CNTN?	<p>Đọc 8.1.1 và 8.2.1. và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet</p> <p>Trả lời câu hỏi: Nội dung một số học thuyết của Mác?</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6</p>
	<p>2.5. Học thuyết kinh tế Mác – Lenin</p> <p>2.5.1. Hoàn cảnh sự ra đời và đặc điểm của học thuyết kinh tế Mác – Lenin</p> <p>2.5.2. Quá trình xây dựng và phát triển kinh tế chính trị học Marx xit</p> <p>2.5.3. Nội dung một số học thuyết của Mác</p> <p>2.5.4. Quá trình hình thành và phát triển của học thuyết kinh tế V.I.Lenin.....</p>	Lí thuyết	1			

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức/ tiết/ giờ dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của học phần
	phát triển của học thuyết kinh tế chính trị Mac-Lênin đối với các tư tưởng kinh tế của nhân loại	Tự học/ Tự NC	4	Đọc 8.1.1 và 8.2.2 và các tài liệu liên quan trên thu viên và trên mạng internet	
	Chương 3. Các học thuyết kinh tế cổ điển mới, tự do mới và hiện đại 3.1. Các học thuyết kinh tế cổ điển mới 3.1.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm của các học thuyết kinh tế cổ điển mới 3.1.2. Nội dung các học thuyết kinh tế cổ điển mới 3.2. Học thuyết kinh tế của J.Keynes 3.2.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm học thuyết kinh tế của J.Keynes 3.2.2. Các học thuyết kinh tế của J.Keynes 3.2.3. Sự phát triển học thuyết kinh tế J.Keynes và những hạn chế trong lý thuyết J.Keynes	Lý thuyết	2	Đọc 8.1.1 và 8.2.1. và các tài liệu liên quan trên thu viên và trên mạng internet	CL01 CL02 CL03 CL04 CL05 CL06
5	Các lý thuyết giới hạn của Mỹ	Tự học, Tự NC	4		
6	3.3. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới và	Lý thuyết	1	Đọc 8.1.1 và 8.2.1 và các tài liệu liên quan	CL01 CL02

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của học phần
7	<p>trường phái chính hiện đại</p> <p>3.3.1. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới</p> <p>3.3.2. Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại</p> <p>3.3.2.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của trường phái chính hiện đại</p> <p>3.3.2.2. Lý thuyết nền kinh tế hỗn hợp của Samuelson</p> <p>Thảo luận: So sánh quan điểm tự do kinh tế của trường phái kinh tế tư sản cổ điển và trường phái kinh tế "cổ điển mới"</p> <p>Các học thuyết kinh tế của trường phái Keynes mới và sau Keynes</p>	Thảo luận	1	<p>trên thư viện và trên mạng internet</p> <p>- Thảo luận theo nhóm</p> <p>- Thực hiện việc thuyết trình trước lớp về chủ đề đã chuẩn bị</p>	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	<p>khả năng sản xuất và sự lựa chọn</p> <p>3.3.2.4. Lý thuyết thất nghiệp</p> <p>3.3.2.5. Lý thuyết lạm phát</p>	Lí thuyết	2		<p>Đọc 8.1.1 và 8.2.1 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet</p>
	<p>Vai trò kinh tế của chính phủ</p>	Tự học/Tự NC	4	<p>Đọc 8.1.1 và 8.2.2 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet</p>	
Kiểm tra định kỳ					
8	Thảo luận: Sự vận dụng học thuyết kinh tế trường	Thảo luận	1	<p>- Thảo luận theo nhóm</p> <p>- Thực hiện việc thuyết trình trước lớp về chủ</p>	

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức/ giờ dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của học phần
	phải chính hiện đại ở Việt Nam			đã chuẩn bị	
	<p>Chương 4: Kinh tế một số nước trên thế giới</p> <p>4.1. Kinh tế tư bản chủ nghĩa</p> <p>4.1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản</p> <p>4.1.2. Kinh tế tư bản chủ nghĩa thời kỳ trước độc quyền</p> <p>4.1.3. Kinh tế tư bản chủ nghĩa thời kỳ độc quyền</p> <p>Kinh tế tư bản chủ nghĩa thời kỳ độc quyền</p>	Lí thuyết	1	Đọc 8.1.1 và 8.2.1; 8.2.2 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6
	<p>4.2. Kinh tế nước Mỹ</p> <p>4.2.1. Tình hình kinh tế xã hội nước Mỹ trước khi thành lập nước (1776)</p> <p>4.2.2. Kinh tế Mỹ trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước độc quyền</p> <p>4.2.3. Kinh tế Mỹ trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền(từ 1865 đến nay)</p> <p>4.3. Kinh tế Nhật Bản</p> <p>4.3.1. Đặc điểm Kinh tế phong kiến Nhật Bản</p> <p>4.3.2. Kinh tế Nhật Bản từ cải cách Minh Trị đến chiến tranh thế giới thứ hai (1868 – 1945)</p>	Lí thuyết	2	Đọc 8.1.1 và 8.2.2 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6
	<p>4.3. Kinh tế Nhật Bản</p> <p>Cuộc nội chiến ở Mỹ</p>	Tự học/Tự NC	4		
10	4.3. Kinh tế Nhật Bản	Lí thuyết	1		CLO1

CBR của học phần	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Số tiết/ giờ	Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Tuần, ngày
CLO2 CLO4 CLO5 CLO6	Đọc 8.1.1 và 8.2.2 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	1	Thảo luận	<p>(Tiếp)</p> <p>4.3.3. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ 2 (1946 – nay)</p> <p>4.4.1. Tình hình kinh tế – xã hội Trung Quốc trước ngày thành lập nước cộng hoà nhân dân Trung hoa (1-10-1949)</p> <p>4.4.2. Kinh tế Trung Quốc từ ngày thành lập nước cộng hoà ND Trung Hoa đến năm 1978</p> <p>Thảo luận: Những bài học kinh nghiệm rút ra cho nền kinh tế Việt Nam từ việc nghiên cứu LSKT của Mỹ và Nhật Bản</p>	
CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6	Đọc 8.1.1 và 8.2.2 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	1	Li thuyết	<p>4.4. Kinh tế Trung Quốc</p> <p>4.4.3. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa (từ 1978 đến nay)</p> <p>4.5. Kinh tế các nước ASEAN</p> <p>4.5.1. Kinh tế các nước ASEAN thời kỳ trước khi giành được độc lập</p> <p>4.5.2. Kinh tế các nước ASEAN thời kỳ khi giành được độc lập đến nay</p> <p>Thảo luận: Những bài học kinh nghiệm rút ra cho nền kinh tế Việt Nam từ việc nghiên cứu LSKT của Trung Quốc và Asean.</p>	11
	- Thảo luận theo nhóm - Thực hiện việc thuyết trình trước lớp về chủ đề đã chuẩn bị	1	Thảo luận		

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức/ tiết/ giờ dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBDR của học phần
	Điều chỉnh kinh tế cuối những năm 1980 của các nước Asean	Tự học, tự NC	4	Đọc 8.1.1 và 8.2.2 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	
	Chương 5. Kinh tế Việt Nam 5.1. Kinh tế thời kỳ phong kiến 5.1.1. Kinh tế từ TK X đến TK XV 5.1.2. Kinh tế từ thời kỳ Lê mạt tới thời kỳ Nguyễn (thế kỷ XVI nửa đầu thế kỷ XIX) 5.2. Kinh tế Việt Nam thời kỳ thực dân Pháp thông trị 5.2.1. Kinh tế từ khi Pháp xâm lược đến chiến tranh thế giới lần thứ hai (1958 – 1939) 5.3.2. Kinh tế trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 – 1945)	Lí thuyết 2	2	Đọc 8.1.1 và 8.2.2 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CL01 CL02 CL03 CL04 CL05 CL06
12	Chính sách kinh tế của Pháp ở Việt Nam	Tự học/Tự NC	4		
13	5.3. Kinh tế Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp 5.3.1. Kinh tế năm đầu sau cách mạng tháng tám (1945 – 1946) 5.3.2. Kinh tế trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở vùng tự do (1947 – 1954) 5.3.3. Kinh tế trong vùng Pháp tạm chiếm 5.4. Kinh tế Việt Nam thời	Lí thuyết 2	2	Đọc 8.1.1 và 8.2.2 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CL01 CL02 CL03 CL04 CL05 CL06

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CĐR của học phần
14	5.5. Kinh tế Việt Nam thời kỳ 10 năm đầu sau khi đất nước thông nhất (1976-1985) 5.5.1. Đặc điểm tình hình và đường lối kinh tế 5.5.2. Thực trạng của nền kinh tế nước ta thời kỳ 1976 – 1985 Thảo luận: Những khó khăn, hạn chế của nền kinh tế nước ta thời kỳ 1976-1985 và nguyên nhân	Thảo luận	1	- Thảo luận theo nhóm - Thực hiện việc thuyết trình trước lớp về chủ đề đã chuẩn bị	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	Bài học kinh nghiệm phát triển kinh tế thời kỳ 197-1985	Tự học/ Tự NC	4	Đọc 8.1.1 và 8.2.2 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	
15	5.6. Kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới 5.6.1. Bối cảnh lịch sử và nội dung đổi mới kinh tế ở nước ta 5.6.2. Những chuyển biến của nền kinh tế	Lí thuyết	1	Đọc 8.1.1 và 8.2.2 và các tài liệu liên quan trên thư viện và trên mạng internet	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	Thảo luận: Thành tựu đạt được trong thời kỳ đổi mới	Thảo luận	1	- Thảo luận theo nhóm - Thực hiện việc thuyết trình trước lớp về chủ	

11.2.7. Tiêu luận

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong nửa đầu của học phần.
- Nội dung: Sinh viên phải nắm chắc, hiểu rõ và phân tích được lịch sử các học thuyết kinh tế.
- Hình thức đánh giá: Thu bài kiểm tra và chấm điểm trực tiếp vào bài kiểm tra thuyết kinh tế.
- Lịch kiểm tra: theo kế hoạch của PDT/Khoa/Bộ môn

11.2.2. Bài kiểm tra

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Li thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các khái niệm, các nội dung lí thuyết liên quan đến các vấn đề cơ bản về lịch sử các học thuyết kinh tế, lịch sử kinh tế của các nước ngoài giai đoạn từ CNTB đến nay và lịch sử kinh tế của Việt Nam từ thời kì phong kiến đến nay	CL01; CL02; CL03, CL04, CL06,
Thảo luận	Thảo luận	Phát triển kĩ năng tư duy giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, rèn luyện, kĩ năng làm việc nhóm cho sinh viên	CL04; CL05; CL06;
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CL06, CL04, CL08, CL05

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập
- Cho phép thực hiện lại bài tập nhóm không quá 1 lần (trong trường hợp không đạt).
 - 2 giờ seminar hoặc 3 giờ làm việc nhóm theo quy chế đào tạo hiện hành.
 - Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% số giờ lý thuyết trên lớp hoặc hàn, quy cách theo yêu cầu của GV.
 - Có ý thức tự học, chuẩn bị các câu hỏi, bài tập, chủ đề thảo luận đầy đủ, đúng thời
10. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giáo viên

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của học phần
	Bài học kinh nghiệm phát triển kinh tế thời kì đổi mới	Tự học/Tự NC	4	đề đã chuẩn bị	

- Mục đích: Danh gia mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế. Ngoài ra, bài tiểu luận còn giúp sinh viên có thêm kỹ năng trong sưu tầm và tìm kiếm các tài liệu về các học thuyết kinh tế, vấn đề lịch sử kinh tế các nước ngoài và của nước ta.

- Nội dung: Sinh viên phải nắm được các nội dung cơ bản về lịch sử các học thuyết kinh tế, hoàn cảnh ra đời, đặc điểm và nội dung của các học thuyết kinh tế, lịch sử kinh tế các nước ngoài từ chủ nghĩa tư bản đến nay: Lịch sử kinh tế Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc... và lịch sử kinh tế của Việt Nam từ thời kỳ phong kiến đến nay: thời kỳ đất nước bị chia cắt làm hai miền, thời kỳ 10 năm đấu tranh sau khi đất nước thống nhất, thời kỳ đổi mới... tìm kiếm tài liệu và trình bày tiểu luận theo đúng yêu cầu của giáo viên

- Hình thức danh gia: Mỗi sinh viên thực hiện 1 tiểu luận và chấm trực tiếp trên bài tiểu luận.

- Tiêu chí danh gia:

- Điểm hình thức 20% (số trang tiểu luận từ 25-35 trang A4, cỡ chữ 13 hoặc 14, kiểu chữ Times New Roman, lề trái 3 cm, 3 lề còn lại 2 cm, dẫn dòng 1,3 pt; Kết cấu gồm: trang bìa, nền bìa, lời cam đoan, mục lục, danh mục từ viết tắt, mở đầu, nội dung nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo).
- Điểm nội dung 80% (Nội dung liên quan đến học phần, góp phần giải đáp, mở rộng hoặc nâng cao về một vấn đề khoa học thuộc học phần 70%; Nội dung về ý kiến riêng của SV về vấn đề khoa học được đề cập chiếm 30%).

11.2.8. Thi kết thúc học phần

- Mục đích: Danh gia kiến thức, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích tổng hợp khái quát hóa;

- Nội dung: Vấn đề kiến thức của học phần để phân tích, làm rõ các nội dung cơ bản về lịch sử các học thuyết kinh tế, lịch sử kinh tế các nước ngoài giai đoạn từ chủ nghĩa tư bản đến nay: Lịch sử kinh tế Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc... và lịch sử kinh tế của Việt Nam từ thời kỳ phong kiến, thời kỳ đất nước bị chia cắt làm hai miền, thời kỳ 10 năm đấu tranh sau khi đất nước thống nhất, thời kỳ đổi mới

- Hình thức danh gia: Bài thi viết trong thời gian 75 phút
- Lịch thi KTHP: Theo kế hoạch do Phòng đào tạo lập

11.3. Cách thức danh gia điểm

- Dung thang điểm 10 để danh gia. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Chỉ cho phép một trong 2 điểm danh gia qua trình đạt từ 4 trở lên, và các điểm còn lại phải đạt từ 5 trở lên, đồng thời điểm tổng kết học phần phải đạt từ 5 trở lên mới đạt yêu cầu. Điểm thi KTHP phải đạt từ 5 trở lên. Trường hợp không đạt thì phải học lại cả học phần.

- Trùng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần danh gia	Trùng số (%)	Đánh giá	Đánh giá
		Bài kiểm tra	Tiểu luận
Chuẩn đầu ra của học phần	25	CLO1; CLO2; CLO3;	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO6;
		25	25

- Rubric của từng phần đánh giá trong bảng:

VII) Rubric đánh giá điểm bài kiểm tra

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Đúng và đủ nội dung kiến thức.	30%	Đúng và đủ nội dung kiến thức.	Hình thức trình bày đẹp	Thực hiện đúng từ 80% yêu cầu bài tập áp dụng	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài
Nhớ, biết		Đúng và đủ nội dung kiến thức.	Hình thức trình bày đẹp	Thực hiện đúng từ 70% đến 80% yêu cầu bài tập áp dụng	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 70% đến 80% yêu cầu đề bài
Hiểu, áp dụng	40%	Thực hiện đúng từ 80% yêu cầu bài tập áp dụng	Thực hiện đúng từ 70% đến 80% yêu cầu bài tập áp dụng	Thực hiện đúng từ 50% đến 70% yêu cầu bài tập áp dụng	Thực hiện đúng từ 50% hoặc >50% nội dung kiến thức của bài tập áp dụng
Phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng tình huống mới		Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 70% đến 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 50% đến 70% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng >50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài

VIII) Rubric đánh giá điểm tiêu luận

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày đẹp	20	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày khá	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày văn bản hoặc nộp muộn.	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày văn bản, nộp muộn.	Không đúng kết cấu, không đúng thể thức luận.
Hình thức		Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày đẹp	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày khá	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày văn bản hoặc nộp muộn.	Không đúng kết cấu, không đúng thể thức luận.

Nội dung	80	Đúng chủ đề được giao, liên hệ thực tế và thực tế và có các đề xuất đáp ứng từ 80% yêu cầu của chủ đề được giao.
		Đúng chủ đề được giao, liên hệ thực tế và có các đề xuất đáp ứng từ 70% đến 80% yêu cầu của chủ đề được giao.
		Đúng chủ đề được giao, liên hệ thực tế và có các đề xuất đáp ứng từ 50% đến 70% yêu cầu của chủ đề được giao.
		Lạc chủ đề hoặc dùng chủ đề nhưng nội dung đáp ứng < 50% yêu cầu của chủ đề được giao.

IX) Rubric đánh giá thi KTHP

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt	
Nhớ, biết	30%	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức	
		Thực hiện đáp ứng từ 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 70% đến 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 50% đến 70% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng < 50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập áp dụng	
		Hiện tượng, phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng tình huống mới	30%	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích, phân tích đánh giá đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 70% đến 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng < 50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài
		Hiện tượng, phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng tình huống mới	30%	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 70% đến 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng < 50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài

12. Ngày hoàn thành đề cương: 06/08/2022

TRƯỜNG KHOA TRƯỜNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN

TS. Nguyễn Văn Hương TS. Hoàng Minh Đức TS. Lương Thị Hai Yên

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ - KINH TẾ - SƯ PHẠM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tiếng Anh 1 - English 1

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Hoàng Thị Hòa**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên Bộ môn không chuyên, Thạc sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: hoahoang21087@gmail.com; 0221713284.

- Họ và tên: **Đặng Thị Hương Thảo**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, phó Trường khoa kiểm tra Bộ môn

Không chuyên, Tiến sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: thaoamanhutehy17@gmail.com; 0982852552

1.3. Giảng viên 3: **Phạm Ngọc Sơn**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên; Thạc sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: sondsk@gmail.com; 0923682688

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Tiếng Anh 1

2.2. Mã số: 151139

2.3. Khối lượng: 2 TC

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy học	Thời gian	Tiết/giờ thực hiện
Lý thuyết		30
Thảo luận/ Bai tập		0
Thực tập tại cơ sở		0
Tự học, tự nghiên cứu		60
Tổng		90

2.5. Học phần: Bài buổi

2.6. Điều kiện học phần

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên các ngành công nghệ, kinh tế, sư phạm

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ Không Chuyên, khoa

Ngoại Ngữ

3. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc giúp sinh viên khi không chuyên ngữ

hàng cao năng lực tiếng. Học phần tích hợp 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết kết hợp 3 thành tố

ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, phát âm. Học phần cung cấp các kiến thức ngữ pháp cơ bản về

thì quá khứ đơn, câu hỏi với từ để hỏi, thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, trạng từ tần suất, câu

		hiệu được các phần hỏi đối với tin nhắn trên mạng về chủ đề đưa lời khuyên cho việc học tiếng Anh.
CLO25	-Sử dụng được các liên từ <i>and, but, so</i> và <i>because</i> để viết được đoạn văn hơn 50 từ về một năm quan trọng của bạn thân; viết được đoạn văn 120 từ nói về người bạn thân.	
CLO26	-Viết được email nói về trải nghiệm trong công việc; bình luận trên mạng về việc giữ cân bằng trong cuộc sống hoặc công việc.	
CLO27	-Viết được lời mời qua email; viết lời mời tham gia hoạt động ngoài trời.	
CLO28	-Viết được một đoạn văn khoảng 100 từ về sở trường của bạn thân và sửa được lỗi về ngữ pháp, chính tả, dấu câu trong bài viết; viết được 10 phát minh quan trọng và những lý do tại sao các phát minh đó quan trọng.	
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO29	Tự giác trong học tập ở lớp, nhiệt tình, tích cực luyện tập, phát triển các kỹ năng, chăm chỉ và chủ động hoàn thành các bài tập ở nhà.	
CLO30	Hợp tác, tự tin khi thực hiện các hoạt động theo nhóm hoặc làm việc độc lập.	

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mã	Tên	HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTBT										
IS1139	Tiếng Anh 1	PLO1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PLO2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PLO3	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PLO4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PLO5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PLO6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PLO7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PLO8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PLO9	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

7. Nội dung chi tiết học phần

Unit 1: LIFE

8 tiết (8LT, 0 BT)

1.1. Feeling good?

1.1.1. Grammar/ Function: Question forms

1.1.2. Vocabulary: Free time

1.1.3. Pronunciation: stressed words

1.1.4. Reading: The seven secrets of happiness

1.1.5. Speaking: ask and answer questions about holidays and weekends

1.2. True Love

1.2.1. Grammar: Past simple

1.2.2. Vocabulary: Relationships

1.2.3. Pronunciation: Past simple verbs: -ed endings

1.2.4. Listening: listen to stories about offers of marriage

1.2.5. Speaking: ask and answer personal questions

1.2.6. Writing: write about an important year in your life, use of linking words

1.3. Nice day, isn't it?

1.3.1. Grammar: making conversation

1.3.2. Vocabulary: conversation topics

1.3.3. Pronunciation: linking

1.3.4. Listening: understanding routine exchanges

1.3.5. Speaking: making conversation

1.4. Some special

1.4.1. Listening: BBC - Watch an extract from a sitcom about a woman called Miranda

1.4.2. Speaking: talk about important people in your life

1.4.3. Writing: Write about your best friend

1.5. Lookback

2.1. The company 4U

2.1.1. Grammar/ Function: Present simple and continuous

2.1.2. Vocabulary: work

2.1.3. Pronunciation: word stress

2.1.4. Listening: listen to interviews about jobs

2.1.5. Speaking: talk about what motivates you

2.2.6. Writing: write an email about work experience

2.2. A Risky business

2.2.1. Grammar: Adverbs of frequency

2.2.2. Vocabulary: jobs

2.2.3. Pronunciation: stressed syllables

2.2.4. Reading: read a newspaper article about dangerous jobs

2.2.5. Speaking: talk about dangerous jobs

2.3. I like working outside

2.3.1. Grammar: expressing likes/ dislikes

2.3.2. Vocabulary: types of work

2.3.3. Pronunciation: intonation : sound interested

2.3.4. Listening: listen to a man talking about his job

2.3.5. Speaking: talk about perfect job

2.4. Dream Commuters

2.4.1. Reading: read the results of a survey about work / life balance

2.4.2. Listening: watch an extract from a BBC documentary about commuting

Unit 2: WORK 7 tiết (7LT, 0BT)

- 2.4.3. Speaking: describe your work / life balance
 2.4.4. Writing: Write a web comment about work / life balance

2.5. Lookback

Unit 3: TIME OUT

8 tiết (8LT, 0BT)

3.1. Free in NYC

- 3.1.1. Grammar/ Function: Present continuous / be going to for future
 3.1.2. Vocabulary: time out
 3.1.3. Pronunciation: fast speed: going to

- 3.1.4. Listening: listen to a radio programme about going out in New York

- 3.1.5. Speaking: talk about your future plans

- 3.1.6. Writing: write an email invitation

3.2. Relax

- 3.2.1. Grammar: questions without auxiliaries

- 3.2.2. Vocabulary: places to visit

- 3.2.3. Pronunciation: stress in compound nouns

- 3.2.4. Reading: read out how people spend their freetime around the world

- 3.2.5. Speaking: discuss how you spend your freetime

3.3. Can I take a message?

- 3.3.1. Grammar: making a phonecall

- 3.3.2. Vocabulary: collocations

- 3.3.3. Pronunciation: linking : can

- 3.3.4. Listening: understand some problems phone calls

- 3.3.5. Speaking: make and receive phone calls

3.4. Rio de Janeiro

- 3.4.1. Listening: watch an extract from a BBC travel programme about visiting Rio de Janeiro

- 3.4.3. Speaking: plan a perfect day out

- 3.4.4. Writing: Write an invitation for a day out

3.5. Lookback

Unit 4: GREAT MINDS

7 tiết (7LT, 0BT)

4.1. Hidden talent

- 4.1.1. Grammar/ Function: Present perfect

- 4.1.2. Vocabulary: make and do

- 4.1.3. Pronunciation: weak form (have)

- 4.1.4. Listening: listen to someone describing how he used his hidden talent

- 4.1.5. Speaking: talk about hidden talents

- 4.1.6. Writing: check your work and correct mistakes

4.2. Schools of thought

- 4.2.1. Grammar: can, have to, must
- 4.2.2. Vocabulary: education
- 4.2.3. Pronunciation: weak form (have to)
- 4.2.4. Reading: read an article about different schools
- 4.2.5. Speaking: talk about rules in schools

4.3. what should I do ?

- 4.3.1. Grammar: giving advice

- 4.3.2. Vocabulary: language learning

- 4.3.3. Pronunciation: silent letters

- 4.3.4. Reading: read replies to a website message

- 4.3.5. Speaking: giving advice and make suggestions for language learners

4.4. Inventions

- 4.4.1. Listening: watch an extract from a BBC travel programme about developments that have changed the world

- 4.4.3. Speaking: talk about inventions

- 4.4.4. Writing: Write a forum post about inventions

4.5. Lookback

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

8.1. Giáo trình giảng dạy

Antonia, C. (2019). *Speakout Pre-Intermediate*. Pearson Longman: Vietnam News Agency Publishing House

8.2. Học liệu tham khảo

Pavlik, C. (2011). *Hot Topic 2*. CUNN New York: International Student Edition.

Soars, J., & Liz. (2008). *New Headway Pre-Intermediate Third Edition*. Oxford: Oxford University Press.

Cunningham, S., Moor, P. & Carr. J. C. (2009). *New Cutting Edge Pre-Intermediate*. Pearson Longman: Company limited.

Richards, J. C. (1997). *New Interchange 2*. Cambridge University Press.

Oxenden, O., Koeiq, C., & Seligson, P. (2004) *New English File 2*. Oxford: Oxford University Press.

8.3. Website làm bài tập và tư học theo tài khoản của giáo trình.

<https://english-dashboard.pearson.com/login?redirectUrl=https:%2F%2Fenglish-dashboard.pearson.com>

8.4. Website tham khảo:

- <http://www.esolcourses.com>

- www.askoxford.com/

- www.better-english.com/exerciselist.html

- www.churchillhouse.com/english

- <http://www.easyenglish.com/>

- www.english2u.com

- www.englishlearner.com
- www.english-zone.com/index.php
- www.esl.about.com
- www.eslbee.com (writing)
- www.esl-lab.com (listening)
- www.esl.com/eslcenter.htm
- <http://www.idiomsite.com/>
- www.iej.ujic.edu/free.html
- www.international.ouc.bc.ca/pronunciation

9. Kế hoạch dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Lên lớp		Thực hành/Thi nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số
	Thảo luận	Bài tập				
Tin chi 1						
Unit 1: Life	0	0				24
Unit 2: Work	0	0				21
Tin chi 2						
Unit 3: Time out	0	0				24
Unit 4: Great minds	0	0				21
Cộng						
	0	0	0	0	0	90

9.2. Lịch trình chi tiết :

Nội dung 1

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	Unit 1: Life	Ly thuyết	2		
	1.1. Feeling good?			- Đọc trước cách đặt câu hỏi trong tiếng Anh	CLO1
	1.1.1. Grammar/ Function: Question forms			- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan về các hoạt động làm vào thời gian rảnh	CLO5
	1.1.2. Vocabulary: Free time				CLO9
	1.1.3. Pronunciation: stressed words				CLO17
	1.1.4. Reading: The seven secrets of				CLO21

Nội dung 3

Tuần	3	<p>Unit 1: Life</p> <p>1.3. Nice day, isn't it?</p> <p>1.3.1. Grammar: making conversation</p> <p>1.3.2. Vocabulary: conversation topics</p> <p>1.3.3. Pronunciation: linking</p> <p>1.3.4. Listening: understanding routine exchanges</p> <p>1.3.5. Speaking: making conversation</p>	Tự học	4	<p>- Đọc trước các yêu cầu trong sách 12,13</p> <p>- Đọc trực tiếp các yêu cầu trong sách speak out trang</p> <p>- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập.</p> <p>- Tìm hiểu về cách đọc các từ nói nhau trong một câu</p> <p>- Làm việc theo nhóm/ hoặc cả nhân, đọc và sử dụng từ điển tra cứu nghĩa của các từ mới</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Hoàn thành các dạng bài tập theo yêu cầu của GV</p> <p>- Tự luyện tập và làm bài tập online</p>	Mục tiêu
------	---	---	--------	---	---	----------

Nội dung 4

Tuần	4	<p>Unit 1: Life</p> <p>1.4. Some special</p> <p>1.4.1. Listening: BBC- Watch an extract from a sitcom about a woman</p>	Lý thuyết	2	<p>- Làm việc theo nhóm/ hoặc cả nhân, đọc và sử dụng từ điển tra cứu nghĩa của các từ mới trong</p>	Mục tiêu
------	---	--	-----------	---	--	----------

CLO29 CLO30	bài	- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên. - Viết theo yêu cầu của bài tập - Hoàn thành các dạng bài tập theo yêu cầu của GV	Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online
		- Practise and do homework			

Nội dung 5

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mức tiêu
5	<p>Unit 2: Work</p> <p>2.1. The company 4U</p> <p>2.1.1. Grammar/ Function: Present simple and continuous</p> <p>2.1.2. Vocabulary: work</p> <p>2.1.3. Pronunciation: word stress</p> <p>2.1.4. Listening: listen to interviews about jobs</p> <p>2.1.5. Speaking: talk about what motivates you</p> <p>2.2.6. Writing: write an email about work experience</p>	Lý thuyết	2	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	<p>CLO2</p> <p>-Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu liên quan đến ngữ pháp: Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập.</p> <p>CLO6</p> <p>đùng và các mẫu câu liên quan đến ngữ pháp: Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập.</p> <p>CLO10</p> <p>Liên quan đến ngữ pháp: Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập.</p> <p>CLO14</p> <p>pháp: Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập của từ vựng</p> <p>CLO18</p> <p>điền để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập</p> <p>CLO26</p> <p>Hiện quan và làm phần bài tập của từ vựng</p> <p>CLO29</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>CLO30</p> <p>- Hoàn thành các dạng bài tập theo yêu cầu của GV</p>

CLO14 CLO18 CLO29 CLO30	- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập của từ vựng. - Luyện nói theo gợi ý của giáo viên. - Hoàn thành các dạng bài tập theo yêu cầu của GV	4	Tự học	Do homework
				Practice pronunciation and speaking

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
8	<p>Unit 2: Work</p> <p>2.4.1. Reading: read the results of a survey about work / life balance</p> <p>2.4.2. Listening: watch an extract from a BBC documentary about commuting</p> <p>2.5.Look back</p> <p>Unit 3: Time out</p> <p>3.1. Free in NYC</p> <p>3.1.1. Grammar/ Function: Present continuous / be going to for future</p> <p>3.1.2. Vocabulary: time out</p> <p>3.1.3. Pronunciation: fast speed: going to</p>		2	<p>- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập của từ vựng.</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.</p> <p>- Tìm hiểu về cách sử dụng, cấu trúc của thì HTTD và thì tương lai</p>	<p>CLO14 CLO22 CLO29 CLO30</p> <p>CLO3 CLO7 CLO11 CLO15 CLO19 CLO27 CLO29 CLO30</p>

Nội dung 8

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mức tiêu
9	Unit 3: Time out 3.2. Relax 3.2.1. Grammar: questions without auxiliaries 3.2.2. Vocabulary: places to visit	Lý thuyết	2	- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung nằm trong phần ngữ pháp -Đọc trước các từ liên quan đến chủ đề nơi chốn	CLO3 CLO7 CLO11

Nội dung 9

3.1.4. Listening: listen to a radio programme about going out in New York 3.1.5. Speaking: talk about your future plans 3.1.6. Writing: write an email invitation	2.4.3. Speaking: describe your work / life balance 2.4.4. Writing: Write a web comment about work / life balance - Do homework Practice speaking and writing - Do homework	Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online Tự luyện tập và làm bài tập online 3.1	
				- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung nằm trong phần bài nghe. - Chuẩn bị từ vựng, câu trúc để có thể diễn đạt được kế hoạch trong tương lai của mình Luyện viết theo gợi ý của giáo viên. - Hoàn thành các dạng bài tập theo yêu cầu của GV	

Nội dung 11

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
11	Unit 3: Time out 3.4. Rio de Janeiro 3.4.1. Listening: watch an extract from a BBC travel programme about visiting Rio de Janeiro 3.4.3. Speaking: plan a perfect day out 3.4.4. Writing: Write an invitation for a day out - Practise and do homework	Lý thuyết	2	- Đọc trước yêu cầu của bài nghe - Luyện nói theo gợi ý của giáo viên. - Đọc trước yêu cầu của bài viết, chuẩn bị từ vựng, cấu trúc câu - Hoàn thành các dạng bài tập theo yêu cầu của GV	CLO15 CLO19 CLO27 CLO29 CLO30
		Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online	

Nội dung 12

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
12	Unit 3: 3.5. Lookback Unit 4: Great Minds 4.1. Hidden talent 4.1.1. Grammar/ Function: Present perfect 4.1.2. Vocabulary: make and do 4.1.3. Pronunciation: weak form (have) 4.1.4. Listening: listen to someone describing how he used his hidden talent 4.1.5. Speaking: talk about hidden talents	Lý thuyết	2	- Đọc và tìm hiểu cách sử dụng, cấu trúc của thì HTHT - Phân biệt và tìm hiểu các cấu trúc câu với: DO, MAKE - Luyện cách phát âm - Đọc trước các yêu cầu của bài nghe - Luyện nói theo gợi ý của giáo viên. - Luyện viết theo talents	CLO4 CLO8 CLO12 CLO16 CLO20 CLO28 CLO29 CLO30

	4.1.6. Writing: check your work and correct mistakes				
	- Practise and do homework	Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online	

Nội dung 13

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
13	Unit 4: Great Minds 4.2. Schools of thought 4.2.1. Grammar: can, have to, must 4.2.2. Vocabulary: education 4.2.3. Pronunciation: weak form (have to) 4.2.4. Reading: read an article about different schools 4.2.5. Speaking: talk about rules in schools	Tự học	2	- Đọc trước cách dùng can, have to, must - Tìm hiểu các từ vựng về chủ đề : giáo dục - Luyện cách phát âm - Đọc trước các yêu cầu của bài đọc, sử dụng từ điển để tra cứu từ mới - Luyện nói theo gợi ý của giáo viên. - Hoàn thành các dạng bài tập theo yêu cầu của GV	CL04 CL08 CL012 CL020 CL029 CL030
	- Practise speaking - do homework	Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online	

Nội dung 14

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
14	Unit 4: Great Minds	Lý thuyết	2	-Đọc trước các từ ,	CLO4

	4.3. what should I do ?	4.3.1. Grammar: giving advice	4.3.2. Vocabulary: language learning	4.3.3. Pronunciation: silent letters	4.3.4. Reading: read replies to a website message	4.3.5. Speaking: giving advice and make suggestions for language	Do homework
					4.3.4. Reading: read replies to a website message	4.3.5. Speaking: giving advice and make suggestions for language	Do homework
CLO8 CLO12 CLO29 CLO30	câu trúc đưa ra lời khuyên	- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập của từ vựng.	- Luyện cách phát âm		Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online

Nội dung 15

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
15	<p>4.4.1. Listening: watch an extract from a BBC travel programme about developments that have changed the world</p> <p>4.4.3. Speaking: talk about inventions</p> <p>4.4.4. Writing: Write a forum post about inventions</p> <p>4.5. Lookback</p>	Lý thuyết	2	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
	<p>4.4.1. Listening: watch an extract from a BBC travel programme about developments that have changed the world</p> <p>4.4.3. Speaking: talk about inventions</p> <p>4.4.4. Writing: Write a forum post about inventions</p> <p>4.5. Lookback</p>	Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online	CLO15 CLO19 CLO27 CLO29 CLO30

10. Quy định của học phần đối với người học

- **Chuyên cần:** Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.
- **Bài tập cá nhân, nhóm:** Mỗi sinh viên hoàn thành một quyển bài tập chương viết tay và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, quy cách theo yêu cầu của GV.
- **Thảo luận:** Các bài tập, câu hỏi trong tuần phải được chuẩn bị trước khi thảo luận hoặc kiểm tra - danh giá.

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và danh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các khái niệm, các nội dung lí thuyết liên quan đến hệ thống phương pháp, kĩ năng dạy học, thiết kế bài học ở nhà tương giao dực nghề nghiep	CL01;CL02;CL03; CL04;CL05;CL06; CL07;CL08;CL09; CL010;CL011 CL012;CL013;CL014 CL015;CL016;CL017; CL018;CL019;CL020; CL021;CL022;CL023; CL024;CL025;CL026; CL027;CL028
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ và học tập của học phần	CL029; CL030

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11.2.1. Điểm bài tập (25%): (Danh cho sinh đại học chính quy học lần đầu)

- Mục đích: Cùng cố kiến thức theo nội dung học tập trên lớp nhằm giúp sinh viên nắm chắc các kiến thức của bài học.
- Nội dung:
Bài tập online là phần bài tập thiết kế online dựa theo kiến thức sinh viên học trên lớp. Sinh viên làm bài tập theo đúng yêu cầu trong tài khoản được cấp. Giảng viên thiết lập chế độ làm bài theo quy định của khoa. Giảng viên chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ và lưu kết quả làm bài online của sinh viên.
- Tiêu chí danh giá:

Tổng điểm bài tập online tính theo % và được quy sang thang điểm 10. Nếu sinh viên có điểm bài tập online dưới 5 không đủ điều kiện tham dự thi Kết thúc học phần.

11.2.2. Điểm tiêu luận (25%) (Danh cho sinh viên đại học liên thông hình thức vừa

làm vừa học và sinh viên đại học chính quy học lại học phần)

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, cũng cố tư vấn, ngữ pháp và kỹ năng làm bài viết tiếng Anh

- Nội dung: Sinh viên viết tay 10 chủ đề viết thư theo nội dung ôn tập thi KTHP, theo quy định chung của Bộ môn, đồng quyên nộp lại cho giảng viên, mỗi chủ đề được chấm theo thang điểm 10 và chia trung bình trên 10 chủ đề.

- Tiêu chí đánh giá:

+ Mức độ hoàn thành yêu cầu của đề bài (Task fulfillment): 2,5 điểm

+ Từ vựng (vocabulary): 2,5 điểm

+ Ngữ pháp (Grammar): 2,5 điểm

+ Cách tổ chức, bố cục của bài viết (Organization): 2,5 điểm

- Thời gian: Tiêu luận được nộp cho giảng viên chấm nhất là trước khi kết thúc môn học một tuần để giảng viên chấm.

11.2.3. Thuyết trình cá nhân (25%)

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện và thể hiện kỹ năng nói của người học đối với học phần.

- Nội dung:

Sinh viên bốc thăm 1 trong 10 chủ đề theo quy định của Khoa, mỗi sinh viên sẽ chuẩn bị 1 bài thuyết trình trong vòng 1-2 phút và tại lên một giao diện theo yêu cầu giảng viên, giảng viên xem phần trình bày của sinh viên và chấm điểm. Ngoài ra, mỗi sinh viên được hỏi 3 câu hỏi trong quá trình học trên lớp, điểm thuyết trình được đánh giá theo thang điểm 10

gồm các tiêu chí:

- Tiêu chí đánh giá:

+ Mức độ lưu loát, mạch lạc: 2,5 điểm

+ Nguồn tư vấn: 2,5 điểm

+ Câu trúc da dẻng, chính xác: 2,5 điểm

+ Cách phát âm: 2,5 điểm

11.2.4. Thi kết thúc học phần (50%)

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; kiến thức của học phần.

- Nội dung: Kiểm tra kiến thức về tư vấn, ngữ pháp, kỹ năng nghe, đọc và viết

- Hình thức đánh giá: Thi viết không được sử dụng tài liệu (theo hình thức và quy định

đánh giá hiện hành, bài thi KTHP gồm 2 phần, trắc nghiệm và tự luận gồm các kỹ năng nghe, đọc và viết. Được đánh giá theo thang điểm 10 đúng theo barem điểm có trong đáp án đề thi)

11.3. Lịch thi, kiểm tra

- Thi kết thúc học phần: Theo lịch thi của Phòng Đào tạo

11.4. Cách thức đánh giá điểm

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,1 điểm, làm tròn

đến một chữ số thập phân.

Trọng số các điểm thành phần như sau:

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Đánh giá qua trình		Thi kết thúc học phần
		Bài tập online/ tiêu luận	Bài tập thuyết trình cá nhân	
Chuẩn đầu ra của học phần	25	CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06; CL07; CL08; CL013; CL014; CL015; CL016; CL021; CL022; CL023; CL024; CL025; CL026; CL027; CL028	CL017; CL018; CL019; CL020;	CL01; CL02; CL03; CL04; CL05; CL06; CL07; CL08; CL013; CL014; CL015; CL016; CL021; CL022; CL023; CL024; CL025; CL026; CL027; CL028
	25			50

12. Ngày hoàn thành đề cương: 5/8/2022

TRƯỜNG KHOA

(Kl, ghi rõ họ tên)

Đỗ Phúc Hương

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Kl, ghi rõ họ tên)

Đặng Thị Hương Thảo

GIẢNG VIÊN

(Kl, ghi rõ họ tên)

Hoàng Thị Hòa

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH BỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ - KINH TẾ - SƯ PHẠM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Tiếng Anh 2 - English 2

1. Thông tin về giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Liên

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Bộ môn Ngoại ngữ Không chuyên, Thạc sĩ.

- Email, điện thoại cơ quan: Nguyenlien2807@gmail.com; 0221713284

1.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Năng Tuấn

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Bộ môn Ngoại ngữ Không chuyên, Thạc sĩ.

- Email, điện thoại cơ quan: Tuanngianghai@gmail.com; 0221713284

1.3. Giảng viên 3:

Họ và tên: Đặng Thị Hương Thảo

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Bộ môn Không chuyên, Tiến sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: thaomanhuthehy17@gmail.com; 0982852552

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Tiếng Anh 2

2.2. Mã số: 151140

2.3. Khối lượng: 3 TC (3 Lĩ thuyết)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

Thời gian	Tiết/giờ thực hiện	
	HB dạy học	Giờ giảng trên lớp
Tổng	45	90
		135

2.5. Học phần: Bất buộc

2.6. Điều kiện học phần

Sinh viên phải hoàn thành xong chương trình tiếng Anh 1.

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên đại học hệ chính quy ngành Công nghệ, Kinh tế và Sư phạm.

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ Không chuyên, Khoa Ngoại ngữ, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

3. Mã tài học phần

Học phần tiếng Anh 2 năm trong chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên có khả năng thực hành 4 kĩ năng hoàn thiện hơn trên nền tảng của tiếng Anh 1. Học phần tiếng Anh 2 tích hợp các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết kết hợp với 3 thành tố ngôn ngữ từ vựng, ngữ pháp, phát âm. Học phần cung cấp các kiến thức ngữ pháp cơ bản như hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn; mẫu động từ, đại từ quan hệ, mạo từ, so sánh tính từ, cách diễn tả số lượng và các câu trúc thông dụng của động từ khuyết thiếu. Ngoài ra, học phần cung cấp khái niệm lượng từ vựng đa dạng với các chủ đề khác nhau như du lịch, thể lực, tiền bạc, thiên nhiên... giúp sinh viên mở rộng vốn từ, và nâng cao kỹ năng giao tiếp. Học phần cũng trang bị kiến thức về phát âm: trọng âm của từ, âm câm, từ không được nhấn mạnh và từ có tần cùng là (s). Học phần này cung cấp các kiến thức và kỹ năng theo chủ đề nhằm giúp sinh viên phát triển 4 kĩ năng: nghe, nói, đọc và viết.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COs)

Học phần này trang bị cho người học:

* Kiến thức:

CO1: Kiến thức từ vựng về các chủ đề như du lịch, thể lực, tiền bạc, thiên nhiên và những vấn đề biến đổi lớn.

CO2: Hiểu biết quy luật phát âm cơ bản để phát âm chính xác các từ thuộc nhóm *weak forms*, các từ khó phát âm, một số nguyên âm và phụ âm.

CO3: Khả năng nhận diện các ngữ pháp chính: các thì cơ bản trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, các động từ chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, một số câu trúc câu, các mẫu động từ, ngữ động từ, các dạng so sánh và câu điều kiện.

* Kỹ năng

CO4: Nghe và nắm được ý chính, nghe và dự đoán, trả lời câu hỏi, nói tranh và điền từ về các chủ đề quen thuộc.

CO5: Hỏi đáp, miêu tả, thuyết trình và thảo luận về các chủ đề du lịch, sức khỏe, mua sắm, tiền bạc và thiên nhiên.

CO6: Đọc hiểu ý chính, đọc và thảo luận, hoàn thành câu, trả lời câu hỏi, tóm tắt ý chính.

CO7: Viết đoạn văn, email, blog, mẫu đơn, ý kiến quan điểm, bình luận và kế hoạch.

* Mức độ tự chủ và tách nhiệm:

CO8: Nhiệt tình trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người, hoàn thiện bản thân.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

Mức tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CDR của CTBT
<i>Kiến thức</i>			
CLO1		- Áp dụng các từ vựng để diễn tả về các phương tiện giao thông, các vật dụng đi du lịch.	
CLO2		- Vận dụng từ vựng về chủ đề sức khỏe, thức ăn, đặc điểm các loại bệnh và hỏi đáp về sức khỏe.	
CLO3		- Sử dụng từ vựng về trang bị để hỏi đáp mua ở đâu, như được các cụm động từ đi với giới từ <i>verb+</i> <i>prepositions</i> , sử sắp đặt từ theo thứ tự <i>collocations</i> sử	

CLO14	-Phân biệt được các mệnh đề quan hệ <i>Relative clauses, câu</i> trực câu với too much/many, enough, very, vẫn dùng câu trực câu hỏi và trả lời khi mua sắm.	
CLO15	-Nhớ được câu trực câu của phép so sánh hơn và hơn nhất của tính từ ngắn và dài, tính từ theo quy tắc và bất quy tắc, phân biệt được cách sử dụng mạo từ xác định và không xác định <i>a/an/the/ø</i> trong từng tình huống cụ thể.	
Kỹ năng		
CLO16	-Nghe và hoàn thành các câu về mối người đang miêu tả họ mang theo các vật dụng gì khi đi du lịch, nhìn bản đồ và viết các điểm đến cho mỗi tranh, điền từ thiếu vào mỗi câu về chủ đề hỏi và chỉ đường trên bản đồ, nghe đài BBC về những chuyến đi thú vị.	
CLO17	-Nghe một cuộc phỏng vấn với một chuyên gia về dinh dưỡng và hoàn thành từ thiếu, hiểu và trả lời các câu hỏi về sức khỏe và trả lời các câu hỏi.	
CLO18	-Nghe hiểu và trả lời câu hỏi về một cuộc phỏng vấn cô Jessica về công việc, nghe hiểu và chọn đáp án T or F về các trang thiết bị, hiểu và danh số các câu theo thứ tự về chương trình radio nói về một gia đình và những động vật khác nhau.	
CLO19	Nghe và hoàn thành bảng về ba người đang nói lý do tại sao họ nên được nhận lương cao hơn, nghe hiểu các đoạn hội thoại trong các cửa hàng và hoàn thành từ thiếu về mua sắm, hoàn thành từ thiếu về số hiệu thẻ của một công ty soleRebels.	
CLO20	-Nghe hiểu và trả lời các câu hỏi về chương trình radio nói về <i>the Northern Lights</i> những ngọn đèn ở Na Uy.	
CLO21	Hỏi đáp được các câu hỏi với từ để hỏi <i>wh-question</i> về một điều gì đã xảy ra, điền gì thú vị nhất, buồn cười nhất trong chuyến đi chơi của bạn, hỏi và thảo luận về chủ đề kỳ nghỉ, nói được các câu hỏi và chỉ đường.	
CLO22	-Miêu tả được về sở thích, thể thao, đồ vật bạn sở hữu, công việc, học tập, ngôi nhà sử dụng câu <i>Do you... và How long have you...</i> , dự đoán những điều thú vị nhất về tương lai sử dụng may, might, will, trình bày được những lý do tại sao và cảm giác như thế nào khi đi khám bác sĩ.	
CLO23	-Thuyết trình được điều đang chú ý nhất của bạn thân thường xuyên làm theo thời quen cách đây 10 năm ví dụ về ngôi nhà, học tập, thời gian rảnh, tình cách, thảo luận về lý do tại sao mọi người nói dối về cuộc sống, công việc, gia cả, thảo luận về việc bạn muốn học đại học trong nước hay nước ngoài, sinh viên nghỉ gì về du học.	
CLO24	-Trình bày được ý tưởng nếu bạn hoặc những người siêu giàu có hàng tỷ đô la đầu tư vào một dự án thú vị nhất hoặc có ích nhất, bạn sẽ đầu tư cái gì, ai sẽ giúp bạn, bạn sẽ đầu tư ở đâu, bao lâu, hãy đưa ra lý do trong tương lai nghe	

		<p>nghiệp nào sẽ kiếm được nhiều tiền nhất, miêu tả về loại quần áo, thực ăn hay những thứ bạn sử dụng trong ngôi nhà sử dụng danh từ đếm được và không đếm được.</p>	
CLO25	<p>-Hỏi đáp về việc bạn có thể làm gì để bảo vệ môi trường, ai là <i>the greenest person</i> trong lớp, hãy so sánh về cuộc sống ở nông thôn với thành phố, những ưu và nhược điểm, trình bày được những thứ nhất về các loại động vật, loại nào to nhất, nhanh nhất, dài nhất, sống lâu nhất.</p>		
CLO26	<p>-Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về chủ đề các loại phương tiện giao thông xuất hiện trong phim Kon-tiki, thảo luận các câu hỏi liên quan đến chủ đề một người đàn ông làm việc ở ba nước một ngày.</p>		
CLO27	<p>-Đọc hiểu bài báo và trả lời các câu hỏi về các loại hình tập thể dục, thể thao, bạn muốn thử tập môn thể thao nào, bạn có biết thông tin gì về môn thể thao đó không.</p>		
CLO28	<p>-Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về chủ đề sông với những hoạt bát, giải mô, sử dụng các động từ đi với các giới từ, đọc và dự đoán người dân ông trong câu chuyện sẽ giả bộ làm những nghề gì, đọc hiểu ý chính về việc dù học.</p>		
CLO29	<p>-Đọc hiểu ý chính và lựa chọn được ý chính tóm tắt của câu chuyện về một kho báu của một triệu phú người Mỹ Forrest Fern, đọc hiểu và trả lời bạn câu hỏi về mua sắm.</p>		
CLO30	<p>-Đọc hiểu và tóm tắt được ý chính của chương trình về những ý tưởng xanh tuyệt vời nhất, trả lời câu hỏi bạn thích ý tưởng nào nhất, đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một kinh nghiệm sống trong hoang dã của một sinh viên ngành nhân loại học khi cô đi mất với một con trăn khổng lồ trong rừng nhiệt đới ở Peru.</p>		
CLO31	<p>-Sử dụng được các liên từ nối câu first, then, after a while, finally để viết được một lá thư dài 120 từ trở lên miêu tả về một chuyến đi hoặc một ngày cuối tuần, viết được đoạn văn về mẫu đơn đưa ra mục đích, mục tiêu, bạn chi tiết kế hoạch để có giải thưởng.</p>		
CLO32	<p>-Sử dụng and/also để viết một blog về thực ăn, viết một blog đưa ra những lời khuyên về sức khỏe trong đó bao gồm chế độ ăn uống, ngủ, tập thể dục, sử dụng những ứng dụng để kiểm soát sức khỏe.</p>		
CLO33	<p>-Viết đoạn văn về một quyết định đã thay đổi cuộc sống của bạn, trong câu chuyện được viết sử dụng câu giới thiệu, ý bổ sung và ý kết luận cho đoạn văn, viết một blog hoặc nhật ký về kinh nghiệm mới của bạn trong đó sử dụng các từ nối câu.</p>		
CLO34	<p>-Viết được một đoạn đầu tiên về một công việc tương lai của bạn thân và đưa ra ý kiến quan điểm giải thích tại sao công việc đó nhân lương cao hơn và trong đoạn sử dụng các từ ngữ từ bộ nghĩa cho các tình từ, viết một bài dự thi cuộc thi đầu tư kinh doanh nó khác biệt với những ý tưởng khác như thế nào, bạn sẽ làm gì với số tiền.</p>		

- 7.2. The great impostor- page 70**
- 7.2.1. Grammar: Purpose, cause and result
- 7.2.2. Vocabulary: Collocations
- 7.2.3. Pronunciation: rhythm in complex sentences
- 7.2.4. Reading: Read and predict information in a story
- 7.2.5. Speaking: Talk about why people tell lies
- 7.3. Can you tell me?- page 72**
- 7.3.1. Grammar: Finding out information
- 7.3.2. Vocabulary: facilities
- 7.3.3. Pronunciation: Intonation: Checking information
- 7.3.4. Reading: Read about studying abroad
- 7.3.5. Listening: Understand short, predictable conversations
- 7.3.6. Speaking: Learn to check and confirm information
- 7.4. A Greek adventure- page 74**
- 7.4.1. Listening: BBC- My family and Other Animals: Watch an extract from the beginning of a BBC film about a family that moves to Greece
- 7.4.2. Speaking: talk about new experiences
- 7.4.3. Writing: Write a blog / diary
- 7.5. Lookback**

Unit 8 : MONEY

9 tiét (9 LT, 0BT)

8.1. Treasure hunt- page 78

- 8.1.1. Grammar/Function: Relative clauses
- 8.1.2. Vocabulary: Money
- 8.1.3. Pronunciation: Pronouncing the letter"s"
- 8.1.4. Reading: Read the story of a treasure hunt
- 8.1.5. Speaking: Talk about a project that people should invest in
- 8.2. Pay me more- page 80**
- 8.2.1. Grammar: Too much/many, enough, very
- 8.2.2. Vocabulary: Multi-word verb
- 8.2.3. Pronunciation: Multi-word verb stress
- 8.2.4. Listening: Listen to a discussion about salaries
- 8.2.5. Speaking: Talk about why you should earn more
- 8.2.6. Writing: Write an opinion piece

8.3. I'm just looking- page 82

- 8.3.1. Grammar: Buying things
- 8.3.2. Vocabulary: Shopping
- 8.3.3. Pronunciation: Weak forms: Do you/can I
- 8.3.4. Reading: Read a questionnaire about shopping
- 8.3.5. Listening: Listen to conversations in shops
- 8.3.6. Speaking: Describe items, go shopping

8.4. SoleRebels- page 84

- 8.4.1. Listening: BBC News: SoleRebels: Watch an extract from the BBC news about an Ethiopian business

8.3. Website làm bài tập theo tài khoản của giáo viên.

- University Press.
 - Oxenden, O., Koicq, C., & Seligson, P. (2004) *New English File 2*. Oxford: Oxford
 - Richards, J. C. (1997). *New Interchange 2*. Cambridge: Cambridge University Press.
 Pearson Longman: Company limited.
 - Cunningham, S., Moor, P. & Carr, J. C. (2009). *New Cutting Edge Pre-Intermediate*.
 - Speakout 2nd Edition Elementary: BBC Worldwide and BBC Learning English.
 - Pavlik, C. (2011). *Hot Topic 2*. CNN New York: International Student Edition.

8.2. Học liệu tham khảo

Publishing House
 Antonia, C. (2019). *Speakout Pre-Intermediate*. Pearson Longman: Vietnam News Agency

8.1. Giao trình giảng dạy

8. Học liệu (giao trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

9.5. Lookback

- 9.4.3. Writing: Write a travel blog
 9.4.2. Speaking: Talk about amazing places
 from BBC documentary about the Northern Lights.
 9.4.1. Listening: Joanna Lumley in the Land of the Northern Lights: watch an extract

9.4. The Northern Lights-page 94

- 9.3.5. Speaking: Talk about different animals
 9.3.4. Listening: Listen to people discussing quiz questions
 9.3.3. Pronunciation: Silent letters

9.3.2. Vocabulary: Animals

9.3.1. Grammar: Making guesses

9.3. It could be because...-page 92

- 9.2.4. Speaking: Give your views on life in the city or the country
 9.2.3. Pronunciation: Word stress, weak forms: a and the
 9.2.2. Vocabulary: The outdoors

9.2.1. Grammar: Articles

9.2. Into the wild-page 90

- 9.1.7. Writing: Write about your views on the environment
 9.1.6. Speaking: Talk about green issues
 9.1.5. Listening: Listen to a radio programme about green ideas

9.1.4. Reading: Read about great green ideas

9.1.3. Pronunciation: Stressed syllables

9.1.2. Vocabulary: Nature

9.1.1. Grammar/Function: Comparatives/Superlatives

9.1. Green living-page 88

9 tiết (9 LT, 0BT)

Unit 9 : NATURE

8.5. Lookback.

- 8.4.3. Writing: Write a competition entry for a business investment
 8.4.2. Speaking: Present a money – making idea

8.4. Website tham khảo

- www.pearsonelt.com/speakout

- <http://www.esolcourses.com>

- www.askoxford.com/

- www.better-english.com/exerciselist.html

- www.churchillhouse.com/english

- <http://www.easyenglish.com/>

9. Kế hoạch dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Lý thuyết	Tập	Thảo luận	Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Hình thức tổ chức dạy học		
							Lên lớp		
Unit 5: Travel	9	0	0			18			27
Unit 6: Fitness	9	0	0			18			27
Unit 7: Changes	9	0	0			18			27
Unit 8: Money	9	0	0			18			27
Unit 9: Nature	9	0	0			18			27
Tổng số	45	0	0			90			135

9.2. Lịch trình chi tiết:

Nội dung 1

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	Unit 5: Travel 5.1. Fantastic film trips 5.1.1. Grammar/ Function: Past simple and past continuous 5.1.2. Vocabulary: Transport	Lý thuyết	3	- Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu về Past simple and past continuous - Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên	CLO1 CLO6 CLO11 CLO16

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mức tiêu
2	<p>Unit 5: Travel</p> <p>5.2. Travel tips</p> <p>5.2.2. Vocabulary: Travel items</p> <p>5.2.3. Pronunciation: stressed syllables</p> <p>5.2.4. Listening: Understand travel advice</p> <p>5.2.5. Speaking: Discuss travel</p> <p>5.2.6. Writing: Write an email describing a trip or weekend away</p> <p>Unit 5: Travel</p> <p>5.3. You can't miss it</p> <p>5.3.1. Grammar: Asking for/ giving directions</p> <p>5.3.2. Vocabulary: tourism</p> <p>5.3.3. Pronunciation: Intonation: Questions</p> <p>5.3.4. Reading: Read a text about a man who works in three countries every day</p>	Lý thuyết	3	<p>- Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu liên quan đến ngữ pháp verb patterns</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Viết theo yêu cầu của bài tập</p> <p>- Sinh viên làm bài tập GV giao</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác</p> <p>- Viết theo yêu cầu của bài tập</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO6</p> <p>CLO11</p> <p>CLO16</p> <p>CLO21</p> <p>CLO26</p> <p>CLO31</p> <p>CLO36</p> <p>CLO37</p>

Nội dung 2

	<p>- Practice writing and using sequencers</p> <p>- Practise speaking</p> <p>- do homework</p>	Tự học	6	Tự luyện tập và làm bài tập online	
	<p>5.1.3. Pronunciation: Weak forms: was/were</p> <p>5.1.4. Reading: Read about amazing journeys in film</p> <p>5.1.5. Speaking: Tell a anecdote</p> <p>Unit 5: Travel</p> <p>5.2. Travel tips</p> <p>5.2.1. Grammar: Verb patterns</p>			<p>quan</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan</p>	<p>CLO21</p> <p>CLO26</p> <p>CLO31</p> <p>CLO36</p> <p>CLO37</p>

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mức tiên
4	<p>Unit 6 : FITNESS</p> <p>Lead in: How do you keep fit? What do you eat and drink everyday? 6.1. Keeping fit 6.1.1. Grammar/Function: Present perfect+ for/since 6.1.2. Vocabulary: Health 6.1.3. Pronunciation: Sentence stress - Listen and write the questions. Listen again and underline the stressed words. 6.1.4. Reading: Identify specific information in an article about types of exercise - Discuss. What sports can you see in the pictures? - Answer the questions 6.1.5. Speaking: Talk about your lifestyle -Write questions for each topic Do you...? and How long have you...? 6.2. The future of food 6.2.1. Grammar: May, might , will - Read sentences a-d and answer the questions about the phrases in bold - Write responses to sentences 1-7 . Use the prompts in brackets with might/ might not, may/ may not or will/ won't.</p>	Lý thuyết	3	<p>- Làm việc theo nhóm/ hoặc cá nhân, đọc và sử dụng từ điển tra cứu nghĩa của các từ mới trong bài báo. - Luyện nói theo gợi ý của giáo viên. - Đọc trước phân ngữ pháp về cách dùng: Present perfect+ for/since - Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác - Viết theo yêu cầu của bài tập - Đọc trước phân ngữ pháp về cách dùng May, might , will - Luyện nói theo gợi ý</p>	<p>CLO2 CLO7 CLO12 CLO17 CLO22 CLO27 CLO32 CLO36 CLO37</p>

Nội dung 4

	- Practise and do homework Verb patterns	Tự học	6	- Tự luyện tập và làm bài tập online	
--	---	--------	---	--------------------------------------	--

			Tự học	6	Tự luyện tập và làm bài tập online
					y của giáo viên.

Nội dung 5

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
5	<p>Unit 6 : FITNESS</p> <p>6.2. The future of food 6.2.2. Vocabulary: Food 6.2.3. Pronunciation: Intonation: certainly/uncertainly - Listen to four sentences . In which sentences are the speakers uncertain? 6.2.4. Listening: Listen to a radio interview with a food expert - Complete the sentences 1-6 6.2.5. Speaking: Discuss food preferences 6.2.6. Writing: Write about food</p> <p>6.3. How are you feeling 6.3.1. Grammar: Seeing the doctor 6.3.2. Vocabulary: Illness 6.3.3. Pronunciation: Difficult words: spelling v. Pronunciation - Listen and repeat 6.3.4. Listening: Listen to conversations between a doctor and her patients 6.3.5. Speaking: Explain health problem - Answer the questions - Discuss- Do you think any of the excuses in the text are good reasons to avoid seeing the doctor?</p>	Lý thuyết	3	- Viết theo yêu cầu của bài tập	CLO2 CLO7 CLO12 CLO17 CLO22 CLO27 CLO32 CLO36 CLO37
	<p>- Practise and do homework May,might,will</p>	Tự học	6	Tự luyện tập và làm bài tập online	

Nội dung 6

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
7	Unit 7 : CHANGES 7.1. Living the dream 7.1.1. Grammar/Function: Used to 7.1.2. Vocabulary: Verbs+ prepositions 7.1.3. Pronunciation: Weak form: used to - Listen and repeat the phrases	Lý thuyết	3	- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung nằm trong phần bài đọc. - Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên	CLO3 CLO8 CLO13 CLO18

Nội dung 7

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết /giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
6	Unit 6 : FITNESS 6.4. Monitor me 6.4.1. Listening: BBC- Horizon: monitor me: Watch an extract from a Bbc documentary about healthy habits 6.4.2. Speaking: talk about healthy 6.4.3. Writing: Write a blog post about health advice 6.5. LOOKBACK 1. Vocabulary - About health(ex1) - About food(ex3) 2. Grammar: - Present perfect+for/since(ex2,3,4) - May, might, will(ex5,6) 3. Function: Seeing the doctor(ex7) - Practise and do homework Topic illness.	Lý thuyết	3	- Nghe trước nội dung BBC kết hợp với các hoạt động khác - Luyện nói theo gợi ý của giáo viên. - Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu liên quan đến ngữ pháp: Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập của từ vựng - Làm bài tập theo hướng dẫn của gv	CLO2 CLO7 CLO12 CLO17 CLO22 CLO27 CLO32 CLO36 CLO37
		Tự học	6	Tự luyện tập và làm bài tập online	

Tuần	Nội dung chính	Hình thức dạy học	Số tiết	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mức tiêu
10	<p>Unit 8 : MONEY</p> <p>8.1. Treasure hunt</p> <p>8.1.1. Grammar/Function: Relative clauses</p> <p>8.1.2. Vocabulary: Money</p> <p>8.1.3. Pronunciation: Pronouncing the letter"s"</p> <p>- Underline each example of the letter"s"</p> <p>letter"s" in the words in bold in the questionnaire. How many ways is it pronounced? Listen and check</p> <p>8.1.4. Reading: Read the story of a treasure hunt</p> <p>8.1.5. Speaking: Talk about a</p>	Lý thuyết	3	<p>- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung nằm trong phần bài đọc.</p> <p>-Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu liên quan đến ngữ pháp: Relative clauses</p> <p>- Đọc và tra từ về Money</p>	<p>CLO4</p> <p>CLO9</p> <p>CLO14</p> <p>CLO19</p> <p>CLO24</p> <p>CLO29</p> <p>CLO34</p> <p>CLO36</p> <p>CLO37</p>

Nội dung 10

<p>and Other Animals: Watch an extract from the beginning of a BBC film about a family that moves to Greece</p> <p>7.4.2. Speaking: talk about new experiences</p> <p>7.4.3. Writing: Write a blog / diary</p> <p>7.5. LOOKBACK</p> <p>1. Vocabulary:</p> <p>- Verbs+ Prepositions(ex1)</p> <p>- Collocations(ex3)</p> <p>2. Grammar:</p> <p>- Used to(ex2)</p> <p>- Purpose, cause and result(ex4)</p> <p>3. Function: Finding out information(ex5)</p>	Tự học	6	<p>Tự luyện tập và làm bài tập online</p>	<p>CLO13</p> <p>CLO18</p> <p>CLO23</p> <p>CLO28</p> <p>CLO33</p> <p>CLO36</p> <p>CLO37</p>
<p>7.4.2. Speaking: talk about new experiences</p> <p>7.4.3. Writing: Write a blog / diary</p> <p>7.5. LOOKBACK</p> <p>1. Vocabulary:</p> <p>- Verbs+ Prepositions(ex1)</p> <p>- Collocations(ex3)</p> <p>2. Grammar:</p> <p>- Used to(ex2)</p> <p>- Purpose, cause and result(ex4)</p> <p>3. Function: Finding out information(ex5)</p>			<p>quan và làm phần bài tập của từ vựng.</p> <p>- Đọc trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác</p> <p>- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung nằm trong phần bài đọc.</p> <p>- Luyện viết theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>-Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu liên quan đến ngữ pháp.</p>	<p>CLO13</p> <p>CLO18</p> <p>CLO23</p> <p>CLO28</p> <p>CLO33</p> <p>CLO36</p> <p>CLO37</p>

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	3	Lý thuyết	<p>Unit 8 : MONEY</p> <p>8.2. Pay me more</p> <p>8.2.5. Speaking: Talk about why you should earn more</p> <p>8.2.6. Writing: Write an opinion piece</p> <p>8.3. I'm just looking</p> <p>8.3.1. Grammar/ Function: Buying things</p> <p>- Complete the phrases below with the words in the box.</p> <p>8.3.2. Vocabulary: Shopping</p>
						<p>Mục tiêu</p> <p>Yêu cầu sinh viên chuẩn bị</p>

Nội dung 11

	Relative clauses	Tự học	6	<p>Tự luyện tập và làm bài tập online</p>	<p>- Practise and do homework</p>
					<p>project that people should invest in people do with their money, and discuss the questions</p> <p>8.2. Pay me more</p> <p>8.2.1. Grammar: Too much/many, enough, very</p> <p>8.2.2. Vocabulary: Multi-word verb</p> <p>8.2.3. Pronunciation: Multi-word verb stress</p> <p>- Which words are stressed in multi-word verbs? Listen and check.</p> <p>8.2.4. Listening: Listen to a discussion about salaries</p> <p>- Look at the infographic about the pay for different jobs. Discuss the questions.</p>

- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.

- Đọc và nghiên cứu trước về ngữ pháp: Too much/many, enough, very

-Tra từ vựng: Multi-word verb

-Nghe về : Multi-word verb stress

- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.

- Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu liên quan đến ngữ pháp.

Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.

- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.

- Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu liên quan đến ngữ pháp.

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu	12	Unit 8 : MONEY 8.4. SoleRebels 8.4.1. Listening: BBC News: SoleRebels: Watch an extract from the BBC news about an Ethiopian business 8.4.2. Speaking: Present a money –
						CLO4 CLO9 CLO14 CLO19	- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác - Đọc trước phần ngữ pháp về: Relative clauses

Nội dung 12

CLO36 CLO37	đọc. - Luyện viết theo hướng dẫn của GV- Write an opinion piece - Tra từ vựng: shopping - Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác. - Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác. Listen to conversations in shops - Luyện nói: Describe items, go shopping	6	Tự học	Tự luyện tập và làm bài tập online		- Which of the words in bold are represented in the photos A-E. 8.3.3. Pronunciation: Weak forms: Do you/can I 8.3.4. Reading: Read a questionnaire about shopping 8.3.5. Listening: Listen to conversations in shops 8.3.6. Speaking: Describe items, go shopping - Think of an example of a type of clothing you use in the house.
						- Practise listening CDs Writing: Writing to a friend -too much/many, enough, very

Tuần	13	Unit 9 : NATURE	Ly thuyết	3	<p>- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung nằm trong phần bài đọc.</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Luyện viết theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.</p> <p>- Luyện viết theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.</p>	Mục tiêu
		<p>9.1. Green living-page 88</p> <p>9.1.1. Grammar/Function: Comparatives/Superlatives</p> <p>9.1.2. Vocabulary: Nature</p> <p>9.1.3. Pronunciation: Stressed syllables</p> <p>- Listen and repeat. Underline the stressed syllables</p> <p>9.1.4. Reading: Read about great green ideas</p> <p>-Read the summary below.Can you find four mistakes?</p> <p>9.1.5. Listening: Listen to a radio programmeabout green ideas</p>				

Nội dung 13

		<p>8.5. LOOKBACK</p> <p>8.4.3. Writing: Write a competition entry for a business investment</p> <p>1. Vocabulary: - Money(ex1) - Multi-word verbs(ex4) 2. Grammar: - Relative clauses(ex2) - Too much/ many, enough, very(ex3) 3. Function: Buying things(ex5)</p>	Tự học	6	<p>- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập của từ vựng.</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Đọc trước phần ngữ pháp về: Reported speech</p> <p>- Luyện viết: Write a competition entry for a business investment a business investment theo hướng dẫn của gv</p>	
		<p>- Practise and do homework</p> <p>Topic buying things</p>			<p>Tự luyện tập và làm bài tập online</p>	

Mục tiêu	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Tuần
CLO5 CLO10 CLO15 CLO20 CLO25 CLO30 CLO35 CLO36 CLO37	<p>- Đọc trước phần ngữ pháp về: : Articles</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác</p> <p>- Tra từ vựng: The outdoors</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác</p>	3	Lý thuyết	<p>Unit 9 : NATURE</p> <p>9.2. Into the wild-page 90</p> <p>9.2.1. Grammar: Articles</p> <p>9.2.2. Vocabulary: The outdoors</p> <p>9.2.3. Pronunciation: Word stress, weak forms: a and the</p> <p>9.2.4. Speaking: Give your views on life in the city or the country</p> <p>9.2.5. Reading: anaconda</p> <p>- Look at the picture and the title of the story. What do you think happened?</p> <p>- Answer the questions</p> <p>9.3. It could be because....-page 92</p> <p>9.3.1. Grammar: Making guesses</p> <p>9.3.2. Vocabulary: animals</p> <p>- Look at the word webs. How many animals can you add to each category?</p> <p>9.3.3. Pronunciation: silent letters</p>	14

Nội dung 14

<p>đung kết hợp với các hoạt động khác</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>-Luyện viết: Write about your views on the environment.</p>	<p>Tự luyện tập và làm bài tập online</p>	6	Tự học	<p>9.1.6. Speaking: Talk about green issues</p> <p>-Work in pairs. Read The eco survey. What can you do to protect the environment?</p> <p>9.1.7. Writing: Write about your views on the environment.</p> <p>- Practise and do homework</p> <p>Comparatives and Superlatives</p>	
--	---	---	--------	--	--

<p>Tuần</p>	<p>Unit 9 : NATURE</p> <p>9.3. It could be because....-page 92</p> <p>9.3.4. Listening: Listen to people discussing quiz questions</p> <p>9.3.5. Speaking: Talk about different animals</p> <p>9.4. The Northern Lights-page 94</p> <p>9.4.1. Listening: Joanna Lumley in the Land of the Northern Lights: watch an extract from BBC documentary about the Northern Lights.</p> <p>9.4.2. Speaking: Talk about amazing places</p> <p>-Choose two or three of the questions to discuss and compare your answers</p> <p>9.4.3. Writing: Write a travel blog</p> <p>9.5. Lookback</p> <p>9.5.1. Vocabulary</p> <p>- Nature: Do the geography quiz</p> <p>- Animals: Find the names of nine animals in the square</p> <p>9.5.2. Grammar: Comparatives and superlatives.</p>	<p>Hình thức tổ chức dạy học</p>	<p>Lý thuyết 3</p>	<p>Yêu cầu sinh viên chuẩn bị</p>	<p>Mức tiêu</p>	
<p>15</p>	<p>Unit 9 : NATURE</p> <p>9.3. It could be because....-page 92</p> <p>9.3.4. Listening: Listen to people discussing quiz questions</p> <p>9.3.5. Speaking: Talk about different animals</p> <p>9.4. The Northern Lights-page 94</p> <p>9.4.1. Listening: Joanna Lumley in the Land of the Northern Lights: watch an extract from BBC documentary about the Northern Lights.</p> <p>9.4.2. Speaking: Talk about amazing places</p> <p>-Choose two or three of the questions to discuss and compare your answers</p> <p>9.4.3. Writing: Write a travel blog</p> <p>9.5. Lookback</p> <p>9.5.1. Vocabulary</p> <p>- Nature: Do the geography quiz</p> <p>- Animals: Find the names of nine animals in the square</p> <p>9.5.2. Grammar: Comparatives and superlatives.</p>	<p>Lý thuyết 3</p>	<p>Số tiết 3</p>	<p>Yêu cầu sinh viên chuẩn bị</p>	<p>Mức tiêu</p>	
				<p>- Luyện nghe Listen to people discussing quiz questions</p> <p>- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập của từ vựng.</p> <p>- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung năm trong phần bài đọc.</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên. Talk about different animals</p> <p>- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung năm trong phần bài đọc.</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Luyện viết theo hướng dẫn của GV</p> <p>- Đọc trước phần ngữ pháp về: Comparatives and superlatives</p> <p>- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan nature and animals và làm phần bài tập của từ vựng.</p>		

Nội dung 15

<p>- Practise and do homework articles</p>	<p>Tự học</p>	<p>6</p>	<p>Tự luyện tập và làm bài tập online</p>	
--	---------------	----------	---	--

làm vừa học và sinh viên đại học chính quy học lại học phần)
11.2.2. Điểm tiêu chuẩn (25%) (Danh cho sinh viên đại học liên thông hình thức vừa có điểm bài tập online dưới 5 không đủ điều kiện tham dự thi Kết thúc học phần.

Tổng điểm bài tập online tính theo % và được quy sang thang điểm 10. Nếu sinh viên - Tiêu chí đánh giá:
 hỗ trợ và lưu kết quả làm bài online của sinh viên.
 làm bài theo quy định của khoa. Giảng viên chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn, giám sát, Sinh viên làm bài tập theo đúng yêu cầu trong tài khoản được cấp. Giảng viên thiết lập chế độ Bài tập online là phần bài tập thiết kế online dựa theo kiến thức sinh viên học trên lớp.
 - Nội dung:

chắc các kiến thức của bài học.
 - Mục đích: Cung cố kiến thức theo nội dung học trên lớp nhằm giúp sinh viên nắm

11.2.1. Làm bài tập online (25%): (Danh cho sinh viên đại học chính quy lần đầu)
11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các nội dung lí thuyết liên quan đến từng chủ đề bài học	CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06, CL07, CL08, CL09, CL10, CL11, CL12, CL13, CL14, CL15, CL16, CL17, CL18, CL19, CL20, CL21, CL22, CL23, CL24, CL25, CL26, CL27, CL28, CL29, CL30, CL31, CL32, CL33, CL34, CL35.
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập, trên năng lực tự chủ học online	Giúp người học phát hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CL036, CL037

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập

hoặc kiểm tra - đánh giá.
 - Thảo luận: Các bài tập, câu hỏi trong tuần phải được chuẩn bị trước khi thảo luận hần, theo yêu cầu của GV.
 - Bài tập online: Mỗi sinh viên hoàn thành bài tập online và nộp bài đầy đủ, đúng thời tập được giao.
 lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học - Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên

10. Quy định của học phần đối với người học

- Practise and do homework	Tự học	6	Tự luyện tập và làm bài tập online
Topic Making guesses			

Thành phần danh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Bài tập	25	CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06, CL07, CL08, CL09, CL10, CL11, CL12, CL13,	
Bài tập thuyết trình cá nhân	25	CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06, CL07, CL08, CL09, CL10, CL11, CL12, CL13,	
Bài tập online/Diễn đàn	25	CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06, CL07, CL08, CL09, CL10, CL11, CL12, CL13, CL14, CL15, CL16, CL17, CL18, CL19, CL20, CL26, CL27, CL28, CL29, CL30, CL31, CL32, CL33, CL34, CL35.	

Trong số các điểm thành phần như sau:

đến một chữ số thập phân.

Dùng thang điểm 10 để danh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,1 điểm, làm tròn

11.4. Cách thức danh giá điểm

- Thi kết thúc học phần: Theo lịch thi của Phòng Đào tạo

11.3. Lịch thi, kiểm tra

Được danh giá theo thang điểm 10 dùng theo barem điểm có trong đáp án để thi)

danh giá hiện hành, bài thi KTHP gồm 2 phần, trắc nghiệm và tự luận gồm các kỹ năng nghe,

- Hình thức danh giá: Thi viết không được sử dụng tài liệu (theo hình thức và quy định

- Nội dung: Kiểm tra kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nghe, đọc và viết

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kỹ năng, thái độ học tập; kiến thức của học phần.

11.2.4.Thi kết thúc học phần(50%)

+ Cách phát âm: 2,5 điểm

+ Câu trúc đa dạng, chính xác: 2,5 điểm

+ Nguồn từ vựng: 2,5 điểm

+ Mức độ lưu loát, mạch lạc: 2,5 điểm

- Tiêu chí danh giá:

gồm các tiêu chí:

3 câu hỏi trong quá trình học trên lớp, điểm thuyết trình được danh giá theo thang điểm 10

giảng viên xem phần trình bày của sinh viên và chấm điểm. Ngoài ra, mỗi sinh viên được hỏi

bi 1 bài thuyết trình trong vòng 1-2 phút và tài liệu một giao diện theo yêu cầu của giảng viên,

Sinh viên bốc thăm 1 trong 10 chủ đề theo quy định của Khoa, mỗi sinh viên sẽ chuẩn

- Nội dung:

người học đối với học phần.

- Mục đích: Danh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện và thể hiện kỹ năng nói của

11.2.3.Thuyết trình cá nhân(25%)

học một tuần để giảng viên chấm.

- Thời gian: Tiêu luận được nộp cho giảng viên chậm nhất là trước khi kết thúc môn

+ Cách tổ chức, bố cục của bài viết (Organization): 2,5 điểm

+ Ngữ pháp (Grammar): 2,5 điểm

+ Từ vựng (vocabulary): 2,5 điểm

+ Mức độ hoàn thành yêu cầu của đề bài (Task fulfillment): 2,5 điểm

- Tiêu chí danh giá:

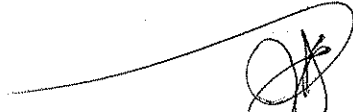
thang điểm 10 và chia trung bình trên 10 chủ đề.

- Nội dung: Sinh viên viết tay 10 chủ đề viết thu theo nội dung ôn tập thi KTHP, theo

bài viết tiếng Anh

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, cũng có từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng làm

Đỗ Phúc Hương



(Kí, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA

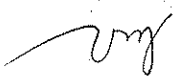
Đặng Thị Hương Thảo



(Kí, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Liên



(Kí, ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN

5/8/2022

12. Ngày hoàn thành đề cương

<p>Thi kết thúc học phần</p>	<p>50</p>	<p>CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06, CL07, CL08, CL09, CL10, CL11, CL12, CL13, CL14, CL15, CL16, CL17, CL18, CL19, CL20, CL26, CL27, CL28, CL29, CL30, CL31, CL32, CL33, CL34, CL35.</p>
<p></p>	<p></p>	<p>CL014, CL015, CL021, CL022, CL023, CL024, CL025,</p>

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ - KINH TẾ - SỰ PHÂM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Tiếng Anh 3 (English 3)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: **Bùi Thị Linh**

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: Linhbui84v@gmail.com; 0221713284

1.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: **Đặng Thị Hương Thảo**

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, phó Trưởng khoa

Kiểm Trưởng Bộ môn Không chuyên, Tiên sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: Thaomanhutehy@gmail.com; 0221713284

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: **Tiếng anh 3**

2.2. Mã số: **151141**

2.3. Khối lượng: **2 TC**

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

Hoạt động dạy học	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng
Thời gian	30	0	0	60	90
Tiết/Giờ thực hiện					

2.5. Học phần: **Bắt buộc/tự chọn**

2.6. Điều kiện học phần

- Học phần tiên quyết: **Tiếng Anh 1 & Tiếng Anh 2**

C08: Giao tiếp và liên lạc trong nhóm học tập, trình bày các nhiệm vụ học tập cá nhân và theo nhóm; Sản sang chia sẻ và tiếp thu các ý kiến trong nhóm; Có trách nhiệm cao trong công việc học tập được giao.

*** Mục độ tư chủ và tách nhiệm:**

C07: Đưa ra bình luận trên Internet, viết đoàn văn, viết blog du lịch sử dụng các cụm từ trang trọng.

C06: Đọc trả lời câu hỏi, tìm ý chính, thảo luận, tìm thông tin cụ thể, hiểu các định nghĩa.

trước.

C05: Thảo luận, trình bày, miêu tả, tranh luận và đưa ra yêu cầu về các chủ đề và tình huống hội thoại cho ghi chú, sắp xếp.

C04: Nghe và trả lời câu hỏi, điền từ, nghe và chọn đáp án đúng, nói đáp án, hoàn thành câu,

Kỹ năng

C03: Các quy tắc về trọng âm của câu, phát âm của *was/were, weak form* của *will*, cách phát âm ngữ điệu lịch sử, cách diễn tả ngữ điệu nhân mạnh sự tương phản, trọng âm từ ngữ.

(collocations)

C02: Từ vựng về các chủ đề: mô tả thành phố, tội phạm và hình phạt, giao tiếp, các từ điển đại khảo khân, các cụm từ mô tả cảm xúc, giao tiếp, các khái niệm về Internet, phim ảnh, hậu tố, cụm từ

tương lai.

C01: Kiến thức ngữ pháp cơ bản về cách sử dụng *like* như động từ và giới từ: câu trực, cách sử dụng của câu bị động ở hiện tại và quá khứ; thì hiện tại hoàn thành với các trạng từ *just/yet/already*; câu điều kiện có thật với *if/when*; cách sử dụng câu tương thuật, câu điều kiện không có thực ở hiện tại và tương lai.

*** Kiến thức:**

Học phần này giúp người học:

4. Mục tiêu của học phần (Course Objective, viết tắt là COs)

Học phần tiếng Anh 3 là học phần thứ 3 trong số 3 học phần tiếng Anh năm trong chương trình đào tạo tiếng Anh cho đối tượng là sinh viên không chuyên. Học phần tích hợp 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết kết hợp 3 thành tố ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng, phát âm. Học phần cung cấp các kiến thức ngữ pháp cơ bản về cách sử dụng *like*, câu trực câu, câu bị động ở hiện tại và quá khứ; thì hiện tại hoàn thành; câu điều kiện có thật; câu tương thuật, câu điều kiện không có thực ở hiện tại và tương lai. Ngoài ra, học phần cung cấp khái niệm về vùng đa dạng về các chủ đề khác nhau như mô tả thành phố, tội phạm và hình phạt, giao tiếp, các từ điển đại khảo khân, các cụm từ mô tả cảm xúc, giao tiếp, các khái niệm về Internet, phim ảnh. Học phần cũng trang bị kiến thức về phát âm của câu, phát âm của *was/were, weak form* của *will*, cách phát âm ngữ điệu lịch sử, cách diễn tả ngữ điệu nhân mạnh sự tương phản, trọng âm của từ. Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng theo các chủ đề điểm cũng các tình huống giao tiếp thông phụ nhằm giúp người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp một cách bài bản và có hiệu quả.

3. Mô tả học phần

3.1. Khoa Ngoại ngữ

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Công Nghệ-Kinh Tế-Su Phạm

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ Không chuyên,

- Học phần song hành: Các học phần thuộc kiến thức chuyên môn kỹ thuật của ngành đào tạo.

Mục tiêu	HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CĐR của CTBT
		<i>Kiến thức</i>		
CO1	CLO1	- Hiểu và áp dụng kiến thức ngữ pháp và chức năng: <i>like</i> dùng làm động từ để nói về sở thích hoặc dùng làm giới từ để hỏi về sự mô tả. - Hệ thống kiến thức ngữ pháp cơ bản liên quan đến câu bị động ở hiện tại và quá khứ và áp dụng các thì để xử lý và nhân mạnh sự việc xảy ra với người và vật mà nguyên nhân không được nhắc tới hoặc không phải là phần quan trọng trong tình huống giao tiếp quen thuộc hàng ngày hoặc ở các môi trường khác nhau như trường học, công sở...		
	CLO2	- Nhân biết, phân biệt và sử dụng đúng cách dùng của thì hiện tại hoàn thành với <i>just/ yet</i> và <i>already</i> để miêu tả về sự việc nào đó vừa mới diễn ra trong quá khứ.		
	CLO3	- Nhân biết và sử dụng đúng cấu trúc câu điều kiện có thật với <i>if</i> hoặc <i>when</i> nhằm thể hiện một giả định có thể xảy ra hoặc tình huống trong tương lai và hậu quả của nó. - Nhân biết và sử dụng đúng cấu trúc câu điều kiện không có thật ở hiện tại hoặc tương lai nhằm thể hiện một giả định không thể xảy ra hoặc tình huống tương tự ở hiện tại hoặc trong tương lai và hậu quả của nó. Phân biệt được cấu trúc câu điều kiện loại 1 và 2.		
	CLO4	- Nhân biết và sử dụng đúng cấu trúc tương tự: nhân thực được sự thay đổi dài từ, thì của động từ và một số lưu ý khi dùng cấu trúc tương tự: <i>if</i> và <i>when</i> quen.		
	CLO5	- Điền đất lời phân nan; nêu ra ý kiến; đưa ra yêu cầu hoặc đề nghị.		
	CLO6	- Trau dồi và sử dụng vốn từ vựng mở rộng và nâng cao theo các chủ đề: thành phố, tội phạm và hình phạt, giao tiếp, các từ điển đất kho khăn, cảm xúc, giao tiếp, các khái niệm về internet, phim ảnh; hậu tố; cụm từ (collocations)		
	CLO7	- Phát âm đúng: trong âm cầu, dạng phát âm yếu của <i>was/ were</i> ; dạng yếu của <i>will</i> ; ngữ điệu lịch sự, ngữ điệu nhân mạnh sự tương phản nhằm nêu quan điểm, trong âm từ; ngữ điệu lịch sự khi thể hiện các yêu cầu.		
		<i>Kỹ năng</i>		
	CO4	CLO8	- Áp dụng các quy luật phát âm cơ bản để phát âm xác với những từ có nguyên âm đôi, nguyên âm đơn, phụ âm, phụ âm câm, trong âm từ và trong âm câu.	
		CLO9	- Nghe lấy ý chính và xác định được các từ ngữ mâu chốt và những chi tiết quan trọng.	
	CLO10	- Nghe hiểu, đoán trước được các lời nhân đơn giản trên điện thoại, lựa chọn hoạt động phù hợp với bức tranh cho trước		

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

7. Nội dung chi tiết học phần

Unit 10 : SOCIETY

10 tiết (10 LT)

10.1. Top city

10.1.1. Grammar/ Function: Uses of like

10.1.2. Vocabulary: Describing a city

10.1.3. Pronunciation: Sentence stress

10.1.4. Reading: Read about the best cities for young people

10.1.5. Listening: Listen to conversations about different cities

10.1.6. Speaking: Discuss qualities of different places

10.1.7. Writing: Use formal expressions to write an email

10.2. Crime and punishment

10.2.1. Grammar/ Function: Present/ past passive

10.2.2. Vocabulary: Crime and punishment

10.2.3. Pronunciation: Weak forms: was/were

10.2.4. Reading: Read an article about crime and punishment

10.2.5. Speaking: Discuss alternative punishments to fit the crimes

10.3. There's a problem

10.3.1. Grammar/ Function: Complaining

10.3.2. Vocabulary: Problems

10.3.3. Pronunciation: Sentence stress

10.3.4. Listening: Listen to people complaining

10.3.5. Speaking: Talk about problems in a school

10.4.

10.4.1. Listening: **Mary's meals**: Watch an extract from a BBC documentary about an internet sensation

10.4.2. Speaking: Talk about an important issue

Anh 3	PLO11	0						
	PLO12	0						
	PLO13	0						
	PLO14	0						
	PLO15	0						

Unit 11 : TECHNOLOGY

10 tiết (10 LT)

10.5. Lookback

10.4.3. Writing: Write about an issue

11.1. Keeping in touch

11.1.1. Grammar/ Function: Present perfect

11.1.2. Vocabulary: Communication

11.1.3. Pronunciation: Sentence stress

11.1.4. Listening: Listen to people talk about how they keep in touch

11.1.5. Speaking: Talk about things you've done/ would like to do

11.1.6. Writing: Improve your use of pronouns

11.2. Make a different

11.2.1. Grammar/ Function: Real conditionals + when

11.2.2. Vocabulary: Feelings

11.2.3. Pronunciation: Weak forms: will

11.2.4. Reading: Read an article about social media

11.2.5. Speaking: Talk about future consequences

11.3. I totally disagree

11.3.1. Grammar/ Function: Giving opinions

11.3.2. Vocabulary: Internet terms

11.3.3. Pronunciation: polite intonation

11.3.4. Reading: Read about wasting time

11.3.5. Listening: Listen to a discussion about the internet

11.3.6. Speaking: Give your opinion

11.4. The Northern Lights

11.4.1. Listening: **Panorama: Is TV Bad For Kids?**: Watch an extract from a BBC

documentary about giving up television

11.4.2. Speaking: Talk about technology you couldn't live without

11.4.3. Writing: Write a web comment about technology

11.5. Lookback

12.1. Caught on film

12.1.1. Grammar/Function: Reported speech

12.1.2. Vocabulary: Film

12.1.3. Pronunciation: Contrastive stress

12.1.4. Reading: Read a magazine article about writing a blockbuster

12.1.5. Speaking: Talk about your favorite film

12.2. A lucky break

12.2.1. Grammar/Function: Hypothetical conditionals

Present/ future

12.2.2. Vocabulary: suffixes

12.2.3. Pronunciation: Word stress

12.2.4. Reading: Read a magazine article about internet fame

12.2.5. Listening: Listen to people talk about fame

12.2.6. Speaking: Talk about being famous

12.2.7. Writing: Write about a famous person

12.3. What can I do for you

12.3.1. Grammar/Function: Requests and offers

12.3.2. Vocabulary: Collocations

12.3.3. Pronunciation: Polite intonation: requests

12.3.4. Reading: Read a text about concierges

12.3.4. Listening: Listen to people making requests

12.3.5. Speaking: Make requests and offers

12.4. The Northern Lights

12.4.1. Listening: Lewis Hamilton: Billion Dollar Man: Watch an extract from a BBC documentary about Lewis Hamilton

12.4.2. Speaking: Talk about your ambitions

12.4.3. Writing: Write about your childhood ambitions

12.5. Lookback

8. Học liệu

8.1. Giáo trình giảng dạy

Antonia, C. (2019). *Speakout Pre-Intermediate*. Pearson Longman: Vietnam News Agency Publishing House

8.2. Học liệu tham khảo

- Pavlik, C. (2011). *Hot Topic 2*. CNN New York: International Student Edition.
- Soars, J., & Liz. (2008). *New Headway Pre-intermediate Third Edition*. Oxford: Oxford University Press.
- Cunningham, S., Moor, P. & Carr, J. C. (2009). *New Cutting Edge Pre-Intermediate*. Pearson Longman: Company limited.
- Richards, J. C. (1997). *New Interchange 2*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Oxenden, O., Koeig, C., & Seligson, P. (2004) *New English File 2*. Oxford: Oxford University Press.

8.3. Phần mềm tham khảo

- *Learning English + extra* (9 DVD). USA
- *English Today* (2010). Budapest: Hungary (26 DVD)
- Learning company limited (2011). *Learn to Speak English 10.0* (1 DVD). USA

8.4. Website tham khảo

- <http://www.esolcourses.com>
- www.askoxford.com/
- www.better-english.com/exerciselist.html
- www.churchillhouse.com/english
- <http://www.easyenglish.com/>
- www.english2u.com
- www.englishlearner.com
- www.english-zone.com/index.php
- www.esl.about.com
- [www.eslbee.com\(writing\)](http://www.eslbee.com(writing))
- [http://www.esl-lab.com/\(listening\)](http://www.esl-lab.com/(listening))
- www.esl-us.com/eslcenter.htm
- <http://www.idiomsite.com/>
- www.iet.uituc.edu/tree.html
- www.international.ouc.bc.ca/pronunciation

9. Kế hoạch dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Hình thức tổ chức dạy học
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Unit 10: Society	10					20	30
Unit 11: Technology	10					20	30
Unit 12: Fame	10					20	30
Tổng số						60	90

9.2. Lịch trình chi tiết

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
1	<p>Unit 10: SOCIETY</p> <p>- Lead in: How do you keep fit? - What do you eat and drink everyday? 10.1. Top cities 10.1.1. Grammar/Function: Use of <i>like</i> - Look at part 5. Match questions with answers a)-e). - Complete the conversations using questions with <i>like</i> 10.1.2. Vocabulary: Describing a city - Look at part 2. Read sentences 1-12. Are they positive or negative?</p>	Ly thuyết	2	- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên. - Đọc trước phần ngữ pháp về cách dùng: <i>Use of like</i> - Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu liên quan đến ngữ pháp. - Hoàn thành các	<p>CLO1,2,3 CLO10,11,12</p> <p>CLO15 CLO16</p> <p>CLO2,3,4</p>

Nội dung 1

6	Unit II: TECHNOLOGY	Lý thuyết	2	- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài	CLO1
Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu

Nội dung 6

5	10.5. LOOKBACK	Lý thuyết	2	- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa của các từ mới và làm bài tập ngữ pháp	CLO10 CLO11 CLO12
Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
	1. Vocabulary - Describing a city: (ex1) 2. Grammar: - Use of <i>like</i> - Present/ past passive: (ex 2,4).	Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online	
	Practice speaking and writing Do homework				

Nội dung 5

CLO4	10.5. Lookback				
CLO5					
CLO6	homework	Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online	
CLO10					
CLO11					
CLO12					
	feel about. Use the prompts below.				

<p>CL012 CL011 CL010 CL014 CL013</p>	<p>Từ luyện tập và làm bài tập online</p>	<p>4</p>	<p>Tự học</p>	<p>Practice speaking and writing Do homework</p>
<p>CL01 CL012 CL011 CL010 CL014 CL013 CL09 CL08 CL07</p>	<p>Tập của từ vựng. Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung nằm trong phần ngữ pháp. - Đọc trước phân ngữ pháp về cách dùng: Present perfect. - Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu hiện quan đến ngữ pháp. - Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa hiện quan và làm phần bài tập của từ vựng.</p>			<p>11.1. Keeping in touch - 11.1.1. Grammar/Function: Present perfect. - Look at 3 (A). Read sentences 1-3 and match them with sentences a)-c) below. - Make sentences with the romps. Use the Present perfect. 11.1.2. Vocabulary: Communication - Work in pairs. Ask and answer the questions with the quiz. 11.1.3. Pronunciation: Sentence stress. - Listen and write the sentences you hear. Listen and repeat. 11.1.4. Listening: Listen to people taking about how they keep in touch. - Match each speaker to the type of communication in EX (1). 11.1.6. Speaking: Talk about things you've done/would you like to do. - Look at 7 (A). Work in pairs. Look at the things in the box below and answer the questions. 11.1.7. Writing: Improve your use of pronouns. - Look at 8 (A). Read the travellog. Match the words in bold to the things they refer to in the box. - Underline the correct alternative.</p>

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu	
7	<p>11.2. Make a difference</p> <p>11.2.1. Grammar: Real conditionals + when</p> <p>- Look at the sentences a)-(d) and answer the questions 1 and 2.</p> <p>- Put the verbs in brackets in the correct tense to complete the sentences.</p> <p>11.2.2. Vocabulary: Feelings</p> <p>- Work in pairs. Discuss. Do you use social media?</p> <p>- Work in pairs. Look at the words in bold in the opinions above. Match them with definitions 1-8 below.</p> <p>11.2.3. Pronunciation: Weak forms: will</p> <p>- Look at part 4 (B). Listen and check. How is <i>will</i> pronounced?</p> <p>11.2.5. Speaking: Talk about future consequences</p> <p>- Look at part 6 (A). Work in groups. Think of a situation in your town/city/country which you are not happy about. Make your plan to prepare to present it to other students.</p>	Lý thuyết	2	<p>- Đọc trước phần ngữ pháp về cách dùng: Real conditionals + when.</p> <p>- Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu hiện quan đến ngữ pháp.</p> <p>- Đọc trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác</p>	<p>CL01 - Đọc trước phần ngữ pháp về cách dùng: Real conditionals + when.</p> <p>CL07 - Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu hiện quan đến ngữ pháp.</p> <p>CL08 - Đọc trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác</p> <p>CL09</p> <p>CL010 - Luyện nghe theo gợi ý của giáo viên,</p> <p>CL011</p> <p>CL012</p>	Tự luyện tập và làm bài tập online
		Tự học	4			

Tuần	8	<p>11.3. I totally disagree</p> <p>11.3.1. Grammar/Function: Giving opinions</p> <p>- Look at 5 (A). Look at statements 1-6. Tick the ideas that are mentioned in the recording.</p> <p>11.3.2. Vocabulary: Internet terms</p> <p>- Look at the Internet terms in the box below and answer the questions.</p> <p>11.3.3. Pronunciation: Polite intonation:</p> <p>- Listen and check answers. Notice the intonation.</p> <p>11.3.4. Reading: Read about wasting time</p> <p>- Look at the picture. Do you think that people waste a lot of time on the internet when they should be working?</p> <p>- Look at part 2 (B). Answer the questions.</p> <p>11.3.5. Listening: Listen to a discussion about the internet</p> <p>- Look at part 4. Listen to three people discussing the internet. Are the statements true (T) or false (F).</p> <p>11.3.6. Speaking: Give your opinion</p> <p>- Look at part 9 (A). Choose two or three statements below. Do you agree or disagree?</p>	Hình thức tổ chức dạy học	Lý thuyết	Số tiết/ giờ	2	Yêu cầu sinh viên	<p>- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung nằm trong phần bài đọc.</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác</p> <p>- Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu liên quan đến ngữ pháp.</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.</p> <p>- Luyện nghe theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Làm các bài tập liên quan theo hướng dẫn của giáo viên</p>	Mục tiêu	<p>CLO1</p> <p>CLO13</p> <p>CLO14</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p> <p>CLO13</p> <p>CLO14</p> <p>CLO15</p> <p>CLO16</p>
------	---	--	---------------------------	-----------	--------------	---	-------------------	--	----------	---

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mức tiêu
9	<p>11.4. Is TV Bad For Kids?</p> <p>11.4.1. Listening: Panorama: Is TV Bad For Kids? Listen to an extract from BBC documentary about giving up television.</p> <p>- Look at part 3. Read the program information and answer the questions?</p> <p>- Watch the DVD. Write your ideas in Ex (3) correct?</p> <p>11.4.2. Speaking: Talk about technology you couldn't live without.</p> <p>- Look at part 7 (D). Work in groups. Tell your group why you need gadgets you choose. Which is the most popular?</p> <p>11.4.3. Writing: Write a web comment about technology.</p> <p>- Look at part 8 (B). Write your own comment using the structure below.</p> <p>11.5. Lookback</p>	Lý thuyết	2	<p>- Đọc trước yêu cầu của bài nghe</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Hoàn thành các dạng bài tập theo yêu cầu của GV</p>	CLO7 CLO8 CLO9 CLO2 CLO3 CLO4 CLO10 CLO11 CLO12
	- Practise speaking - Do homework	Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online	CLO17, CLO18

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
11	Unit 12: FAME 12.1. Caught on film 12.1.1. Grammar/Function: Reported speech. - Look at part 5. Read the line in first column below. Compare the words spoken to the reported sentences in the second column. Answer questions 1-2 below. 12.1.2. Vocabulary: Films - Look at the film posters and match	Lý thuyết	2	- Đọc trước phần ngữ pháp về cách dùng: Reported speech. - Đọc trước cách sử dụng và các mẫu câu liên quan đến ngữ pháp. - Làm các bài tập	CLO13 CLO14 CLO15 CLO16

Nội dung 11

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
10	11.S. LOOKBACK 1. Vocabulary: - Communication/Feelings: (ex1,3) 2. Grammar: Present perfect (ex. 2) Real conditionals + when (ex. 4) 3. Function: Giving opinions (ex. 6)	Lý thuyết	2	- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên. - Làm các bài tập liên quan theo hướng dẫn của giáo viên. - Luyện nghe theo gợi ý của giáo viên.	CLO13 CLO14 CLO15 CLO16
	- Practise and do homework	Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online	CLO7 CLO8 CLO9

Nội dung 10

<p>Tự học</p> <p>4</p> <p>Tự luyện tập và làm bài tập online</p>	<p>Hiện quan theo yêu cầu của bài.</p> <p>- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung nằm trong phần bài đọc.</p>			<p>- Practise and do homework</p>	<p>them to the type of film in the box.</p> <p>Which ones fit more than one category?</p> <p>- Work in pairs. Discuss the questions.</p> <p>12.1.3. Pronunciation: Contrastive stress</p> <p>- Listen to difference ways of saying <i>He told me he was an actor</i>. How does the stress affect the message?</p> <p>12.1.4. Reading: Read a magazine article about writing a blockbuster.</p> <p>- Discuss in pairs. the questions</p> <p>- Read the text to find an answer to question 2.</p> <p>12.1.5. Speaking: Talk about your favorite film</p> <p>- Look at part 8. You are going to describe one of your favorite films. Think about how you can complete the phrases below.</p>
<p>CLO17, CLO18</p>	<p>CLO7 CLO8 CLO9 CLO15 CLO16 CLO11 CLO12 CLO15 CLO16 CLO16</p>				

Tên	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
12	<p>12.2. A lucky break</p> <p>12.2.1. Grammar: Hypothetical conditionals. Present future. Look at part 6. Look at Ex (5A) and to complete the table.</p> <p>- Underline the correct alternative.</p> <p>12.2.2. Vocabulary: - suffixes</p> <p>- Work in pairs. Do you think it would be good to be famous?</p> <p>- Discuss. What do you think a <i>web celebrity</i> is?</p> <p>12.2.3. Pronunciation: Word stress. Listen and check your answers. Underline the main stress.</p> <p>12.2.4. Reading: Read a magazine article about internet fame</p> <p>12.2.5. Listening: Listen to people taking about fame.</p> <p>- Look at part 4. Work in pairs. Discuss. If you could be famous, what would you like to be famous for?</p> <p>- Look at part 5. Listen again and complete the sentences.</p> <p>12.2.6. Speaking: Talk about being famous</p> <p>- Look at part 5 (B).</p> <p>- Work in pairs. Discuss. Do you agree with any of the speakers?</p> <p>12.2.7. Writing: Write about a famous person</p> <p>- Look at part 9 (A). Put the sentences</p>	Lý thuyết	2	<p>- Đọc trước phần ngữ pháp về cách dùng: Hypothetical conditionals. Present future.</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Luyện viết theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.</p> <p>- Đọc trước phần đọc và sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa của các từ mới và câu trúc liên quan.</p> <p>- Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.</p>	<p>CLO7 - Đọc trước phần ngữ pháp về cách dùng: Hypothetical conditionals. Present future.</p> <p>CLO8 - Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>CLO5 - Luyện viết theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>CLO6 - Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.</p> <p>CLO7 - Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.</p> <p>CLO8 - Đọc trước phần đọc và sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa của các từ mới và câu trúc liên quan.</p> <p>CLO10 - Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.</p> <p>CLO11 - Đọc trước phần ngữ pháp về cách dùng kết hợp với các hoạt động khác.</p> <p>CLO1 - Nghe trước nội dung kết hợp với các hoạt động khác.</p> <p>CLO2 - Luyện viết theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>CLO3 - Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>CLO10 - Luyện viết theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>CLO11 - Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>CLO12 - Luyện viết theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>CLO17,18</p>

CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO13 CLO14	<p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Làm các bài tập liên quan theo hướng dẫn của giáo viên.</p>	4	Tự học	<p>other things do you think a personal concierge does to help rich and famous clients?</p> <p>- Read the text to find out.</p> <p>12.3.5. Listening: Listen to people making requests.</p> <p>12.3.6. Speaking: Make requests and offers</p> <p>- Work in pairs. Student A: look at page 165. Student B: look at page 167. Read your roles.</p>	<p>- Practise listening</p> <p>- Do homework</p>
	Tự luyện tập và làm bài tập online				

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mức tiên
14	<p>12.4. Billion dollar man</p> <p>12.4.1. Listening: Lewis Hamilton: Billion Dollar Man: watch an extract from BBC documentary about Lewis Hamilton.</p> <p>- Work in groups and discuss the questions.</p> <p>- Read the programme information. Who is the program about?</p> <p>- Watch the DVD. What type of things do you learn about?</p> <p>12.4.2. Speaking: Talk about your ambitions.</p> <p>- Look at part 8 (C). You are going to talk about the dreams and ambitions you had when you were younger.</p> <p>- Work in pairs and take turns to talk about your childhood dreams/ ambitions</p> <p>12.4.3. Writing: Write about your childhood and ambitions</p> <p>- Look at part 8. Write comment for the website about your childhood ambitions using the model. Answer the questions below.</p>	Lý thuyết	2	<p>- Đọc trước phần ngữ pháp về: - Relative clauses</p> <p>- Sử dụng từ điển để tra cứu nghĩa liên quan và làm phần bài tập của từ vựng.</p> <p>- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung năm trong phần bài đọc.</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Đọc và tìm hiểu các yêu cầu chung năm trong phần bài đọc.</p> <p>- Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.</p> <p>- Luyện viết theo hướng dẫn của GV</p>	<p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p> <p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p>
	<p>- Practise speaking</p> <p>- Do homework</p>	Tự học	4	<p>Tự luyện tập và làm bài tập online</p>	<p>CLO10</p> <p>CLO11</p> <p>CLO12</p> <p>CLO</p> <p>17,18</p>

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mức tiên
15	12.5. LOOKBACK 1. Vocabulary: - Films (ex1); Suffixes (ex 3) 2. Grammar: - Reported speech: (ex 2) - Hypothetical conditionals. Present future (ex 4) 3. Function: Requests/offers (ex6).	Lý thuyết	2	- Làm các bài tập liên quan theo hướng dẫn của giáo viên. - Luyện nói theo gợi ý của giáo viên.	CLO7 CLO8 CLO9
	- Practise speaking - Do homework	Tự học	4	Tự luyện tập và làm bài tập online	CLO 17,18

10. Quy định của học phần đối với người học

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

- Bài tập online: Mỗi sinh viên hoàn thành bài tập online và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, theo yêu cầu của GV.

- Thảo luận: Các bài tập, câu hỏi trong tuần phải được chuẩn bị trước khi thảo luận hoặc kiểm tra - danh giá.

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CĐR của học phần
Lý thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các nội dung lý thuyết liên quan đến từng chủ điểm bài học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO11, CLO12, CLO15, CLO16, CLO17, CLO18

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện và thể hiện kĩ năng nói của người học đối với học phần.

11.2.3. Thuyết trình cá nhân (25%)

tuần để giảng viên chấm.

- Thời gian: Tiểu luận được nộp cho giảng viên chấm nhất là trước khi kết thúc môn học một

+ Cách tổ chức, bố cục của bài viết (Organization): 2,5 điểm

+ Ngữ pháp (Grammar): 2,5 điểm

+ Từ vựng (vocabulary): 2,5 điểm

+ Mức độ hoàn thành yêu cầu của đề bài (Task fulfillment): 2,5 điểm

- Tiêu chí đánh giá:

10 và chia trung bình trên 10 chủ đề.

- Nội dung: Sinh viên viết tay 10 chủ đề viết thư theo nội dung ôn tập thi KTHP, theo quy định chung của Bộ môn, đóng quyển nộp lại cho giảng viên, mỗi chủ đề được chấm theo thang điểm

tiếng Anh

- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, cũng cố từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng làm bài viết

11.2.2. Điểm tiểu luận (25%) (Danh cho sinh viên đại học liên thông hình thức vừa làm vừa học và sinh viên đại học chính quy học lại học phần)

Tổng điểm bài tập online tính theo % và được quy sang thang điểm 10. Nếu sinh viên có điểm

bài tập online dưới 5 không đủ điều kiện tham dự thi Kết thúc học phần.

- Tiêu chí đánh giá:

độ làm bài theo quy định của khoa. Giảng viên chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ

cung cấp. Sinh viên làm bài tập theo đúng yêu cầu trong tài khoản được cấp. Giảng viên thiết lập chế

Bài tập online là phần bài tập đi kèm của cuốn giáo trình học trên lớp do nhà xuất bản sách

- Nội dung:

kiến thức của bài học.

- Mục đích: Cũng cố kiến thức theo nội dung học trên lớp nhằm giúp sinh viên nắm chắc các

11.2.1. Làm bài tập online (25%): (Danh cho sinh đại học chính quy học lần đầu)

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

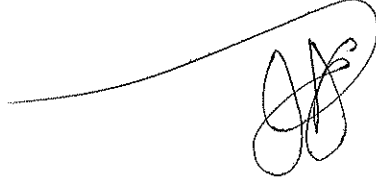
Tự học, Tự NC	Hướng dẫn học độc lập, học online	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO17, CLO18
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Phát triển kĩ năng tư duy giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, rèn luyện hình thành kĩ năng trực tiếp trên lớp cho sinh viên	CLO11, CLO12, CLO13, CLO14, CLO18

Bùi Thị Linh

Đặng Thị Hương Thảo

Đỗ Phúc Hương





GIANG VIÊN

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

12. Ngày hoàn thành đề cương: 05/8/2022

Thành phần danh giá		Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	Bài tập online/ tìm luận	25	CL01;CL02;CL03;CL04; CL05; CL018;CL019;CL020;CL021
	Bài tập thuyết trình cá nhân	25	CL07; CL013;CL09; CL010;CL011;CL012
Thi kết thúc học phần		50	CL01;CL02;CL03;CL04;CL05; CL06;CL08;CL09;CL010;CL011; CL013;CL017;CL021

Trọng số các điểm thành phần như sau:

chữ số thập phân.
Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,2 điểm, làm tròn đến một

11.4. Cách thức đánh giá điểm

- Thi kết thúc học phần: Theo lịch thi của Phòng Đào tạo

11.3. Lịch thi, kiểm tra

Được đánh giá theo thang điểm 10 đúng theo barem điểm cơ trong đáp án đề thi)
giả hiện hành, bài thi KTHP gồm 2 phần, trắc nghiệm và tự luận gồm các kỹ năng nghe, đọc và viết.
- Hình thức đánh giá: Thi viết không được sử dụng tài liệu (theo hình thức và quy định đánh
- Nội dung: Kiểm tra kiến thức về tư vưng, ngữ pháp, kĩ năng nghe, đọc và viết
- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; kiến thức của học phần.

11.2.4.Thi kết thúc học phần(50%)

- Tiêu chí đánh giá:
+ Mức độ lưu loát, mạch lạc: 2,5 điểm
+ Nguồn tư vưng: 2,5 điểm
+ Câu trúc da dạng, chính xác: 2,5 điểm
+ Cách phát âm: 2,5 điểm

học trên lớp, điểm thuyết trình được đánh giá theo thang điểm 10 gồm các tiêu chí:
phần trình bày của sinh viên và chấm điểm. Ngoài ra, mỗi sinh viên được hỏi 3 câu hỏi trong quá trình
thuyết trình trong vòng 1-2 phút và tại lên một giao diện theo yêu cầu của giảng viên, giảng viên xem
Sinh viên bốc thăm 1 trong 10 chủ đề theo quy định của Khoa, mỗi sinh viên sẽ chuẩn bị 1 bài
- Nội dung:

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
BỘ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
(*Application of basic information technology*)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Đình Chiến

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: chiengd1@gmail.com

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Trần Thị Phương

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: phuongnguthe2405@gmail.com

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Bùi Đức Thọ

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: buitthok3@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Tìm học đại cương

2.2. Mã số: 211007

2.3. Khối lượng: 2TC (1 Li thuyết + 1 Thực hành)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng
Thời gian	15		30	45	90
Tiết/Giờ thực hiện					

2.5. Học phần: bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Không yêu cầu
- Học phần học trước: Không yêu cầu

CO2	CLO2	Sử dụng được các chức năng cơ bản của máy	PL03, PLO5
		<i>Kỹ năng</i>	
CO1	CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến Công nghệ thông tin	PL03, PLO4
		<i>Kiến thức</i>	
Mức tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CTBT CBR của

CLOS)

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là COS. Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm

việc

CO4. Xác định được vai trò của các dịch vụ công nghệ thông tin trong công

* *Thái độ:*

PowerPoint vào hoạt động học tập và nghiên cứu.

CO3. Sử dụng được các chức năng cơ bản trong của công cụ Word, Excel,

an toàn các dịch vụ internet và các mạng xã hội.

từ các thao tác trên hệ điều hành, sử dụng các phần mềm tiện ích. Khai thác

CO2. Sử dụng được các chức năng cơ bản của máy tính điện

* *Kỹ năng:*

dùng, virus máy tính, internet.

Phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng

CO1. Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến máy tính điện tử:

* *Kiến thức:*

Học phần này trang bị cho người học:

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COS)

nội dung liên quan đến Internet và các dịch vụ trên nền internet.

như hoạt động nghề nghiệp sau này. Ngoài ra, học phần này cũng đề cập đến những

ứng dụng; Sử dụng các công cụ Word, Excel, PowerPoint vào hoạt động học tập cũng

từ, chức năng của các thành phần phần cứng và phần mềm; hệ điều hành, phần mềm

Học phần này giới thiệu tổng quan về Công nghệ thông tin, máy tính điện

3. Mô tả học phần

môn Hệ thông tin

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Công nghệ thông tin, bộ

tin

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên đại học ngoài khối ngành công nghệ thông

- Học phần song hành: Không yêu cầu

1.4. Quản lý Thư mục và Tập

1.3.3. Hệ điều hành di động

1.3.2. Hệ điều hành máy tính

1.3.1. Khai niệm

1.3. Hệ điều hành

1.2.3. Kết nối các thiết bị ngoại vi và mạng máy tính

1.2.2. Các thiết bị ngoại vi

1.2.1. Các thành phần bên trong máy tính

1.2. Phần cứng máy tính

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Lịch sử phát triển của máy tính điện tử

1.1. Giới thiệu chung về máy tính

Chương 1: Cơ bản về máy tính điện tử

PHẦN LÝ THUYẾT

7. Nội dung chi tiết học phần

Mã	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTBT												
		Ứng dụng CNTT cơ bản	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10		
221171		0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL011	PL012	PL013	PL014	PL015								

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mã	Tên	Mức tự chịu và trách nhiệm
CO3	CLO3	Sử dụng được các chức năng cơ bản trong của công cụ Word, Excel, PowerPoint vào công việc được đảm nhận.
CO4	CLO4	Xác định được vai trò của các dịch vụ công nghệ thông tin trong công việc
CO5	CLO5	Thực hiện được khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm
		PL09, PL010
		PL012, PL013
		PL016

- 3.1.1. Giới thiệu về Internet
- 3.1.2. Tên miền và URLs
- 3.1.3. WWW và trình duyệt Web
- 3.1.4. Sử dụng các công cụ tìm kiếm
- 3.1.5. Các vấn đề bản quyền
- 3.2. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thế giới số
 - 3.2.1. Cơ chế bảo vệ hệ điều hành
 - 3.2.2. Cơ chế bảo vệ trình duyệt Web
 - 3.2.3. Virus và cách phòng, tránh
 - 3.2.4. Bảo vệ quyền riêng tư

3.1. Internet

Chương 3: Dịch vụ trực tuyến

- 2.3.3. Sử dụng hiệu ứng và trình chiếu
- 2.3.2. Tạo bài trình chiếu cơ bản
- 2.3.1. Một số khái niệm cơ bản
- 2.3. Sử dụng trình chiếu cơ bản
 - 2.2.4. In ấn
 - 2.2.3. Tạo biểu đồ
 - 3.2.1. Tạo công thức cơ bản
 - 2.2.2. Sử dụng công thức và hàm cơ bản
 - 2.2.1. Một số khái niệm cơ bản
- 2.2. Sử dụng bảng tính cơ bản
 - 2.1.5. Tạo mục lục trang tự động và in ấn
 - 2.1.4. Thao tác với bảng biểu
 - 2.1.3. Chèn các đối tượng vào văn bản
 - 2.1.2. Soạn thảo và định dạng văn bản
 - 2.1.1. Một số khái niệm cơ bản
- 2.1. Xử lý văn bản

Chương 2: Các ứng dụng văn phòng

- 1.5.5. Xử lý sự cố
- 1.5.4. Sao lưu và phục hồi
- 1.5.3. Xác định rủi ro
- 1.5.2. Người dùng và mật khẩu
- 1.5.1. Bảo mật thông tin
- 1.5. Bảo vệ và bảo mật
 - 1.4.3. Chia sẻ Thư mục và tệp
 - 1.4.2. Tệp và quản lý tệp
 - 1.4.1. Thư mục và cấu trúc thư mục

[1] Khoa Công nghệ thông tin, "Giáo trình Tin học đại cương", Đại học SPKT Hưng Yên, 2021

8.1. Học liệu bắt buộc

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

6.6. Google Calendar

6.5. Google keep

6.4. Youtube

6.3. Các công cụ hỗ trợ học trực tuyến của Google

6.2. Lưu trữ online (Google Drive)

6.1. Thư điện tử (Gmail)

Bài thực hành 6: Khai thác Google và bảo vệ tài khoản mạng xã hội

5.3. Trình chiếu

5.2. Sử dụng hiệu ứng

5.1. Thiết kế bài trình chiếu

Bài thực hành 4: Khai thác Microsoft PowerPoint

4.2. Định dạng và in ấn

4.1. Sử dụng hàm logic, hàm tìm kiếm, hàm tham chiếu

Bài thực hành 4: Khai thác Microsoft Excel (tiếp)

3.2. Thiết kế biểu đồ

3.1. Sử dụng công thức và hàm cơ bản

Bài thực hành 3: Khai thác Microsoft Excel

2.2. Tạo mục lục và in ấn

2.1. Thao tác với bảng biểu

Bài thực hành 2: Khai thác Microsoft Word (tiếp)

1.2. Chèn các đối tượng vào văn bản

1.1. Soạn thảo và định dạng văn bản

Bài thực hành 1: Khai thác Microsoft Word

PHẦN THỰC HÀNH

3.3.6. Các dịch vụ khác

3.3.5. Youtube

3.3.4. Các công cụ hỗ trợ học trực tuyến

3.3.3. Lưu trữ online

3.3.2. Thư điện tử

3.3.1. Giới thiệu các dịch vụ của Google

3.3. Khai thác các dịch vụ Google

[2] Khoa Công nghệ thông tin, "Bài tập thực hành Tin học đại cương", Đại học SPKT Hưng Yên, 2021

8.2. Học liệu tham khảo

[3] Hoàng Hồng, Tin học văn phòng, NXB Thông kê, 2003

[4] Bùi Thế Tam, Giáo trình tin học văn phòng, Giao thông vận tải, 2008

9. Hình thức tổ chức dạy học

9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Hình thức tổ chức dạy học			Tổng số
				Thực tập	Tập tài liệu nghiên cứu	Tự học, nghiên cứu	
Tin chỉ II thuyết							
Chương 1	5				10		15
Chương 2	6				12		18
Chương 3	4				8		12
Tin chỉ thực hành/ thí nghiệm							
Bài thực hành 1				5	2.5		7.5
Bài thực hành 2				5	2.5		7.5
Bài thực hành 3				5	2.5		7.5
Bài thực hành 4				5	2.5		7.5
Bài thực hành 5				5	2.5		7.5
Bài thực hành 6				5	2.5		7.5
Cộng	15			30	45		90

9.2. Lịch trình chi tiết (thiết kế cho cả tiến trình, 15 tuần)

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của HP
1	Chương 1: Cơ bản về máy tính điện tử 1.1. Giới thiệu chung về máy tính 1.2. Phần cứng máy tính 1.3. Hệ điều hành	Tự học, tự NC	8	Đọc chương 1, mục 2.1 chương 2 tại hiệu [1] Hiệu [1]	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
		Lí thuyết	4		
2	1.4. Quản lý Thư mục và Tệp 1.5. Bảo vệ và bảo mật Chương 2: Các ứng dụng văn phòng 2.1. Xử lý văn bản	Tự học, tự NC	8	Đọc chương 2, mục 3.1 chương 3 tại hiệu [1] Hiệu [1]	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
		Lí thuyết	4		
3	2.2. Sử dụng bảng tính 2.3. Sử dụng trình chiếu cơ bản Chương 3: Dịch vụ trực cơ bản 3.1. Internet	Tự học, tự NC	8	Đọc chương 3 tại hiệu [1] Hiệu [1]	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
		Lí thuyết	4		
4	Chương 3: Dịch vụ trực 3.2. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thế giới số 3.3. Khai thác các dịch vụ Google	Tự học, tự NC	6	Đọc chương 3 tại hiệu [1] Hiệu [1]	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
		Lí thuyết	3		
5	Bài thực hành 1: Khai thác Microsoft Word	Tự học, tự NC	2.5	Bài thực hành 1 tại hiệu [2] Hiệu [2]	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
		Thực hành	5		
6	Bài thực hành 2: Khai thác Microsoft Word (tiếp)	Tự học, tự NC	2.5	Bài thực hành 2 tại hiệu [2] Hiệu [2]	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
		Thực hành	5		
		Lí thuyết	0		

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
	DỤNG CỤ CẢNH		
1	Trang phục, quần áo, giày dép		
2	Có thể dùng Laptop cá nhân		
3	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (cho 1 nhóm thực tập) (Nhà trường)		Máy tính để bàn của khoa đã cài đặt các chương trình phục vụ cho bài tập thực hành

11. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học thực hành, thí nghiệm

kiểm tra - danh giá.

- Các bài tập, câu hỏi trong tuần phải được chuẩn bị trước khi thảo luận hoặc
- Hoàn thành các bài thi kết thúc học phần theo quy chế.
- Làm bài tập thực hành, nộp chấm điểm theo lịch của GV.
- theo quy chế đào tạo hiện hành.
- Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp
- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

10. Quy định của học phần đối với người học

CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Bài thực hành 3: Khai thác Microsoft Excel	Lí thuyết	0	5	2.5	3 tài liệu [2]
		Thực hành	5			
		Tự học, tự NC				
		KTDG	2			
CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Bài thực hành 4: Khai thác Microsoft PowerPoint	Lí thuyết	0	5	2.5	4 tài liệu [2]
		Thực hành	5			
		Tự học, tự NC				
		KTDG	2			
CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Bài thực hành 5: Khai thác Microsoft PowerPoint	Lí thuyết	0	5	2.5	5 tài liệu [2]
		Thực hành	5			
		Tự học, tự NC				
		KTDG	2			
CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Bài thực hành 6: Khai thác Google và bảo vệ tài khoản mạng xã hội	Lí thuyết	0	3	2.5	6 tài liệu [2]
		Thực hành	3			
		Tự học, tự NC				
		KTDG	2			

12.2.3. Lịch thi, kiểm tra

- Cách thức đánh giá: thi trắc nghiệm trên máy
- Tiêu chí đánh giá: Kiến thức (phạm vi rộng), kiểm tra được cả kiến thức lý thuyết và khả năng vận dụng giữa lý thuyết và thực hành.
- Nội dung: Vận dụng kiến thức tổng hợp của học phần để trả lời các kiến thức chung về máy tính điện tử, sử dụng hệ điều hành, sử dụng internet, sử dụng bộ công cụ office trong xử lý văn bản, bảng tính và trình chiếu.
- Mục đích: Kiểm tra, đánh giá ý thức, thái độ học tập; kiến thức, kĩ năng đọc, viết, kĩ năng phân tích, tổng hợp các văn đề, kĩ năng thu thập và xử lí thông tin

12.2.2. Thi kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Kiểm tra kết quả thực hiện và vận dụng trực tiếp.
- Nội dung: Thực hiện các bài thực hành theo yêu cầu trên giờ thực hành.
- Mục đích: Đánh giá kĩ năng sử dụng phần mềm word, excel.
- Tiêu chí đánh giá: đánh giá kĩ năng thực hành sinh viên đạt được thông qua việc thực hiện các bài thực hành trên lớp thể hiện ở kết quả, sản phẩm được yêu cầu của bài thực hành. Thông qua việc đánh giá thường xuyên các bài thực hành kiến sinh viên phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đạt yêu cầu các bài thực hành, qua đó hình thành kĩ năng chuyên môn hoàn thiện theo mục tiêu của học phần.

12.2.1. Danh giá Thực hành

12.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

Loại	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CĐR của học phần
LI	Giảng giải, thuyết trình, giảng diễn, đàm thoại	Giảng giải các thuật ngữ, các kĩ năng	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;
Thực hành	Làm mẫu, giảng diễn, giảng giải	Các ví dụ, làm mẫu cho các tình huống cụ thể. Rèn luyện các kĩ năng cơ bản.	CLO3; CLO4; CLO5;
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO4; CLO5;

12.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

12. Phương pháp, hình thức dạy học và danh giá kết quả học tập

- Điểm danh gia thực hành được GV giảng dạy danh gia trong quá trình sinh viên thực hành tại phòng thực hành.
- Thi kết thúc học phần: Theo lịch thi của phòng Đào tạo
- Trong số các điểm thành phần như sau:

Thành phần danh gia	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Danh gia Thực hành	50 %	CL01; CL02; CL03; CL04; CL05;
Thi kết thúc học phần	50 %	CL01; CL02; CL03; CL04; CL05;

- Rubric của từng thành phần danh gia trong bảng:

+ Rubric danh gia thi KTHP

Mức chất lượng		Tiêu chí		Tỷ lệ	Khả năng trả lời câu hỏi	100
Điểm	Không đạt yêu cầu	Tốt	Khá			
	Dưới 5	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dùng từ 80% câu hỏi yêu cầu trả lời	100
	Dùng dưới 50% câu hỏi	Tốt	Khá	Trung bình	Dùng từ 70% đến 80% câu hỏi yêu cầu	
	Dùng từ 50% đến 70% câu hỏi yêu cầu				Dùng từ 80% đến 90% câu hỏi yêu cầu	
	Dùng từ 90% đến 100% câu hỏi yêu cầu				Dùng từ 80% đến 90% câu hỏi yêu cầu	

13. Ngày hoàn thành đề cương: 05-08-2022

TRƯỜNG KHOA
 Nguyễn Văn Hậu
 TRƯỜNG BỘ MÔN
 Nguyễn Đình Chiên
 GIẢNG VIÊN
 Nguyễn Đình Chiên

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QTKD/KẾ TOÁN/KINH TẾ
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Toán Kinh tế I
(Mathematics for Economics I)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

Họ và tên: Vũ Thị Huyền

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Email, điện thoại cơ quan: blackrain.vn@gmail.com; 0221.3 767 066

1.2. Giảng viên 2:

Họ và tên: Trịnh Thị Huyền Trang

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Email, điện thoại cơ quan: huyentranngDMT@gmail.com; 0321.3 767 066

1.3. Giảng viên 3:

Họ và tên: Lê Thị Thu Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Email, điện thoại cơ quan: lethithuthao24111991@gmail.com; 0321.3 767 066

1.4. Giảng viên 4:

Họ và tên: Hoàng Minh Đức

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Email, điện thoại cơ quan: duchoasungchau@gmail.com; 0221.3 767 066

1.5. Giảng viên 5:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tươi

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Email, điện thoại cơ quan: tuoinnguyen.utehy@gmail.com; 0321.3 767 066

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Toán kinh tế I (Mathematics for Economics I)

2.2. Mã số: 981111

2.3. Khối lượng: 2TC (2LT).

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Thời gian	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng cộng
HHJ dạy học	30	60	90
Tiêu/Giờ thực hiện			

2.5. Học phần: Bất buộ

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Không

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Kinh tế, Kế toán, QTKD

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế - Khoa Kinh tế

3. Mã ta học phần

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CĐR của CTBT
Kiến thức			
CO1	CL01	Vận dụng kiến thức của ma trận, hệ phương trình, định thức để giải một bài toán cụ thể	PL02; PL03
CO2	CL02	Áp dụng kiến thức của đạo hàm, vi phân để giải các bài toán trong thực tế	PL04; PL05
CO3	CL03	Vận dụng công thức tính giới hạn hàm số để tính giá trị hiện tại và giá trị tương lai của dòng tiền nhằm đưa ra quyết định đầu tư	PL02; PL04
CO4	CL04	Sử dụng kiến thức phương trình vi phân, sai phân tìm phương án của những bài toán thực tế	PL03; PL05
Kỹ năng			
CO5	CL05	Vận dụng khối kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức cơ bản của nhóm ngành Kinh tế vào giải quyết những vấn đề lý luận	PL010; PL011

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

thần trọng khi xem xét, danh giá các vấn đề kinh tế.
CO6: Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong vụ học tập; khách quan,

- Mục độ tự chủ và trách nhiệm:

CO5: Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế

- Về kỹ năng:

ùng dụng trong kinh tế
CO4: Trình bày nội dung về phương trình vi phân, một số mô hình vi phân, và các và tương lai của tiền tệ, kỹ khoản và giá trị của luồng vốn.
CO3: Trình bày được công thức tính giới hạn hàm số, phương pháp tính giá trị hiện tại
CO2: Trình bày được những vấn đề cơ bản về đạo hàm, vi phân và tích phân; phương trình.

trên, định thức, hệ phương trình tuyến tính, áp dụng công thức tính định thức, giải hệ
CO1: Trình bày được những vấn đề cơ bản về tập hợp, không gian vector n chiều, ma

* Về kiến thức:

Học phần này trang bị cho người học:

4. Mục tiêu của học phần

cân biên, tính thành dư sản xuất và thành dư tiêu dùng.
trong kinh tế, xác định quy vốn dựa theo luồng đầu tư; xác định hàm tổng khi biết hàm
tệ, kỹ khoản và giá trị của các luồng vốn; tính hệ số co giãn, giải các bài toán tối ưu
toàn học trong phân tích kinh tế và tài chính: tính giá trị hiện tại và tương lai của tiền
vi phân, phép toán tích phân. Học phần còn trang bị cho sinh viên các ứng dụng của
học như: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, giới hạn hàm số, đạo hàm và
Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán

- 1.1. Ma trận và các phép toán tuyến tính đối với ma trận
- 1.1.1. Định nghĩa về ma trận
- 1.1.2. Các dạng ma trận
- 1.1.3. Các phép toán tuyến tính đối với ma trận
- 1.1.4. Các phép biến đổi ma trận
- 1.2. Định thức
- 1.2.1. Hoán vị của n số tự nhiên đầu n
- 1.2.2. Định nghĩa định thức cấp n
- 1.2.3. Các tính chất cơ bản của định thức
- 1.3. Các phương pháp tính định thức
- 1.3.1. Phương pháp khai triển
- 1.3.2. Phương pháp biến đổi về dạng tam giác
- 1.4. Phép nhân ma trận và ma trận nghịch đảo
- 1.4.1. Phép nhân ma trận
- 1.4.2. Ma trận nghịch đảo

6 tiết (6 LT)

CHƯƠNG 1: MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC

7. Nội dung chi tiết học phần

Ma HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTBT								
981111	Toán kinh tế 1	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09
		0	0	3	0	1	3	0	0	0

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mức tự chịu và trách nhiệm		CLO6	
PL012; PL013	Có khả năng áp dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn liên quan để phân tích, đánh giá, tổng hợp, bước đầu phân tích và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế	CLO7	Có năng lực tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả, sẵn sàng hợp tác trong công việc và thiết lập các mối quan hệ công việc
PL014		CLO8	Tư duy logic, sáng tạo, đảm nhận, đảm làm, chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao
PL015			

3.3.1. Khai niệm

3.3. Giới hạn của hàm số

3.2.4. Cấp số nhân và ứng dụng trong phân tích tại chính

3.2.3. Các định lý cơ bản về giới hạn

3.2.2. Đại lượng vô cùng bé

3.2.1. Dãy số và giới hạn của dãy số

3.2. Dãy số và giới hạn của dãy số

3.1.4. Một số mô hình hàm số trong phân tích kinh tế

3.1.3. Hàm số sơ cấp và các phép toán sơ cấp

3.1.2. Một số đặc trưng hàm số

3.1.1. Một số khái niệm cơ bản

3.1. Hàm số một biến

6 tiết (6 LT)

CHƯƠNG 3: HÀM SỐ VÀ GIỚI HẠN**Bài tập chương 2**

2.5.3. Mô hình IS-LM

2.5.2. Mô hình cân bằng kinh tế vi mô

2.5.1. Mô hình cân bằng thị trường

2.5. Ứng dụng lý thuyết hệ phương trình tuyến tính trong kinh tế học

2.4.3. Mối liên hệ với hệ phương trình không thuần nhất

2.4.2. Điều kiện tồn tại nghiệm tầm thường

2.4.1. Khai niệm hệ phương trình tuyến tính thuần nhất

2.4. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất

2.3.3. Khảo sát tổng quát hệ phương trình tuyến tính

2.3.2. Điều kiện có nghiệm

2.3.1. Các dạng biểu diễn

2.3. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát

2.2.3. Quy tắc Cramer

2.2.2. Phương pháp ma trận

2.2.1. Hệ phương trình Cramer

2.2. Phương pháp ma trận và định thức

2.1.3. Phương pháp khử ẩn liên tiếp

2.1.2. Hệ phương trình dạng tam giác và dạng hình thang

2.1.1. Các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính

liên tiếp

2.1. Các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính và phương pháp khử ẩn

6 tiết (6 LT)

CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT VỀ HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH**Bài tập chương 1**

1.5.2. Các phương pháp tìm hàng ma trận

1.5.1. Khai niệm

1.5. Hàng của ma trận

1.4.3. Ứng dụng ma trận nghịch đảo

- 5.4.3. Liên hệ với tích phân bất định
- 5.4.2. Các tính chất cơ bản của tích phân xác định
- 5.4.1. Khái niệm tích phân xác định và điều kiện khả tích
- 5.4. Tích phân xác định**
- 5.3. Một số dạng tích phân cơ bản
- 5.2.4. Phương pháp tích phân từng phần
- 5.2.3. Phương pháp đổi biến
- 5.2.2. Sử dụng tính bất biến của biểu thức tích phân
- 5.2.1. Phương pháp khai triển
- 5.2. Các phương pháp tích phân**
- 5.1.3. Các công thức tích phân
- 5.1.2. Tích phân bất định
- 5.1.1. Nguyên hàm của hàm số
- 5.1. Nguyên hàm và tích phân bất định**

6 tiết (6 LT)

CHƯƠNG 5: PHÉP TOÁN TÍCH PHÂN

Bài tập chương 4

- 4.5.4. Sự lựa chọn tối ưu trong kinh tế
- 4.5.3. Mối quan hệ giữa hàm bình quân và hàm cận biên
- 4.5.2. Tính hệ số co giãn
- 4.5.1. Tính giá trị cận biên
- 4.5. Ứng dụng đạo hàm trong phân tích kinh tế**
- 4.4.2. Vi phân cấp cao
- 4.4.1. Đạo hàm cấp cao
- 4.4. Đạo hàm và vi phân cấp cao**
- 4.3. Các định lý cơ bản về hàm số khả vi
- 4.2.2. Các quy tắc tính vi phân
- 4.2.1. Khái niệm vi phân của hàm số và liên hệ với đạo hàm
- 4.2. Vi phân của hàm số**
- 4.1.3. Các quy tắc tính đạo hàm
- 4.1.2. Đạo hàm của các hàm số sơ cấp cơ bản
- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1. Đạo hàm của hàm số**

6 tiết (6 LT)

CHƯƠNG 4: PHÉP TOÁN ĐẠO HÀM VÀ VI PHÂN

Bài tập chương 3

- 3.4.3. Các tính chất cơ bản của hàm số liên tục trên một khoảng
- 3.4.2. Các phép toán sơ cấp đối với hàm số liên tục
- 3.4.1. Khái niệm
- 3.4. Hàm số liên tục**
- 3.3.4. Vô cùng bé và vô cùng lớn
- 3.3.3. Các định lý cơ bản về giới hạn
- 3.3.2. Giới hạn của các hàm số sơ cấp cơ bản

CLO1; CLO6; CLO7	Độc tài liệu chương I mục 1.1; 1.2 và 1.3 Làm các bài tập về ma trận định thực	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Hình thức tổ chức dạy học	Lý thuyết	2	CHƯƠNG I: MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỰC 1.1. Ma trận và các phép toán tuyến tính đối với ma trận 1.1.1. Định nghĩa về ma	Tuần,	ngày	Nội dung chính
								Ghi	chú	

9.2. Lịch trình chi tiết (thiết kế cho cả tiến trình, 10 tuần)

Nội dung	Lên lớp	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành/Thi nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số	Tin chỉ 1		Tin chỉ 2	
									0	6	0	6
Chương 1	0	6	0	0	0	0	0	20	0	6	0	6
Chương 2	0	6	0	0	0	0	0	20	0	6	0	6
Chương 3	0	3	0	0	0	0	0	10	0	3	0	3
Tin chỉ 2												
Chương 3	0	3	0	0	0	0	0	10	0	3	0	3
Chương 4	0	6	0	0	0	0	0	20	0	6	0	6
Chương 5	0	6	0	0	0	0	0	20	0	6	0	6
Cộng	0	30	0	0	0	0	0	90	0	30	0	30

9.1. Lịch trình chung

9. Hình thức tổ chức dạy học

2006

8.2.1. Yvan Jacques, Mathematics for Economics and Business, NXB Prentice Hall,

8.2. Học liệu tham khảo

Hung Yen (luu hành nội bộ)

8.1.2. Bài giảng Toán kinh tế 1, bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế - Trường Đại học SPKT

Kinh tế Quốc Dân, 2015

8.1.1. Nguyễn Đình Thủy, Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, Nhà xuất bản Đại học

8.1. Học liệu bắt buộc:

8. Học liệu

Bài tập chương 5

5.5.2. Ứng dụng tích phân xác định

5.5.1. Ứng dụng tích phân bất định

5.5. Ứng dụng tích phân trong kinh tế học

5.4.4. Phương pháp đổi biến và phương pháp tích phân từng phần

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
	<p>trần</p> <p>1.1.2. Các dạng ma trận</p> <p>1.1.3. Các phép toán tuyến tính đối với ma trận</p> <p>1.1.4. Các phép biến đổi ma trận</p> <p>1.2. Định thức</p> <p>1.2.1. Hoán vị của n số tự nhiên đầu</p> <p>1.2.2. Định nghĩa định thức cấp n</p> <p>1.2.3. Các tính chất cơ bản của định thức</p>	Tự học, tự nghiên cứu	4		
2	<p>1.3. Các phương pháp tính định thức</p> <p>1.3.1. Phương pháp khai triển</p> <p>1.3.2. Phương pháp biến đổi về dạng tam giác</p> <p>1.4. Phép nhân ma trận và ma trận nghịch đảo</p> <p>1.4.1. Phép nhân ma trận</p> <p>1.4.2. Ma trận nghịch đảo</p>	Tự học, Tự nghiên cứu	4	<p>Đọc tài liệu chương 1 mục 1.4; 1.5</p> <p>Làm bài tập về phép nhân ma trận và ma trận nghịch đảo</p>	CLO1; CLO2; CLO5; CLO7
3	<p>1.4.3. Ứng dụng ma trận nghịch đảo</p> <p>1.5. Hàng của ma trận</p> <p>1.5.1. Khai niệm tìm hàng ma trận</p>	Lý thuyết	2	<p>Đọc tài liệu chương 2 mục 2.1; 2.2</p> <p>Làm các bài tập về xác định hàng của ma trận</p>	CLO2; CLO3; CLO8
4	<p>CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT VỀ HỆ Tuyến tính</p>	Lý thuyết	2	<p>Đọc tài liệu chương 2 mục 2.3; 2.4</p> <p>Làm bài tập về</p>	CLO1; CLO4; CLO5; CLO7;

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
	<p>2.1. Các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính và phương pháp khử liên tiếp</p> <p>2.1.1. Các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính</p> <p>2.1.2. Hệ phương trình dạng tam giác và dạng hình thang</p> <p>2.1.3. Phương pháp khử ản liên tiếp</p>	Tự học, tự nghiên cứu	4	hệ phương trình tuyến tính	CLO8
	<p>2.2. Phương pháp ma trận và định thức</p> <p>2.2.1. Hệ phương trình Cramer</p> <p>2.2.2. Phương pháp ma trận Cramer</p> <p>2.3. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát</p> <p>2.3.1. Các dạng biểu diễn</p> <p>2.3.2. Điều kiện có nghiệm</p> <p>2.3.3. Khảo sát tổng quát hệ phương trình tuyến tính</p> <p>2.4. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất</p> <p>2.4.1. Khái niệm hệ phương trình tuyến tính thuần nhất</p> <p>2.4.2. Điều kiện tồn tại nghiệm không tầm thường</p>	Lý thuyết	2	Đọc tài liệu chương 3 mục 3.1; 3.2 về hàm số và giới hạn	CLO1; CLO3; CLO6; CLO8
5	<p>2.4.3. Mối liên hệ với hệ phương trình không thuần nhất</p> <p>2.5. Ứng dụng lý thuyết hệ phương trình tuyến tính trong kinh tế học</p> <p>2.5.1. Mô hình cân bằng thị trường</p> <p>2.5.2. Mô hình cân bằng</p>	Tự học, tự nghiên cứu	4	Đọc tài liệu chương 3 mục 3.3; 3.4 làm bài tập về các mô hình kinh tế	CLO3; CLO5; CLO7
6	<p>2.4.3. Mối liên hệ với hệ phương trình không thuần nhất</p> <p>2.5. Ứng dụng lý thuyết hệ phương trình tuyến tính trong kinh tế học</p> <p>2.5.1. Mô hình cân bằng thị trường</p> <p>2.5.2. Mô hình cân bằng</p>	Lý thuyết	2	Đọc tài liệu chương 3 mục 3.3; 3.4 làm bài tập về các mô hình kinh tế	CLO3; CLO5; CLO7

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
	2.5.3. Mô hình IS-LM kinh tế vi mô				
	Kiểm tra giữa kỳ 45 phút Yêu cầu: Thực hiện được các chuẩn đầu ra CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO8				
7	CHƯƠNG 3: HÀM SỐ VÀ GIỚI HẠN 3.1. Hàm số một biến 3.1.1. Một số khái niệm cơ bản 3.1.2. Một số đặc trưng hàm số 3.1.3. Hàm số sơ cấp và các phép toán sơ cấp 3.1.4. Một số mô hình hàm số trong phân tích kinh tế	Lý thuyết Tự học, Tự nghiên cứu	2 4	Đọc tài liệu chương 4 mục 4.1; 4.2 Làm bài tập về hàm số một biến	CLO4; CLO5; CLO7; CLO8
8	3.2. Dãy số và giới hạn của dãy số 3.2.1. Dãy số và giới hạn của dãy số 3.2.2. Đại lượng vô cùng bé 3.2.3. Các định lý cơ bản về giới hạn 3.2.4. Cấp số nhân và ứng dụng trong phân tích tài chính 3.3. Giới hạn của hàm số 3.3.1. Khái niệm 3.3.2. Giới hạn của các hàm số sơ cấp cơ bản 3.3.3. Các định lý cơ bản về giới hạn	Lý thuyết Tự học, Tự nghiên cứu	2 4	Đọc tài liệu chương 4 mục 4.3; 4.4; 4.5 Làm các bài tập về giới hạn của hàm số	CLO4; CLO5; CLO7
9	3.3.4. Vô cùng bé và vô cùng lớn 3.4. Hàm số liên tục 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Các phép toán sơ cấp	Lý thuyết Tự học, Tự nghiên cứu	2 4	Đọc tài liệu chương 5 mục 5.1; 5.2 và 5.3 Làm bài tập giới hạn của hàm số	CLO4; CLO5; CLO7; CLO8

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
	đôi với hàm số liên tục 3.4.3. Các tính chất cơ bản của hàm số liên tục trên một khoảng				
10	CHƯƠNG 4: PHEP TOÁN ĐẠO HÀM VÀ VI PHÂN 4.1. Đạo hàm của hàm số 4.1.1. Khai niệm 4.1.2. Đạo hàm của các hàm số cơ bản 4.1.3. Các quy tắc tính đạo hàm 4.2. Vi phân của hàm số 4.2.1. Khai niệm vi phân của hàm số và liên hệ với đạo hàm	Lý thuyết Tự học, tự nghiên cứu	2 4	Đọc tài liệu chương 5 mục 5.4; 5.5 Làm bài tập đạo hàm	CL03; CL05; CL07; CL08
11	4.2.2. Các quy tắc tính vi phân 4.3. Các định lý cơ bản về hàm số khả vi 4.4. Đạo hàm và vi phân cấp cao 4.4.1. Đạo hàm cấp cao 4.4.2. Vi phân cấp cao	Lý thuyết Tự học, tự nghiên cứu	2 4	Đọc tài liệu chương 5 mục 5.4; 5.5 Làm bài tập đạo hàm và vi phân	CL03; CL05; CL07; CL08
12	4.5. Ứng dụng đạo hàm trong phân tích kinh tế 4.5.1. Tính giá trị cận biên 4.5.2. Tính hệ số co giãn 4.5.3. Mối quan hệ giữa hàm bình quân và hàm cận biên 4.5.4. Sự lựa chọn tối ưu trong kinh tế	Bài tập Tự học, tự nghiên cứu	2 4	Đọc tài liệu chương 5 mục 5.4; 5.5 Làm bài tập tính hệ số co giãn	CL04; CL05; CL07; CL08
13	CHƯƠNG 5: PHEP	Lý thuyết	2	Đọc tài liệu	CL04;

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Vấn đề cần sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
	TOÀN TÍCH PHẦN 6 tiết (6 LT) 5.1. Nguyên hàm và tích phân bất định 5.1.1. Nguyên hàm của hàm số 5.1.2. Tích phân bất định 5.1.3. Các công thức tích phân	Tự học, tự nghiên cứu	4	Đọc tài liệu chương 5 mục 5.4; 5.5 Làm bài tập tích phân xác định và ứng dụng tích phân trong kinh tế học	CLO5; CLO7; CLO8
	5.2. Các phương pháp tính tích phân- 5.2.1. Phương pháp khai triển 5.2.2. Sử dụng tính bất biến của biểu thức tích phân	Tự học, tự nghiên cứu	4	Đọc tài liệu chương 5 mục 5.4; 5.5 Làm bài tập tích phân theo các phương pháp khác nhau	CLO4; CLO5; CLO7; CLO8
14	5.2.3. Phương pháp đổi biến 5.2.4. Phương pháp tích phân từng phần 5.3. Một số dạng tích phân cơ bản 5.4. Tích phân xác định 5.4.1. Khai niệm tích phân xác định và điều kiện khả tích 5.4.2. Các tính chất cơ bản của tích phân xác định	Lý thuyết	2	Đọc tài liệu chương 5 mục 5.4; 5.5 Làm bài tập tích phân xác định	CLO3; CLO5; CLO7; CLO8
15	5.4.3. Liên hệ với tích phân bất định 5.4.4. Phương pháp đổi biến và phương pháp tích phân từng phần 5.5. Ứng dụng tích phân trong kinh tế học 5.5.1. Ứng dụng tích phân bất định 5.5.2. Ứng dụng tích phân	Lý thuyết Tự học, tự nghiên cứu	2 4	Đọc tài liệu chương 5 mục 5.4; 5.5 Làm bài tập tích phân xác định và ứng dụng tích phân trong kinh tế học	CLO4; CLO5; CLO7; CLO8

+ Trong số 50/2 (%) điểm qua trình, danh giá theo quy định hiện hành. Điểm bài tập chương được tính theo thang điểm 10 (theo Quy định của Nhà trường), trong đó: Một lá, Điểm hình thức 20% (số trang tập chương từ 25-35 trang A4, cỡ chữ 12 hoặc 13, kiểu chữ Times New Roman, lề trái 3 cm, 3 lề còn lại 2 cm, dãn dòng 1,3 pt; Kết cấu gồm: trang bìa, nền bìa, lời cam đoan, mục lục, danh mục từ viết tắt, mở đầu, nội dung nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo). Hai lá, Điểm nội dung 80% (Nội dung liên quan đến học phần, góp phần giải đáp, mở rộng hoặc nâng cao về một vấn đề khoa học thuộc học phần chương 70%; Nội dung về ý kiến riêng của SV về vấn đề khoa học được đề cập chương 30%).

- Tiêu chí danh giá bài tập chương:

sinh viên.
- Mục tiêu: Danh giá ý thức tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng thuyết trình của

11.2.1 Bài tập chương

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức danh giá các điểm thành phần

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Lí thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Vận dụng các kiến thức vào giải bài toán liên quan đến ma trận, định thức, hệ phương trình, đạo hàm, phép sử tính tích phân và sử dụng các kiến thức toán để giải một số bài toán phân tích tại chính đơn gian	CLO1; CLO2; CLO3 CLO4;
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Sử dụng các kiến thức toán để giải một số bài toán phân tích tại chính đơn gian	CLO5; CLO6; CLO7;
Tự học, từ NC	Hướng dẫn học độc lập	Chủ động tích cực trong hoạt động nghiên cứu môn học; tiếp cận và giải quyết các vấn đề phù hợp với môn học	CLO8;

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

11. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức danh giá các điểm thành phần

danh giá.
- Các bài tập, câu hỏi trong tuần phải được chuẩn bị trước khi thảo luận hoặc kiểm tra - Hoàn thành các bài kiểm tra giữa học phần, bài thi kết thúc học phần theo quy chế.
yêu cầu của GV.
- Sinh viên hoàn thành bài tập chương và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, quy cách theo chế độ tạo hiện hành.
- Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy - Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

10. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giáo viên

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
					xác định

- Kiểm tra giữa học phần: Học hết chương 3 của học phần

11.3. Lịch thi, kiểm tra

học, khả năng tư duy, nhân xét, phân tích, danh giá...

- + Câu hỏi trong đề thi (đề mở) phải đảm bảo yêu cầu giúp SV phát huy tính tự công với câu hỏi yêu cầu SV phân tích chuyên đề/Seminar.
- hỏi lý thuyết và câu hỏi về bài tập tình huống; (4) Đề thi kết hợp các câu hỏi lý thuyết SV phân tích số liệu kết quả trên máy (kết quả thực hành); (3) Đề thi kết hợp các câu 100% kiến thức phân lý thuyết; (2) Đề thi kết hợp câu hỏi lý thuyết và câu hỏi yêu cầu + Đề thi có thể lựa chọn 1 trong 4 cách sau: (1) Đề thi sử dụng các câu hỏi cho + Đề thi kết thúc học phần cho phép sinh viên được sử dụng tài liệu.
- + Số câu hỏi thi trong đề thi tối thiểu là 3 câu, thi viết trong thời gian 75 phút.
- + Nội dung thi phải đảm bảo nằm trong nội dung của học phần.
- + Chấm thi được thực hiện bởi 2 giảng viên, do Trưởng Bộ môn phân công.
- của Nhà trường), điểm này được tính trong số bằng 50% của điểm học phần.
- + Điểm thi kết thúc học phần tính theo thang điểm 10 (thực hiện theo Quy định

- Tiêu chí và hình thức đánh giá:

- sai phân và ứng dụng trong phân tích kinh tế;
- phép toán đạo hàm, vi phân, tích phân, giới hạn, phương trình vi phân, phương trình - Nói dung: Trình bày các hiệu biết về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, - Mục đích: Đánh giá kiến thức, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề

11.2.3. Thi kết thúc học phần

năng tư học, khả năng tư duy phân tích, danh giá, tranh sao chép gian lận.

- mức hiệu và vận dụng vào giải quyết một số tình huống thực tiễn, nhằm phát huy khả của học phần, đảm bảo do giảng viên được kiến thức, kĩ năng mà sinh viên lĩnh hội được ở phép SV sử dụng tài liệu, có kết cấu tối thiểu là 2 câu, phần ảnh nội dung đã giảng dạy + Bài kiểm tra viết trong thời gian 45 phút. Đề kiểm tra được thiết kế dưới dạng đề cho Trưởng Bộ môn phân công.

- kiểm tra được thực hiện bởi giảng viên dạy học phần đó hoặc giảng viên khác do + Bài kiểm tra do giảng viên trực tiếp dạy học phần tổ chức thực hiện. Việc chấm bài (Trưởng).

- + Điểm danh giá bài kiểm tra được tính theo Thang điểm 10 (Theo Quy định của - Tiêu chí và hình thức đánh giá:

phân tích kinh tế

- trình tuyến tính, phép toán đạo hàm, vi phân, tích phân, giới hạn và ứng dụng trong - Nói dung: Sinh viên phải thể hiện được sự hiểu biết về ma trận, định thức, hệ phương - Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức trong nửa đầu của học phần.

11.2.2. Kiểm tra giữa học phần

sinh viên trở lên; nội dung bài tập bám sát nội dung Học phần.

- + Chủ đề bài tập chương: số lượng tối thiểu 30 bài cho mỗi lớp học có từ 20 + Hình thức giao bài tập chương: mỗi sinh viên thực hiện 1 bài tập chương
- + Thời gian giao bài tập chương: bắt đầu từ buổi học đầu tiên của Học phần.
- chương học phần đó.

- + Chấm bài tập chương: giảng viên dạy học phần nào sẽ chấm bài tập

Điểm	Mức chất lượng			
	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
Dạng câu hỏi	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề/	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề/	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề/	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề/
Trắc nghiệm và các câu hỏi	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề/	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề/	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề/	Nhớ và hiểu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề/

ii) Rubric kiểm tra giữa kỳ

Điểm	Mức chất lượng			
	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Tỷ lệ	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
Trên chỉ	Đủ số bài và hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
Thực hiện bài tập	Đúng trên 80% yêu cầu kiến thức	Đúng 70-80% yêu cầu kiến thức	Đúng 50%-70% yêu cầu kiến thức	Bài làm đúng >50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu
Nội dung	70	30	70	30

i) Rubric đánh giá điểm bài tập chương

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)		Chuẩn đầu ra của học phần
	Bài kiểm tra	Bài tập chương	
Đánh giá quá trình	50/2	50/2	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6
	50	50	
Thị kết thúc học phần		50	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7

Trọng số các điểm thành phần như sau:

Điểm danh giá qua trình (*Điểm bài tập chương, bài kiểm tra*) và điểm tổng kết học phần phải đạt từ 5 trở lên mới đạt yêu cầu. Sinh viên có điểm bài nào < 5 sẽ phải học lại (theo quy định) và làm lại bài do đến khi đạt (≥ 5 điểm). Điểm bài thi kết thúc học phần thực hiện theo quy định của Nhà trường.

Dùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

11.4. Cách thức đánh giá điểm

- Thi kết thúc học phần: Theo lịch thi của Phòng Đào tạo

TRƯỜNG KHOA TRƯỜNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN

TS. Nguyễn Văn Hương TS. Hoàng Minh Đức TS. Vũ Thị Huyền

12. Ngày hoàn thành đề cương: 5/8/2022

Dạng câu hỏi	Mức chất lượng		
	Tốt	Khá	Trung bình
Trắc nghiệm và các câu hỏi tự luận	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7
	Không đạt yêu cầu	Dưới 5	

iii) Rubric thi cuối kỳ

tự luận	số tình huống thực tế và giải thích các khía năng xảy ra. Dù cho trước. Dù kiến thức cho nội dung tiếp theo môn học	kiến thức trong một tình huống cho trước. Dù kiến thức cho nội dung tiếp theo của môn học	theo của môn học.	với giáo viên để quyết định tiếp tục học phần còn lại hay không, hay ngưng tiến độ môn học, hủy

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QTKD/KẾ TOÁN/KINH TẾ
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Toán Kinh tế 2
(Mathematics for Economists 2)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:
- Họ và tên: Trịnh Thị Huyền Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: huyentranngMT@gmail.com; 0221.3 767 066

1.2. Giảng viên 2:
- Họ và tên: Nguyễn Thị Tươi
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: tuoinnguyen.utehy@gmail.com; 0221.3 767 066

1.3. Giảng viên 3:
- Họ và tên: Lê Thị Thu hảo
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email, điện thoại cơ quan: lethithuthao24111991@gmail.com; 0221.3 767 066

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Toán kinh tế 2 (Mathematics for Economists 2)
2.2. Mã số: 931395
2.3. Khối lượng: 2TC (1 Lý thuyết + 1 Thực hành/thí nghiệm)
2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Thời gian	Tiết/Giờ thực hiện			
	HD dạy học	Giờ giảng trên lớp	Thực hành/Thí nghiệm	Tự học, tự nghiên cứu
Tổng cộng		15	30	45
				90

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Toán kinh tế 1

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Kinh tế, Kế toán, Quản trị

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế - Khoa Kinh tế

3. Mô tả nội dung học phần

Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về mô hình toán kinh tế, lý thuyết tối ưu trong sản xuất và tiêu dùng. Học phần còn trang bị cho sinh viên các phương pháp giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế: bài toán vận tải, bài toán quản lý dự trữ; giúp sinh viên phân tích được các mô hình trong kinh tế: mô hình cân bằng thị trường, mô hình kinh tế vi mô, mô hình IS – LM, mô hình Input - Output; phân tích so sánh tính

và phân tích động các vấn đề kinh tế.

4. Mục tiêu của học phần

Học xong học phần người học có khả năng:

Mức tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CL01	Lập và trình bày các báo cáo theo các yêu cầu của công tác quản lý	PL01; PL02; PL03
CO2	CL02	Phân tích hành vi tiêu dùng hộ gia đình và phân tích hành vi sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được phân tích kt, trên cơ sở của hệ gồm nhiều biến số, không gian nhiều chiều và các lớp hàm tổng quát	PL01; PL03
CO3	CL03	Lập bài toán quy hoạch tuyến tính, tìm lời giải đối với các vấn đề kinh tế, xã hội	PL02; PL03
CO4	CL04	Xác định mức độ dư trữ và xây dựng kế hoạch cung ứng sản phẩm	PL01; PL02; PL03
Kỹ năng			
CO5	CL05	Lựa chọn quyết định quản lý, điều hành có căn cứ khoa học dựa trên việc kết hợp phân tích định tính và phân tích định lượng	PL07; PL08; PL010; PL011; PL013
	CL06	Mô phỏng ngẫu nhiên đáp ứng yêu cầu nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng	PL07; PL08; PL010; PL011; PL013
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CL07	Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người	PL014; PL015

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

CO1: Trang bị kiến thức về mô hình hóa, kỹ năng xây dựng và các kỹ thuật phân tích các vấn đề kinh tế thông qua mô hình toán kinh tế
CO2: Hệ thông hóa các vấn đề cơ bản của Kinh tế vi mô, Kinh tế vi mô thông qua mô hình

CO3: Trình bày được mô hình tối ưu tuyến tính- bài toán quy hoạch tuyến tính
CO4: Trình bày được các mô hình quản lý dự trữ

CO5: Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế
CO6: Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong vụ học tập; khách quan,
*Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

CO7: Biết vận dụng hệ thống các kiến thức được trang bị để tổ chức các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, tổng hợp dữ liệu

*Kỹ năng:

CO1: Trang bị kiến thức về mô hình hóa, kỹ năng xây dựng và các kỹ thuật phân tích

*Kiến thức:

- 2.1. Bài toán tối ưu có điều kiện ràng buộc
- 2.1.1. Cực trị có điều kiện với 1 biến chọn và 1 phương trình ràng buộc
- 2.1.2. Cực trị có điều kiện với n biến chọn và 1 phương trình ràng buộc
- 2.1.3. Bài toán cực trị có n biến chọn và m phương trình ràng buộc
- 2.1.4. Ý nghĩa của nhân tử Lagrange
- 2.2. Bài toán tối ưu trong sản xuất
- 2.2.1. Bài toán lựa chọn tối ưu mức sử dụng các yếu tố đầu vào
- 2.2.2. Bài toán lựa chọn mức sản lượng tối ưu

3 tiết (3LT; 0BT)

CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT TỐI ƯU TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG

Bài tập chương 1

- 1.1. Ý nghĩa và khái niệm của mô hình toán kinh tế trong phân tích kinh tế
- 1.1.1. Ý nghĩa của phương pháp mô hình
- 1.1.2. Khái niệm mô hình kinh tế và mô hình toán kinh tế
- 1.2. Cấu trúc và phân loại mô hình toán kinh tế
- 1.2.1. Các biến số kinh tế
- 1.2.2. Mối liên hệ giữa các biến số
- 1.2.3. Phân loại mô hình
- 1.3. Nội dung phương pháp mô hình trong nghiên cứu và phân tích kinh tế
- 1.3.1. Nội dung phương pháp mô hình
- 1.3.2. Ví dụ
- 1.4. Phương pháp phân tích mô hình - phân tích so sánh tính
- 1.4.1. Đo lường sự thay đổi của biến nội sinh theo biến ngoại sinh
- 1.4.2. Tính hệ số tăng trưởng
- 1.4.3. Tính hệ số thay thế

3 tiết (3LT; 0BT)

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU MÔ HÌNH TOÁN KINH TẾ

TÌN CHỈ 1: LÝ THUYẾT CƠ BẢN

7. Nội dung chi tiết học phần

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTĐT																		
931395	Toán kinh tế	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL01									
		0	3	0	1	3	0	0	0	1	0									
		PL01	PL01	PL01	PL01	PL01	PL01	PL01	PL01	PL01	PL01									
		1	2	3	4	5														
		0	0	0	0	0														

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

CLO8	Có các kỹ năng mô hình hóa và phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội; sử dụng tốt các kỹ thuật phân tích dữ liệu, dự báo với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dùng	PL014; PL015
------	--	--------------

TIN CHI 2: THỨC HẠN

- Bài tập chương 5
- 5.4.4. Ứng dụng trong phân tích và dự báo kinh tế
- 5.4.3. Hệ số chi phí toàn bộ
- 5.4.2. Bảng vào – ra dạng giá trị
- 5.4.1. Bảng vào – ra dạng hiện vật
- 5.4. Mô hình Input – Output và ứng dụng trong phân tích và dự báo kinh tế
- 5.3. Mô hình IS – LM
- 5.2. Mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô
- 5.1. Mô hình cân bằng thị trường

2 tiết (2LT; 0BT)

CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH MÔ HÌNH KINH TẾ

- Bài tập chương 4
- 4.3.2. Mô hình dự trữ có bảo hiểm
- 4.3.1. Mô hình dự trữ một giai đoạn
- 4.3. Một số mô hình với các yếu tố ngẫu nhiên
- 4.2.5. Bài toán dự trữ nhiều loại hàng và bài toán với các điều kiện ràng buộc
- 4.2.4. Mô hình dự trữ nhiều mức giá
- 4.2.3. Mô hình dự trữ tiêu thụ đều, bổ sung dần dần
- 4.2.2.4. Bài toán bổ tri khoảng chờ hàng hay bài toán tổ chức xếp dỡ
- 4.2.2.3. Bài toán thuê kho
- 4.2.2.2. Bài toán với giá vốn
- 4.2.2.1. Bài toán chọn nguồn
- 4.2.2. Mô hình WILSON mở rộng
- 4.2.1. Mô hình WILSON (mô hình dự trữ tiêu thụ đều, bổ sung tức thời)
- 4.2. Một số mô hình dự trữ tất định
- 4.1. Bài toán điều khiển dự trữ và các khái niệm

4 tiết (4LT; 0BT)

CHƯƠNG 4: MÔ HÌNH QUẢN LÝ DỰ TRỮ

- Bài tập chương 3
- 3.6.2. Bài toán vận tải trong kinh tế
- nguồn lực
- 3.6.1. Phân tích danh gia các nguồn lực sử dụng trong kinh tế và xác định giá của các
- 3.6. Ứng dụng bài toán QHTT trong kinh tế
- 3.5. Phân tích quan hệ trong cặp bài toán đối ngẫu
- 3.4.2. Giải bài toán QHTT bằng EXCEL
- 3.4.1. Phương pháp đơn hình giải bài toán QHTT
- 3.4. Các phương pháp giải bài toán QHTT
- 3.3. Các tính chất chung của bài toán QHTT
- 3.2. Mô hình bài toán QHTT
- 3.1. Một số tình huống trong hoạt động kinh tế và mô hình bài toán QHTT tương ứng

3 tiết (3LT; 0BT)

CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH TỐI ƯU TUYẾN TÍNH
BÀI TOÁN QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH

- Bài tập chương 2
- 2.3.2. Bài toán tối thiểu hóa chi phí
- 2.3.1. Bài toán tối đa hóa lợi ích
- 2.3. Bài toán tối ưu trong tiêu dùng

8.2.6. H. R. Varian, 1992, *Microeconomic Analysis*, Norton & Company, Inc, New York.
Philip Allan.

8.2.5. Chris Birchenhall, Paul Groot, 1984, *Mathematics for Modern Economics*,
edition, McGraw-Hill.

8.2.4. Chiang A.C, 2006, *Fundamental Methods of Mathematical Economics*, 4th

8.2.3. Nguyễn Khắc Minh, 1995, *Mô hình toán kinh tế*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân

8.2.2. Nguyễn Văn Quý, 1999, *Mô hình kinh tế - NXB GD, Hà nội*

2006

8.2.1. Yian Jacques, *Mathematics for Economics and Business*, NXB Prentice Hall,

8.2. Học liệu tham khảo

Yên

8.1.2. Bài giảng Toán kinh tế 2, bộ môn Kinh tế, khoa Kinh tế, Đại học SPKT Hưng

thuật

8.1.1. Hoàng Đình Tuấn, 2006, *Lý thuyết mô hình toán kinh tế*. NXB Khoa học và Kỹ

8.1. Học liệu bắt buộc:

8. Học liệu

Bài 3: Mô hình cân bằng kinh tế vi mô nền kinh tế mở

Bài 2: Mô hình cân bằng kinh tế vi mô nền kinh tế đóng

Bài 1: Mô hình cân bằng thị trường

(8 tiết)

CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH MÔ HÌNH KINH TẾ

Bài 4: Bài toán bố trí khoang chở hàng và bài toán tổ chức xếp dỡ

Bài 3: Bài toán thuế kho

Bài 2: Bài toán với giá vốn

Bài 1: Bài toán chọn nguồn

(7 tiết)

CHƯƠNG 4: MÔ HÌNH QUẢN LÝ DỰ TRÙ

Bài 3: Marketing

Bài 2: Đầu tư tài chính

Bài 1: Bài toán vận tải

(5 tiết)

BÀI TOÁN QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH

CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH TỐI ƯU TUYẾN TÍNH

Bài 2: Mô hình cân bằng thị trường

Bài 1: Mô hình phân tích hành vi tiêu dùng

(5 tiết)

CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT TỐI ƯU TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG

Bài 2: Mô hình kinh tế động

Bài 1: Mô hình tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp

(5 tiết)

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU MÔ HÌNH TOÁN KINH TẾ

8.2.7. Geoffrey Jehle, 1990, Advanced Microeconomics Theory, Prentice Hall.
 8.2.8. A.Stevenson, M.Gregory, 1990, Macroeconomic Theory and Stabilization Policy, Phillip Allan Book.

9. Hình thức tổ chức dạy học
 9.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tin chỉ 1				Tổng số
	Từ học, tự nghiên cứu	Thực tập tại cơ sở	Thực hành/Thí nghiệm	Lên lớp	Thảo luận	Bài tập	Lý thuyết	
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU MÔ HÌNH TOÀN KINH TẾ	6	0	0	0	0	0	3	9
CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT TỐI ƯU TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG	6	0	0	0	0	0	3	9
CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH TỐI ƯU TUYÊN TÍNH-BÀI TOÁN QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH	6	0	0	0	0	0	3	9
CHƯƠNG 4: MÔ HÌNH QUẢN LÝ DỮ TRỮ	8	0	0	0	0	0	4	12
CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH MÔ HÌNH KINH TẾ	4	0	0	0	0	0	2	6
Tin chỉ 2								
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU MÔ HÌNH TOÀN KINH TẾ	3	0	0	0	0	0	0	9
CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT TỐI ƯU TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG	3	0	0	0	0	0	0	9
CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH TỐI ƯU TUYÊN TÍNH-BÀI TOÁN QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH	3	0	0	0	0	0	0	9
CHƯƠNG 4: MÔ HÌNH QUẢN LÝ DỮ TRỮ	3	0	0	0	0	0	0	9
CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH MÔ HÌNH KINH TẾ	3	0	0	0	0	0	0	9
CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH TỐI ƯU TUYÊN TÍNH-BÀI TOÁN QUY HOẠCH TUYẾN TÍNH	3	0	0	0	0	0	0	9

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
5	tuyên trình – Bài toán quy hoạch tuyến tính 3.1. Một số tình huống trong hoạt động kinh tế và mô hình bài toán QHTT tương ứng 3.2. Mô hình bài toán QHTT 3.3. Các tính chất chung của bài toán QHTT 3.4. Các phương pháp giải bài toán QHTT	Tự học, Tự nghiên cứu	4	chương 3 Đọc tài liệu chương 3,4 Lập bài toán tối ưu và tìm phương án tối ưu	CLO5 CLO7 CLO8
			2	Làm bài tập	CLO2 CLO5 CLO7 CLO8
6	Chương 4. (Tiếp) 4.1. Bài toán điều khiển dự trữ và các khái niệm 4.2. Một số mô hình dự trữ tài định	Tự học, Tự nghiên cứu	4	chương 4 Đọc tài liệu chương 4 Tham khảo các tài liệu liên quan	CLO3 CLO5 CLO6 CLO7
			2	Làm bài tập	CLO3 CLO5 CLO6 CLO7
7	Chương 4. (Tiếp) 4.3. Một số mô hình với các yêu tố ngẫu nhiên Chương 5. Phân tích mô hình kinh tế 5.1. Mô hình cân bằng thị trường 5.2. Mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô	Tự học, Tự nghiên cứu	2	Làm các bài tập chương 4, 5 Đọc tài liệu chương 4, 5 Tham khảo các tài liệu có liên quan	CLO4 CLO5 CLO7 CLO8
			4		CLO4 CLO5 CLO7 CLO8
8	Chương 5. (Tiếp) 5.3. Mô hình IS-LM 5.4. Mô hình Input – Output và ứng dụng trong phân tích và dự báo kinh tế	Tự học, Tự nghiên cứu	1	Làm các bài tập chương 5 Đọc tài liệu chương 5 Tham khảo các tài liệu có liên quan	CLO4 CLO5 CLO7 CLO8
			2		CLO4 CLO5 CLO7 CLO8

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
	Kiểm tra giữa kỳ 45 phút Yêu cầu: Thực hiện được các chuẩn đầu ra CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO8				
9	Chương 1. Giới thiệu mô hình toán kinh tế Bài 2: Mô hình kinh tế động Bài 2: Mô hình kinh tế động	Thực hành	5	Làm bài tập chương 1 Tham khảo các tài liệu liên quan	CLO1; CLO5; CLO7
10	Chương 2. Lý thuyết tối ưu trong sản xuất và tiêu dùng Bài 1: Mô hình phân tích hành vi tiêu dùng Bài 2: Mô hình cân bằng thị trường	Thực hành Tự học, tự nghiên cứu	5 2,5	Làm các bài tập chương 2 Tham khảo các tài liệu liên quan	CLO1 CLO6 CLO8
11	Chương 3. Mô hình tối ưu tuyến tính – Bài toán quy hoạch tuyến tính Bài 1: Bài toán vận tải Bài 2: Đầu tư tài chính Bài 3: Marketing	Thực hành Tự học, tự nghiên cứu	5 2,5	Làm các bài tập chương 3 Tham khảo các tài liệu liên quan	CLO3 CLO5 CLO6 CLO8
12	Chương 4. Mô hình quản lý dự trữ Bài 1: Bài toán chọn nguồn Bài 2: Bài toán với giá vốn	Thực hành Tự học, tự nghiên cứu	5 2,5	Làm các bài tập chương 4 Tham khảo các tài liệu liên quan	CLO4 CLO5 CLO7 CLO8
13	Chương 4. Mô hình quản lý dự trữ Bài 3: Bài toán thuế kho Bài 4: Bài toán bộ tri khoang chờ hàng ha bài oản tổ chức xếp dỡ Chương 5. Phân tích mô hình kinh tế Bài 1: Mô hình cân bằng thị trường	Thực hành Tự học, tự nghiên cứu	5 2,5	Làm các bài tập chương 4 Tham khảo các tài liệu liên quan	CLO4 CLO5 CLO7 CLO8

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Loại giờ học	Loại thuyết đam thoại
Mục đích sử dụng	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Loại thuyết đam thoại	Loại thuyết đam thoại
CDR của học phần	Mục đích sử dụng	Loại thuyết đam thoại	Loại thuyết đam thoại
		Loại thuyết đam thoại	Loại thuyết đam thoại

12. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập
12.1. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
	DỤNG CỤ CÁ NHÂN		
1	Máy tính cá nhân	01	
2	Tài liệu hướng dẫn thực hành	01	
	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (cho 1 nhóm thực tập) (Nhà trường)		
1	Máy chiếu	01	
2	Máy tính	01	
3	Màn chiếu	01	

11. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học thực hành, thí nghiệm

- Hoàn thành tất cả các bài thực hành/thí nghiệm trong chương trình học phần.
- Sinh viên phải thực hiện bài tập một cách nghiêm túc, không được gian lận dưới mọi hình thức.
- Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học thực hành, thí nghiệm
- Mỗi sinh viên hoàn thành một quyển bài tập chương viết tay và nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, quy cách theo yêu cầu của GV.
- Hoàn thành các bài kiểm tra giữa học phần, kiểm tra thực hành, bài thi kết thúc học phần theo quy chế.
- Các bài tập, câu hỏi trong tuần phải được chuẩn bị trước khi thảo luận hoặc kiểm tra - đánh giá.
- Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành.
- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

10. Quy định của học phần đối với người học

Tuần, ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
14	Chương 5. Phân tích mô hình kinh tế	Thực hành	5	Làm các bài tập chương 5	CLO1 CLO6 CLO8
	Bài 2: Mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô nền kinh tế đóng Bài 3: Mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô nền kinh tế mở	Tự học, tự nghiên cứu	2,5	Tham khảo các tài liệu liên quan	
	Bài kiểm tra thực hành				

12.2.3. Bài kiểm tra định kỳ

- + Thao tác được các yêu cầu khi Giảng viên hỏi đáp trực tiếp
- + Trình bày tên nên word sách đẹp rõ ràng, không có lỗi văn bản,
- + Làm đúng và đủ các yêu cầu được giao,
- + định hiện hành. Sinh viên cần đạt các yêu cầu:
- *Tiêu chí đánh giá:* Trùng số 50/3 (%) của điểm qua trình, danh giá theo quy cho bài toán, dựa trên kết quả đưa ra giải pháp và kiến nghị phù hợp
- *Nội dung:* một sinh viên/Nhóm sinh viên thiết lập bài toán quy hoạch tuyến tính ứng với một tình huống cụ thể, dùng phần mềm Excel tìm lời giải tối ưu
- *Mức tiêu:* danh giá kỹ năng thực hành của sinh viên

12.2.2. Bài thực hành

- sinh viên trở lên; nội dung bài tập bám sát nội dung Học phần.
- + Chủ đề bài tập chương: số lượng tối thiểu 30 bài cho mỗi lớp học có từ 20
- + Hình thức giao bài tập chương: mỗi sinh viên thực hiện 1 bài tập chương
- + Thời gian giao bài tập chương: bắt đầu từ buổi học đầu tiên của Học phần.
- chương học phần đó.
- + Chăm bài tập chương: giảng viên giảng dạy học phần nào sẽ chăm bài tập
- vấn đề khoa học được đề cập (chăm 30%).
- một vấn đề khoa học thuộc học phần chăm 70%; Nội dung về ý kiến riêng của SV về 80% (Nội dung liên quan đến học phần, góp phần giải đáp, mở rộng hoặc nâng cao về nội dung nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo). Hai là, Điểm nội dung Kết cấu gồm: trang bìa, nền bìa, lời cam đoan, mục lục, danh mục từ viết tắt, mở đầu, hoặc 13, kiểu chữ Times New Roman, lề trái 3 cm, 3 lề còn lại 2 cm, dãn dòng 1,3 pt; đó: Một là, Điểm hình thức 20% (số trang tập chương từ 25-35 trang A4, cỡ chữ 12 bài tập chương được tính theo Tháng điểm 10 (theo Quy định của Nhà trường), trong đó: Trùng số 50/3 (%) điểm qua trình, danh giá theo quy định hiện hành. Điểm
- *Tiêu chí đánh giá bài tập chương:*
- *Mức tiêu:* Danh giá ý thức tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng thuyết trình của sinh viên.

12.2.1 Bài tập chương

12.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

		hệ thống và hệ thống hóa trong kinh tế; mô hình dự tư và lý thuyết trò chơi	
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận, nhóm, lớp	Ứng dụng các kiến thức đã học để xây dựng, sử dụng các mô hình toán kinh tế nhằm xác lập, mô tả, phân tích mối liên hệ định tính và định lượng giữa các biến số kinh tế trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế	CLO3; CLO4; CLO5; CLO6
Tự học, từ NC	Hướng dẫn học độc lập	Trang bị một phương pháp tư duy hiện đại trong nghiên cứu, phân tích kinh tế và trong hoạt động quản lý kinh doanh đó là phương pháp mô hình có sử dụng công cụ toán học, phân tích hệ thống và kỹ thuật xử lý thông tin.	CLO6; CLO7; CLO8

Điểm danh giữa qua trình (*Điểm bài tập chuong, điểm bài thực hành, điểm bài kiểm tra*) và điểm tổng kết học phần phải đạt từ 5 trở lên mới đạt yêu cầu. Sinh viên có điểm bài thực hành/thi nghiệm nào > 5 sẽ phải học lại (theo quy định) và làm lại bài thực hành/thi nghiệm đó đến khi đạt (≥ 5 điểm). Điểm bài thi kết thúc học phần thực

Đùng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.3. Cách thực danh giá điểm

- Kiểm tra thực hành: sau khi kết thúc tin chi thực hành
- Thi kết thúc học phần: Theo lịch thi của Phòng Đào tạo

- Kiểm tra định kỳ: Theo kế hoạch của phòng Đào tạo/khoa Kinh tế/giảng viên giảng dạy

12.2. Lịch thi, kiểm tra

khả năng tư duy, nhân xét, phân tích, danh giá...
+ Câu hỏi trong đề thi (đề mở) phải đảm bảo yêu cầu giúp SV phát huy tính tự học, công với câu hỏi yêu cầu SV phân tích chuyên đề/Seminar.

ly thuyết và câu hỏi về bài tập tình huống; (4) Đề thi kết hợp các câu hỏi lý thuyết và câu hỏi về bài tập tình huống; (3) Đề thi kết hợp các câu hỏi phân tích số liệu kết quả trên máy (kết quả thực hành); (2) Đề thi kết hợp câu hỏi lý thuyết và câu hỏi yêu cầu SV phân tích phần lý thuyết; (1) Đề thi sử dụng các câu hỏi cho 100% + Đề thi có thể lựa chọn 1 trong 4 cách sau: (1) Đề thi sử dụng các câu hỏi cho 100% + Đề thi kết thúc học phần cho phép sinh viên được sử dụng tài liệu.

+ Số câu hỏi thi trong đề thi tối thiểu là 3 câu, thi viết trong thời gian 75 phút.

+ Nội dung thi phải đảm bảo nằm trong nội dung của học phần.

+ Chấm thi được thực hiện bởi 2 giảng viên, do Trưởng Bộ môn phân công.

Nhà trường), điểm này được tính trong số bằng 50% của điểm học phần.

+ Điểm thi kết thúc học phần tính theo Thang điểm 10 (thực hiện theo Quy định của

- Tiêu chí và hình thức danh giá:

lớp.
tích tổng hợp khai quát hóa; kĩ năng thiết kế bài học; kĩ năng dạy học trực tiếp trên

- Mục đích: Danh giá kiến thức, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kĩ năng phân

12.2.4. Thi kết thúc học phần

huy khả năng tư học, khả năng tư duy phân tích, danh giá, tranh sao chép gian đơn.
được ở mức hiểu và vận dụng vào giải quyết một số tình huống thực tiễn, nhằm phát

dạy của học phần, đảm bảo do lường được kiến thức, kĩ năng mà sinh viên lĩnh hội cho phép SV sử dụng tài liệu, có kết cấu tối thiểu là 2 câu, phần anh nội dung đã giảng

+ Bài kiểm tra viết trong thời gian 45 phút. Đề kiểm tra được thiết kế dưới dạng đề + Bài kiểm tra do giảng viên trực tiếp dạy học phần tổ chức thực hiện. Việc chấm bài

trong nửa đầu của học phần.
- Mục đích: Danh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kĩ năng của sinh viên

- Tiêu chí và hình thức danh giá:

+ Điểm danh giá bài kiểm tra được tính theo Thang điểm 10 (Theo Quy định của

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng		Điểm
		Tốt	Đạt yêu cầu	
Hiện diện	10	Đi học đúng giờ, đầy đủ,	Đi học muộn (<2 buổi), không đầy đủ thực hành; Đi muộn > 1 buổi.	
		Thực hiện đủ nội dung, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi.	Thực hiện đủ nội dung, ít trả lời câu hỏi trong buổi thực hành	
Thái độ học tập	10	Thực hiện đủ nội dung, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi.	Thực hiện đủ nội dung, ít trả lời câu hỏi trong buổi thực hành	
Làm việc nhóm	10	Thế hiện sự công tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng	Thế hiện công tác trong nhóm không tốt	
Nội dung bản	10	Tiêu bản đạt yêu cầu mong, đều, tìm nhát	Tiêu bản đạt yêu cầu không đều	Tiêu bản không thể xem kính được

ii) Rubric đánh giá điểm thực hành

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			Điểm
		Tốt	Khá	Trung bình	
Thực hiện bài tập	30	Đủ số bài và đúng hạn.	Hình thức trình bày khá đẹp	Số bài nộp đủ nhưng nộp muộn	Không nộp đủ, đúng hạn số bài yêu cầu. Bài do người khác thực hiện
		Đúng trên 80% yêu cầu	Đúng trên 70-80% yêu cầu	Đúng 50%-70% yêu cầu	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu
Nội dung	70	Đúng trên 80% yêu cầu	Đúng trên 70-80% yêu cầu	Đúng 50%-70% yêu cầu	Bài làm đúng <50% hoặc nội dung không liên quan yêu cầu

i) Rubric đánh giá điểm bài tập chương

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần		
		Bài kiểm tra	Bài thực hành	Bài tập chương
Đánh giá quá trình	50/3	50/3	50/3	50
Thi kết thúc học phần	50	CL01; CL02; CL03; CL04; CL05; CL06; CL07; CL08		

Trọng số các điểm thành phần như sau:

hiện theo quy định của Nhà trường.

TS. Nguyễn Văn Hương TS. Hoàng Minh Đức TS. Trinh Thị Huyền Trang

GIẢNG VIÊN

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

13. Ngày hoàn thành đề cương: 05/6/2022

Dạng câu hỏi	Mức chất lượng	Điểm	
		Không đạt yêu cầu	Dưới 5
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 5 - dưới 7
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 7 - dưới 8
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 8 - 10
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 7 - dưới 8
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 5 - dưới 7
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 7 - dưới 8
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 8 - 10

iv) Rubric thi cuối kỳ

Dạng câu hỏi	Mức chất lượng	Điểm	
		Không đạt yêu cầu	Dưới 5
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 5 - dưới 7
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 7 - dưới 8
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 8 - 10
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 7 - dưới 8
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 5 - dưới 7
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 7 - dưới 8
Tốt	Khả	Trung bình	Từ 8 - 10

iii) Rubric danh giá bài kiểm tra giữa kỳ

Thi/kiểm tra thực hành	60	Thực hiện thành công 1 trong những nội dung thực hành và giải thích được kết quả	Thực hiện thành công 1 trong những nội dung thực hành và giải thích được kết quả
		Thực hiện thành công những nội dung thực hành được yêu cầu	Thực hiện thành công những nội dung thực hành được yêu cầu

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QTKD/ KẾ TOÁN/KINH TẾ
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Xác suất và Thống kê trong Kinh tế học
(Probability and Statistics for Economics)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:
- Họ và tên: Trịnh Thị Huyền Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Email: huyentranngdmt@gmail.com, điện thoại cơ quan: 02213.713073

1.2. Giảng viên 2:
- Họ và tên: Nguyễn Thị Tươi
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: tuoinnguyen.utehy@gmail.com, điện thoại cơ quan: 02213713073

1.3. Giảng viên 3:
- Họ và tên: Lê Thị Thu Thảo
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: lethithuthao24111991@gmail.com, điện thoại cơ quan: 02213713073

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: **Xác suất và thống kê trong kinh tế học**
2.2. Mã số: 981030

2.3. Khối lượng: 3TC (2 Li thuyết + 1 Thực hành/thi nghiệm)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Thời gian	HD dạy học	Giờ giảng trên lớp	Thực hành/Thi nghiệm	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng cộng
HD dạy học	30	30	30	75	135

2.5. Học phần: bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô, Toán kinh tế 2

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Kinh tế, Kế toán, QTKD

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế.

3. Mô tả học phần

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và thống kê toán. Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức nền tảng về lý thuyết xác suất, biết vận dụng để giải quyết một vấn đề thực tế trong sản xuất kinh doanh. Người học cũng được nắm được một cách cơ bản các kiến thức về thống kê toán, nắm được cách thức để tìm tài nguyên đặc trưng cơ bản của số liệu mẫu, có thể thực hiện các suy diễn thông

6. Mức độ đóng góp của học phần đầu ra của chương trình đào tạo
(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng)	CBR của CTBT
CO1	CO1	Khả năng thu thập thông tin và liên kết kiến thức ở các lĩnh vực khác nhau	PL02
CO2	CO2	Sử dụng các công cụ của xác suất thống kê để nghiên cứu một vấn đề định lượng	PL02; PL03
CO3	CO3	Trình bày được các ưu điểm của phương pháp phân tích định lượng với phương pháp nghiên cứu định tính	PL02; PL03; PL06
CO4	CO4	Phân tích, tổng hợp, diễn đạt vấn đề và lập đề cương nghiên cứu khoa học	PL011
CO5	CO5	Khả năng sử dụng phần mềm tính toán để phân tích và dự báo thống kê	
CO6	CO6	Thế hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.	PL013; PL014
		Khả năng tự trao đổi năng cao trình độ, có khả năng tự học tập tự nghiên cứu để áp dụng vào thực tiễn công việc	PL013; PL014
Mức tự chịu trách nhiệm			
Kỹ năng			
Kiến thức			

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

CO6: Thành thạo và khách quan khi xem xét đánh giá các vấn đề kinh tế.

*Mức độ tự chịu, tự chịu trách nhiệm:

nghiên cứu

CO5: Rèn luyện các kỹ năng tự học, hợp tác, sử dụng các công cụ hỗ trợ

CO4: Rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu, trình bày và phân tích thông kê

* Kỹ năng:

CO3: Phân tích được ưu, nhược điểm của các phương pháp thống kê

CO2: Có năng lực khảo sát ứng dụng xác suất thống kê vào một vấn đề cụ thể

ngành thống kê

CO1: Hiểu biết nền tảng về xác suất thống kê và tiếp cận với một số chuyên

* Kiến thức:

Học phần này trang bị cho người học:

4. Mục tiêu của học phần

kinh tế xã hội

kê về tổng thể dựa trên số liệu mẫu, qua đó vận dụng vào các bài toán thực tế trong

- 3.1. Quy luật Khổng – một A(p)
- 3.2. Quy luật Nhị thức B(n,p)
- 3.3. Quy luật Poisson P(λ)
- 3.4. Quy luật Đều U(a,b)

3 tiết (3LT; 0BT)

CHƯƠNG 3 – MỘT SỐ QUY LUẬT PHÂN PHỐI XÁC SUẤT QUAN TRỌNG

- 2.3.6. Hệ số nhón
- 2.3.5. Hệ số bất đối xứng
- 2.3.4. Một
- 2.3.3. Trung vị
- 2.3.2. Phương sai và độ lệch chuẩn
- 2.3.1. Ki vòng toàn
- 2.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên
- 2.2.3. Hàm mật độ xác suất
- 2.2.2. Hàm phân phối xác suất
- 2.2.1. Bảng phân phối xác suất
- 2.2. Quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên
- 2.1. Định nghĩa và phân loại biến ngẫu nhiên

3 tiết (3LT; 0BT)

CHƯƠNG 2 – BIẾN NGẪU NHIÊN VÀ QUY LUẬT PHÂN PHỐI XÁC SUẤT

- 1.4.4. Công thức xác suất đầy đủ và công thức Bayes
- 1.4.3. Công thức Bernoulli
- 1.4.2. Định lý nhân xác suất
- 1.4.1. Định lý cộng xác suất
- 1.4. Các định lý và công thức xác suất
- 1.3. Mối quan hệ giữa các biến cố
- 1.2.3. Nguyên lý xác suất lớn và nguyên lý xác suất nhỏ
- 1.2.2. Định nghĩa thông kê về xác suất
- 1.2.1. Định nghĩa cổ điển về xác suất
- 1.2. Xác suất của biến cố
- 1.1. Phép thử và các loại biến cố

5 tiết (5LT; 0BT)

CHƯƠNG 1 – BIẾN CỖ NGẪU NHIÊN VÀ XÁC SUẤT

PHẦN I: LÝ THUYẾT CƠ BẢN

7. Nội dung chi tiết học phần

Mã	Tên	Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTBT																						
981030	HP	Xác suất	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL01	thông kê	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	trong kinh tế	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05
		0	3	0	1	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0

- 5.2.4. Ước lượng tham số p của biến ngẫu nhiên phân phối A(p)
- 5.2.3. Ước lượng hiệu hai tham số μ của hai biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn
- 5.2.2. Ước lượng tham số μ của biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn
- 5.2.1. Các khái niệm
- 5.2. Phương pháp ước lượng bằng bảng khoảng tin cậy
- 5.1.3. Ước lượng hợp lý tối đa
- 5.1.2. Các tính chất của ước lượng điểm
- 5.1.1. Khái niệm hàm ước lượng
- 5.1. Phương pháp ước lượng điểm

5 tiết (SLT; OBT)

CHƯƠNG 5: ƯỚC LƯỢNG THAM SỐ CỦA BIẾN NGẪU NHIÊN

- 4.7.3. Suy diễn về phương sai mẫu và phương sai mẫu
- 4.7.2. Suy diễn về tần suất mẫu và hiệu hai tần suất mẫu
- 4.7.1. Suy diễn về trung bình mẫu và hiệu hai trung bình mẫu
- 4.7. Suy diễn về thông kê đặc trưng mẫu
- 4.6.4. Trường hợp hai biến ngẫu nhiên gốc phân phối A(p)
- 4.6.3. Trường hợp biến ngẫu nhiên gốc phân phối A(p)
- 4.6.2. Trường hợp hai biến ngẫu nhiên gốc cùng phân phối Chuẩn
- 4.6.1. Trường hợp biến ngẫu nhiên gốc phân phối Chuẩn
- 4.6. Quy luật phân phối xác suất của các tham số đặc trưng mẫu
- 4.5. Các thông kê đặc trưng của mẫu ngẫu nhiên hai chiều
- 4.4.2. Một số thông kê đặc trưng của mẫu ngẫu nhiên
- 4.4.1. Định nghĩa
- 4.4. Thông kê
- 4.3.3. Mô tả mẫu
- 4.3.2. Các phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên
- 4.3.1. Định nghĩa mẫu ngẫu nhiên
- 4.3. Mẫu ngẫu nhiên
- 4.2.2. Tham số đặc trưng của tổng thể
- 4.2.1. Khái niệm về tổng thể
- 4.2. Tổng thể nghiên cứu
- 4.1. Khái niệm phương pháp mẫu

4 tiết (ALT; OBT)

CHƯƠNG 4: CƠ SỞ LÝ THUYẾT MẪU

- 3.8. Quy luật Fisher – Snedecor $F(n_1, n_2)$
- 3.7. Quy luật Student $T(n)$
- 3.6. Quy luật khi bình phương $\chi^2(n)$
- 3.5.5. Sự hội tụ về phân phối chuẩn
- 3.5.4. Quy tắc 3 σ
- 3.5.3. Công thức tính xác suất
- 3.5.2. Quy luật Chuẩn hóa $N(0, 1)$
- 3.5.1. Định nghĩa
- 3.5. Quy luật Chuẩn $N(\mu, \sigma^2)$

- 7.4.4. Đo độ phân tán của dải lưu lượng ngẫu nhiên
 7.4.3. Kỳ vọng của dải lưu lượng ngẫu nhiên. Số trung vị - Me. Một - Mo.
 7.4.2. Xác suất dải lưu lượng ngẫu nhiên trong tập thông kê tương đối.
 7.4.1. Tính chất ngẫu nhiên của các dải lưu lượng trong tập thông kê. Số tuyệt đối. Số
 7.4. Chỉ số đặc trưng của tập thông kê
 7.4. Chỉ số đặc trưng của tập thông kê
 7.3.5. Biểu đồ hình mảng nhện
 7.3.4. Đồ thị đường gấp khúc
 7.3.3. Biểu đồ tương hình
 7.3.2. Biểu đồ diện tích
 7.3.1. Biểu đồ hình cột
 7.3. Đồ thị mô tả tập thông kê
 7.2.2. Bảng phân phối tần số các nhóm số liệu thông kê
 7.2.1. Tiêu thức phân tổ số liệu thông kê
 7.2. Phân tổ số liệu thông kê
 7.1.1.3. Hệ thống bảng thông kê
 7.1.1.2. Cấu trúc bảng thông kê
 7.1.1.1. Khái niệm bảng thông kê
 7.1.1. Bảng số liệu thông kê
 7.1. Tổng hợp và trình bày số liệu thông kê

5 tiết (SLT; OBT)

CHƯƠNG 7: THÔNG KÊ MÔ TẢ

- 6.3.3. Kiểm định sự độc lập của hai dấu hiệu định tính
 6.3.2. Kiểm định tính phân phối chuẩn
 6.3.1. Kiểm định về phân phối lý thuyết
 6.3. Kiểm định phi tham số
 6.2.6. Kiểm định hai tham số σ_2 của hai biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn
 6.2.5. Kiểm định tham số σ_2 của biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn
 6.2.4. Kiểm định hai tham số p của hai biến ngẫu nhiên phân phối A(p)
 6.2.3. Kiểm định tham số p của biến ngẫu nhiên phân phối A(p)
 6.2.2. Kiểm định hai tham số μ của hai biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn
 6.2.1. Kiểm định tham số μ của biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn
 6.2. Kiểm định tham số
 6.1.4. Quy tắc kiểm định giả thuyết
 6.1.3. Các loại sai lầm
 6.1.2. Cấp giả thuyết và miền bác bỏ
 6.1.1. Giả thuyết thông kê
 6.1. Khái niệm chung

5 tiết (SLT; OBT)

CHƯƠNG 6: KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT THÔNG KÊ

- 5.2.6. Ước lượng tham số σ_2 của biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn
 5.2.5. Ước lượng hiệu hai tham số p của hai biến ngẫu nhiên phân phối A(p)

9.1. Lịch trình chung

Ly thuyết, bài tập, tự học, tự nghiên cứu.

9. Hình thức tổ chức dạy học

DHKTQĐ

8.2.3. Ngô Văn Thu, 2010, Thông kê toán với sự trợ giúp của bảng tính Excel, NXB

2005

8.2.2. Ngô Văn Thu, *giáo trình Thông kê thực hành*, NXB Khoa học và kỹ thuật, năm

Thông kê, năm 2014

8.2.1. Trần Thị Ngọc Phác – Trần Thị Kim Thu, *Giáo trình Lý thuyết thông kê*, NXB

8.2. Học liệu tham khảo

xác suất và thông kê toán, NXB DHKTQĐ

8.1.3. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, Ngô Văn Thu, 2015, *Giáo trình Lý thuyết*

phần KỸ thuật Hùng Yên.

8.1.2. Bài giảng dùng chung, Xác suất và thông kê trong kinh tế, khoa Kinh tế, ĐH Su

8.1.1. Trần Thị Kim Thu, *giáo trình Lý thuyết thông kê*, NXB. Thông kê 2012

8.1. Học liệu bắt buộc

8. Học liệu

Bài 6: Phân tích dãy số thời gian

Bài 5: Sử dụng phương pháp chỉ số phân tích sự thay đổi của một số chỉ tiêu kinh tế

nhiên phân phối A(p)

phương sai của biến ngẫu nhiên phân phối chuẩn, tham số xác suất của biến ngẫu

Bài 4: Kiểm định tham số tập trung vào các tham số cơ bản như tỷ lệ, trung bình,

ngẫu nhiên

Bài 3: Ước lượng khoảng với độ tin cậy cho trước đối với các tham số cơ bản của biến

Bài 2: Phân tích thông kê mẫu nghiên cứu và thực hiện suy luận thông kê

Một, Trung vị và các chỉ tiêu đo độ phân tán)

Bài 1: Phân tích các chỉ tiêu thông kê của hiện tượng kinh tế xã hội (So sánh quan,

(30 tiết)

PHẦN II: THỰC HÀNH

7.6.6. Một số phương pháp dự báo tương sử dụng

7.6.5. Một số chỉ tiêu cơ bản của dãy số thời gian

7.6.4. Sự lựa chọn công thức tính sai số dự báo

7.6.3. Đo lường độ chính xác của dự báo

7.6.2. Phương pháp luận dự báo thông kê

7.6.1. Định nghĩa. Phân loại

7.6. Dãy số thời gian

7.5.5. Hệ thông chỉ số liên hoàn 2 nhân tố

7.5.4. Chỉ số không gian

7.5.3. Chỉ số trung bình từ chỉ số tổng hợp

7.5.2. Chỉ số tổng hợp

7.5.1. Chỉ số cá thể

7.5. Phương pháp chỉ số

Nội dung		Lên lớp			Hình thức tổ chức dạy học			Tổng số
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
		Thực tập tại cơ sở	Thực hành/Thí nghiệm					Tổng số học, từ nghiên cứu
Tin chỉ 1								
Chương 1. Biên cố ngẫu nhiên và xác suất	5	0	0	0	0	0	10	15
Chương 2. Biên ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất	3	0	0	0	0	0	6	9
Chương 3. Một số quy luật phân phối xác suất quan trọng	3	0	0	0	0	0	6	9
Chương 4. Cơ sở lý thuyết mẫu	4	0	0	0	0	0	8	12
Tin chỉ 2								
Chương 5. Ước lượng tham số của biến ngẫu nhiên	5	0	0	0	0	0	10	15
Chương 6. Kiểm định giả thuyết	5	0	0	0	0	0	10	15
Chương 7. Thông kê mô tả	5	0	0	0	0	0	10	15
Tin chỉ 3								
Bài 1: Phân tích các chỉ tiêu thông kê của hiện tượng kinh tế xã hội	0	0	0	0	5	0	2.5	7.5
Bài 2: Phân tích thông kê mẫu nghiên cứu và thực hiện suy luận thống kê	0	0	0	0	5	0	2.5	7.5
Bài 3: Ước lượng khoảng với độ tin cậy cho trước đối với các tham số cơ bản của biến ngẫu nhiên	0	0	0	0	5	0	2.5	7.5
Bài 4: Kiểm định tham số tập trung vào các tham số cơ bản như tỷ lệ, trung	0	0	0	0	5	0	2.5	7.5

Thi giữa học phần 45 phút		Yêu cầu: Thực hiện được các chuẩn đầu ra: CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO7	
CLO1 CLO3 CLO4 CLO7	- Bài giảng Xác suất thông kê trong kinh tế - Máy tính tay - Tim kiểm các tại liệu liên quan	Thực hành	5
		Tự học/NC	2,5
CLO1; CLO4; CLO6; CLO7	- Ngô Văn Thư, 2019, Thông kê toán với sự trợ giúp của bảng tính Excel, NXB ĐHKTPĐ - Phần mềm Excel - Tim kiểm các tại liệu liên quan	Thực hành	5
		Tự học/NC	2,5
CLO1 CLO2; CLO5; CLO6 CLO7	- Ngô Văn Thư, 2019, Thông kê toán với sự trợ giúp của bảng tính Excel, NXB ĐHKTPĐ - Phần mềm Excel - Tim kiểm các tại liệu liên quan	Thực hành	5
		Tự học/NC	2,5
11	Bài 1: Phân tích các chỉ tiêu thông kê của hiện tượng kinh tế xã hội (Số bình quân, Mốt, Trung vị và các chỉ tiêu đo độ phân tán)	Thực hành	5
		Tự học/NC	2,5
12	Bài 2: Phân tích thông kê mẫu nghiên cứu và thực hiện suy luận thông kê	Thực hành	5
		Tự học/NC	2,5
13	Bài 3: Ước lượng khoảng với độ tin cậy cho trước đối với các tham số cơ bản của biến ngẫu nhiên	Thực hành	5
		Tự học/NC	2,5
14	Bài 4: Kiểm định tham số tập trung vào các tham số cơ bản như trung bình, phương sai của biến ngẫu nhiên phân phối chuẩn, tham số xác suất của biến ngẫu nhiên phân phối A(p)	Thực hành	5
		Tự học/NC	2,5
15	- Ngô Văn Thư, 2019, Thông kê toán với sự trợ giúp của bảng tính Excel, NXB ĐHKTPĐ - Phần mềm Excel - Tim kiểm các tại liệu liên quan	Thực hành	5
		Tự học/NC	2,5

CLO2;
CLO4;
CLO6;
CLO7CLO1
CLO2;
CLO5;
CLO6
CLO7CLO1;
CLO4;
CLO6;
CLO7CLO1
CLO3
CLO4
CLO7

CLO5;

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
	DỤNG CỤ CÁ NHÂN		
1	Máy tính cá nhân	01	
2	Tài liệu hướng dẫn thực hành	01	
1	Máy chiếu	01	

nhằm

11. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học thực hành, thí

hình thực.

Sinh viên phải thực hiện bài tập một cách nghiêm túc, không được gian lận dưới mọi

- Hoàn thành tất cả các bài thực hành/thí nghiệm trong chương trình học phần.

kiểm tra - đánh giá.

- Các bài tập, câu hỏi trong tuần phải được chuẩn bị trước khi thảo luận hoặc

- Hoàn thành các bài thi giữa học phần, kết thúc học phần theo quy chế.

đủ, đúng thời hạn, quy cách theo yêu cầu của GV.

- Mỗi sinh viên hoàn thành một quyển bài tập chương viết tay và nộp bài đầy

theo quy chế đào tạo hiện hành.

- Có mặt đầy đủ tên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp

- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

10. Chính sách đối với học phần đối với người học

CLO6 CLO7	Thông kê toán với sự trợ giúp của bảng tính Excel, NXB ĐHKTQĐ - Phần mềm Excel Tìm kiếm các tài liệu liên quan	5	Thực hành	Tự học/NC	2,5	Bài 6: Tính các chỉ tiêu phần ảnh sự biến động của dãy số thời gian	16	Thực hiện bài kiểm tra thực hành 60 phút Yêu cầu: Đạt được các chuẩn đầu ra CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8	CLO6 CLO7	Thông kê toán với sự trợ giúp của bảng tính Excel, NXB ĐHKTQĐ - Phần mềm Excel Tìm kiếm các tài liệu liên quan	CLO6 CLO7	Bài 5: Sử dụng phương pháp chỉ số phân tích sự thay đổi của một số chỉ tiêu kinh tế

- *Tiêu chí đánh giá:* Trùng số 50/3 (%) của điểm qua trình, danh giá gia theo quy định hiện (EVIEW, STATA, SPSS, EXCEL,...).
 - *Mức tiêu:* danh giá gia kỹ năng thực hành của sinh viên

12.2.2. Bài thực hành

sinh viên trở lên; nội dung bài tập bám sát nội dung Học phần.
 + Chủ đề bài tập chương: số lượng tối thiểu 40 bài cho mỗi lớp học có từ 20
 + Hình thức giao bài tập chương: mỗi sinh viên thực hiện 1 bài tập chương.
 + Thời gian giao bài tập chương: bắt đầu từ buổi học đầu tiên của Học phần.
 chương học phần đó.
 + Chấm bài tập chương: giảng viên giảng dạy học phần nào sẽ chấm bài tập
 khoa học được đề cập (chấm 30%).
 đề khoa học thuộc học phần (chấm 70%); Nội dung về y kiến riêng của SV về vấn đề
 dung liên quan đến học phần, góp phần giải đáp, mở rộng hoặc nâng cao về một vấn
 nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo). Hai là, Điểm nội dung (Nội
 gồm: trang bìa, nền bìa, lời cam đoan, mục lục, danh mục từ viết tắt, mở đầu, nội dung
 kiểu chữ Times New Roman, lề trái 3 cm, 3 lề còn lại 2 cm, dẫn dòng 1,3 pt; Kết cấu
 Một là, Điểm hình thức 20% (số trang tiêu luận từ 25-35 trang A4, cỡ chữ 12 hoặc 13,
 bài tiêu luận được tính theo thang điểm 10 (theo Quy định của Nhà trường), trong đó:
 + Trùng số 50/3 (%) điểm qua trình, danh giá gia theo quy định hiện hành. Điểm
 - *Tiêu chí đánh giá bài tập chương:*

sinh viên.
 - *Mức tiêu:* Danh giá y thực tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng thuyết trình của

12.2.1. Bài tập chương

12.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mức đích sử dụng	CBR của học phần
Lý thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các khái niệm, các nội dung lí thuyết liên quan đến xác suất thống kê (biên cố, biến ngẫu nhiên, kiểm định, tìm khoảng tin cậy,...)	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Nam được cách thức để tóm tắt những đặc trưng cơ bản của số liệu mẫu, có thể thực hiện các suy diễn thông kê về tổng thể dựa trên số liệu mẫu, qua đó vận dụng vào các bài toán thực tế trong kinh tế xã hội	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO7
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO5; CLO6; CLO7; CLO8

12.1. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

12. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập

2	Máy tính	01	
3	Màn chiếu	01	

Sinh viên có điểm bài thực hành/thi nghiệm nào > 5 sẽ phải học lại (theo quy định) và điểm bài kiểm tra) và điểm tổng kết học phần phải đạt từ 5 trở lên mới đạt yêu cầu. Điểm danh gia qua trình (*Điểm tiểu luận hoặc thảo luận, điểm bài thực hành, làm tròn đến một chữ số thập phân.*

Dùng thang điểm 10 để danh gia. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

12.4. Cách thực danh gia điểm

- Theo kế hoạch của phòng Đào tạo/khoa Khoa Kinh tế/ giảng viên giảng dạy

12.3. Lịch thi, kiểm tra

học, khả năng tư duy, nhân xét, phân tích, danh gia...

+ Câu hỏi trong đề thi (đề mở) phải đảm bảo yêu cầu giúp SV phát huy tính tự công với câu hỏi yêu cầu SV phân tích chuyên đề/Seminar.

hỏi lý thuyết và câu hỏi về bài tập tình huống; (4) Đề thi kết hợp các câu hỏi lý thuyết SV phân tích số hiệu qua tên máy (kết quả thực hành); (3) Đề thi kết hợp các câu 100% kiến thức phân lý thuyết; (2) Đề thi kết hợp câu hỏi lý thuyết và câu hỏi câu + Đề thi có thể lựa chọn 1 trong 4 cách sau: (1) Đề thi sử dụng các câu hỏi cho + Đề thi kết thúc học phần cho phép sinh viên được sử dụng tài liệu.

+ Số câu hỏi thi trong đề thi tối thiểu là 3 câu, thi viết trong thời gian 90 phút.

+ Nội dung thi phải đảm bảo năm trong nội dung của học phần.

+ Chấm thi được thực hiện bởi 2 giảng viên, do Trưởng Bộ môn phân công.

của Nhà trường), điểm này được tính trong số bằng 50% của điểm học phần.

+ Điểm thi kết thúc học phần tính theo Thang điểm 10 (thực hiện theo Quy định

- Tiêu chí và hình thức danh gia:

trên lớp.

phần tích tổng hợp khai quát hóa; kĩ năng thiết kế bài học; kĩ năng dạy học trực tiếp

- Mục đích: Danh gia kiến thức, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kĩ năng

12.2.4. Thi kết thúc học phần

đơn.

phát huy khả năng tư duy phân tích, danh gia, tránh sao chép gian

hỏi được ở mức hiểu và vận dụng vào giải quyết một số tình huống thực tiễn, nhằm

giảng dạy của học phần, đảm bảo do lường được kiến thức, kĩ năng mà sinh viên lĩnh

đề cho phép SV sử dụng tài liệu, có kết cấu tối thiểu là 2 câu, phần ảnh nội dung đã

+ Bài kiểm tra viết trong thời gian 45 phút. Đề kiểm tra được thiết kế dưới dạng

viên khác do Trưởng Bộ môn phân công.

chấm bài kiểm tra được thực hiện bởi giảng viên giảng dạy học phần đó hoặc giảng

+ Bài kiểm tra do giảng viên trực tiếp dạy học phần tổ chức thực hiện. Việc

của Trường).

+ Điểm danh gia bài kiểm tra được tính theo Thang điểm 10 (Theo Quy định

- Tiêu chí và hình thức danh gia:

trong nửa đầu của học phần.

- Mục đích: Danh gia mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kĩ năng của sinh viên

12.2.3. Bài kiểm tra định kỳ

+ Thao tác được các yêu cầu khi Giảng viên hỏi đáp trực tiếp.

+ Trình bày trên nền word sách đẹp rõ ràng, không có lỗi văn bản,

+ Làm đúng và đủ các yêu cầu được giao,

hành. Sinh viên cần đạt các yêu cầu:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng		Điểm
		Tốt	Đạt yêu cầu	
Tiêu chí	10	Tỷ lệ	Từ 10-7	Không đạt
			Đi học đúng giờ, đầy đủ,	Đi học muộn (< 2 buổi), không đầy đủ thực hành; Đi muộn > 2 buổi.
			Thực hiện đủ nội dung, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi.	Thực hiện đủ nội dung, ít trả lời câu hỏi trong buổi thực hành
			Thực hiện đủ nội dung, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi.	Thực hiện đủ nội dung, ít trả lời câu hỏi trong buổi thực hành
Làm việc nhóm	10		Thực hiện đủ nội dung, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi.	Thực hiện đủ nội dung, ít trả lời câu hỏi trong buổi thực hành
Nộp tiêu bản	10		Tiêu bản đạt yêu cầu mong, đều, tìm nhất	Tiêu bản đầy, đảm, không đều
				Tiêu bản không thể xem kính được

ii) Rubric đánh giá điểm thực hành

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng		Điểm
		Tốt	Khá	
Thực hiện luận	30	Tỷ lệ	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8
			Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày đẹp	Đủ số bài và đúng hạn. Hình thức trình bày khá đẹp
Nội dung	70	Tỷ lệ	Đúng trên 80% yêu cầu	Đúng 70-80% yêu cầu
			Đúng trên 80% yêu cầu	Đúng 50%-70% yêu cầu
			Đúng trên 80% yêu cầu	Đúng 50%-70% yêu cầu
			Đúng trên 80% yêu cầu	Đúng 50%-70% yêu cầu

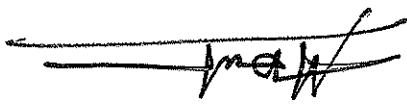
i) Rubric đánh giá điểm tiêu luận

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần	
		Bài kiểm tra	Bài thực hành
Đánh giá quá trình	50/3	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO8	Bài thực hành
	50/3	CLO2; CLO3; CLO5; CLO6	Bài tập chương
	50/3	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	Bài tập chương
Thi kết thúc học phần		50	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7; CLO8

Trọng số các điểm thành phần như sau:

làm lại bài thực hành/thi nghiệm do đến khi đạt (≥ 5 điểm). Điểm bài thi kết thúc học phần thực hiện theo quy định của Nhà trường.

TS. Nguyễn Văn Hương TS. Hoàng Minh Đức TS. Trịnh Thị Huyền Trang


GIẢNG VIÊN

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

13. Ngày hoàn thành đề cương: 5/6/2022

Dạng câu hỏi	Mức chất lượng		
	Tốt	Khá	Trung bình
Trắc nghiệm và các câu hỏi tự luận	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7
	Không đạt yêu cầu	Dưới 5	
Diểm	Mức chất lượng		
Trắc nghiệm và các câu hỏi tự luận	Không và hiệu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của chương trình	Nhớ và hiệu được các kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của chương trình	Nhớ và hiệu được các kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của chương trình
	Nhớ và hiệu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của chương trình	Nhớ và hiệu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của chương trình	Nhớ và hiệu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của chương trình

iv) Rubric thi cuối kỳ

Dạng câu hỏi	Mức chất lượng		
	Tốt	Khá	Trung bình
Trắc nghiệm và các câu hỏi tự luận	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7
	Không đạt yêu cầu	Dưới 5	
Diểm	Mức chất lượng		
Trắc nghiệm và các câu hỏi tự luận	Không và hiệu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của môn học.	Nhớ và hiệu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của môn học.	Nhớ và hiệu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của môn học.
	Nhớ và hiệu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của môn học.	Nhớ và hiệu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của môn học.	Nhớ và hiệu được các kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học, phân tích các tình huống thực tế và giải thích các khía cạnh xây dựng kiến thức. Dù kiến thức để học các phần tiếp theo của môn học.

iii) Rubric đánh giá điểm kiểm tra giữa kỳ

Thi/Kiểm	60	Thực hiện thành công 1 trong những nội dung thực hành và đạt được kết quả	Thực hiện thành công 1 trong những nội dung thực hành và đạt được kết quả	Thực hiện thành công 1 trong những nội dung thực hành và đạt được kết quả
tra thực				
hành				

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Phương pháp nghiên cứu kinh doanh
(Business Research Methods)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Lê Thị Hồng Quyên

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: lehongquyen.kt@gmail.com

Điện thoại cơ quan: 02213.767.066

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hoàng Hải Bắc

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

- Email: hoanghaibac@gmail.com

Điện thoại cơ quan: 02213.767.066

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Đỗ Thị Hằng

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email: hanh1085@gmail.com

Điện thoại cơ quan: 02213.767.066

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu kinh doanh

2.2. Mã số: 931817

2.3. Khối lượng: 2 TC (2 Lý thuyết)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

Thời gian	Tiết/Giờ thực hiện		
	HĐ dạy học	Giờ giảng trên lớp	Tự học, tự NC
Tổng		30	60
			90

2.5. Học phần: Bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần

- Học phần tiên quyết: Marketing căn bản

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

- Học phần song hành: Đồ án nghiên cứu thị trường

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Quản trị kinh doanh/Kế toán/Kinh tế

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa

Kinh tế, Trường ĐH SPKT Hưng Yên

3. Mô tả học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu kinh doanh hệ thống hóa các lý thuyết thị trường, hành vi tiêu dùng của khách hàng và hệ thống thông tin cho doanh nghiệp; cơ sở khoa học và lịch sử phát triển của nghiên cứu thị trường, các khía cạnh tổ chức hoạt động nghiên cứu thị trường; phân tích các giai đoạn ra quyết định và các loại hình nghiên cứu thị trường chủ yếu; xác định vấn đề, mục đích nghiên cứu và lập dự án nghiên cứu thị trường; các phương pháp thu thập dữ liệu trong nghiên cứu thị trường; phương pháp thiết kế thang đo và bảng hỏi trong nghiên cứu thị trường; cách chọn mẫu và thu thập dữ liệu hiện trường; xử lý dữ liệu, soạn thảo và trình bày báo cáo nghiên cứu thị trường.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COs)

Học phần này trang bị cho người học:

Kiến thức:

CO1. Có được kiến thức cơ bản về thị trường, hành vi của khách hàng và hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, cơ sở khoa học của nghiên cứu thị trường và phân tích qua trình nghiên cứu thị trường.

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CBR của CTBT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Vận dụng được những nội dung cơ bản của thị trường, hành vi của khách hàng và hệ thống thông tin trong doanh nghiệp làm cơ sở khoa học của nghiên cứu thị trường và phân tích quá trình nghiên cứu thị trường.	PL03
CO2	CLO2	Vận dụng được các phương pháp thu thập dữ liệu trong nghiên cứu thị trường, thiết kế thang đo và bảng hỏi nghiên cứu thị trường, chọn mẫu và thực hiện thu thập dữ liệu nghiên cứu.	PL03
CO3	CLO3	Vận dụng hiệu quả phương pháp xử lý dữ liệu, soạn thảo và trình bày báo cáo nghiên cứu thị trường.	PL03
Kỹ năng			
CO4	CLO4	Phân tích được các tình huống kinh doanh cụ thể gắn với các vấn đề quản trị marketing để từ đó xác định được tính cấp thiết của hoạt động nghiên cứu kinh doanh.	PL09
CO5	CLO5	Thực hiện hiệu quả kỹ năng thu thập dữ liệu trong nghiên cứu thị trường; thiết kế thang đo và bảng hỏi trong nghiên cứu thị trường; chọn mẫu và thực hiện thu thập dữ liệu nghiên cứu.	PL09
CO6	CLO6	Thực hiện hiệu quả kỹ năng xử lý thông tin, soạn thảo báo cáo và trình bày được báo cáo nghiên cứu thị trường trước hội đồng tham định.	PL09, PL011
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO7	CLO7	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong công việc được giao.	PL014

CO2. Năm được các phương pháp thu thập dữ liệu trong nghiên cứu thị trường, thiết kế thang đo và bảng hỏi nghiên cứu thị trường, chọn mẫu và thực hiện thu thập dữ liệu nghiên cứu thị trường.

CO3. Năm được phương pháp xử lý dữ liệu, soạn thảo và trình bày báo cáo nghiên cứu thị trường.

CO4. Xác định được các nội dung nghiên cứu về thị trường, hành vi mua của khách hàng phục vụ cho việc ra các quyết định marketing; phân tích liên hệ các tình huống kinh doanh cụ thể gắn với các vấn đề quản trị marketing để từ đó xác định được tính cấp thiết của hoạt động nghiên cứu kinh doanh.

CO5. Có kỹ năng thu thập dữ liệu trong nghiên cứu thị trường; thiết kế thang đo và bảng hỏi trong nghiên cứu thị trường; chọn mẫu và thực hiện thu thập dữ liệu nghiên cứu.

CO6. Có kỹ năng xử lý dữ liệu thu thập được, soạn thảo báo cáo và trình bày báo cáo nghiên cứu thị trường trước hội đồng tham định.

*** Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

CO7. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong công việc được giao.

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

- 4.1. Thu thập dữ liệu thứ cấp
- 4.1.1. Đặc tính dữ liệu thứ cấp
- 4.1.2. Phân loại dữ liệu
- 4.1.3. Phương pháp thu thập dữ liệu

Chương 4: Các phương pháp thu thập dữ liệu trong nghiên cứu thị trường
 4 tiết (3 tiết LT; 1 tiết TL)

- 3.1. Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu
- 3.1.1. Xác định vấn đề nghiên cứu
- 3.1.2. Xác định các mục tiêu nghiên cứu và hình thành các giả thuyết
- 3.2. Lập dự án nghiên cứu thị trường
- 3.2.1. Thiết kế việc thu thập và xử lý thông tin
- 3.2.2. Xác định phí tổn và lợi ích của cuộc nghiên cứu
- 3.2.3. Soạn thảo văn bản chính thức về dự án nghiên cứu
- 3.2.4. Phê chuẩn dự án nghiên cứu

Chương 3: Xác định vấn đề, mục đích nghiên cứu và lập dự án nghiên cứu thị trường
 5 tiết (3 tiết LT; 2 tiết TL)

- 2.1. Khái quát về nghiên cứu thị trường
- 2.1.1. Cơ sở khoa học và lịch sử phát triển của nghiên cứu thị trường
- 2.1.2. Khái quát về nghiên cứu thị trường
- 2.1.3. Khía cạnh tổ chức hoạt động nghiên cứu thị trường
- 2.2. Quá trình nghiên cứu thị trường
- 2.2.1. Phác thảo các giai đoạn ra quyết định và các loại hình nghiên cứu chủ yếu
- 2.2.2. Phác thảo các bước của quá trình nghiên cứu marketing

Chương 2: Phác thảo quá trình nghiên cứu thị trường
 4 tiết (3 tiết LT; 1 tiết TL)

- 1.1. Khái quát về thị trường và các nội dung cần nghiên cứu
- 1.1.1. Thị trường
- 1.1.2. Phân đoạn thị trường
- 1.1.3. Đo lường và dự báo cầu thị trường
- 1.1.4. Các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến cầu thị trường
- 1.2. Hành vi của khách hàng và các nội dung cần nghiên cứu
- 1.2.1. Hành vi tiêu dùng của khách hàng cá nhân
- 1.2.2. Thị trường và hành vi mua của tổ chức
- 1.3. Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp
- 1.3.1. Khái niệm hệ thống thông tin marketing
- 1.3.2. Các bộ phận cấu thành của hệ thống

Chương 1: Khái quát về thị trường, hành vi của khách hàng và hệ thống thông tin trong doanh nghiệp
 4 tiết (3 tiết LT; 1 tiết TL)

7. Nội dung chi tiết của học phần

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTBT								
		Phong pháp nghiên cứu kinh doanh	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08
931817	Phong pháp nghiên cứu kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PL09	PL010	PL011	PL012	PL013	PL014	PL015	0	0

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
 (0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

- 4.2. Thu thập dữ liệu sơ cấp bằng phương pháp quan sát
 4.2.1. Các dạng nghiên cứu quan sát
 4.2.2. Điều kiện áp dụng và các bước tiến hành nghiên cứu quan sát
 4.2.3. Những ưu điểm và hạn chế của nghiên cứu quan sát
 4.3. Thu thập dữ liệu sơ cấp bằng phương pháp điều tra phòng vấn
 4.3.1. Thu thập dữ liệu sơ cấp bằng phương pháp điều tra phòng vấn
 4.3.2. Các dạng nghiên cứu điều tra phòng vấn cá nhân
 4.3.3. Các dạng nghiên cứu định tính sử dụng phương pháp điều tra phòng vấn
 4.4. Thu thập dữ liệu sơ cấp bằng phương pháp thực nghiệm
 4.4.1. Khái quát chung
 4.4.2. Thiết kế thực nghiệm
 4.4.3. Trắc nghiệm marketing (test marketing)
- Chương 5: Thiết kế thang đo và bảng hỏi trong nghiên cứu thị trường**
 5 tiết (4 tiết LT; 1 tiết TL)
- 5.1. Khái quát về đo lường trong nghiên cứu thị trường
 5.1.1. Khái niệm cơ bản của đo lường
 5.1.2. Các loại thang đo lường cơ bản
 5.1.3. Những tiêu chuẩn đo lường
 5.2. Phương pháp đo lường, đánh giá mật độ định tính (chất lượng) của đối tượng
 5.2.1. Thực chất
 5.2.2. Các dạng thang đo lường sử dụng để đánh giá mật độ định tính
 5.2.3. Phương pháp đo lường, đánh giá tầm quan trọng của các thuộc tính
 5.2.4. Lựa chọn các loại thang đo và các hàng mục sử dụng trong thang đo (bậc thang đo)
 5.3. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu
 5.3.1. Khái quát chung
 5.3.2. Các bước của quá trình thiết kế bảng câu hỏi
 5.3.3. Lựa chọn dạng câu hỏi
 5.3.4. Những hướng dẫn trong việc đặt câu hỏi
- Chương 6: Chọn mẫu và thực hiện thu thập dữ liệu hiện trường**
 4 tiết (3 tiết LT; 1 tiết TL)
- 6.1. Vấn đề chọn mẫu trong nghiên cứu thị trường
 6.1.1. Khái quát chung về chọn mẫu
 6.1.2. Quy trình chính của việc chọn mẫu
 6.1.3. Các phương pháp chọn mẫu
 6.1.4. Xác định kích thước mẫu
 6.2. Thực hiện thu thập dữ liệu hiện trường
 6.2.1. Những vấn đề kỹ thuật và nghệ thuật thu thập dữ liệu
 6.2.2. Những sai sót trong quá trình thu thập dữ liệu và cách khắc phục
 6.2.3. Tổ chức, quản lý thu thập dữ liệu tại hiện trường
 6.2.4. Kiểm tra và giám sát quá trình thu thập dữ liệu
- Chương 7: Xử lý dữ liệu, soạn thảo và trình bày báo cáo nghiên cứu thị trường**
 4 tiết (3 tiết LT; 1 tiết TL)
- 7.1. Chuẩn bị xử lý dữ liệu thu thập
 7.1.1. Đánh giá giá trị dữ liệu
 7.1.2. Biên tập hiệu chỉnh dữ liệu
 7.1.3. Mã hóa dữ liệu
 7.2. Phân tích và giải thích dữ liệu
 7.2.1. Thực chất của việc phân tích và giải thích dữ liệu
 7.2.2. Giới thiệu khái quát các phương pháp phân tích
 7.2.3. Nội dung của phương pháp phân tích thông kê miêu tả

CBR của HP	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Lý thuyết	2	Đọc chương 1 tại - Tài liệu tham khảo 8.2.1 - Tài liệu tham khảo 8.1	CLO1, CLO4	1	Chương 1: Khái quát về thị trường, hành vi của khách hàng và hệ thống thông tin trong doanh nghiệp 1.1. Khái quát về thị trường và các nội dung cần nghiên cứu
								Tuần	Nội dung chính

9.2. Lịch trình chi tiết

Nội dung	Lên lớp		Thực hành/Thi nghiệm	Hình thức tổ chức dạy học	Tổng số học, tự nghiên cứu	Tổng số
	Bài tập	Thảo luận				
Chương 1	3	0	1	0	8	12
Chương 2	3	0	2	0	10	15
Chương 3	3	0	1	0	8	12
Chương 4	3	0	1	0	8	12
Chương 5	4	0	1	0	10	15
Chương 6	3	0	1	0	8	12
Chương 7	3	0	1	0	8	12
Tổng cộng	22	0	8	0	60	90

9.1. Lịch trình chung

7.3. Soạn thảo và trình bày báo cáo nghiên cứu thị trường
 7.3.1. Yêu cầu, chức năng của một bản báo cáo và định hướng viết cáo
 7.3.2. Kết cấu và nội dung của báo cáo
 7.3.3. Thuyết trình kết quả nghiên cứu
 8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)
 8.1. Học liệu bắt buộc
 Khoa Kinh tế (2020), Tập bài giảng Phương pháp nghiên cứu kinh doanh, Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên
 8.2. Học liệu tham khảo
 8.2.1. Nguyễn Đình Thọ (2014), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, NXB Lao động xã hội
 8.2.2. Nguyễn Đình Thọ (2011), Giáo trình nghiên cứu thị trường, NXB Lao động xã hội
 8.2.3. Lê Công Hoa (2014), Giáo trình Nghiên cứu kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
 8.2.4. Mark Saunders - Phillip Lewis-Adrian Thornhill (2010), Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, NXB Tài chính
 8.2.5. Trần Thị Kim Thu (2018), Giáo trình Thông kê trong nghiên cứu thị trường, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
 9. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CĐR của HP
		Tự học, tự NC	4	khảo 8.2.2	
2	<p>Chương 1: Khái quát về thị trường, hành vi của khách hàng và hệ thống thông tin trong doanh nghiệp</p> <p>1.2. Hành vi của khách hàng và các nội dung cần nghiên cứu</p> <p>Thảo luận chương 1</p>	Tự học, tự NC	4	<p>Đọc chương 1 tại</p> <p>hiệu 8.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.2</p>	CLO1, CLO4
3	<p>Chương 2: Phác thảo quá trình nghiên cứu thị trường</p> <p>2.1. Khái quát về nghiên cứu thị trường</p>	Tự học, tự NC	4	<p>Đọc chương 2 tại</p> <p>hiệu 8.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.2</p>	CLO1, CLO4, CLO7
4	<p>Chương 2: Phác thảo quá trình nghiên cứu thị trường</p> <p>2.2. Quá trình nghiên cứu thị trường</p> <p>Thảo luận chương 2</p>	Tự học, tự NC	4	<p>Đọc chương 2 tại</p> <p>hiệu 8.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.2</p> <p>Chuẩn bị tài liệu liên quan đến chủ đề thảo luận</p>	CLO1, CLO4, CLO7
5	<p>Chương 3: Xác định vấn đề, mục đích nghiên cứu và lập dự án nghiên cứu thị trường</p> <p>3.1. Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu</p> <p>3.2. Lập dự án nghiên cứu thị trường</p> <p>3.2.3. Soạn thảo văn bản chính thức về dự án nghiên cứu</p>	Tự học, tự NC	4	<p>Đọc chương 3 tại</p> <p>hiệu 8.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.2</p>	CLO1, CLO4, CLO7

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của HP
6	<p>Chương 3: Xác định vấn đề, mục đích nghiên cứu và lập dự án nghiên cứu thí nghiệm</p> <p>3.2.4. Phê chuẩn dự án nghiên cứu</p> <p>Thảo luận chương 3 về lập dự án NCTT</p>	<p>Lý thuyết</p> <p>Thảo luận</p> <p>Tự học, tự NC</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>4</p>	<p>Đọc chương 3 tài liệu 8.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.2</p> <p>Chuẩn bị tài liệu liên quan đến chủ đề thảo luận</p>	<p>CLO1, CLO4, CLO7</p>
	<p>Thảo luận chương 3:</p> <p>Soạn thảo văn bản về dự án nghiên cứu</p> <p>Chương 4: Các phương pháp thu thập dữ liệu trong nghiên cứu thí nghiệm</p> <p>4.1. Thu thập dữ liệu thứ cấp</p> <p>4.2. Thu thập dữ liệu sơ cấp bằng phương pháp quan sát</p>	<p>Lý thuyết</p> <p>Thảo luận</p> <p>Tự học, tự NC</p>	<p>1</p> <p>1</p> <p>4</p>	<p>Đọc chương 3,4 tài liệu 8.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.2</p> <p>Chuẩn bị tài liệu liên quan đến chủ đề thảo luận</p>	<p>CLO2, CLO5, CLO7</p>
8	<p>Chương 4: Các phương pháp thu thập dữ liệu trong nghiên cứu thí nghiệm</p> <p>4.3. Thu thập dữ liệu sơ cấp bằng phương pháp điều tra phỏng vấn</p> <p>4.4. Thu thập dữ liệu sơ cấp bằng phương pháp thực nghiệm</p>	<p>Lý thuyết</p> <p>Tự học, tự NC</p>	<p>2</p> <p>4</p>	<p>Đọc chương 4 tài liệu 8.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.2</p>	<p>CLO2, CLO5, CLO7</p>
9	<p>Thảo luận chương 4</p> <p>Chương 5: Thiết kế thang đo và bảng hỏi trong nghiên cứu thí nghiệm</p> <p>5.1. Khai quát về đo lường trong nghiên cứu thí nghiệm</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>1</p>	<p>Đọc chương 4,5 tài liệu 8.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.1</p> <p>- Tài liệu tham khảo 8.2.2</p>	<p>CLO2, CLO5, CLO7</p>
Kiểm tra 1 tiết		Bộ môn/GV tự bố trí			

Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Số tiết giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CĐR của HP
Tuần		Thảo luận 1	Chuẩn bị các tài liệu liên quan đến chủ đề thảo luận	
10	<p>Chương 5: Thiết kế thang đo và bảng hỏi trong nghiên cứu thị trường</p> <p>5.2. Phương pháp đo lường, đánh giá mặt định tính (chất lượng) của đối tượng</p> <p>5.3. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu</p>	Lý thuyết 2	- Đọc chương 5 tài liệu 8.1 - Tài liệu tham khảo 8.2.1 - Tài liệu tham khảo 8.2.2	CLO2 CLO5 CLO7
11	<p>Chương 5: Thiết kế thang đo và bảng hỏi trong nghiên cứu thị trường</p> <p>5.3. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu</p> <p>Thảo luận chương 5</p>	Lý thuyết 1	- Đọc chương 5 tài liệu 8.1 - Tài liệu tham khảo 8.2.1 - Tài liệu tham khảo 8.2.2	CLO2 CLO5 CLO7
12	<p>Chương 6: Chọn mẫu và thực hiện thu thập dữ liệu hiện trường</p> <p>6.1. Vấn đề chọn mẫu trong nghiên cứu thị trường</p> <p>6.2. Thực hiện thu thập dữ liệu hiện trường</p>	Lý thuyết 2	- Đọc chương 6 tài liệu 8.1 - Tài liệu tham khảo 8.2.1 - Tài liệu tham khảo 8.2.2	CLO2 CLO5 CLO7
13	<p>Chương 6: Chọn mẫu và thực hiện thu thập dữ liệu hiện trường</p> <p>6.2. Thực hiện thu thập dữ liệu hiện trường</p> <p>Thảo luận chương 6</p>	Lý thuyết 2	- Đọc chương 6 tài liệu 8.1 - Tài liệu tham khảo 8.2.1 - Tài liệu tham khảo 8.2.2	CLO2 CLO5 CLO7

Tiêu chí	Tỷ lệ	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Mức chất lượng					

X) Rubric đánh giá điểm bài kiểm tra

- Rubric của từng phần đánh giá trong bảng:

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Thi kết thúc học phần	
		Đánh giá quá trình	Kiểm tra
Chuẩn đầu ra của học phần	25	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50
	25	CLO1, CLO2, CLO3	25
	25	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	25

- Trong số các điểm thành phần như sau:

- Học phần được công nhận đạt khi đảm bảo các điều kiện sau: Có đầy đủ các điểm thành phần quy định; điểm thi KTHP ≥ 5 điểm.
 - Học phần đạt khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi sẽ học lại học phần đó.

- Điểm trung bình qua trình là trung bình cộng của các điểm danh giá bộ phận: điểm kiểm tra, điểm tiêu luận và điểm danh giá phần thực hành. Các điểm danh giá bộ phận phải ≥ 5 điểm đủ điều kiện dự thi KTHP. Sinh viên được phép thực hiện lại các điểm danh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi sẽ học lại học phần đó.

- Điểm trung bình qua trình là trung bình cộng của các điểm danh giá bộ phận: điểm kiểm tra, điểm tiêu luận và điểm danh giá phần thực hành. Các điểm danh giá bộ phận phải ≥ 5 điểm đủ điều kiện dự thi KTHP. Sinh viên được phép thực hiện lại các điểm danh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi sẽ học lại học phần đó.

11.3. Cách thức đánh giá điểm

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết trong thời gian 75 phút
 - Thi kết thúc học phần: Theo lịch thi của phòng Đào tạo

- Nội dung: Vấn đề của học phần nằm được các nội dung về thi trường, hành vi tiêu dung của khách hàng và hệ thống thông tin cho doanh nghiệp; cơ sở khoa học và lịch sử phát triển của nghiên cứu thi trường, các khía cạnh tổ chức hoạt động nghiên cứu thi trường; phân tích các giai đoạn ra quyết định và các loại hình nghiên cứu thi trường chủ yếu; xác định vấn đề, mục đích nghiên cứu và lập dự án nghiên cứu thi trường; các phương pháp thu thập dữ liệu trong nghiên cứu thi trường; phương pháp thiết kế thang đo và bảng hỏi trong nghiên cứu thi trường; cách chọn mẫu và thu thập dữ liệu hiện trường; xử lý dữ liệu, soạn thảo và trình bày báo cáo nghiên cứu thi trường.

- Mục đích: Đánh giá kiến thức, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng làm

11.2.4. Thi kết thúc học phần

- Mục đích: Đánh giá kiến thức, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng làm

- Hình thức đánh giá: Mỗi sinh viên thực hiện 1 tiêu luận và chấm trực tiếp trên bài

tiêu luận.

- Nội dung: Sinh viên phải nắm được kiến thức về nghiên cứu thi trường trong lĩnh vực cụ thể, vận dụng các phương pháp trong nghiên cứu thi trường, thiết kế được thang

do và bảng hỏi trong nghiên cứu thi trường.

- Nội dung: Sinh viên phải nắm được kiến thức về nghiên cứu thi trường trong lĩnh vực cụ thể, vận dụng các phương pháp trong nghiên cứu thi trường, thiết kế được thang

do và bảng hỏi trong nghiên cứu thi trường.

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong nghiên cứu

11.2.2. Tiêu luận

- Hình thức đánh giá: Thu bài kiểm tra và chấm điểm trực tiếp vào bài kiểm tra

- Nội dung: Sinh viên phải nắm được những nội dung cơ bản của thi trường, hành vi của

khách hàng và hệ thống thông tin trong doanh nghiệp; cơ sở khoa học của nghiên cứu thi

trường và phân tích quá trình nghiên cứu thi trường; các phương pháp thu thập dữ liệu trong

nghiên cứu thi trường, thiết kế thang đo và bảng hỏi nghiên cứu thi trường, chọn mẫu và thực

hiện thu thập dữ liệu hiện trường.

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong nghiên cứu

11.2.3. Bài kiểm tra

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong nghiên cứu

12. Ngày hoàn thành đề cương
5/8/2022

TRƯỜNG KHOA

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN

TS. Nguyễn Văn Hương

Ths. Lê Thị Hồng Quyên

Ths. Lê Thị Hồng Quyên

Thực hiện đáp ứng từ 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng 50% đến dưới 70% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu đề bài	Thực hiện đáp ứng từ 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài	Phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng tình huống mới	Hiệu, áp dụng
Thực hiện đáp ứng >50% hoặc nội dung không liên quan đến bài tập áp dụng của bài tập áp dụng	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng >50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài		





CHƯƠNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH ĐÀO TẠO: KINH TẾ ĐẦU TƯ/KẾ TOÁN/QTKD

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Toán cầu hóa (Globalization)

1. Thông tin về Giảng viên

1.2. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: vanhuong75hy@gmail.com 0221.3 767 066

1.3. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hoàng Minh Đức

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: duchoasungchau@gmail.com 0221.3 767 066

1.4. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Vũ Thị La

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: tuyetmai.7785@gmail.com 0221.3 767 066

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Toán cầu hóa

2.2. Mã số: 931208.

2.3. Khối lượng: 2TC

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

Hoạt động dạy học	Thời gian	Tiết/Giờ thực hiện
Ly thuyết		30
Thảo luận/Bài tập		10
Thực hành/Thi nghiệm		0
Thực tập tại cơ sở		0
Tự học, tự nghiên cứu		60
Tổng		100

2.5. Học phần: bắt buộc

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành Kinh tế đầu tư, Quản trị kinh doanh và Kế

toán

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Khoa Kinh tế/bộ môn Quản trị kinh

doanh.

3. Mô tả học phần

CO1	CL01	Hiểu rõ khái niệm, đặc trưng và biểu hiện mới của toàn cầu hoá với tính cách là khuôn khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới.
	<i>Kiến thức</i>	
Mức tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)
	CDR của CTBT	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

khám phá và hình thành những ý tưởng mới trong quá trình học tập.

CO8. Xác định được phương pháp tư học phù hợp, tốt nhất, say mê tìm tòi,

** Mục độ tự chủ và trách nhiệm:*

và chuyên cần trong học tập;

CO7. Ý thức được quyền lợi và trách nhiệm cá nhân của người học, nghiêm túc

** Thái độ:*

cầu hòa.

CO6. Đánh giá được các lựa chọn chính sách của nước ta trong bối cảnh toàn

quốc tế của Việt Nam

hoà, hội nhập kinh tế quốc tế để đề trên cơ sở này nhân diện được tọa độ hội nhập kinh tế

CO5. Hoàn thiện khung phân tích hệ thống và nhiều chiều cảnh về toàn cầu

hoà.

CO4. Hoàn thiện năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại về toàn cầu

** Kỹ năng:*

Nam trong tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

CO3. Trình bày được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi của Việt

trên các cấp độ: song phương, đa phương khu vực và đa phương toàn cầu.

CO2. Trình bày được các chiều hướng tiến triển của hội nhập kinh tế quốc tế

tính cách là khuôn khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới.

CO1. Trình bày được khái niệm, đặc trưng và biểu hiện mới của toàn cầu hoá với

** Kiến thức:*

Học phần này trang bị cho người học:

4. Mục tiêu của học phần

cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

viên có một cái nhìn hợp lý và thực tế nhất về sự thích ứng của một quốc gia trong bối

tho, đặc biệt nhân mạnh đến các tiến trình hội nhập của Việt Nam nhằm giúp cho sinh

Phân tích và trình bày quá trình toàn cầu hóa ở một số khu vực, quốc gia và vùng lãnh

của chúng trên phạm vi toàn cầu, trong khu vực và trong các quan hệ song phương.

phạm trú căn bản về toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, đặc trưng, biểu hiện mới

kinh doanh, kế toán doanh nghiệp và kinh tế. Môn học này trình bày các khái niệm và

Toàn cầu hoá là môn học được thiết kế để giảng dạy cho chuyên ngành quản trị

8	93120	câu	1	1	0	0	1	0	0	0	0
			1	2	3	0	0	0	0	0	0
Ma	HP	Toà	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PL10
Tên	HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									

(góp cao)

(0) = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CO2	CLO2	Có kiến thức về các chi tiêu hướng tiên trên của hội nhập kinh tế quốc tế trên các cấp độ: song phương, đa phương khu vực và đa phương toàn cầu.	PL03, PLO5, PLO6, PLO-B1
CO3	CLO3	Nắm được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi của Việt nam trong tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.	PL03, PLO5, PLO6, PLO-B1
Kỹ năng			
CO4	CLO4	Hình thành được năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại về toàn cầu hóa	PL08, PLO-B3
CO5	CLO5	Hình thành khung phân tích hệ thống và nhiều chiều cảnh về toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế để trên cơ sở này nhân diện được tọa độ hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	PL010
CO6	CLO6	Nêu ra được các lựa chọn chính sách của nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa.	PL08, PLO10, PLO-B3
Thái độ			
CO7	CLO7	Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp và tuân thủ các quy định trong công việc được giao	PL011
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO8	CLO8	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong công việc được giao.	PL013

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TOÁN CẦU HÓA

8 tiết (6LT,2TL)

1.1 Khái niệm, đặc trưng, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của toán cầu hóa

1.1.1 Khái niệm

1.1.2 Đặc trưng

1.1.3 Đối tượng nghiên cứu

1.1.4 Phương pháp nghiên cứu

1.2 Một số khái niệm cơ bản trong quá trình toán cầu hóa

1.2.1 Kinh tế thế giới

1.2.2 Kinh tế quốc tế

1.2.3 Hội nhập kinh tế quốc tế

1.2.4 Các quan hệ kinh tế quốc tế

1.3. Tác động của toán cầu hóa đến nền kinh tế thế giới

1.3.1 Tác động tích cực

1.3.2 Tác động tiêu cực

1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình toán cầu hóa

1.4.1 Sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất

1.4.2 Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường

1.4.3 Sự tranh tương của các công ty xuyên quốc gia

1.4.4. Sự hình thành và phát triển của các định chế toán cầu và khu vực.

1.4.5. Tác động của các tổ chức toán cầu và đặc biệt là các tổ chức khu vực đến xu thế

toán cầu hóa kinh tế thế hiện ở hai điểm chính:

1.4.6. Vai trò của chính phủ và sự chuyển đổi trong chính sách phát triển.

Tóm tắt nội dung chương 1

Câu hỏi ôn tập chương 1

- 3.1.1. Hội nhập kinh tế quốc tế của Canada, Hoa Kỳ
- 3.1.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Nhật Bản
- 3.1.3. Hội nhập của các nước Tây Âu
- 3.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của các NIC Đông Á
- 3.2.1. Hội nhập kinh tế quốc tế của Hàn Quốc
- 3.2.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Đài Loan
- 3.2.3. Hội nhập kinh tế quốc tế của Singapore
- 3.3. Hội nhập kinh tế của một số nước đang phát triển
- 3.3.1. Hội nhập kinh tế của Thái Lan

12 tiết (9LT, 3TL)

VÀ VÙNG LÃNH THỔ

Chương 3: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở MỘT SỐ NƯỚC

Câu hỏi ôn tập chương 2

Tóm tắt chương 2

- 2.3.2 Các định chế kinh tế quốc tế
- 2.3.1 Các tổ chức kinh tế quốc tế
- 2.3 Các tổ chức và định chế kinh tế quốc tế
- 2.2.3 Quá trình hình thành và xu hướng đầu tư toàn cầu
- 2.2.2 Can thiệp của Chính phủ vào đầu tư quốc tế
- 2.2.1 Lợi ích và các lý thuyết về đầu tư quốc tế
- 2.2. Môi trường đầu tư toàn cầu
- 2.1.3.4 Lý thuyết lợi thế cạnh tranh quốc gia
- 2.1.3.3 Lý thuyết thương mại hiện đại
- 2.1.3.2 Lý thuyết Heckscher - Ohlin
- 2.1.3.1 Lý thuyết lợi thế tuyệt đối và lợi thế tương đối
- 2.1.3. Một số lý thuyết về thương mại
- 2.1.2. Các yếu tố của môi trường thương mại toàn cầu
- 2.1.1. Khái quát về môi trường thương mại toàn cầu
- 2.1. Môi trường thương mại toàn cầu

12 tiết (9LT, 2TL)

Chương 2: MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TOÀN CẦU

- 8.2.1. Nguyễn Xuân Thăng (2009), Giáo trình toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 8.2.2. Lưu Lực (2002), Toàn cầu hoá kinh tế - lời thoát của Trung Quốc là ở đâu, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

8.2. Học liệu tham khảo

Bài giảng Toàn cầu hóa khoa Kinh tế trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

8.1. Học liệu bài bước

8. Học liên

Câu hỏi ôn tập chương 4

Tóm tắt chương 4

- 4.3.6. Quan hệ kinh tế Việt Nam với một số nước khác trên thế giới
- 4.3.5. Quan hệ kinh tế Việt Nam với các nước EU
- 4.3.4. Việt Nam hội nhập vào WTO
- 4.3.3. Việt Nam hội nhập vào ASEAN
- 4.3.2. Quan hệ hợp tác song phương Việt Nam – Hoa Kỳ
- 4.3.1. Quan hệ kinh tế Việt Nam với Trung Quốc
- 4.3. Quan hệ hợp tác của Việt Nam với các nước và các tổ chức trên thế giới
- 4.2. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
- 4.1. Đường lối về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

8 tiết (6LT, 2TL)

Chương 4: VIỆT NAM VỚI TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Câu hỏi ôn tập chương 3

Tóm tắt chương 3

- 3.5 Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam trong quá trình hội nhập
- 3.4.3. Hội nhập của các nước Đông Âu
- 3.4.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Nga
- 3.4.1. Hội nhập kinh tế quốc tế của Trung Quốc
- 3.4. Hội nhập kinh tế quốc tế của một số nền kinh tế chuyên đổi
- 3.3.3 Hội nhập kinh tế quốc tế của Nam Phi
- 3.3.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Mexico

Tuần ngày	Nội dung chính	Hình thực tổ chức dạy học	Số tiết /gi ờ	Yêu cầu sinh viên chuyên bị	CĐR của Học phần	1	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TOÀN CẦU HÓA 1.1 Khai niệm, đặc trưng, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của toàn cầu hóa 1.1.1 Khai niệm 1.1.2 Đặc trưng 1.1.3 Đối tượng nghiên cứu 1.1.4. Phương pháp nghiên cứu 1.2 Một số khai niệm cơ bản trong	Lý thuyết	03	-Đọc trước GT mục 1.1; 1.2 -Đọc chương 1 bài giảng toàn cầu hóa	CLO1 ; CLO4 ; CLO7

9.2. Lịch trình chi tiết (thiết kế cho cả tiến trình, 15 tuần)

Nội dung	Lên lớp	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành/Thi nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, Tự học, nghiên cứu	Tổng số	Tìm chi 1			Tìm chi 2		
									Hình thực tổ chức dạy học	Thực tập	Tự học,	Thực tập	Tự học,	Thực tập
Chương 1	6	2					12	20						
Chương 2	9	3					18	30						
Chương 3	9	3					18	30						
Chương 4	6	2					12	20						
Cộng	30	10					60	100						

9.1. Lịch trình chung

9. Hình thực tổ chức dạy học

- 8.2.3. Báo cáo chính sách của Ngân hàng thế giới (2002), Toàn cầu hóa, tăng trưởng và đổi mới- Xây dựng một nền kinh tế thế giới hội nhập, Nhà xuất bản văn hoá-thông tin, Hà Nội, năm.
- 8.2.4. Nguyễn Xuân Thắng (2007), Toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đối với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- 8.2.5. Đỗ Hoài Nam và Võ Đại Lộc (2004), Towards East Asian Economic community. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, NXB Thế giới, Hà Nội.

				<p>quá trình toàn cầu hóa</p> <p>1.2.1 kinh tế thế giới</p> <p>1.2.2 Kinh tế quốc tế</p> <p>1.2.3 Hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>1.2.4 Các quan hệ kinh tế quốc tế</p>
				<p>Chương 1. (tiếp)</p> <p>1.3. Tác động của toàn cầu hóa đến nền kinh tế thế giới</p> <p>1.3.1 Tác động của toàn cầu hóa đối với các nước phát triển</p> <p>1.3.2 Tác động của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển</p> <p>1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình toàn cầu hóa</p> <p>1.4.1 Nhân tố khách quan</p> <p>1.4.2 Nhân tố chủ quan</p>
CLO1 ; CLO4 ; CLO7	- Đọc giáo trình mục 1.2; 1.3 -Đọc chương 1 bài giảng toàn cầu hóa	03	Lý thuyết	<p>- Nhóm được phân thực hiện buổi thảo luận phải lên kế hoạch làm việc và phân công cụ thể công việc cho các thành viên trong nhóm.</p> <p>- Các thành viên được phân công thực hiện nhiệm vụ và có chất lượng nhiệm vụ.</p> <p>- Các thành viên khác chuẩn bị câu hỏi cho những phần còn chưa rõ trong chương</p>
CLO1 ; CLO4 ; CLO7		02	Thảo luận	<p>- Hệ thống hoá kiến thức chương 1</p> <p>- Đặc trưng và các biểu hiện mới của toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế</p>
CLO2 ; CLO5 ; CLO7	- Đọc giáo trình mục 2.1; -Đọc chương 2 bài giảng toàn cầu hóa	03	Lý thuyết	<p>Chương 2: MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TOÀN CẦU</p> <p>2.1 Môi trường thương mại toàn cầu</p> <p>2.1.1 Lợi ích về thương mại quốc tế</p> <p>2.1.2 Các yếu tố của môi trường thương mại</p> <p>2.1.3. Một số lý thuyết về thương mại</p> <p>2.1.3.1 Lý thuyết lợi ích tuyệt đối và lợi thế tương đối</p> <p>2.1.3.2 Lý thuyết Heckscher - Ohlin</p>

				<p>2.1.3.3 Lý thuyết thương mại hiện đại</p> <p>2.1.3.4 Lý thuyết lợi thế cạnh tranh quốc gia</p>
<p>CLO2 : CLO5 : CLO7</p>	<p>- Đọc giáo trình mục 2.2; -Đọc chương 2 bài giảng toàn cầu hóa</p>	3	Lý thuyết	<p>2.2.2.1 Lợi ích và các lý thuyết về đầu tư quốc tế</p> <p>2.2.2 Can thiệp của Chính phủ vào đầu tư quốc tế</p> <p>2.2.3 Quá trình hình thành và xu hướng đầu tư toàn cầu</p>
<p>CLO2 : CLO5 : CLO7</p>	<p>- Đọc giáo trình mục 2.3; -Đọc chương 2 bài giảng toàn cầu hóa</p>	3	Lý thuyết	<p>2.3 Các tổ chức và định chế kinh tế quốc tế</p> <p>2.3.1 Các tổ chức kinh tế quốc tế</p> <p>2.3.2 Các định chế kinh tế quốc tế</p>
<p>CLO2 : CLO5 : CLO7</p>	<p>- Nhóm được phân thực hiện buổi thảo luận phải lên kế hoạch làm việc và phân công cụ thể công việc cho các thành viên trong nhóm. - Các thành viên được phân công việc thực hiện nhiệm vụ và có chất lượng nhiệm vụ. - Các thành viên khác chuẩn bị câu hỏi cho những phần còn chưa rõ trong chương</p>	3	Thảo luận	<p>- Hệ thống hoá kiến thức chương 2</p> <p>- Thảo luận các xu hướng hội nhập chủ yếu của khu vực châu Á – Thái Bình Dương</p>
<p>CLO2 : CLO5 : CLO7</p>	<p>- Đọc giáo trình mục 3.1; -Đọc chương 3 bài giảng toàn cầu hóa</p>	3	Lý thuyết	<p>Chương 3: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở MỘT SỐ NƯỚC VÀ VÙNG LÃNH THỔ</p> <p>3.1. Hội nhập kinh tế quốc tế của một số nước công nghiệp phát triển</p> <p>3.1.1. Hội nhập của Canada, Hoa Kỳ</p> <p>3.1.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Nhật Bản</p> <p>3.1.3. Hội nhập của các nước Tây Âu</p>

12	Chương 4: VIỆT NAM VỚI TIỀN	Lý	3	- Đọc giáo trình mục CLO3
11	Hội nhập kinh tế quốc tế của một số nền kinh tế chuyên đổi	Thảo luận	3	- Nhóm thảo luận phải lên kế hoạch làm việc và phân công cụ thể công việc cho các thành viên trong nhóm. - Các thành viên được phân công thực hiện nhiệm vụ và có chất lượng nhiệm vụ. - Các thành viên khác chuẩn bị câu hỏi cho những phần còn chưa rõ trong chương
10	Việt Nam trong quá trình hội nhập 3.5 Bài học kinh nghiệm rút ra cho Âu 3.4.3. Hội nhập của các nước Đông Nga 3.4.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Trung Quốc 3.4.1. Hội nhập kinh tế quốc tế của một số nền kinh tế chuyên đổi	Lý thuyết	3	- Đọc giáo trình mục CLO2 3.3; -Đọc chương 3 bài giảng toàn cầu hóa CLO5 CLO7
9	3.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của các NIC Đông A 3.2.1. Hội nhập kinh tế quốc tế của Hàn Quốc 3.2.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Đài Loan 3.2.3. Hội nhập kinh tế quốc tế của Singapore 3.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của một số nước đang phát triển 3.3.1. Hội nhập kinh tế quốc tế của Thái Lan 3.3.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Mexico 3.3.3. Hội nhập của Nam phi	Lý thuyết	3	- Đọc giáo trình mục CLO2 3.2; -Đọc chương 3 bài giảng toàn cầu hóa CLO5 CLO7

- Chuyên cần: Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp theo quy chế đào tạo hiện hành. Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

10. Quy định của học phần đối với người học

<p>CLO3 ;CLO 4; CLO7</p>	<p>- Nhóm thảo luận phải lên kế hoạch làm việc và phân công cụ thể công việc cho các thành viên trong nhóm. - Các thành viên được phân công thực hiện nhiệm vụ có chất lượng nhiệm vụ. - Các thành viên khác chuẩn bị câu hỏi cho nhưng phần còn chưa rõ trong chương lớp</p>	<p>2</p>	<p>Thảo luận</p>	<p>- Hệ thống hoá kiến thức chương 4 - Thảo luận một số chính sách, định hướng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</p>	<p>14</p>
<p>CLO3 ;CLO 4; CLO7</p>	<p>- Đọc giáo trình mục 4.4; -Đọc chương 4 bài giảng toàn cầu hóa</p>	<p>3</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>4.3. Quan hệ hợp tác của Việt Nam với các nước và các tổ chức trên thế giới 4.3.1. Quan hệ kinh tế Việt Nam với Trung Quốc 4.3.2. Quan hệ hợp tác song phương Việt Nam – Hoa Kỳ 4.3.3. Việt Nam hội nhập vào ASEAN 4.3.4. Việt Nam hội nhập vào WTO 4.3.5. Quan hệ kinh tế Việt Nam với các nước EU 4.3.6. Quan hệ kinh tế Việt Nam với một số nước khác trên thế giới</p>	<p>13</p>
<p>CLO7 4; CLO7</p>	<p>-Đọc chương 4 bài giảng toàn cầu hóa</p>		<p>thuyết</p>	<p>TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ 4.1. Đường lối về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 4.2. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</p>	

thực tế trên cơ sở những kiến thức đã được đã được học tập.
 phân tích tổng hợp khái quát hóa các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa diễn ra trong
 - Mục đích: Đánh giá kiến thức, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng

11.2.6. Thi kết thúc học phần

bài tiểu luận.

- Hình thức đánh giá: Mỗi sinh viên thực hiện 1 tiểu luận và chấm trực tiếp trên
 về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

đầu tư toàn cầu; Hội nhập kinh tế quốc tế của một số nước trong khu vực; Đường lối
 như: Tác động của toàn cầu hóa đến nền kinh tế thế giới; Môi trường thương mại và
 - Nội dung: Sinh viên phải nắm được kiến thức cơ bản về chủ đề được giao
 phương pháp tiếp cận hiện đại về toàn cầu hóa

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng và tư duy

11.2.2. Tiểu luận

- Hình thức đánh giá: Thu bài kiểm tra và chấm điểm trực tiếp vào bài kiểm tra
 toàn cầu hóa; các chiều hướng tiến triển của hội nhập quốc tế trên các cấp độ.

- Nội dung: Sinh viên phải nắm được khái niệm, đặc trưng và biểu hiện mới của
 đầu của học phần.

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong nửa

11.2.5. Bài kiểm tra

phần

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
LI thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các khái niệm, đặc trưng và biểu hiện mới của toàn cầu hóa; các chiều hướng tiến triển của hội nhập quốc tế trên các cấp độ.	CLO1; CLO2; CLO3
Thảo luận	Tình huống thảo luận nhóm, toàn lớp	Phát triển kỹ năng tư duy phương pháp tiếp cận hiện đại về toàn cầu hóa	CLO4; CLO5; CLO6
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CLO7; CLO8

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

11. Phương pháp, hình thức dạy học, và đánh giá kết quả học tập

giáo viên.
 cầu sinh viên phải nắm vững kiến thức và hoàn thành bài kiểm tra theo quy định của
 - Kiểm tra: Sinh viên phải làm một bài kiểm tra để chấm điểm qua trình, yêu

GV;

chấm điểm qua trình. Nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, đúng quy cách theo yêu cầu của
 - Tiêu luận: Mỗi sinh viên hoàn thành 01 tiểu luận theo chủ đề giáo viên giao để

Mức chất lượng							
Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Khả	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm	
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5		
		Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức		
		Thực hiện đáp ứng từ 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng 50% đến dưới 70% yêu cầu kiến thức của bài tập áp dụng	Thực hiện đáp ứng <50% hoặc nội dung không liên quan đến kiến thức của bài tập áp dụng		
Hiệu, áp dụng	40%						
Nhỏ, biết	30%						

- Rubric của từng phần đánh giá trong bảng: (XIII) Rubric đánh giá điểm bài kiểm tra

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần	
		Tiêu luận	Kiểm tra
Đánh giá quá trình	25	CL01, CL02, CL03, CL05, CL06	CL01, CL02, CL03, CL04
Thi kết thúc học phần	50	CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06	

- Trọng số các điểm thành phần như sau:

- Điểm trung bình qua trình là trung bình của các điểm đánh giá bộ phận: điểm kiểm tra, điểm tiêu luận và điểm đánh giá phần thực hành. Các điểm đánh giá bộ phận phải ≥ 5 điểm đủ điều kiện dự thi KTHP. Sinh viên được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi sẽ học lại học phần đó.
- Học phần được công nhận đạt khi đảm bảo các điều kiện sau: Có đầy đủ các điểm thành phần quy định; điểm thi KTHP ≥ 5 điểm.
- Trọng số các điểm thành phần như sau:

11.3. Cách thực đánh giá điểm

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết trong thời gian 75 phút
- Thi kết thúc học phần: Theo lịch thi của phòng Đào tạo

- Nội dung: Vận dụng kiến thức của học phần để sinh viên giải thích, ứng dụng, vận dụng linh hoạt, phân đoạn tính hình các vấn đề về toàn cầu hóa diễn ra trong thực tiễn.

		Mức chất lượng				
Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
		Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày đẹp	Đúng và đủ nội dung kiến thức. Hình thức trình bày khá đẹp	Đúng nhưng thiếu nội dung kiến thức	Không đúng nội dung kiến thức	

XV) Rubric đánh giá thi KTHP

		Mức chất lượng				
Tiêu chí	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu	Điểm
		Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5	
		Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày đẹp	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày khá	Đúng chủ đề được giao, liên hệ thực tế và có các đề xuất đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu của chủ đề giao.	Đúng chủ đề hoặc đúng chủ đề thực tế và có các đề xuất đáp ứng từ 50% đến 70% yêu cầu của chủ đề được giao.	Lạc chủ đề hoặc đúng chủ đề nhưng nội dung đáp ứng < 50% yêu cầu của chủ đề được giao.

XIV) Rubric đánh giá điểm tiêu luận

Phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng tình huống mới	30%	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu đề bài	Xây dựng tình huống sáng tạo, phân tích sáng tạo, phân tích đánh giá đáp ứng < 50% hoặc không liên quan đến yêu cầu đề bài
--	-----	--	---	---	--

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÁC NGÀNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Đại cương Kinh tế và Môi trường
(General economic and environmental)

1. Thông tin về Giảng viên

TT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Email, điện thoại cơ quan
1	Hoàng Minh Đức	Trưởng bộ môn kinh tế, Tiến sĩ	duchoasungchau@gmail.com; 0975766596
2	Lê Thị Thu Thảo	Giảng viên, Thạc sĩ	lethithuthao14111991@gmail.com, .com, 0986.079.302
3	Đỗ Văn Cường	Giảng viên, Thạc sĩ	Dovanquonghy@gmail.com 0983827838
4	Nguyễn Thị Thuý Anh	Giảng viên, Tiến sĩ	dangthuan410@gmail.com; 02213713050
5	Vũ Thị Huyền	Giảng viên, Thạc sĩ	blackrain.vn@gmail.com; 0902114437
6	Trần Thị Trang	Giảng viên, Thạc sĩ	trangthy86@gmail.com; 02213713050
7	Phan Thị Uyên Nhung	Giảng viên, Thạc sĩ	Phanuyemnhung@gmail.com; 02213713050

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Đại cương Kinh tế và Môi trường

2.2. Mã số: 931168 (Bộ môn Kinh tế quản lý)

181132 (Bộ môn Hóa môi trường tham gia giảng dạy)

2.3. Khối lượng: 2 TC (LT)

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học

*** Kiến thức:**

trường đời sống hàng ngày cũng như trong các hoạt động nghề nghiệp.

CO7: Năng cao tư duy về các vấn đề kinh tế và hình thành y thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;

CO6: Phân tích sự tác động qua lại giữa con người và môi trường, có ứng xử đúng đắn đối với các vấn đề kinh tế và môi trường, xác định được các trụ cột cơ bản của phát triển bền vững;

CO5: Giải thích và nhận biết được các vấn đề ô nhiễm môi trường về mặt lý thuyết

CO4: Phân tích khái niệm về môi trường và phân loại môi trường.

CO3: Nhận biết và giải thích được các hiện tượng thất nghiệp, làm phát và phân tích các yêu tố ảnh hưởng tới thất nghiệp làm phát.

CO2: Nắm chắc các kiến thức nền tảng về cung, cầu và phân tích mối quan hệ giữa chúng cũng như các kiến thức về cơ cấu của các thị trường nơi diễn ra cung, cầu.

CO1: Phân tích được khái niệm về kinh tế học, đường giới hạn khả năng sản xuất và ảnh hưởng của các quy luật khan hiếm đến việc lựa chọn kinh tế.

*** Kiến thức:**

Kết thúc học phần này sinh viên có thể:

4. Mục tiêu của học phần

Liên quan, cấp thiết với bất cứ hoạt động kinh tế xã hội nào.

đề về dân số và phát triển bền vững vẫn đề cơ bản cần được trang bị vì nó tác hại, hậu quả của sự ô nhiễm; các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường. Những vấn

môi trường, các hoạt động tự nhiên, nhân tạo gây nên ô nhiễm môi trường, các hiện tượng thực cơ bản trong môi trường: mối quan hệ giữa con người với môi trường; sự ô nhiễm

thị trường, tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, thất nghiệp và làm phát. Những kiến thức cơ bản trong môi trường: mối quan hệ giữa con người với môi trường; sự ô nhiễm

trường. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản trong kinh tế học: cung - cầu, cơ cấu giáo dục đại cương, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế, môi

Học phần Đại cương Kinh tế và Môi trường là học phần nằm trong phần kiến thức 3. Mô tả môn học

phạm Kỳ Thuần Hưng Yên)

quyết định số 1529/QĐ-DHSP/KTTH ngày 12/09/2018 của Hiệu trưởng trường đại học Sư

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế/ Khoa Kinh tế, (Theo

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên Đại học các ngành

- Môn học học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

2.6. Điều kiện học phần

2.5. Học phần: Bất buộc

học	Thời gian	Tiết/Giờ thực hiện
HD dạy		30
	Tự học, tự nghiên cứu	60
	Tổng số giờ	90

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CBR của CTBT
<i>Kiến thức</i>			
CO1	CLO1	Phân tích được được khái niệm về kinh tế học.	PLO1; PLO2;
	CLO2	Phân tích đường giới hạn khả năng sản xuất và ảnh hưởng của các quy luật khan hiếm đến việc lựa chọn kinh tế	PLO1; PLO2;
CO2	CLO3	Nắm chắc các kiến thức nền tảng về cung, cầu và	PLO1; PLO2; PLO3
	CLO4	Phân tích mối quan hệ giữa chúng cũng như các kiến thức về cơ cấu của các thị trường nơi diễn ra cung, cầu	PLO1; PLO2;
CO3	CLO5	Nhận biết và giải thích được các yếu tố cấu thành của chỉ tiêu GDP, GNP..	PLO1; PLO2; PLO3
	CLO6	Giải thích và phân tích được các hiện tượng thất nghiệp, làm phát và phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới thất nghiệp làm phát	PLO1; PLO2; PLO3
CO4	CLO6	Phân tích khái niệm về môi trường và phân loại môi trường,	PLO1; PLO2; PLO3
	CLO7	Giải thích được các vai trò của môi trường trong từng hoạt động thực tiễn	PLO1; PLO2; PLO3
CO5	CLO8	Biết được cách vận dụng các biện pháp, công cụ bảo vệ môi trường trong thực tiễn	PLO1; PLO2; PLO3
CO6	CLO9	Phân tích, giải thích được các vấn đề về biến đổi khí hậu toàn cầu, nguyên nhân và hậu quả của nó xảy ra trong thực tế.	PLO1; PLO2; PLO3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.

CO11: Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ

* Thái độ:

CO9: Nhận biết được các vấn đề về môi trường diễn và nguyên nhân của nó xảy ra trong thực tế như các vấn đề ô nhiễm môi trường, các vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, sự suy giảm các nguồn tài nguyên, phát triển bền vững....

CO10: Hình thành kỹ năng trong tư duy đoán, phân xét, dự định, giải thích, xu hướng và các hiện tượng về kinh tế, môi trường diễn ra trong thực tế.

CO9: Nhận biết được các vấn đề về môi trường diễn và nguyên nhân của nó xảy ra trong thực tế như các vấn đề ô nhiễm môi trường, các vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, sự suy giảm các nguồn tài nguyên, phát triển bền vững....

CO8: Vận dụng các kiến thức kinh tế như cung, cầu, GDP, GNP... để nhận biết, giải thích, ứng xử các hiện tượng kinh tế xảy ra trong thực tế...

7. Nội dung chi tiết của học phần

Mã HP	TÊN HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTBT																		
		Đại cương	Về kinh tế và môi trường (LC)	1	2	3	4	5	0	0	0									
931168		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL01	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mã HP	Tên HP	Kỹ năng		Thái độ	
		Mô tả	Đóng góp	Mô tả	Đóng góp
CO10	CO10	Phân tích, giải thích được các vấn đề về ô nhiễm môi trường đất nước, không khí, nguyên nhân và hậu quả của nó xảy ra trong thực tế.	PL01; PL02; PL03	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PL01; PL02; PL03
CO7	CO7	Phân tích, giải thích được sự tác động qua lại giữa con người và môi trường.	PL01; PL02; PL03	Có ứng xử đúng đắn với các vấn đề môi trường; xác định được các trụ cột cơ bản của phát triển bền vững;	PL01; PL02; PL03
CO8	CO8	Vận dụng các kiến thức kinh tế như cung, cầu, GDP, GNP... để nhận biết, giải thích, ứng xử các hiện tượng kinh tế xảy ra trong thực tế...	PL07-PL013	Nhận biết được các vấn đề về môi trường điển hình và nguyên nhân của nó xảy ra trong thực tế như các vấn đề ô nhiễm môi trường, các vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, sự suy giảm các nguồn tài nguyên, phát triển bền vững....	PL07-PL013
CO9	CO9	Hình thành kỹ năng trong tư duy dự đoán, phân xết, dự định, giải thích, xu hướng về các hiện tượng về kinh tế, môi trường điển hình ra trong thực tế.	PL07-PL013	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PL01; PL02; PL03
CO10	CO10	Hình thành kỹ năng trong tư duy dự đoán, phân xết, dự định, giải thích, xu hướng về các hiện tượng về kinh tế, môi trường điển hình ra trong thực tế.	PL07-PL013	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PL01; PL02; PL03
CO11	CO11	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PL01; PL02; PL03	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PL01; PL02; PL03
CO12	CO12	Phân tích, giải thích được sự tác động qua lại giữa con người và môi trường.	PL01; PL02; PL03	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PL01; PL02; PL03
CO13	CO13	Có ứng xử đúng đắn với các vấn đề môi trường; xác định được các trụ cột cơ bản của phát triển bền vững;	PL01; PL02; PL03	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PL01; PL02; PL03
CO14	CO14	Vận dụng các kiến thức kinh tế như cung, cầu, GDP, GNP... để nhận biết, giải thích, ứng xử các hiện tượng kinh tế xảy ra trong thực tế...	PL07-PL013	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PL01; PL02; PL03
CO15	CO15	Nhận biết được các vấn đề về môi trường điển hình và nguyên nhân của nó xảy ra trong thực tế như các vấn đề ô nhiễm môi trường, các vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, sự suy giảm các nguồn tài nguyên, phát triển bền vững....	PL07-PL013	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PL01; PL02; PL03
CO16	CO16	Hình thành kỹ năng trong tư duy dự đoán, phân xết, dự định, giải thích, xu hướng về các hiện tượng về kinh tế, môi trường điển hình ra trong thực tế.	PL07-PL013	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PL01; PL02; PL03
CO17	CO17	Thế hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.	PL014; PL015	Phân tích, giải thích được các vấn đề cơ bản về phát triển bền vững.	PL01; PL02; PL03

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC

2 tiết (2LT)

- 1.1. Khái niệm cơ bản về kinh tế học
- 1.1.1. Khái niệm về kinh tế học
- 1.1.2. Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô
- 1.1.3. Kinh tế thực chứng và kinh tế chuẩn tắc
- 1.2. Ba vấn đề cơ bản của kinh tế học và bản chất của kinh tế học
- 1.3. Lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp
- 1.3.1. Hàng hóa khan hiếm và hàng hóa miễn phí
- 1.3.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất và sự lựa chọn
- 1.3.3. Ảnh hưởng của một số quy luật kinh tế đến việc lựa chọn kinh tế tối ưu
- 1.4. Các mô hình kinh tế
- 1.4.1. Mô hình kế hoạch hóa tập trung
- 1.4.2. Cơ chế thị trường
- 1.4.3. Cơ chế hỗn hợp

CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC VI MÔ

6tiết (4LT; 2 BT)

- 2.1. Cung, cầu – Môi trường hệ cung cầu và cân bằng cung cầu
- 2.1.1. Cầu
- 2.1.2. Cung
- 2.1.3. Môi trường hệ cung – cầu và cân bằng cung cầu
- 2.1.4. Thị trường tự do và kiểm soát giá cả
- 2.1.5. Độ co giãn của cung, cầu theo giá
- 2.2. Thăng đư người sản xuất, thăng đư người tiêu dùng
- 2.3. Cơ cấu thị trường
- 2.3.1. Khái niệm thị trường
- 2.3.2. Phân loại thị trường
- 2.3.3. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo
- 2.3.4. Thị trường độc quyền
- 2.3.5. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo

CHƯƠNG 3: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

7 tiết (4LT; 3 BT)

- 3.1. Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân
- 3.1.1. Tổng sản phẩm quốc dân
- 3.1.2. Phương pháp xác định GDP
- 3.1.3. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô
- 3.2. Thất nghiệp và lạm phát
- 3.2.1. Thất nghiệp

- 6.3.6. Nguyễn tác phần quyền và ủy quyền
- 6.3.5. Nguyễn tác công bằng về quyền tôn tài của con người và sinh vật Trái đất
- 6.3.4. Nguyễn tác công bằng trong cùng một hệ
- 6.3.3. Nguyễn tác công bằng giữa các hệ
- 6.3.2. Nguyễn tác phòng ngừa
- 6.3.1. Nguyễn tác về sự uy thác của nhân dân
- 6.3. Nguyễn tác của phát triển bên vùng**
- 6.2.3. Bên vùng về tài nguyên môi trường
- 6.2.2. Bên vùng về xã hội
- 6.2.1. Bên vùng về kinh tế
- 6.2. Nội dung của phát triển bên vùng (Các tiêu chí và chỉ thị về PTBV)**
- 6.1.2. Sự ra đời của phát triển bên vùng
- 6.1.1. Khai niệm về phát triển bên vùng
- 6.1 Khai niệm về phát triển bên vùng (PTBV)**

3 tiết (2LT; 1TL)

CHƯƠNG 6: PHÁT TRIỂN BÊN VÙNG

- 5.2.2. Bảo vệ môi trường bằng biện pháp kỹ thuật
- 5.2.1. Bảo vệ môi trường bằng biện pháp phi kỹ thuật
- 5.2. Các biện pháp bảo vệ môi trường**
- 5.1.5. Ngoài ứng và mức ô nhiễm tới ưu từ hoạt động kinh tế
- 5.1.4. Ô nhiễm môi trường đất
- 5.1.3. Ô nhiễm nước
- 5.1.2. Ô nhiễm không khí
- 5.1.1. Khai niệm về ô nhiễm môi trường
- 5.1. Ô nhiễm môi trường**

7 tiết (5LT; 2TL)

TRƯỜNG

CHƯƠNG 5: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI

- 4.5. Môi liên kết giữa môi trường và phát triển kinh tế
- 4.4. Các vấn đề môi trường toàn cầu
- 4.3. Vai trò của môi trường
- 4.2. Các thành phần của môi trường
- 4.1. Khai niệm và phân loại môi trường

5 tiết (3LT; 2TL)

CHƯƠNG 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG

- 3.2.3. Môi quan hệ giữa thạt nghiệp và làm phát
- 3.2.2. Làm phát

Nội dung		Lên lớp			Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số
		Thảo luận	Bài tập	Lý thuyết				
Hình thức tổ chức dạy học								
Tìm chi I								
Chương 1: Những vấn đề cơ bản của kinh tế học			2				4	6
Chương 2: Những vấn đề cơ bản về kinh tế học vi mô			4	2			12	18
Chương 3: Những vấn đề cơ bản về kinh tế học vĩ mô			4	3			14	21
Tìm chi 2								

9.1. Lịch trình chung

9. Kế hoạch dạy học

8.2.5. Nguyễn Thế Chinh (2011) – Giáo trình kinh tế & Quản lý môi trường-NXB Thống kê

8.2.4. Lê Thị Thanh Mai 2003- Giáo trình Môi trường và con người - NXB Thống kê

8.2.3. DAVID BEGG/S.FISCHER/R.DORNBOUSCH, kinh tế học vi mô, NXB thống kê, 2011.

8.2.2. DAVID BEGG/S.FISCHER/R.DORNBOUSCH, kinh tế học vi mô, NXB thống kê, 2011.

8.2.1. Nguyễn Văn Hương, Giáo trình Kinh tế vi mô, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2020

8.2. Học liệu tham khảo:

Giáo trình "Đại cương Kinh tế và Môi trường" - Trường Đại học SPKT Hưng Yên

8.1. Học liệu bắt buộc:

8. Học liệu (giáo trình, Bài giảng, tài liệu tham khảo)

6.4.2. Định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam

6.4.1. Hiện trạng về dân số và tài nguyên

6.4. Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam

tiền

6.3.7. Nguyễn tác người gây ô nhiễm phải trả tiền, người sử dụng môi trường phải trả

Tuần ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức giờ/ tiết/ Số đây học	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
2	CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC VI MÔ 2.1. Cung, cầu – Mối quan hệ cung cầu và cân bằng cung cầu 2.1.1. Cầu 2.1.2. Cung 2.1.3. Mối quan hệ cung – cầu và cân bằng cung cầu 2.1.4. Thị trường tự do và kiểm soát giá cả 2.1.5. Độ co giãn của cung, cầu theo giá Phân tích được khái niệm cung, cầu, các yếu tố ảnh hưởng, sự di chuyển và dịch chuyển đường cung, cầu của một số loại hàng hóa, dịch vụ trong thực tế	Lí thuyết	Đọc tài liệu chương 2 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan CLO2 CLO3 CLO4 CLO13 CLO14 CLO17	Đọc tài liệu chương 2 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan CLO2 CLO3 CLO4 CLO17
3	2.2. Thị trường du người sản xuất, thặng dư người tiêu dùng 2.3. Cơ cấu thị trường 2.3.1. Khái niệm thị trường 2.3.2. Phân loại thị trường 2.3.3. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo 2.3.4. Thị trường độc quyền 2.3.5. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo	Lí thuyết	Đọc tài liệu chương 2 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan CLO2 CLO3 CLO4 CLO17	Đọc tài liệu chương 2 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan CLO2 CLO3 CLO4 CLO17
4	CHƯƠNG 3: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC VI MÔ 3.1. Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân 3.1.1. Tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội 3.1.2. Phương pháp xác định GDP 3.1.3. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô	Lí thuyết	Đọc tài liệu chương 3 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan CLO5 CLO14 CLO17	Đọc tài liệu chương 3 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 (7.2.1, 7.2.2 và các tài liệu có liên quan CLO5 CLO14 CLO17
5	CHƯƠNG 3: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC VI MÔ 3.1. Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân 3.1.1. Tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội 3.1.2. Phương pháp xác định GDP 3.1.3. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô	Lí thuyết	Đọc tài liệu chương 3 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan CLO5 CLO14 CLO17	Đọc tài liệu chương 3 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 (7.2.1, 7.2.2 và các tài liệu có liên quan CLO5 CLO14 CLO17
6	3.2. Thất nghiệp và làm phất 3.2.1. Thất nghiệp thất nghiệp, nguyên nhân và các giải pháp khác phục làm phất và thất nghiệp quan hệ giữa GDP và GNP. Làm phất, thất nghiệp, nguyên nhân và các giải pháp khác phục làm phất và thất nghiệp	Lí	Đọc tài liệu chương 3 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 (7.2.1, 7.2.2 và các tài liệu có liên quan CLO5 CLO14 CLO17	Đọc tài liệu chương 3 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 (7.2.1, 7.2.2 và các tài liệu có liên quan CLO5 CLO14 CLO17

Tuần ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
	3.2.2. Làm phát 3.2.3. Mọi quan hệ giữa thất nghiệp và làm phát	thuyết		tham khảo phần 7.2 (7.2.1, 7.2.2 và các tài liệu có liên quan	CLO6 CLO17
	Bài tập chương 3: Tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và giải thích các vấn đề các có liên quan	Bài tập	2	Đọc tài liệu chương 1 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan Lam các bài tập được giao.	
	Bài tập chương 3: Tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và giải thích các vấn đề các có liên quan	Bài tập	1		
7	CHƯƠNG 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG 4.1. Khai niệm và phân loại môi trường 4.2. Các thành phần của môi trường	Lý thuyết	1	Đọc tài liệu chương 4 phần 4.1-4.3, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO6 CLO7 CLO15 CLO17
8	CHƯƠNG 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG 4.1. Khai niệm và phân loại môi trường 4.2. Các thành phần của môi trường	Lý thuyết	1	Đọc tài liệu chương 4 phần 4.1-4.3, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO6 CLO7 CLO15 CLO17
	Chỉ ra các thành phần của môi trường tự nhiên trong mối quan hệ tương tác với con người trong thực tế để thấy rõ vai trò của môi trường	Tự học, tự NC	4	Chuẩn bị nội dung có liên quan đến môi trường, vai trò, các thành phần của môi trường và nghiên cứu các tài liệu có liên quan	
9	CHƯƠNG 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG 4.3. Vai trò của môi trường 4.4. Các vấn đề môi trường toàn cầu	Lý thuyết	2	Đọc tài liệu chương 4 phần 4.1-4.3, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO6 CLO7 CLO15 CLO17
	Chỉ ra các thành phần của môi trường tự nhiên trong mối quan hệ tương tác với con người trong thực tế để thấy rõ vai trò của môi trường	Tự học, tự NC	4	Chuẩn bị nội dung có liên quan đến môi trường, vai trò, các thành phần của môi trường và nghiên cứu các tài liệu có liên quan	
10	Nội dung thảo luận: - Môi liên kết giữa môi trường và phát triển kinh tế + Môi quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế	Thảo luận	2	Đọc tài liệu chương 4 phần 4.5, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	

Kiểm tra

Tuần ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức giờ/ tết/ Số	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
		đầy học		
	+ Hậu quả do phát triển kinh tế tác động đến môi trường + Giải pháp khác phục tình trạng ô nhiễm môi trường			CLO6 CLO7 CLO15 CLO16 CLO17
	Ảnh hưởng của các vấn đề kinh tế đến chất lượng môi trường hiện nay ở Việt Nam như thế nào?	Tự học, tự NC	Tìm hiểu thông tin trong thư viện, tài liệu tham khảo và trên mạng internet	CLO8 CLO9 CLO10 CLO15 CLO16
11	CHƯƠNG 5: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 5.1. Ô nhiễm môi trường 5.1.1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường 5.1.2. Ô nhiễm không khí 5.1.3. Ô nhiễm nước	Ly thuyết	Đọc tài liệu chương 5 phần 5.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO8 CLO9
	Các hiện tượng ô nhiễm không khí thực tế, tác hại và hậu quả cũng như giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.	Tự học, tự NC		CLO10 CLO15 CLO16
12	5.1.4. Ô nhiễm môi trường đất 5.1.5. Ngoại ứng và mức ô nhiễm tới ưu từ hoạt động kinh tế 5.2. Các biện pháp bảo vệ môi trường 5.2.1. Bảo vệ môi trường bằng biện pháp phi kỹ thuật	Ly thuyết	Đọc tài liệu chương 5 phần 5.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan	CLO8 CLO15 CLO17
	Các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước, đất trong thực tế, và hậu quả của chúng đối với các hoạt động sống, làm việc, sản xuất của con người.	Tự học, tự NC	Tìm đọc các tài liệu tham khảo có liên quan về tình hình ô nhiễm môi trường, nguồn gốc gây ra ô nhiễm	CLO15 CLO17
13	Nội dung thảo luận: - Hiện trạng ô nhiễm không khí trên thế giới và Việt Nam - Các biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Việt Nam - Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu - Hiện tượng El Niño, La Niña và ảnh hưởng tới Việt Nam - Một số các Nghị định thu, Công ước quốc tế quan trọng về môi trường và Việt Nam - Hiện trạng ô nhiễm nước trên thế giới và Việt Nam	Thảo luận	Đọc tài liệu chương 5 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan để chuẩn bị các nội dung về kiến thức có liên quan đến buổi thảo luận. - Nhóm thảo luận chuẩn bị kịch bản, nội dung thảo luận, phân công các thành viên trong nhóm.	CLO8 CLO9 CLO10 CLO15

- Có ý thức tự học, chuẩn bị các câu hỏi, bài tập, chủ đề thảo luận đầy đủ, đúng thời hạn, quy cách theo yêu cầu của GV.

10. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giáo viên

Tuần ngày	Nội dung chính	Hình thức tổ chức giờ đầy học	Số tiết/ giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mục tiêu
14	<p>Việt Nam</p> <p>- Hiện trạng ở nhiệm đất tên thế giới và Việt Nam hiện nay</p> <p>- Các vấn đề môi trường tại nông thôn Việt Nam hiện nay</p> <p>- Các vấn đề môi trường toàn cầu</p> <p>- Tình hình thực hiện luật môi trường ở các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay</p>	Tự học, tự NC	4	<p>- SV các nhóm (đã chia) thảo luận theo các chủ đề dưới sự hướng dẫn của GV, đại diện nhóm trình bày, các thành viên trong nhóm bổ sung, các thành viên khác cho ý kiến sau đó GV tổng kết vấn đề</p> <p><i>Tìm đọc các tài liệu tham khảo</i></p>	CLO16
		Tự học, tự NC	4	<p>6 tại liệu 7.1 và nghiên cứu các tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học ở phần 7.2 và các tài liệu tham khảo khác</p>	CLO11 CLO13 CLO15 CLO16 CLO17
15	<p>Nam</p> <p>- Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam</p> <p>- Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam</p> <p>+ Hiện trạng về dân số và tài nguyên + Định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam</p>	Thảo luận	1	<p>- Sinh viên các nhóm (đã chia) thảo luận theo các chủ đề dưới sự hướng dẫn của GV, đại diện nhóm trình bày, các thành viên trong nhóm bổ sung, các thành viên khác cho ý kiến sau đó GV tổng kết vấn đề</p>	CLO11 CLO13 CLO16 CLO17
		Tự học, tự NC	4	<p>Nghiên cứu các tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học</p>	CLO11 CLO16 CLO17
14	<p>CHƯƠNG 6: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</p> <p>6.1 Khai niệm về phát triển bền vững (PTBV)</p> <p>6.1.1. Khai niệm về phát triển bền vững</p> <p>6.1.2. Sự ra đời của phát triển bền vững</p> <p>5.2.2. Bảo vệ môi trường bằng biện pháp kỹ thuật</p>	Tự học, tự NC	2	<p>Nghiên cứu trước nội dung chương 5, chương 6 tại liệu 7.1 và nghiên cứu các tài liệu tham khảo</p>	CLO11 CLO13 CLO16 CLO17
		Tự học, tự NC	1	<p>Đọc tài liệu chương 6 phần 7.1, và các tài liệu tham khảo phần 7.2 và các tài liệu có liên quan</p>	CLO11 CLO13 CLO16 CLO17
15	<p>Nội dung thảo luận:</p> <p>- Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam</p> <p>- Hệ thống nội dung kiến thức cơ bản của học phần, ôn tập, chuẩn bị thi KTHP.</p>	Thảo luận	1	<p>- Sinh viên các nhóm (đã chia) thảo luận theo các chủ đề dưới sự hướng dẫn của GV, đại diện nhóm trình bày, các thành viên trong nhóm bổ sung, các thành viên khác cho ý kiến sau đó GV tổng kết vấn đề</p>	CLO11 CLO13 CLO16 CLO17
		Tự học, tự NC	4	<p>Nghiên cứu các tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học</p>	CLO11 CLO16 CLO17

nhóm gồm 2 thành phần:

- + Điểm bài Thảo luận nhóm được tính theo thang điểm 10 (thực hiện theo quy định của Trường), do giảng viên dạy học phần trực tiếp chấm. Điểm bài Thảo luận nhóm gồm 2 thành phần:

+ Trọng số 50/3 (%) điểm qua trình, danh gia theo quy định hiện hành.

- *Tiêu chí danh gia:*

luận một cách độc lập.

viên. Giúp SV tự lựa chọn, khai quật và đưa ra phương pháp thực hiện các đề tài thảo luận. *Mục tiêu:* Danh gia ý thức tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng thuyết trình của sinh viên.

11.2.2. Thảo luận nhóm

cần đóng góp xây dựng học phần có thể danh gia điểm chuyên cần. hoặc 3 giờ làm việc nhóm theo quy chế đào tạo hiện hành. Tuy theo mức độ chuyên cần - Cho phép vắng không quá 20% số giờ lý thuyết trên lớp hoặc 2 giờ seminar - Cho phép vắng không quá 20% số giờ lý thuyết trên lớp hoặc 2 giờ seminar

góp phát biểu xây dựng bài, tham gia các buổi thảo luận, bài tập, đóng góp ý kiến xây dựng phát triển bài là căn cứ để danh gia điểm chuyên cần.

Sinh viên tích cực tham gia các buổi học theo đúng quy định có những đóng góp phát biểu xây dựng bài, tham gia các buổi thảo luận, bài tập, đóng góp ý kiến xây dựng phát triển bài là căn cứ để danh gia điểm chuyên cần.

11.2.1. Chuyên cần:

hoặc thảo luận nhóm:

Giảng viên lựa chọn 1 trong các hình thức sau: Danh gia chuyên cần, làm tiểu luận

11.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần:

Loại học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Li thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Dạy học các khái niệm, các nội dung lý thuyết liên quan đến các vấn đề về môi trường	CL01; CL02; CL03; CL04; CL05; CL06; CL07; CL08; CL09; CL10; CL11; CL12; CL13; CL14;
Bài tập/ thảo luận nhóm, tình huống, thảo luận nhóm, bài tập	Phát triển kỹ năng tư duy phát hiện, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, rèn luyện hình thành kỹ năng làm việc theo nhóm tốt	Giúp người học phát triển năng lực tư chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	CL015; CL016
Tự học, tự luận	Hướng dẫn học độc lập		

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

11.1. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành phần

11. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập

(đạt).

- Cho phép thực hiện lại bài tập nhóm không quá 1 lần (trong trường hợp không đạt).
- Có mặt đầy đủ trên lớp, cho phép vắng không quá 20% số giờ lý thuyết trên lớp hoặc 2 giờ seminar hoặc 3 giờ làm việc nhóm theo quy chế đào tạo hiện hành.
- Cho phép thực hiện lại bài tập nhóm không quá 1 lần (trong trường hợp không đạt).

- Thành phần thư nhất:* Chiếm 60% là điểm Bài báo cáo dưới dạng Powerpoint trước lớp. Tiêu chí danh giá Bài báo cáo dưới dạng Powerpoint trước lớp: 20% điểm hình thức Powerpoint; 30% điểm thuyết trình; 50% điểm trả lời các câu hỏi.
- Thành phần thư hai:* Chiếm 40% là điểm Bài viết báo cáo ở nhà của nhóm phải nộp, gồm: *Một lá, Điểm hình thức 20%* (Số trang Bài tiểu luận từ 25-35 trang A4, cỡ chữ 12 hoặc 13, kiểu chữ Times New Roman, Lề trái 3 cm, 3 lề còn lại 2 cm, dãn dòng 1,3 pt; Kết cấu gồm: trang bìa, nền bìa, lời cam đoan, mục lục, danh mục từ viết tắt, mô đầu, nội dung nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo). *Hai lá, Điểm nội dung 80%* (Trong đó nội dung liên quan đến học phần, góp phần giải đáp, mở rộng hoặc nâng cao về một vấn đề khoa học thuộc học phần chấm 70%; nội dung về ý kiến riêng của SV về vấn đề khoa học được đề cập chấm 30%).
- + Thời gian giao bài thảo luận nhóm: bắt đầu từ buổi học đầu tiên của Học phần.
- + Hình thức giao bài thảo luận nhóm: Một nhóm sẽ có từ 3 - 5 sinh viên (do giảng viên giảng dạy phân công); mỗi nhóm sẽ chuẩn bị một *Bài viết báo cáo ở nhà trước lớp*.
- + Chủ đề Bài thảo luận nhóm: Mỗi nhóm thực hiện một chủ đề thảo luận khác nhau; Chủ đề thảo luận bám sát nội dung của học phần và thay đổi theo từng lớp, khóa học.
- Nội dung:**
- Các vấn đề về Cung Cầu hàng hóa dịch vụ
 - Các vấn đề về kinh tế vi mô (GNP, GNP, Phát triển kinh tế, các chỉ số kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, Tình trạng thất nghiệp, lạm phát...)
 - Hiện trạng ở nhiệm không khi trên thế giới và Việt Nam
 - Các biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Việt Nam
 - Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu
 - Hiện trạng El Niño, La Niña và ảnh hưởng tới Việt Nam
 - Một số các Nghị định thu, Công ước quốc tế quan trọng về môi trường
 - Hiện trạng ở nhiệm nước trên thế giới và Việt Nam
 - Hiện trạng ở nhiệm đất trên thế giới và Việt Nam
 - Các vấn đề môi trường nông thôn, đô thị ở Việt Nam hiện nay
 - Chiếm lược phát triển bên vững trên thế giới và Việt Nam
 - * Thế giới
 - + Chiếm lược phát triển bên vững ở Nhật Bản...
 - + Chiếm lược phát triển bên vững ở Đức...
 - * Việt Nam
 - + Định hướng phát triển bên vững ở Việt Nam

thực liên quan đến Đại cương về kinh tế.
 - Nội dung: Sinh viên phải thể hiện được sự hiểu biết của người học về các kiến thức các nội dung thành phần của học phần môn học.

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong nhân

11.2.4 Bài kiểm tra định kỳ (thay thế điểm thi giữa học phần)

lên; chủ đề tiêu luận bám sát nội dung Học phần.

+ Chủ đề tiêu luận: số lượng tối thiểu 20 chủ đề cho mỗi lớp học có từ 20 sinh viên trở

+ Hình thức tiêu luận: mỗi sinh viên thực hiện 1 tiêu luận.

+ Thời gian tiêu luận: bắt đầu từ buổi học đầu tiên của Học phần.

+ Chăm tiêu luận: giảng viên giảng dạy học phần nào sẽ chấm tiêu luận học phần đó.

ý kiến riêng của SV về vấn đề khoa học được đề cập (chăm 30%).

đáp, mở rộng hoặc nâng cao về một vấn đề khoa học thuộc học phần chăm 70%; Nội dung về

liệu tham khảo). Hai là, Điểm nội dung 80% (Nội dung liên quan đến học phần, góp phần giải

cam đoan, mục lục, danh mục từ viết tắt, mở đầu, nội dung nghiên cứu, kết luận, danh mục tài

Roman, lề trái 3 cm, 3 lề còn lại 2 cm, dãn dòng 1,3 pt; Kết cấu gồm: trang bìa, nền bìa, lời

hình thức 20% (số trang tiêu luận từ 25-35 trang A4, cỡ chữ 12 hoặc 13, kiểu chữ Times New

lun được tính theo Thang điểm 10 (theo Quy định của Nhà trường), trong đó: Một là, Điểm

+ Trong số 50/3 (%) điểm qua trình, danh giá theo quy định hiện hành. Điểm bài tiêu

- Tiêu chí đánh giá bài tiêu luận:

bài tiêu luận theo hướng dẫn và các quy định của Nhà trường.

- Hình thức danh giá: Mỗi sinh viên thực hiện 1 tiêu luận và chăm trực tiếp trên

tại hiệu và trình bày tiêu luận theo đúng yêu cầu của giáo viên

như: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, ô nhiễm môi trường, phát triển bền vững... tìm kiếm

- Nội dung: Sinh viên phải nắm được kiến thức cơ bản về chủ đề được giao

nghiên cứu và kỹ năng thuyết trình của sinh viên.

tại hiệu trong thực tế phục vụ cho công tác giảng dạy ngoài ra danh giá y thức tự học, tự

giúp sinh viên có thêm kỹ năng nghiên cứu khoa học và trong sự tâm và tìm kiếm các

phần tích về các vấn đề kinh tế và môi trường trong thực tế. Ngoài ra, bài tiêu luận còn

- Mục đích: Đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng và tư duy

11.2.3 Tiêu luận

đã chỉnh sửa sau khi góp ý của giảng viên và các nhóm.

và nộp trước khi thi kết thúc học phần 1 tuần các mình chứng của bài thảo luận nhóm

- Thời gian: Nộp cho giảng viên chậm nhất sau khi kết thúc học phần 2-3 ngày

Hình thức danh giá: Báo cáo trước lớp và các nhóm danh giá chéo

phần biên và đóng góp ý kiến.

Tiêu chí: Mỗi nhóm 3-5 SV đưa ra vấn đề và thảo luận trước lớp, các nhóm khác

hậu...

đét may, công nghiệp có ảnh hưởng đến môi trường và các hiện tượng biến đổi khí

+ Chiến lược phát triển bền vững của một số ngành: nông nghiệp, chế biến thủy sản,

Tiêu chí	Tỷ lệ	Từ 8 - 10	Từ 7 - dưới 8	Từ 5 - dưới 7	Dưới 5
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt yêu cầu
Mức chất lượng					
Điểm					

a) Rubric đánh giá điểm chuyên cần:

- Rubric của từng phần đánh giá trong đề cương:

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của học phần
Đánh giá quá trình	25	Chuyên cần/Bài tập nhóm/Tiểu luận
	25	Bài kiểm tra
Thi kết thúc học phần	50	CLO3; CLO4; CLO5; CLO7; CLO8; CLO9; CLO10

- Trọng số các điểm thành phần như sau:

- Các điểm đánh giá bộ phận phải $\geq 5,0$ mới đủ điều kiện thi KTHP. SV được phép thực hiện lại các điểm đánh giá bộ phận một lần trước khi xét điều kiện dự thi nếu không đạt $\geq 5,0$ (không áp dụng với điểm chuyên cần). SV không đủ điều kiện dự thi KTHP và/hoặc có điểm thi KTHP < 5 sẽ phải học lại học phần.

- Dạng thang điểm 10 để đánh giá. Các điểm thành phần chấm đến 0,25 điểm, làm tròn đến một chữ số thập phân.

11.4. Cách thức đánh giá điểm

- Thi kết thúc học phần: theo lịch thi của phòng đào tạo.

- Học xong các nội dung từng phần của học phần môn học.

- Kiểm tra định kỳ (nếu có): Giáo viên tự bố trí cho sinh viên kiểm tra sau khi ôn tập và thực hiện kiểm tra định kỳ.

- Kiểm tra định kỳ: Sau học kết thúc một số chương sinh viên phải hoàn thiện bài tập,

11.3. Lịch thi, kiểm tra

gian 75 phút.

- Hình thức đánh giá: Đánh giá bằng hình thức thi kết thúc HP, bài thi viết thời trong thực tiễn.

- Nội dung: Vận dụng kiến thức của học phần để sinh viên giải thích, ứng dụng, vận dụng linh hoạt, phân đoạn tình hình các vấn đề về kinh tế, môi trường diễn ra

- Mục đích: Đánh giá kiến thức, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kĩ năng phân tích tổng hợp khái quát hóa các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế, môi trường diễn ra trong thực tế trên cơ sở những kiến thức đại cương đã được học tập.

11.2.5 Thi kết thúc học phần

học)

- Trong trường hợp kiểm tra nhiều hơn 1 bài thi lấy điểm đánh giá trung bình định kỳ (là điểm trung bình các bài kiểm tra định kỳ các nội dung của học phần môn học)

- Hình thức đánh giá: Bài thi viết trong thời gian 1 tiết.

Mức chất lượng		Tiêu chí		Tỷ lệ	
Điểm	Không đạt yêu cầu	Trung bình	Tốt	Từ 8 - 10	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày đẹp
		Khả		Từ 7 - dưới 8	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, nộp đúng hạn, trình bày khá
		Không đạt yêu cầu		Từ 5 - dưới 7	Đúng kết cấu theo quy định của giáo viên, trình bày không đúng thể thức văn bản, nộp muộn.
					Dưới 5

c) Rubric đánh giá điểm luận

Mức chất lượng		Tiêu chí		Tỷ lệ	
Điểm	Không đạt yêu cầu	Trung bình	Tốt	Từ 8 - 10	Nội dung bài báo đúng của bài báo cao) 40% (20% hình thức bài báo cao; 80% chất lượng nội dung và hình thức
		Khả		Từ 7 - dưới 8	Đảm bảo tốt về nội dung và hình thức, chất lượng bảo cao
		Không đạt yêu cầu		Từ 5 - dưới 7	Đảm bảo một phần về nội dung, cần sửa chữa các điểm về hình thức
					Dưới 5

b) Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm:

Mức chất lượng		Tiêu chí		Tỷ lệ	
Điểm	Không đạt yêu cầu	Trung bình	Tốt	Từ 8 - 10	Nội dung bài báo đúng của bài báo cao) 40% (20% hình thức bài báo cao; 80% chất lượng nội dung và hình thức
		Khả		Từ 7 - dưới 8	Đảm bảo tốt về nội dung và hình thức, chất lượng bảo cao
		Không đạt yêu cầu		Từ 5 - dưới 7	Đảm bảo một phần về nội dung, cần sửa chữa các điểm về hình thức
					Dưới 5

CHƯƠNG TRÌNH BỒ DẪI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: Chung cho các ngành trong trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 1
(First physical education)

I. Thông tin về Giảng viên

I.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Bùi Quang Khai

- Tel: 0979804078

- Email: Khaibq.utehy@gmail.com

I.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Vũ Thế Anh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Tel: 0987759256

- Email: Vutheanh@utehy.edu.vn

I.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Đỗ Thị Vân Chang

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Tel: 0986997523

- Email: Changtdutehy@gmail.com

I.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Nguyễn Anh Dũng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Tel: 0975425229

- Email: Anhdungutehy@gmail.com

I.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Đỗ Văn Hùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Tel: 0986472793

- Email: Dohung17101979@gmail.com

I.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Tel: 0982135979

- Học phần song hành: không
 - Học phần học trước: GDTC1, đến GDTC2, đến GDTC3
 - Học phần tiên quyết: Không

2.6. Điều kiện học phần:

2.5. Học phần: Bắt buộc

Tiết/Giờ thực hiện	Thời gian	Hoạt động dạy học
	Lý thuyết	
	Thảo luận/Bài tập	
30	Thực hành/Thi nghiệm	
	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	
15	Tự học, tự nghiên cứu	
45	Tổng	

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

2.3. Khối lượng: 1TC

2.2. Mã số: 921113

2.1. Tên học phần: GDTC 1

2. Thông tin chung về học phần

1.11. Tr� giảng (nếu có):

- Email: Phamtoanspkt@gmail.com

- Tel: 0985133818

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Họ và tên: Phạm Văn Toàn

1.10. Giảng viên 10:

- Email: Thungnv.utehy@gmail.com

- Tel: 0985809711; 0868278188

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thương

1.9. Giảng viên 9:

- Email: Namtvutehy@gmail.com

- Tel: 0947890123; 0868662013

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Họ và tên: Trần Đức Nam

1.8. Giảng viên 8:

- Email: Khanhgdtdc@gmail.com

- Tel: 0978966696

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Họ và tên: Nguyễn Văn Khánh

1.7. Giảng viên 7:

- Email: Hung1979.utehy@gmail.com

Mức tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	Trang bị	
			cho người học các	Cầu lông Hiệu giải thích được: Cách cầm cầu, cầm vợt, tư thế cơ bản, cách di chuyển; Kỹ thuật đánh cầu đập tay; Kỹ thuật giao cầu trái tay; Kỹ chất thể
CĐR của CTĐT			Test danh gia các tổ	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes)

Có ý thức tổ chức kỷ luật, tư cách đạo đức, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần học tập, tinh trung thực, ngay thẳng, cứng cỏi, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

4.3. Về thái độ:

- Thực hành được kỹ thuật căn bản môn thể thao mình lựa chọn;
- Tổ chức thi đấu, làm được trọng tài các môn thể thao đã học;
- Vận dụng được những điều đã học vào trong cuộc sống, tích cực tham gia các phong trào TDTT trong và ngoài trường.

4.2. Về kỹ năng:

- Hiểu, giải thích được luật thi đấu các môn thể thao đã được học trong chương trình.
- Hiện tượng thường gặp trong luyện tập TDTT.
- Hiểu, giải thích được kỹ thuật một số môn thể thao và khác phục một số trong trường Đại học; Cơ sở khoa học của TDTT...
- Hiểu, giải thích được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của GDTC đối với sinh viên

4.1. Về kiến thức:

4. Mục tiêu của học phần: Học phần này trang bị cho người học

chuyên 1, Bóng đá 1, Bóng rổ 1, Đá cầu 1.
 mình yêu thích để tham gia học tập và rèn luyện, các môn học gồm: Cầu lông 1, Bóng
Các môn học trong chương trình: Sinh viên được phép tự chọn môn học
 tại liên diện từ.
 đạt các yêu cầu chuyên môn. Tài liệu học tập theo đề cương bài giảng dùng chung và
 biểu chung của Nhà trường, ngoài ra sinh viên phải tự học tập, rèn luyện ngoài khóa để
Phương pháp học tập: Sinh viên tham gia học tập theo lớp, theo thời khóa
 cả về đạo đức; tri tuệ; vóc dáng, thể lực; khả năng tham my...
 đúc quốc dân, nó góp phần trong việc đào tạo con người phát triển cân đối, toàn diện
Vị trí, ý nghĩa: Môn học GDTC là một môn học bắt buộc trong hệ thống giáo
 dục quốc dân, nó góp phần trong việc đào tạo con người phát triển cân đối, toàn diện

3. Mô tả học phần

Tiền, Khoái Châu, Hưng Yên

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn GDTC – QP, Dân

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành (các ngành học trong trường)

Nội dung		Lên lớp	Thảo luận	Thực hành/Thí nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số
Lý thuyết	Bài tập						
GDTC1							
Cách cầm cầu, cầm vợt, tư thế cơ bản, cách di chuyển;				6		3	
Kỹ thuật đánh cầu thấp tay.				6		3	
Kỹ thuật giao cầu trái tay				6		3	
Kỹ thuật giao cầu thuận tay.				6		3	
Ôn tập, kiểm tra				6		3	
Bóng chuyền 1				30		15	45
Tư thế cơ bản, cách di chuyển				6		3	
Kỹ thuật chuyền bóng				6		3	
Kỹ thuật cao tay				6		3	
Cầu lông 1				30		15	45

9. Hình thức tổ chức dạy học
9.1. Lịch trình chung

TT	Tên tài liệu	Tác giả	NXB	Ghi chú
1	Giáo trình đá cầu	Đặng Ngọc Quang	Su phẩm	
2	Giáo trình Giáo dục thể chất (Dành cho hệ dự bị đại học)	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Cần Thơ	
3	Luật đá cầu	Tổng cục TDTT	Thể Dục thể thao	

Kỹ thuật chuyên bóng	thập tay	tra	4,5	9				
Kỹ thuật chuyên bóng	chuyên, tăng	tra	3	6				
Kỹ thuật di	chuyên, tăng	tra	3	6				
Kỹ thuật dẫn bóng, không	chê bóng.	tra	4,5	9				
Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.		tra	4,5	9				
On tập, kiểm tra		tra	3	6				
Bóng đá I			15	30				45
Kỹ thuật di	chuyên, tăng	tra	3	6				
Kỹ thuật dẫn bóng, không	chê bóng.	tra	4,5	9				
Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.		tra	4,5	9				
On tập, kiểm tra		tra	3	6				
Bóng rổ I			15	30				45
Kỹ thuật di	chuyên, dân	tra	3	6				
Kỹ thuật bắt bóng.		tra	4,5	9				
Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.		tra	4,5	9				
On tập, kiểm tra		tra	3	6				
Đá cầu I			15	30				45
Kỹ thuật di	chuyên ngang, chéo, tiến, lui, bước lướt	tra	3	6				
Kỹ thuật tăng	cầu, tăng	tra	4,5	9				
"búng" cầu		tra	4,5	9				
Kỹ thuật phát		tra	4,5	9				

<p>Thực hiện tốt kỹ thuật định; - Ôn luyện các môn: cầu lông, bóng rổ, đá bóng</p>	<p>- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các môn: cầu lông, bóng rổ, đá bóng</p>	<p>3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 3</p>	<p>- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các môn: cầu lông, bóng rổ, đá bóng</p>	<p>- Kỹ thuật giao cầu trái tay. - Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. - Kỹ thuật phát cầu ném rổ. - Kỹ thuật đá bóng băng lòng bàn chân. - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ. - Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình băng mu bàn tập</p>
<p>Thực hiện tốt kỹ thuật định; - Ôn luyện các môn: cầu lông, bóng rổ, đá bóng</p>	<p>- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các môn: cầu lông, bóng rổ, đá bóng</p>	<p>3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 3</p>	<p>- Kỹ thuật giao cầu tay. - Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. - Kỹ thuật phát cầu ném rổ. - Kỹ thuật đá bóng băng lòng bàn chân. - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ. - Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình băng mu bàn tập</p>	<p>7</p>

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
	DỤNG CỤ CẢNH		
1	Mũ, quần áo thể thao, giày thể thao, còi, thẻ, vợt (nếu dây cầu lông), hồ sơ giảng dạy.	01	
	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (cho 1 nhóm thực tập) (Nhà trường)		

hành, thi nghiệm

11. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học thực

- hoặc tại nạn bất thường, ốm đau...
- Có chế độ đãi ca biệt với những sinh viên bị khuyết tật, di tật bẩm sinh phải thực hiện bài tập một cách nghiêm túc, không được gian lận dưới mọi hình thức.
- Hoàn thành tất cả các bài thực hành trong chương trình học phần. Sinh viên tập luyện, học xong phải về sinh sản tập, dụng cụ...
- Đi học đúng giờ, trang phục phù hợp, chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ, sản bài
- Hoàn thành các bài kiểm tra của học phần theo quy chế.
- Tập rèn luyện, vui chơi giải trí, nâng cao sức khỏe.
- Mỗi sinh viên tự chọn cho mình một hay nhiều môn thể thao yêu thích để học theo quy chế đào tạo hiện hành.

- Có mặt đầy đủ tên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp
- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các yêu cầu, nhiệm vụ học tập được giao.

10. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giáo viên

10	Kiểm tra	Thực hành - Sinh viên tự lựa chọn nội dung đã học để trả bài kiểm tra	3 1,5	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn thể thao đã lựa chọn - Trang phục phù hợp - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mắt mát.	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn thể thao đã lựa chọn - Trang phục phù hợp - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hạn chế hư hỏng mắt mát.
----	----------	--	----------	--	--

- Mục đích: Đánh giá người học một cách công bằng, khách quan
- Nội dung: Sinh viên được tùy chọn kỹ thuật tiêu biểu để trả bài kiểm tra
- Tiêu chí: Đánh giá theo bộ đề và đáp án thông nhất thực hiện trong bộ môn

phần

12.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức đánh giá các điểm thành

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Thực hành	Giảng giải	Giúp người học hiểu nhiệm vụ cần hoàn thành	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ,
	Trực quan kết hợp giải thích tranh ảnh, hình vẽ...	Giúp người học hình thành chuẩn kỹ năng, định hình cách thực hiện, đạt kỹ năng kỹ xảo theo yêu cầu	đá, bóng rổ, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, hình vận dụng
	Thi phạm, phân chia hợp nhất; Luyện tập	Giúp người học hiểu biết kết quả, hạn chế khuyết điểm cần khắc phục, điểm mạnh cần phát huy	trong tập luyện và thi đấu.
	Thông báo		

12.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

1	Sân cầu lông	02	
2	Vợt cầu lông	20	
3	Quả cầu lông	20	
4	Sân, lưới bóng chuyền	01	
5	Quả bóng chuyền	10	
6	Sân, lưới bóng đá	01	
7	Quả bóng đá	10	
8	Năm chiến thuật	05	
9	Sân, băng, lưới bóng rổ	01	
10	Quả bóng rổ	10	
11	Năm di chuyển	05	
12	Sân, cột lưới đá cầu	02	
13	Quả cầu	20	

- Hình thức: Kiểm tra kết thúc học phần thực hiện vào buổi học cuối cùng tại sân bãi

12.3. Cách thực đánh giá điểm

- Dùng thang điểm 10 để đánh giá.
- Sinh viên có điểm bài thực hành nào < 5, hoặc nghỉ học quá số buổi quy định sẽ phải học lại (theo quy định của Nhà trường và Quy chế đào tạo hiện hành).

- Điểm học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực hành. Điểm cấp chứng chỉ là trung bình cộng của GDTCl, GDTc2, GDTc3, và điểm Test chuẩn môn học (sức nhanh, sức mạnh, sức bền vận dụng theo Quyết định số 53/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc đánh giá, xếp loại thi lực học sinh, sinh viên).

TT	Hình thức	Trọng số điểm	CDR của HP
I	Kiểm tra thực hành tại sân	100%	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu, và có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu.

- Rubric của từng bài thực hành trong bảng:

Điểm	Mức chất lượng					TY	lệ	Tiêu chí
	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Không đạt			
	9-10	8-8,9	7-7,9	5-6,9	Dưới 5			

13. Ngày hoàn thành đề cương: 05/08/2022

TRƯỜNG BỘ MÔN
Bùi Quang Khai

GIẢNG VIÊN
Vũ Thế Anh

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: Chung cho các ngành trong trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 2

(Second physical education)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Bùi Quang Khai

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Trưởng bộ môn GDTC – QP

- Email: Khaihq.utehy@gmail.com

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Vũ Thế Anh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Email: Vutheadh@utehy.edu.vn

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Đỗ Thị Văn Chang

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Email: Changtdutehy@gmail.com

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Nguyễn Anh Dũng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Email: Anhdungutehy@gmail.com

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Đỗ Văn Hùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Email: Dohung17101979@gmail.com

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Email: Hung1979.utehy@gmail.com

1.7. Giảng viên 7:

3. Mô tả học phần

Tiền, Khoa: Châu, Hưng Yên

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn GDTC – QP, Dân

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành học trong trường)

- Học phần song hành: không

- Học phần học trước: GDTC1, dân GDTC2, dân GDTC3

- Học phần tiên quyết: GDTC1

2.6. Điều kiện học phần:

2.5. Học phần: Bất buộc

Hoạt động	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/T hi nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng	Tiết/Giờ thực hiện	
							đầy học	Thời gian
						45	15	30

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

2.3. Khối lượng: 1TC

2.2. Mã số: 921114

2.1. Tên học phần: GDTC 2

2. Thông tin chung về học phần

1.11. Tr� giảng (nếu có):

- Email: Phamtianspki@gmail.com

- Tel: 0985133818

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Họ và tên: Phạm Văn Toàn

1.10. Giảng viên 10:

- Email: Thuongnv.utehy@gmail.com

- Tel: 0985809711; 0868278188

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thuận

1.9. Giảng viên 9:

- Email: Namvtutehy@gmail.com

- Tel: 0947890123; 0868662013

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Họ và tên: Trần Đức Nam

1.8. Giảng viên 8:

- Email: Khanhgdte@gmail.com

- Tel: 0978966696

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Họ và tên: Nguyễn Văn Khanh

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	Trang bị	Cầu lông	Hiệu giải thích được: Kỹ thuật phòng cầu; Kỹ thuật đập cầu; Kỹ thuật chém cầu	Cầu lông	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CTĐT
				Bóng chuyền	Hiệu giải thích được: Kỹ thuật chuyền bóng vào ô quy định; Kỹ thuật đập tay (mũ), cao tay (nam).				
cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản môn cầu lông,				Bóng đá	Hiệu giải thích được: Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân; Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân, Kỹ thuật đá bóng bằng mu thông qua				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes)

Có ý thức tổ chức kỷ luật, tư cách đạo đức, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần học tập, tinh trung thực, ngay thẳng; cứng cỏi, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

4.3. Về thái độ:

phong trào TDTT trong và ngoài trường.

- Vận dụng được những điều kiện của môn thể thao để tham gia các
- Tổ chức thi đấu, làm được trọng tài các môn thể thao đã học;
- Thực hành được kỹ thuật căn bản môn thể thao mình lựa chọn;

4.2. Về kỹ năng:

trình.

- Hiểu, giải thích được luật thi đấu các môn thể thao đã được học trong chương

thường gặp trong luyện tập TDTT.

- Làm rõ được kỹ thuật một số môn thể thao và khác phức tạp một số hiện tượng trong trường Đại học; Cơ sở khoa học của TDTT...;

- Hiểu, giải thích được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của GDTC đối với sinh viên

4.1. Về kiến thức:

4. Mục tiêu của học phần: Kết thúc học phần này sinh viên có thể:

Bóng chuyền 1-2-3, Bóng đá 1-2-3, Bóng rổ 1-2-3, Đả cầu 1-2-3.

Các môn học trong chương trình: Sinh viên được phép tự chọn môn học

minh yêu thích để tham gia học tập và rèn luyện, các môn học gồm: Cầu lông 1-2-3,

đạt các yêu cầu chuyên môn. Tài liệu học tập theo đề cương bài giảng dùng chung và

biểu chung của Nhà trường, ngoài ra sinh viên phải tự học tập, rèn luyện ngoài khóa để

Phương pháp học tập: Sinh viên tham gia học tập theo lớp, theo thời khóa

ca và đạo đức; trí tuệ; vóc dáng, thể lực; khả năng tham my...

đức quốc dân, nó góp phần trong việc đào tạo con người phát triển cân đối, toàn diện

Vì trí, ý nghĩa: Môn học GDTC là một môn học bắt buộc trong hệ thống giáo

TT	Tên tài liệu	Tác giả	NXB	Ghi chú
1	Giáo trình câu lông	Trần Văn Vinh	Su phẩm	
2	Giáo trình bông chuyên	Đinh Văn Lâm	Giáo dục	
3	Giáo trình bông rô	Nguyễn Hữu Bằng	Su phẩm	
4	Giáo trình đa cầu	Đặng Ngọc Quang	Su phẩm	
5	Giáo trình Giáo dục thể chất (Danh cho hệ dự bị đại học)	Trương Đại học Su phẩm Hà Nội 2	Cần Thơ	
6	Giáo trình bông bản	Nguyễn Quang Vinh	Khoa học xã hội	
7	Luật bông chuyên	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
8	Luật bông chuyên bài biên	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
9	Luật bông đa	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
10	Luật bông đa (5 người)	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
11	Luật câu lông	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	

8.2. Học liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc: Bộ môn GDTCC&QP; Đề cương bài giảng môn Giáo dục thể chất (Giảng dạy Đại học, Cao đẳng)

8. Học liệu

Kỹ thuật tăng cầu (nhịp một); Kỹ thuật đa tán công bằng mu bàn chân.

7.5. Đa cầu 2: Kỹ thuật chuyên cầu bằng mu bàn chân; Kỹ thuật tăng giết cầu,

dựa bằng; Kỹ thuật dẫn bông ba bước lên rô

7.4. Bông rô 2: Kỹ thuật 3 bước lên rô dựa bằng; Kỹ thuật 3 bước lên rô không

bằng mu ngoài bàn chân, Kỹ thuật đa bông bằng mu chính diện.

7.3. Bông đa 2: Kỹ thuật đa bông bằng mu trong bàn chân; Kỹ thuật đa bông

vào ô quy định; Kỹ thuật phát bông thập tay (nữ), cao tay (nam).

7.2. Bông chuyên 2: Kỹ thuật chuyên bông vào ô quy định; Kỹ thuật đệm bông

7.1. Cầu lông 2: Kỹ thuật phòng cầu; Kỹ thuật đập cầu; Kỹ thuật chêm cầu.

7. Nội dung chi tiết học phần Giáo dục thể chất 2

Ma	Tên HP	Giáo dục thể chất 2	Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTBT												
			PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10			
921114			1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(cao)

(0) = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

9	<p>On các kỹ thuật đã học môn CL, BC, BD, BR, DC</p>	<p>- Thực hành tập - Tự học, tự NC, bài tập</p>	3 1,5	<p>- Trang phục tập - Theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật đã học; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất</p>	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, cầu lông, bàn môn</p>
8	<p>- Kỹ thuật dẫn bóng ba bước lên rỏ (BR). - Kỹ thuật đã tấn công bằng mu bàn chân (DC). - Kỹ thuật dẫn bóng mu mu chính diện (BD). - Kỹ thuật đã bóng cao tay (nam) BC, bóng thấp tay (nữ), - Kỹ thuật phát cầu (CL). - Kỹ thuật chém</p>	<p>- Thực hành tập - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành tập - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành tập - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành tập - Tự học, tự NC, bài tập - Thực hành tập - Tự học, tự NC, bài tập</p>	3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5 3 1,5	<p>- Trang phục tập - Theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hàn chế hư hỏng mắt mắt.</p>	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, cầu lông, bàn môn, bóng đá, bóng rổ, đá cầu</p>
	<p>- Kỹ thuật dẫn bóng ba bước lên rỏ (BR). - Kỹ thuật đã tấn công bằng mu bàn chân (DC).</p>	<p>- Thực hành tập - Tự học, tự NC, bài tập</p>	3 1,5 3 1,5	<p>- Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hàn chế hư hỏng mắt mắt.</p>	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, cầu lông, bàn môn, bóng đá, bóng rổ, đá cầu</p>

nghiêm

11. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học TH, thí

- hoặc tại nân bất thường, ốm đau...
- Có chế độ đối đãi ca biệt với những sinh viên bị khuyết tật, di tật bẩm sinh phải thực hiện bài tập một cách nghiêm túc, không được gian lận dưới mọi hình thức.
- Hoàn thành tất cả các bài thực hành trong chương trình học phần. Sinh viên tập luyện, học xong phải về sinh sản tập, dụng cụ...
- Đi học đúng giờ, trang phục phù hợp, chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ, sản bài
- Hoàn thành các bài kiểm tra của học phần theo quy chế.
- tập rèn luyện, vui chơi giải trí.
- Mỗi sinh viên tự chọn cho mình một hay nhiều môn thể thao yêu thích để học theo quy chế đề đạo hiện hành.
- Có mặt đầy đủ tên lớp, cho phép vắng không quá 20% tổng số tiết lên lớp
- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các yêu cầu, nhiệm vụ học tập được giao.

10. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giáo viên

10	Kiểm tra	- Thực hành - Sinh viên tự lựa chọn nội dung đã học để trả bài kiểm tra	3 1,5	Danh giá kết quả học của sinh viên công bằng, khách quan - Trang phục phù hợp - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hàn chế hư hỏng mất mát.
				bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cầu - Trang thiết bị, dụng cụ tập luyện; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu cất trang thiết bị, hàn chế hư hỏng mất mát.

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Thực hành	Giảng giải	Giúp người học hiểu nhiệm vụ cần hoàn thành	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu.
	Trực quan kết hợp giải thích tranh ảnh, hình vẽ...	Giúp người học hiểu, hình thành biểu tượng và vận động nhanh nhất	
	Thi phạm, phân chia hợp nhất; Luyện tập	Giúp người học hình thành chuẩn kỹ năng, định hình cách thực hiện, đạt kỹ năng kỹ xảo theo yêu cầu	
	Thông báo	Giúp người học hiểu biết kết quả, hạn chế khuyết điểm cần khắc phục, điểm mạnh cần phát huy	

12. Phương pháp, hình thức dạy học và danh giá kết quả học tập
12.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
	DỤNG CỤ CÁ NHÂN		
1	Mũ, quần áo thể thao, giày thể thao, vợt (nếu dạy cầu lông), hồ bơi, bể, vợt cầu lông, số giảng dạy.	01	
	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (cho 1 nhóm thực tập) (Nhà trường)		
1	Sân cầu lông	02	
2	Vợt cầu lông	20	
3	Quả cầu lông	20	
4	Sân, lưới bóng chuyền	01	
5	Quả bóng chuyền	10	
6	Sân, lưới bóng đá	01	
7	Quả bóng đá	10	
8	Năm chiến thuật	05	
9	Sân, bàn, lưới bóng rổ	01	
10	Quả bóng rổ	10	
11	Năm di chuyển	05	
12	Sân, cột lưới đá cầu	02	
13	Quả cầu	20	

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: Chung cho các ngành trong tương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Giáo dục thể chất 3

(Third physical education)

1. Thông tin về Giảng viên

1.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Bùi Quang Khai

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, Trưởng bộ môn GDTC – QP

- Email: Khaiqbq.utehy@gmail.com

1.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Vũ Thế Anh

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Tel: 0987759256

- Email: Vutheanh@utehy.edu.vn

1.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Đỗ Thị Vân Chang

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Tel: 0986997523

- Email: Changtdutehy@gmail.com

1.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Nguyễn Anh Dũng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Tel: 0975425229

- Email: Anhdungutehy@gmail.com

1.5. Giảng viên 5:

- Họ và tên: Đỗ Văn Hùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Tel: 0986472793

- Email: Dohung17101979@gmail.com

1.6. Giảng viên 6:

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Tel: 0982135979

- Email: Hung1979.utehy@gmail.com

1.7. Giảng viên 7:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Khanh

3. Mã tài học phần

Tiền, Khoaí Châu, Hưng Yên

2.8. Địa chỉ khoa/bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn GDTC – QP, Dân

2.7. Đối tượng tham dự: Sinh viên ngành (các ngành học trong trường)

- Học phần song hành: không

- Học phần học trước: GDTC1, đến GDTC2, đến GDTC3

- Học phần tiên quyết: GDTC2

2.6. Điều kiện học phần:

2.5. Học phần: Bất buộc

Hoạt động	đầy học	Thời gian	Tiết/Giờ thực hiện
Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Thực hành/T hi nghiêm	30
	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	15
	Tổng		45

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học:

2.3. Khối lượng: 1TC

2.2. Mã số: 921115

2.1. Tên học phần: GDTC 3

2. Thông tin chung về học phần

1.11. Trỏ giảng (nếu có):

- Email: Phamtoanspkt@gmail.com

- Tel: 0985133818

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Họ và tên: Phạm Văn Toàn

1.10. Giảng viên 10:

- Email: Thuongnv.utehy@gmail.com

- Tel: 0985809711; 0868278188

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thương

1.9. Giảng viên 9:

- Email: Namtvutehy@gmail.com

- Tel: 0947890123; 0868662013

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

- Họ và tên: Trần Đức Nam

1.8. Giảng viên 8:

- Email: Khanhgdtc@gmail.com

- Tel: 0978966696

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ, giảng viên bộ môn GDTC – QP

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	Trang bị	Cầu lông	Hiệu giải thích được: Kỹ thuật bỏ nhỏ, chặn dấy; Chiến thuật đánh đơn, chiến thuật đánh đôi; Luật thi đấu, cách tổ chức trọng tài, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.	học các kiến thức kỹ năng cơ bản môn cầu lông,
				Bong chuyen	Hiệu giải thích được: Kỹ thuật đập bóng số 4, số 3, số 2; Kỹ thuật chặn bóng; Chiến thuật tấn công, phòng thủ; Luật, cách trọng tài tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật	thực kỹ năng cơ bản môn cầu lông,
CBR của CTBT					Test đánh giá các tố chất thể lực (sức mạnh, sức bền) thông qua	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes)

Có ý thức tổ chức kỷ luật, tư cách đạo đức, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần học tập, tinh trung thực, ngay thẳng; cùng cố, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

4.3. Về thái độ:

- Vận dụng được những điều đã học vào trong cuộc sống, tích cực tham gia các phong trào TDTT trong và ngoài trường.
- Thực hành được kỹ thuật căn bản môn thể thao mình lựa chọn;
- Tổ chức thi đấu, làm được trọng tài các môn thể thao đã học;
- Vận dụng được những điều đã học vào trong cuộc sống, tích cực tham gia các

4.2. Về kỹ năng:

- Hiểu, giải thích được luật thi đấu các môn thể thao đã được học trong chương trình.
- Hiểu, giải thích được kỹ thuật một số môn thể thao và khác phức một số hiện tượng thường gặp trong luyện tập TDTT.
- Hiểu, giải thích được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của GDTC đối với sinh viên trong trường Đại học; Cơ sở khoa học của TDTT...;

4.1. Về kiến thức:

4. Mục tiêu của học phần: Kết thúc học phần này sinh viên có thể:

Các môn học trong chương trình: Sinh viên được phép tự chọn môn học mình yêu thích để tham gia học tập và rèn luyện, các môn học gồm: Cầu lông 1-2-3, Bong chuyen 1-2-3, Bong đa 1-2-3, Bong rỏ 1-2-3, Đa cầu 1-2-3.

Vi trí, ý nghĩa: Môn học GDTC là một môn học bắt buộc trong hệ thống giáo dục quốc dân, nó góp phần trong việc đào tạo con người phát triển cân đối, toàn diện cả về đạo đức; trí tuệ; vóc dáng, thể lực; khả năng tham mý...

Phương pháp học tập: Sinh viên tham gia học tập theo lớp, theo thời khóa biểu chung của Nhà trường, ngoài ra sinh viên phải tự học tập, rèn luyện ngoài khóa để đạt các yêu cầu chuyên môn. Tài liệu học tập theo đề cương bài giảng dùng chung và tài liệu điện tử.

		<i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i>					
<p>các test: Chạy nhanh 30m xuất phát cao; Bất xa tại chỗ; Năm ngựa gấp búng 30"; Chạy tự sức 5'</p>							
				biên; Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công); Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vắn dụng kỹ chiến thuật	Bong chuyên, bong đá, bong rổ, đa cầu		
				Hiệu giá trị thích được: Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rổ và chuyền bóng cho đồng đội. Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công); Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vắn dụng kỹ chiến thuật	Bong rổ		
				Hiệu giá trị thích được: Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngực tấn công; Kỹ thuật đá móc bóng mu bàn chân, chiến thuật thi đấu; Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vắn dụng kỹ chiến thuật	Bong đá		
				Thực hiện tốt: Kỹ thuật đỡ bóng phối hợp lên rổ, kỹ thuật dẫn bóng phối hợp gia lên rổ và chuyền bóng cho đồng đội. Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công); Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vắn dụng kỹ chiến thuật	Bong rổ		
				Thực hiện tốt: Kỹ thuật đánh đầu, ném biên; Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công); Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vắn dụng kỹ chiến thuật	Bong đá		
				Thực hiện tốt: Kỹ thuật đỡ bóng phối hợp lên rổ, kỹ thuật đánh ngực tấn công; Chiến thuật tấn công, phòng thủ; Luật, cách trọng tài tổ chức thi đấu, thi đấu vắn dụng kỹ chiến thuật	Bong chuyền		
				Thực hiện tốt: Kỹ thuật bỏ nhỏ, chặn đẩy; Chiến thuật đánh đơn, chiến thuật đánh đôi; Luật thi đấu, cách tổ chức trọng tài, thi đấu vắn dụng kỹ chiến thuật	Cầu lông		
				Kỹ năng			
				Hiệu giá trị thích được: Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngực tấn công; Kỹ thuật đá móc bóng mu bàn chân, chiến thuật thi đấu; Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vắn dụng kỹ chiến thuật	Đa cầu		
				Hiệu giá trị thích được: Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rổ, kỹ thuật dẫn bóng phối hợp gia lên rổ và chuyền bóng cho đồng đội. Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công); Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vắn dụng kỹ chiến thuật	Bong rổ		

8. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.
 thuật đá móc băng mu bàn chân, chiến thuật thi đấu; Luật thi đấu, cách trong tài, tổ

7.5. Đá cầu 3: Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngược tấn công; Kỹ

Luật thi đấu, cách trong tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.

giả lên rõ và chuyển bóng cho đồng đội. Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công);

7.4. Bóng rổ 3: Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rõ, kỹ thuật dẫn bóng phối hợp

tấn công); Luật thi đấu, cách trong tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật

7.3. Bóng đá 3: Kỹ thuật đánh đầu, ném biên; Chiến thuật thi đấu (phòng thủ,

kỹ chiến thuật.

Chiến thuật tấn công, phòng thủ; Luật, cách trong tài tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng

7.2. Bóng chuyền 3: Kỹ thuật đập bóng số 4, số 3, số 2; Kỹ thuật chắn bóng;

đánh đôi; Luật thi đấu, cách tổ chức trong tài, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.

7.1. Cầu lông 3: Kỹ thuật bỏ nhỏ, chắn đẩy; Chiến thuật đánh đơn, chiến thuật

7. Nội dung chi tiết học phần Giáo dục thể chất 3

Mã	Tên	Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTBT											
		HP	921115										
Giáo	dục	thể	chất 3	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10
				0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
				PL011	PL012	PL013	PL014	PL015					

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

tạo

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào

Thông qua tập luyện nâng cao các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền	Cầu lông	Chủ động thực hiện thuần thục kỹ thuật động tác mà không cần có sự hỗ trợ từ bên ngoài, có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu
	Bóng chuyền	
	Bóng đá	
	Bóng rổ	
	Đá cầu	

Nội dung		Lên lớp	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành/Thi nghiệm	Thực tập tại xưởng hoặc cơ sở	Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số
Hình thức tổ chức dạy học									
GDTC 3									
Cầu lông 3						30		15	45
Ky thuật bỏ nhỏ, chân dẩy.						9		4,5	
Chiến thuật đánh đơn, chiến thuật đánh đôi.						9		4,5	
Luật thi đấu, cách tổ chức trọng tài, thi đấu vận dụng ky chiến thuật.						6		3	

9.1. Lịch trình chung

9. Hình thức tổ chức dạy học

TT	Tên tài liệu	Tác giả	NXB	Chi chú
1	Giáo trình cầu lông	Trần Văn Vinh	Su phẩm	
2	Giáo trình bóng chuyền	Đinh Văn Lâm	Giáo dục	
3	Giáo trình bóng rổ	Nguyễn Hữu Bằng	Su phẩm	
4	Giáo trình đá cầu	Đặng Ngọc Quang	Su phẩm	
5	Giáo trình Giáo dục thể chất (Danh cho hệ DBBH)	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Cần Thơ	
6	Giáo trình bóng bàn	Nguyễn Quang Vinh	Khoa học xã hội	
7	Luật bóng chuyền	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
8	Luật bóng chuyền bãi biển	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
9	Luật bóng đá	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
10	Luật bóng đá (5 người)	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
11	Luật cầu lông	Ủy ban TDTT	Thể Dục thể thao	
12	Luật đá cầu	Tổng cục TDTT	Thể Dục thể thao	

8.2. Học liệu tham khảo

thể chất (Giảng dạy Đại học, Cao đẳng)

8.1. Học liệu bắt buộc: Bộ môn GDTC&QP; Đề cương bài giảng môn Giáo dục

	3		6			On tập, kiểm tra
Bóng chày 3	15		30			
Kỹ thuật đập bóng số 4, số 3, số 2	4,5		9			
Kỹ thuật chặn bóng.	1,5		3			
Chiến thuật tấn công, phòng thủ.	4,5		6			
Luật, cách trọng tài tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.	3		6			
On tập, kiểm tra	3		6			
Bóng đá 3	15		30			
Kỹ thuật danh đầu, ném biên.	4,5		9			
Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công).	4,5		9			
Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.	3		6			
On tập, kiểm tra	3		6			
Bóng rổ 3						
Kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rổ, kỹ thuật dẫn bóng phối hợp lên rổ và chuyền bóng cho đồng đội.	4,5		9			
Chiến thuật thi đấu (phòng thủ, tấn công).	4,5		9			
Luật thi đấu, cách trọng tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.	3		6			
On tập, kiểm tra	3		6			
Bóng cầu 3	15		30			
On tập, kiểm tra	3		6			
Kỹ thuật danh đầu tấn công, kỹ thuật danh ngược tấn công.	4,5		9			

Mục tiêu	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Số tiết/giờ	Hình thức tổ chức dạy học	Nội dung chính	Tuần
Trang bị cho SV kiến thức, thực hành, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cầu	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kiến	3	- Thực hành tập - Tự học, tự NC, bài tập	- Kỹ thuật đỡ bóng chuyền lên rổ và chuyền bóng phối hợp giữa rổ, kỹ thuật đỡ bóng phối hợp lên rổ, kỹ thuật đỡ bóng cho đồng đội. (BR). - Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngực tấn công (ĐC).	1
Trang bị cho SV kiến thức, thực hành, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cầu	- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kiến thức, thực hành, kỹ năng cơ bản môn cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cầu	3	- Thực hành tập - Tự học, tự NC, bài tập	- Kỹ thuật đỡ bóng chuyền lên rổ và chuyền bóng phối hợp giữa rổ, kỹ thuật đỡ bóng phối hợp lên rổ, kỹ thuật đỡ bóng cho đồng đội. (BR). - Kỹ thuật đánh đầu tấn công, kỹ thuật đánh ngực tấn công (ĐC).	2

GIÀO DỤC THE CHẤT 3

9.2. Lịch trình chi tiết

Kỹ thuật đá móc bóng mu bàn chân, chiến thuật thi đấu.	9				
Luật thi đấu, cách trông tài, tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật.	6				
Ôn tập, kiểm tra	6				

<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn câu hỏi, đa dạng, bổ sung chuyên môn, cần lồng, bóng, dụng cụ tập; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu n, cắt trang thiết bị, hàn chế hư hỏng mắt mát.</p>	<p>- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu n, cắt trang thiết bị, hàn chế hư hỏng mắt mát.</p>	<p>3 1,5 3 1,5 3 1,5 3</p>	<p>- Thực hành tập - Tự học, tự NC, bài tập</p>	<p>- Luật thi đấu, cách tổ chức trong tài, thi đấu; thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật BC. - Luật, cách trong tài tổ chức thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật BC. - Tự học, tự NC, bài tập</p>
<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản môn câu hỏi, đa dạng, bổ sung chuyên môn, cần lồng, bóng, dụng cụ tập; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu n, cắt trang thiết bị, hàn chế hư hỏng mắt mát.</p>	<p>- Trang phục tập luyện phù hợp theo quy định; - Ôn luyện các kỹ thuật của buổi học trước; - Đến trước giờ vào lớp ít nhất 5' để chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ tập; - Học xong phải dọn vệ sinh, thu n, cắt trang thiết bị, hàn chế hư hỏng mắt mát.</p>	<p>3 1,5 3 1,5 3 1,5 3</p>	<p>- Thực hành tập - Tự học, tự NC, bài tập</p>	<p>- Luật thi đấu, cách tổ chức trong tài, thi đấu; thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật CL. - Luật, cách trong tài tổ chức thi đấu, thi đấu vận dụng kỹ chiến thuật BC. - Tự học, tự NC, bài tập</p>

8

12. Phương pháp, hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập
12.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
	DỤNG CỤ CÁ NHÂN		
1	Mũ, quần áo thể thao, giày thể thao, còi, thẻ, vợt (nếu dạy cầu lông), hồ sơ giảng dạy.	01	
	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (cho 1 nhóm thực tập) (Nhà trường)		
1	Sân cầu lông	02	
2	Vợt cầu lông	20	
3	Quả cầu lông	20	
4	Sân, lưới bóng chuyền	01	
5	Quả bóng chuyền	10	
6	Sân, lưới bóng đá	01	
7	Quả bóng đá	10	
8	Năm chiến thuật	05	
9	Sân, băng, lưới bóng rổ	01	
10	Quả bóng rổ	10	
11	Năm di chuyển	05	
12	Sân, cột lưới đá cầu	02	
13	Quả cầu	20	

- hành, thi nghiệm
11. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học thực hành, thi nghiệm
- hoặc tại nhà bất thường, ốm đau...
- Có chế độ đãi ngộ đãi ca biệt với những sinh viên bị khuyết tật, di tật bẩm sinh phải thực hiện bài tập một cách nghiêm túc, không được gian lận dưới mọi hình thức.
 - Hoàn thành tất cả các bài thực hành trong chương trình học phần. Sinh viên tập luyện, học xong phải về sinh sản tập, dụng cụ...
 - Đi học đúng giờ, trang phục phù hợp, chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi
 - Hoàn thành các bài kiểm tra của học phần theo quy chế.
 - Mỗi sinh viên tự chọn cho mình một hay nhiều môn thể thao yêu thích để học tập rèn luyện, vui chơi giải trí.

TT	Hình thức	Trong số điểm	CBR của HP
1	Kiểm tra thực hành tại sân	100%	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu, và có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu.

lực học sinh, sinh viên).

ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc danh giá, xếp loại thi học (sức mạnh, sức khỏe, sự bền vững) theo Quyết định số 53/QĐ-BGDĐT - Điểm học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực hành. Điểm cấp sẽ phải học lại (theo quy định của Nhà trường và Quy chế chế tạo hiện hành).

- Sinh viên có điểm bài thực hành nào < 5 , hoặc nghỉ học quá số buổi quy định
- Dùng thang điểm 10 để danh giá.

12.3. Cách thức danh giá điểm

sản bài

- Mục đích: Danh giá người học một cách công bằng, khách quan
- Nội dung: Sinh viên được tùy chọn kỹ thuật tiêu biểu để trả bài kiểm tra
- Tiêu chí: Danh giá theo bộ đề và đáp án thông nhất thực hiện trong bộ môn
- Hình thức: Kiểm tra kết thúc học phần thực hiện vào buổi học cuối cùng tại

phần

12.2. Mục đích, nội dung, tiêu chí và hình thức danh giá các điểm thành

Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Thực hành	Giảng giải	Giúp người học hiểu nhiệm vụ cần hoàn thành	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu, và có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu.
		Thực quan kết hợp giải thích tranh ảnh, hình vẽ...	Thi phạm, phần chia hợp nhất; Luyện tập	Thông báo	Giúp người học hiểu biết kết quả, hạn chế khuyết điểm cần khắc phục, điểm mạnh cần phát huy
Loại giờ học	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Thực hành	Giảng giải	Giúp người học hiểu nhiệm vụ cần hoàn thành	Thực hiện tốt kỹ thuật cơ bản môn: cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, đá cầu, và có thể vận dụng linh hoạt trong tập luyện và thi đấu.
		Thực quan kết hợp giải thích tranh ảnh, hình vẽ...	Thi phạm, phần chia hợp nhất; Luyện tập	Thông báo	Giúp người học hiểu biết kết quả, hạn chế khuyết điểm cần khắc phục, điểm mạnh cần phát huy

13. Ngày hoàn thành đề cương: 30/06/2022

Điểm	Mức chất lượng						Tỷ lệ	Chỉ tiêu
	Không đạt	Trung bình	Khá	Giỏi	8-8,9	9-10		
	Dưới 5	5-6,9	7-7,9	8-8,9	9-10			
	Đánh giá điểm theo đề thi và đáp án (thang chấm điểm)							

- Rubric của từng bài thực hành trong bảng:

GIẢNG VIÊN

Vũ Thế Anh

TRƯỞNG BỘ MÔN

Bùi Quang Khai

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: DÙNG CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC NGÀNH TRONG TOÀN TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Giáo dục quốc phòng và An ninh

(National defense & security education)

1. Thông tin về giảng viên.

1.1. Giảng viên 1

- Họ và tên : Lê Đình Thọ

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: Thaole dinh81@gmail.com 0983149001

1.2. Giảng viên 2

- Họ và tên : Lưu Ngọc Hoàn

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Email, điện thoại cơ quan: Hoang16286@gmail.com 0986017088

2. Thông tin chung về học phần.

2.1. Tên học phần: Giáo dục quốc phòng và an ninh

2.2. Mã số: 921300

2.3. Khối lượng: 5 tín chỉ lý thuyết

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học.

2.5. Học phần: Bắt buộc toàn bộ chương trình của môn học được ban hành kèm theo

Hoạt động dạy học	Thời gian	Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành/ Thi	Thực tập tại	Tổng
			Bài tập	Lý thuyết	Thực hành	
59.0	16.0					201.0

Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo

dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Giáo dục quốc phòng và An ninh

- Phải có sức khỏe cần thiết, tham gia học tập đúng nội qui, qui định của nhà trường.

Nam

CO1: Hiểu biết được Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt

4.1. Về kiến thức:

Kết thúc học phần này sinh viên có thể;

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COS)

Đảng, Nhà nước ta.

Kiến thức cơ bản về chiến lược "Điền biển hoá bình", bảo toàn lực lượng của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, phòng chống vi phạm luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, khám hải danh dự, nhân phẩm của người khác. Đảm bảo an ninh thông tin và các vấn đề an ninh phi truyền Các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước ta.

- Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh

Thông qua học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết một số vấn đề cơ bản của Học thuyết Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quan đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các quan điểm về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và vấn đề kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng – an ninh, hiểu biết hơn về nghệ thuật danh giáo của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

- Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

3. Mô tả môn học: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm 4 học phần

2.8. Địa chỉ bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn GDTC-QP

- Sinh viên đại học liên thông học phần II

2.7. Đối tượng tham dự: - Sinh viên đại học chính quy học phần I và II.

- Học phần song hành: Không

- Học phần học trước: Không

Bao đảm đầy đủ về trang thiết bị học tập, sách vở, tài liệu giáo trình học tập

với trung tâm GDQPAN để giảng dạy) tất cả các điểm đạt từ 5.0 điểm trở lên.

và an ninh khi tích lũy đủ 04 học phần (học phần thực hành III và IV nhà trường liên

điều kiện cấp chứng chỉ: Sinh viên được cấp chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng

nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học,

kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục

BLĐT BXH ngày 08/9/2015 về việc ban hành qui định tổ chức dạy, học và đánh giá

ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-

đục và Đào tạo; và Quyết định số 952/QĐ-ĐHSPKTHY ngày 18/6/2021 Quyết định

Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo

- Tham gia học tập theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo

Mức	CĐR	Nội dung CĐR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:)	CĐR của CTBT
	<i>Kiến thức</i>		
CO1	CLO1	Nhân thực được Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trung thành vận dụng, phát triển sáng tạo lí luận về chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc vào thực tiễn Việt Nam. Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, những quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân và nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam.	PLO1, PLO2
CO2	CLO2	Nhân biết được những âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "DBHB" BLLB. Các thủ đoạn lợi dụng vận đề dân tộc, tôn giáo chống phá Đảng, NN ta;	PLO1, PLO2
CO3	CLO3	Nhân biết được các mối nguy hại từ những vận đề an ninh hiện nay đang diễn ra và biện pháp khác phục chúng.	PLO1, PLO2
CO4	CLO4	Nêu cao được trách nhiệm của công dân với	PLO1, PLO2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

kiến thức để giúp đỡ người khác đạt được mục tiêu học tập
vũ học tập, biết chấp nhận những quan điểm khác nhau và sẵn sàng kết hợp chia sẻ
CO6: Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.
xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể,
CO5: Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu CNXH;

4.2. Kỹ năng

với Tổ quốc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.
CO4: Bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và trách nhiệm của công dân đối

khác

phi truyền thông, an ninh môi trường, vận đề xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người
điễn ra và nó trở thành vấn đề cấp bách của xã hội hiện nay; an ninh thông tin, an ninh
CO3: Nhân biết được các mối nguy hại từ các vận đề an ninh mà hiện nay đang

nước ta.

động trong chiến lược "DBHB", BLLB chống phá CNXH và chống phá Đảng, Nhà
CO2: Có kiến thức cơ bản về âm mưu, thủ đoạn của CNDQ và các thể lực phân

II. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội.

tranh.

I. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến

(LT 2 tiết, TL 2 tiết)

tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.

Bài 2: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến

III. Giới thiệu về môn học Giáo dục Quốc phòng - an ninh

II. Phương pháp nghiên cứu

I. Đối tượng nghiên cứu.

(LT 2 tiết)

Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học

(03 TÍN CREDIT)

Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

HỌC PHẦN I

7. Nội dung chi tiết học phần

Mã	Tên	HP	Giáo	đục	QP	va an	ninh	
921300			PL01	1	PL011			
			PL02	0	PL012			
			PL03	3	PL013			
			PL04	0	PL014			
			PL05	0	PL015			
			PL06	0				
			PL07	0				
			PL08	0				
			PL09	0				
			PL10	0				
			Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT					

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mã	Tên	Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
CO5	CLO5	Xây dựng được tinh thần đoàn kết, tinh ky luật, tư thế tác phong của sinh viên trong nhà trường và trong cuộc sống.
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CO5	CLO5	Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng; yêu nước, yêu CNXH; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.
Kỹ năng		
		tổ quốc; ra sức học tập, rèn luyện bản thân để xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- I. Truyền thông và nghệ thuật danh giá của ông cha ta.
 II. Nghệ thuật quan sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.
 III. Vấn đề một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quan sự và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.

(LT 4 tiết, TL 2 tiết)

Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quan sự Việt Nam

- với tăng cường công tác quốc phòng - an ninh ở Việt Nam hiện nay.
 III. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay.
 II. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường công tác quốc phòng - an ninh ở Việt Nam
 I. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường

(LT 4 tiết)

đối ngoại

- Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và**
 II. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới
 II. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.
 trang nhân dân
 I. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ

(LT 4 tiết)

Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

- I. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.
 II. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.
 III. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

(LT 4 tiết)

Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

- dân hiện nay.
 III. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân
 Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
 II. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ
 I. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

(LT 4 tiết)

Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

- Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân vững mạnh bảo vệ**
 IV. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
 Tổ quốc xã hội chủ nghĩa,
 III. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ

lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.

Bài 1: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình" bảo loạn lật đổ của các thế

(02 TÍN CHI)

Công tác quốc phòng và an ninh

HỌC PHẦN II

giữ gìn trật tự an toàn xã hội

VI. Vai trò trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và

gia, trật tự an toàn xã hội.

V. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc

an toàn xã hội.

IV. Đối tác và đối tượng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự

III. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong thời gian tới.

II. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

an toàn xã hội.

I. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự

(LT 3 tiết)

xã hội

Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn

an ninh Tô quốc.

III. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ

quốc

II. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tô

I. Nhân thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tô quốc.

(LT 2 tiết, TL 2 tiết)

Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tô quốc.

III. Động viên quốc phòng.

II. Xây dựng lực lượng Dự bị động viên.

I. Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ.

(LT 4 tiết, TL 2 tiết)

quốc phòng.

Bài 9: Xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, lực lượng Dự bị động viên, động viên

đào, biên giới quốc gia trong tình hình mới.

III. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên

II. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.

I. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên đảo.

(LT 4 tiết)

tình hình mới.

Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên, đảo, biên giới quốc gia trong

- I. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay
 II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng

(LT 2 tiết, TL 2 tiết)

gian mạng.

Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không

của người khác.

- II. Nhận thức về công tác phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm

khác.

- I. Nhận thức chung về tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người

(LT 2 tiết, TL 2 tiết)

người khác.

Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của

an toàn giao thông.

- II. Nhận thức chung về phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự

thông.

- I. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao

(LT 4 tiết)

Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông

- II. Nhận thức chung về phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

- I. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

(LT 4 tiết)

Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

mạng Việt Nam.

- III. Đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng dân tộc và tôn giáo chống phá cách

- II. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo.

- I. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc.

Nam. *(LT 4 tiết, TL 2 tiết)*

thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt

Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các

may.

- IV. Những giải pháp phòng chống chiến lược “DBHB” BLLD ở Việt Nam hiện

Diễn biến hoà bình” boả loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta.

- III. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống chiến lược “

chống phá cách mạng Việt Nam.

- II. Chiến lược “Diễn biến hoà bình” boả loạn lật đổ của các thế lực thù địch

chống phá chủ nghĩa xã hội.

- I. Chiến lược “Diễn biến hoà bình” boả loạn lật đổ của các thế lực thù địch

(LT 4 tiết)

Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam							
Nội dung	Lên lớp	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành/Thi nghiệm	Thực tập	Tự học, Tự nghiên cứu
Tổng số							

9.1. Lịch trình chung

9. Hình Thức tổ chức dạy học

8.2.4. Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam - Tập chí công sản ngày 7/11/2017

25 tháng 8 năm 2018.

8.2.3. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Tập chí lý luận chính trị ngày

quan - Tài liệu một số vấn đề về chủ quyền biển, đảo Việt Nam. NXB QĐND- 2008.

8.2.2. Phòng bảo đảm hàng hải, Phòng Quản sự địa phương - Bộ Tham mưu Hải

nội dung về chủ quyền lãnh thổ biển giới quốc gia. NXB QĐND-2007

8.2.1. Tác giả: Phạm Văn Trường, Nguyễn Quang Dũng - Giáo trình: Một số

8.2. Học liệu tham khảo:

2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.

8.1.3. Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên GDQPAN Bộ GD&ĐT - 2014,

đang và đại học - NXB GD - 2008

Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh tập II, dùng cho sinh viên các trường cao

8.1.2. Nhóm tác giả: Nguyễn Tiên Hải, Nguyễn Hữu Hào, Phan Tân Hưng...

sinh viên các trường cao đẳng và đại học - NXB GD - 2008.

Nguyễn Hoàng Minh... Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh tập I, dùng cho

8.1.1. Nhóm tác giả: Nguyễn Mạnh Hùng, Lưu Ngọc Khải, Trần Đại Nghĩa,

8.1. Học liệu bắt buộc:

8. Học liệu.

tội phạm phi truyền thông ở Việt Nam hiện nay

II. Tội phạm an ninh phi truyền thông và Đấu tranh phòng, chống một số loại

I. Quan niệm và đặc điểm về an ninh phi truyền thông ở Việt Nam

(LT 2 tiết, TL 2 tiết)

truyền thông ở Việt Nam

Bài 7: An ninh phi truyền thông và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi

IV. Đường dạy nông của Bộ Công an tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm.

III. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

(03 tin chỉ lý thuyết)									
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học	2							4.0	6.0
Bài 2: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quan đội và bảo vệ Tô quốc xã hội chủ nghĩa.	2	2					5.0	9.0	
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân vững mạnh	4						8.0	12.0	
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tô quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.	4						8.0	12.0	
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	4						8.0	12.0	
Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4						8.0	12.0	
Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2					9.0	15.0	
Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4						8.0	12.0	
Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2					9.0	15.0	
Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tô quốc	2	2					5.0	9.0	

Số tiết		37		8		74		119	
Bài 11: Nhưng văn để cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội	3						6.0	9.0	
Học phần II. Công tác phòng và an ninh: (02 tín chỉ lý thuyết)									
Bài 1: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình" bảo toàn lực lượng của các thế lực chống phá cách mạng Việt Nam.	4						8.0	12.0	
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng văn để dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				9.0	15.0		
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					8.0	12.0		
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					8.0	12.0		
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				5.0	9.0		
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				5.0	9.0		
Bài 7: An ninh phi truyền thông và các mối đe dọa an ninh phi truyền thông ở Việt Nam	2	2				5.0	9.0		

Số tiết	22	8			44	74
---------	----	---	--	--	----	----

9.2. Lịch trình chi tiết.

Tuần	Nội dung chính	Hình thức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	CBR của HP
------	----------------	-------------------	-------------	----------------------------	------------

Học phần I:
Đường lối quốc phòng và n ninh của Đảng công sản Việt Nam: (03 tín chỉ lý thuyết)

1	Bài 1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	Lý thuyết	2	- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 12-29, dụng cụ học tập. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp	CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06
	Bài 2. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc XHCN	Tự học, tự NC	4.0	Thảo luận các phương pháp nghiên cứu môn học.	

1-2	Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tu tưởng Hồ Chí Minh và chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc XHCN	Lý thuyết	2	- Xem lại bài đã học - Nghiên cứu Tr 4- 11 Giáo trình GDQP T1 tại thư viện	CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06
	I. Quan điểm của chủ nghĩa Mac - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. Chi Minh về chiến tranh.				

<p>về bảo vệ Tô quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>	<p>Quả trình ra đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh</p>	<p>Một số quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc XHCN</p>	<p>Thảo luận</p>	<p>2</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu trên các trang báo chính thông.</p>	<p>Nghiên cứu Tr 4- 11 Giáo trình GDQP T1 tài thư viện: Trả lời câu hỏi: Khai niệm về chiến tranh và quân đội.</p>	
<p>Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân vùng mạnh</p> <p>I. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.</p> <p>II. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vùng mạnh để bảo vệ Tô quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>III. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.</p>	<p>Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tô quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>I. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tô quốc.</p>	<p>Ly thuyết</p>	<p>Ly thuyết</p>	<p>4</p>	<p>- Xem lại bài đã học</p> <p>- Nghiên cứu tài liệu tại thư viện</p>	<p>- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 29-37, dùng cú học tập. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>
<p>3</p>	<p>2</p>	<p>4</p>	<p>8.0</p>	<p>4</p>	<p>- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 39-44, dùng cú học tập. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp</p>	<p>- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 39-44, dùng cú học tập. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp</p>	<p>CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6</p>

<p>II. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>III. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p>			<p>các câu hỏi theo nhóm, tổng hợp giải đáp</p>
<p>Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>8.0</p>	<p>- Đọc trước Giáo trình GDP T1 Tr 39-44, các tài liệu về chiến tranh ở VN. Các câu hỏi thảo luận, y kiến cần giải đáp</p>
<p>Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.</p> <p>I. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân</p> <p>II. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới</p> <p>III. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>4</p>	<p>- Xem lại bài đã học - Đọc trước Giáo trình GDP T1 Tr 45-53, dùng cụ học tập. Các câu hỏi thảo luận, y kiến cần giải đáp</p>
<p>4-5</p> <p>I. Cơ sở lý luận và thực tiễn và đối ngoại</p> <p>kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh</p> <p>Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại</p> <p>I. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh ở Việt Nam</p> <p>II. Nội dung kết hợp phát triển</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>4</p>	<p>- Đọc trước Giáo trình GDP T1 Tr 53- 73, dùng cụ học tập. Các câu hỏi thảo luận, y kiến cần giải đáp</p> <p>- Nghiên cứu trả lời các câu hỏi theo nhóm, tổng hợp giải đáp.</p>

CLO1,
CLO2,
CLO3,
CLO4,
CLO5,
CLO6

CLO1,
CLO2,
CLO3,
CLO4,
CLO5,
CLO6

CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	- Đọc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 74- 94, dùng cú học tập.	4	Ly thuyết	Bài 7: Những vấn đề cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam	I. Truyền thông và nghệ thuật danh giá của ông cha ta. II. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo. III. Vấn dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.	Nghệ thuật quân sự VN được sử dụng như thế nào trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ	Tự học, luận	2	Tham khảo nguồn thông tin trên các trang báo chính thống	Độc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 74- 94, dùng cú học tập.	9.0	Tự học, từ NC	Những cuộc kháng chiến chống giặc ngoài xâm của ông cha ta.	5-6
				Độc trước Giáo trình GDQP T1 Tr 53- 73. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp					triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay. yêu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở Việt Nam hiện nay. III. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay.				Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay.	

<p>CL02, CL03, CL04, CL05, CL06</p>	<p>trình GDQP Tr 181-204 tại thu viện</p>	<p>2</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>trao toàn dân bảo vệ an ninh Tô quốc I Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tô quốc. II Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tô quốc III. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tô quốc.</p>
<p>CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06</p>	<p>- Nghiên cứu trả lời các câu hỏi, giải đáp tổng hợp những vấn đề cần làm rõ. - Nghiên cứu Giáo trình GDQP T1 Tr158-180 tại thu viện</p>	<p>5.0</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tô quốc.</p>
<p>CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06</p>	<p>- Nghiên cứu trả lời các câu hỏi, giải đáp tổng hợp những vấn đề cần làm rõ. - Nghiên cứu Giáo trình GDQP T1 Tr158-180 tại thu viện</p>	<p>2</p>	<p>Thảo luận</p>	<p>Tim hiểu về các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tô quốc ở địa phương mình đang sống.</p>
<p>CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06</p>	<p>- Nghiên cứu trả lời các câu hỏi, giải đáp tổng hợp những vấn đề cần làm rõ. - Nghiên cứu Giáo trình GDQP T1 Tr158-180 tại thu viện</p>	<p>3</p>	<p>Lý thuyết</p>	<p>Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội. I. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong thời gian tới. II. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. III. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong thời gian tới. IV. Đối tác và đối tượng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.</p>

10	<p>Bài 1: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình" bảo loạn lật đổ của các thể lực thù địch phá cách mạng Việt Nam</p> <p>I. Chiến lược "Diễn biến hoà bình" bảo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.</p> <p>II. Chiến lược "Diễn biến hoà bình" bảo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam</p> <p>III. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình" bảo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta.</p> <p>IV. Những giải pháp phòng</p>	Lý thuyết	4	<p>- Đọc trước Giáo trình GDP T1 Tr 94 - 104, dùng cụ học tập. Các câu hỏi thảo luận, ý kiến cần giải đáp</p> <p>Nghiên cứu trả lời các câu hỏi áp dụng thực tế xã hội.</p> <p>Giai đáp từng hợp các ý kiến đã trả lời.</p>	CLO1,C LO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Học phần II. Công tác quốc phòng và an ninh: (02 tin chỉ lý thuyết)					
	<p>V. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.</p> <p>VI. Vai trò trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội</p>	Tự học, tự NC	6.0	<p>- Xem lại bài đã học đối chiếu thực tế tại địa phương</p>	

CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Hiện quan Tham khảo tài liệu	2	Thảo luận	Các loại hình an ninh phi truyền thống hiện nay	15
		2	Thảo luận	Việt Nam hiện nay tội phạm phi truyền thống ở phòng, chống một số loại truyền thông và Đấu tranh II. Tội phạm an ninh phi ở Việt Nam I. Quan niệm và đặc điểm về an ninh phi truyền thông	
CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Hiện quan Tham khảo tài liệu	2	Thảo luận	Bài 7: An ninh phi truyền thông và đấu tranh chống các đe dọa an ninh phi truyền thông ở Việt Nam.	15
		2	Thảo luận	Việt Nam hiện nay tội phạm phi truyền thống ở phòng, chống một số loại truyền thông và Đấu tranh II. Tội phạm an ninh phi ở Việt Nam I. Quan niệm và đặc điểm về an ninh phi truyền thông	
CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Hiện quan Tham khảo tài liệu	2	Thảo luận	Bài 6: An toàn thông tin và pháp luật trên không gian mạng	14-15
		2	Thảo luận	phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng I. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng III. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng IV. Đường dây nóng của Bộ Công an tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm	
CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Hiện quan Tham khảo tài liệu	2	Thảo luận	Biện pháp nhằm đảm bảo an toàn thông tin trên không gian mạng	14-15
		5.0	Tự học, tự NC	Tìm hiểu về thông tin trên không gian mạng	
CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Hiện quan Tham khảo tài liệu	2	Thảo luận	Nghiên cứu tài liệu cung cấp, nguồn tài liệu trên các trang mạng chính thống	14-15
		2	Thảo luận	Nghiên cứu tài liệu cung cấp, nguồn tài liệu trên các trang mạng chính thống	
CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Hiện quan Tham khảo tài liệu	2	Thảo luận	Tại liệu tập huấn 2020	14-15
		2	Thảo luận	Tại liệu tập huấn 2020	

Loại	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Nội dung
giáo học	Mức đích sử dụng	<p>- Trang bị cho sinh viên hiểu biết một số vấn đề cơ bản của Học thuyết Mac-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các quan điểm về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và vấn đề kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng – an ninh, hiểu biết hơn về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo</p> <p>- Giúp SV nắm được những kiến thức cơ bản về chiến lược “Điền biển hoá bình”, bảo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống vi phạm luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, khám hái danh dự, nhân phẩm của</p>
Loài	chức DH	<p>Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại</p>
phần	CĐR của học	<p>PL01, PL02</p>

11. Phương pháp và hình thức dạy học, đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

môn học.

- Hình thức thi và đánh giá kết quả môn học được công khai ngay từ khi bắt đầu giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.
- Tham gia học tập theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thông tin chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLBTBXH ngày 08/9/2015 về việc ban hành qui định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.
- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

10. Quy định của học phần đối với người học.

Trách nhiệm của sinh viên	trong việc đầu tranh chống tư NC, từ học, truyền thông ở Việt Nam.	5.0	- Nhân xét, so sánh với tình hình địa phương đang sinh sống.
---------------------------	--	-----	--

- Thi KTHP: theo lịch của phòng đào tạo

theo quy định.

- Hình thức danh gia: Sinh viên trả lời câu hỏi trắc nghiệm vào phiếu trả lời

thời gian thi 60 phút.

- Nội dung: Câu hỏi thi trắc nghiệm nằm trong nội dung của học phần I và II và

- Mục đích: Danh gia nhân thực của sinh viên đối với học phần đã học.

*** Thi kết thúc học phần**

- Thời gian: Kiểm tra vào đầu giờ học hoặc trong giờ học.

- Hình thức danh gia: Chấm kết quả trả lời câu hỏi của sinh viên

+ Thể hiện tình sự hiểu biết về nội dung câu hỏi và bài học.

+ Trả lời đúng, đầy đủ các câu hỏi của bài học

- Tiêu chí danh gia:

- Nội dung: Sinh viên thực hiện trả lời cho các câu hỏi mà giáo viên đưa ra

- Mục đích: Kiểm tra, danh gia nhân thực của sinh viên đối với bài học

*** Điểm kiểm tra thường xuyên**

- Thời gian: Danh gia vào cuối học phần.

- Hình thức danh gia: Danh gia số buổi nghỉ học và ý thức tham gia học tập.

+ Tinh thần phát biểu ý kiến xây dựng bài học.

+ Đi học đầy đủ các buổi học

- Tiêu chí danh gia:

xây dựng bài học, khả năng phối hợp, giúp đỡ bạn trong giờ học...

- Nội dung: Căn cứ vào số buổi sinh viên tham gia học tập và ý thức phát biểu

- Mục đích: Danh gia thái độ học tập của sinh viên đối với môn học.

*** Điểm chuyên cần**

11.2.1. Đối với học phần lý thuyết

11.2. Mục đích, nội dung tiêu chí và hình thức danh gia các điểm thành phần

	người khác. Đảm bảo an ninh thông tin và các vấn đề an ninh phi truyền Các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước ta.			
	Phát triển kĩ năng tư duy giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác giải quyết vấn đề và trình bày vấn đề giáo viên đưa ra.	Tình huống, thảo luận nhóm, toán lớp	Bài tập, thảo luận	
PL01, PL02	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	Hướng dẫn học độc lập	Tự học, tự NC	PL01, PL02

11.3. Cách thức danh giá điểm: Thực hiện theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn số 189/HD-DHSP KỸ thuật Hưng Yên ngày 23 tháng 4 năm 2009 về việc chuyển đổi chương trình đào tạo hiện hành phù hợp với phương thức đào tạo theo tin chỉ. Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLDTBXH ngày 08/9/2015 về việc ban hành qui định tổ chức dạy, học và danh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.

Cụ thể như sau:

- Đối với học phần I và II sinh viên đủ điều kiện thi kết thúc học phần khi đạt được những điều kiện sau: tham gia học tập trên lớp đạt 80% trở lên, điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên phải đạt từ 5.0 điểm trở lên.

Trong số các điểm thành phần như sau:

Đanh giá thi viết học phần I, II		Các hình thức danh giá	Trong số (%)	Chuyên đầu ra của học phần
Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm thi kết thúc học phần	20	20
Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm thi kết thúc học phần	20	60
PL01, PL02	PL01, PL02	PL01, PL02		

12. Ngày hoàn thành đề cương: 05/8/2022

TRƯỞNG BỘ MÔN

Bùi Quang Khai

GIẢNG VIÊN

Lưu Ngọc Hoàn

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: Dựng chung cho tất cả các ngành trong toàn trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Thực hành Giáo dục quốc phòng và An ninh
(Practice National defense & security education)

1. Thông tin về giảng viên.

1.1. Giảng viên 1

- Họ và tên : Lê Đình Thảo

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: Thaole Dinh81@gmail.com 0983149001

1.2. Giảng viên 2

- Họ và tên : Lưu Ngọc Hoàn

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ

- Email, điện thoại cơ quan: Hoang16286@gmail.com 09866017088

2. Thông tin chung về học phần.

2.1. Tên học phần: Giáo dục quốc phòng và an ninh

2.2. Mã số: 921300

2.3. Khối lượng: 3 tín chỉ thực hành

2.4. Thời gian đối với các hoạt động dạy học.

2.5. Học phần: Bất buộc toàn bộ chương trình của môn học được ban hành kèm theo

Tông	Thực tập tại trường hoặc cơ sở	Thực tập tại trường hoặc cơ sở	Thực hành/Thi nghiệm	Lý thuyết	Thảo luận/ Bài tập	Lý thuyết	Hoạt động dạy học	Thời gian	Tiết/Giờ thực hiện
			72	18					

Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

2.6. Điều kiện học phần:

- Học phần tiên quyết: Thực hành Giáo dục quốc phòng và An ninh

Phải có sức khỏe cần thiết, tham gia học tập đúng nội qui, qui định của nhà

trường.

- Tham gia học tập theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo

đục và Đào tạo; và Quyết định số 952/QĐ-BHSPKTHY ngày 18/6/2021 Quyết định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLBTBXH ngày 08/9/2015 về việc ban hành qui định tổ chức dạy, học và danh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học,

- Điều kiện cấp chứng chỉ: Sinh viên được cấp chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và an ninh khi tích lũy đủ 04 học phần (học phần thực hành III và IV nhà trường liên kết với trung tâm GDQPAN để giảng dạy) tất cả các điểm đạt từ 5.0 điểm trở lên.

Bao đảm đầy đủ về trang thiết bị học tập, sách vở, tài liệu giáo trình học tập

- Học phần học trước: HP1 và HP2

- Học phần song hành: Không

2.7. Đối tượng tham dự: - Sinh viên đại học chính quy học học phần III và IV.

- Sinh viên đại học liên thông học học phần IV

2.8. Địa chỉ phụ trách học phần: Trung tâm GDQP&AN trường Quân sự Quận Khu 3

3. Mô tả môn học: Môn học Thực hành Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm 2 học phần

Học phần III: Quân sự chung.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Khóa nâng sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể đạt được Thực hiện được nên nếp tác phong, chế độ sinh hoạt của người chiến sỹ quân đội nhân dân Việt nam và

những kỹ năng quân sự cần thiết góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an

mình nhân dân vững mạnh.

Học phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Điều kiện tiên quyết: Đã học học phần III

- Khóa nâng sinh viên sau khi kết thúc học phần có thể đạt được Thực hiện được

kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu

tiên công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiêu liên AK, lựu

dàn.

4. Mục tiêu của học phần (Course objective; viết tắt là COS)

Kết thúc học phần này sinh viên có thể:

4.1. Về kiến thức:

CO1: Bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sản sang thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

4.2. Kỹ năng

CO2: Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có

hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam;

CO3: Có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tích

công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần (Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có kỹ năng:)	CBR của CTĐT
Kiến thức			
CO1	CLO1	Thực hiện được nên nếp tác phong, chế độ sinh hoạt của người chiến sỹ quân đội nhân dân Việt nam và những kỹ năng quân sự cần thiết góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân – an ninh nhân dân vững mạnh.	PLO3, PLO4
Kỹ năng			
CO2	CLO2	Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam;	PLO3, PLO4
CO3	CLO3	Hiểu biết về ban đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tấn công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.	PLO3, PLO4
CO4	CLO4	Biết thực hiện một số kỹ năng chiến thuật trong chiến đấu, sử dụng được súng và lựu đạn	PLO3, PLO4
Về thái độ			
CO5	CLO5	Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu CNXH; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức công đồng	PLO3, PLO4

5. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcomes; viết tắt là CLOs)

CO6: Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về ban đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tấn công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiên công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiêu liên AK, lựu đạn.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

CO5: Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu CNXH; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức công đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

4.3. Về thái độ:

CO4: Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiên công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiêu liên AK, lựu đạn.

- I. Động tác mang súng, xuống súng
- II. Đeo súng, xuống súng
- III. Treo súng, xuống súng

(TH 4 tiết)

Bài 4: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng

- I. Quân chủng Hải quân
- II. Quân chủng Lục quân
- III. Quân chủng Phòng không - Không quân

(LT 4 tiết)

Bài 3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội

- I. Chế độ sinh hoạt trong ngày của chiến sĩ Quân đội NDVN
- II. Cách bố trí nền nếp phòng ở, nơi học tập, thao trường..

(LT 2 tiết)

Bài 2: Các chế độ nền nếp chính quy, bộ trí trật tự nội vụ trong doanh trại

- I. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay
- II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng
- III. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng
- IV. Đường dây nóng của Bộ Công an tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm.

(LT 2 tiết)

mạng.

Bài 1: An toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian

(01 TÍN CHI)

Quân sự chung

HỌC PHẦN III

7. Nội dung chi tiết học phần

Ma	HP	Tên HP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
				PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10							
Mức độ đóng góp của học phần cho CBR của CTBT				1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

6. Mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

C06	CLO6	Hình thành được những kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ, xây dựng được tinh thần đoàn kết, tinh kỷ luật, tư thế tác phong của sinh viên trong nhà trường và trong cuộc sống.	PLO3, PLO4	Mức tự chủ và trách nhiệm	ở trường, lớp và khi ra công tác.

- I. Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật.
- II. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ.
- III. Thực hành chiến đấu.

(TH 16 tiết)

Bài 3: Từng người trong chiến đấu tiên công

1. Lưu dân cầu Việt Nam
2. Lưu dân căn 97 Việt Nam
3. Quy tắc sử dụng và giữ gìn lưu dân.
4. Thực hành ném lưu dân bài 1.

(LT 2 tiết - TH 6 tiết)

lưu dân bài 1

Bài 2: Tinh năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lưu dân thường dùng. Ném

- I. Ngắm bắn.
- II. Ngắm trung và chụm.
- III. Tư thế động tác bắn, bắn và thời bắn súng tiêu liên AK.
- IV. Tập bắn mục tiêu cố định bắn ngay bằng súng tiêu liên AK.

(LT 2 tiết, TH 22 tiết)

Bài 1. Kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK.

(02 TÍN CHI)

Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

HỌC PHẦN IV

- I. Điều lệ.
- II. Quy tắc thi đấu

(LT 2 tiết, TH 4 tiết)

Bài 8: Ba môn quân sự phối hợp

công nghệ cao.

- I. Khai niệm, đặc điểm thu đoàn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh.
- II. Thực hành một số biện pháp phòng chống địch tích tiên công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao.

(LT 2 tiết, TH 2 tiết)

Bài 7: Phòng tránh địch tích tiên công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao

- I. Bàn đồ.
- II. Sử dụng bàn đồ.

(LT 2 tiết, TH 2 tiết)

Bài 6: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự

- I. Định hình tiêu đội.
- II. Định hình trung đội.
- III. Định hướng đội hình.

(TH 4 tiết)

Bài 5: Điều lệnh đội ngũ đơn vị

Tổng số	Hình thức tổ chức dạy học		Thực hành/Thi nghiệm	Lên lớp	Tập	Luyện	Lý thuyết	Nội dung
	Tự học, Tự nghiên cứu	Thực tập hoặc cơ sở						

9.1. Lịch trình chung

9. Hình Thực tổ chức dạy học

8.2.4. Trung ương Đảng công san Việt Nam - Tập chí công san ngày 7/11/2017

tháng 8 năm 2018.

8.2.3. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Tập chí lý luận chính trị ngày 25

- Tài liệu một số vấn đề về chủ quyền biển, đảo Việt Nam. NXB QĐND-2008.

8.2.2. Phòng bảo đảm hàng hải, Phòng Quản sự địa phương - Bộ Tham mưu Hải quân

về chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia. NXB QĐND-2007

8.2.1. Tác giả: Phạm Văn Trường, Nguyễn Quang Dũng - Giáo trình: Một số nội dung

8.2. Học liệu tham khảo:

2016, 2017, 2018, 2019, 2020.

8.1.3. Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên GDQPAN Bộ GD&ĐT - 2014, 2015,

dài học - NXB GD - 2008

trình Giáo dục quốc phòng - an ninh tập II, dùng cho sinh viên các trường cao đẳng và

8.1.2. Nhóm tác giả: Nguyễn Tiên Hải, Nguyễn Hữu Hào, Phan Tân Hưng..., Giáo

các trường cao đẳng và dài học - NXB GD - 2008.

Hoàng Minh..., Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh tập I, dùng cho sinh viên

8.1.1. Nhóm tác giả: Nguyễn Mạnh Hương, Lưu Ngọc Khải, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn

8.1. Học liệu bắt buộc:

8. Học liệu.

III. Trang bị vũ khí và những trường hợp được sử dụng vũ khí

II. Phân công, tổ chức lực lượng cảnh phòng

I. Quy định chung

(TH 4 tiết)

Bài 5: Từng người làm nhiệm vụ canh gác (canh giới)

IV. Hành động của từng người thực hành chiến đấu

III. Hành động của chiến sĩ khi nhận nhiệm vụ.

II. Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật.

I. Đặc điểm tên công của địch

(TH 8 tiết)

Bài 4: Từng người trong chiến đấu phòng ngự

IV. Hành động sau khi chiếm được mục tiêu.

Học phần III: Quản sử chung (01 tín chỉ thực hành)						
Bài 1: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2					6.0
Bài 2: Các chế độ nền nếp chính quy, bộ tri trật tự nội vụ trong doanh trại	2					6.0
Bài 3: Hiệu biết chung về các quan, binh chủng trong quân đội	4					12.0
Bài 4: Điều lệnh đội ngũ từng người cơ súng		4				6.0
Bài 5: Điều lệnh đội ngũ đơn vị		4				6.0
Bài 6: Hiệu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	2		2			9.0
Bài 7: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao	2		2			9.0
Bài 8: Ba môn quân sự phối hợp	2		4			12.0
Số tiết	14		16			66.0
Học phần IV						
Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (02 tín chỉ thực hành)						
Bài 1: Kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK	2		22			37.0
Bài 2: Trình năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	2		6			15.0
Bài 3: Trình người trong chiến đấu tiến công			16			24.0
Bài 4: Trình người trong chiến đấu phòng ngự			8			12.0
Bài 5: Trình người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh			4			6.0

giới)									
Số tiết	4	56	36.0	96.0					

9.2. Lịch trình chi tiết.

Tuần	Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết/giờ	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Mức tiêu
------	----------------	---------------------------	-------------	----------------------------	----------

Học phần III:
Quản sự chung (01 tin chỉ thực hành)

Căn cứ vào thời gian thực hiện chương trình này	Bài 1: An toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. I. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng III. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng IV. Đường dây nóng của Bộ Công an tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm.	Tự học, tự NC	4.0	- Nghiên cứu đề khảo tài liệu liên quan	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Không gian mạng	Tìm hiểu về thông tin trên không gian mạng	Tự học, tự NC	4.0	- Nghiên cứu đề khảo tài liệu liên quan	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Bài 2: Các chế độ nền nếp chính quy, bộ trí trật tự nội vụ trong doanh trại. I. Chế độ sinh hoạt trong ngày của chiến sĩ Quân đội NDVN II. Cách bộ trí nền nếp phòng ở, nơi học tập, thao trường..	Ly thuyết	2	Tài liệu tập huấn năm 2020 Đề cương bài giảng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

Học phần IV Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (02 tín chỉ thực hành)									
CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06	và vệ sinh dụng cụ, tập TB95, bảo quản sản bài, bảo đảm an toàn. - Súng, bia, máy bắn tập TB95, bảo quản và vệ sinh dụng cụ, sản bài, bảo đảm an toàn.	2	Lý thuyết	I. Ngắm bắn. II. Ngắm trung và chụm. III. Tư thế động tác bắn, bắn và thời gian súng tiêu AK. IV. Tập bắn mục tiêu cố định bắn ngày bằng súng tiêu AK. - Tư thế động tác bắn, bắn và thời gian súng tiêu AK. - Tập bắn mục tiêu cố định bắn ngày bằng súng tiêu AK.	22				
						Nghiên cứu tước AN 2 tr 199-217	15	Tự học, tự NC	Đọc tìm hiểu đường ngắm cơ bản, đường ngắm dùng
						- Tài liệu tập huấn - Đề cương bài giảng	2.0	Lý thuyết	Bài 2: Tinh năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1 1. Lựu đạn cầu Việt Nam 2. Lựu đạn cần 97 Việt Nam 3. Quy tắc sử dụng và giữ gìn lựu đạn. 4. Thực hành ném lựu đạn bài 1.

<p>- Quy tắc sử dụng và giữ gìn lưu dân. - Thực hành ném lưu dân bài 1.</p>	<p>Thực hành</p>	<p>6.0</p>	<p>- Bia, cờ, sân bãi, lưu dân Việt Nam</p>
<p>Nghiên cứu lý thuyết cấu tạo các loại lưu dân</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>7.0</p>	<p>- Tìm hiểu các tài liệu liên quan - Rèn luyện thể lực và các kỹ năng cần thiết khác phục vụ cho học tập</p>
<p>Bài 3. Tổng người trong chiến đấu tiên công I. Nhiệm vụ và yêu cầu chiến đấu chiến thuật. II. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ. III. Thực Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật.hành chiến đấu. IV Hành động sau khi chiếm được mục tiêu.</p>	<p>Thực hành</p>	<p>16</p>	<p>- Nghiên cứu Giáo trình GDQP T2 Tr 178 – 189</p>
<p>Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật.</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>8.0</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu liên qua.</p>
<p>Bài 23. Tổng người trong chiến đấu phòng ngự I. Đặc điểm tiến công của địch II. Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật. III. Hành động của chiến sĩ khi nhận nhiệm vụ. IV. Hành động của từng người thực hành chiến đấu</p>	<p>Thực hành</p>	<p>8</p>	<p>- Đọc trước Giáo trình GDQP T2 Tr 190-198</p>
<p>Nhiệm vụ và yêu cầu chiến thuật.</p>	<p>Tự học, tự NC</p>	<p>4.0</p>	<p>- Đọc trước Giáo trình GDQP T2 Tr 190-198 - Tìm hiểu tài liệu liên quan</p>

TT	Tên dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Ghi chú
	DỤNG CỤ CÁ NHÂN		
1	Trang phục mùa đông GV	1	
2	Trang phục mùa hè GV	1	
3	Trang phục HSSV	1	
4	Mũ képi	1	
5	Mũ cứng	1	
6	Mũ mềm	1	
7	Thắt lưng	1	
8	Giày da	1	
9	Giày vải	1	
10	Tất sợi	1	
11	Sao mũ képi	1	
12	Sao mũ cứng	1	
13	Sao mũ mềm	1	

hành, thí nghiệm

9. Danh mục các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình dạy học thực

học.

- Hình thức thi và danh giá kết quả môn học được công khai ngay từ khi bắt đầu môn học.
- Đảm bảo an toàn khi sử dụng vũ khí trang thiết bị.
- giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.
- đánh giá kết quả tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 về việc ban hành qui định tổ chức dạy, học và năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 18/2015/TTLT- thông tin chi ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8
- Tham gia học tập theo Qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ
- Có ý thức tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được giao.

10. Quy định của học phần đối với người học.

Bài 5: Tung người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới) I. Quy định chung II. Phân công, tổ chức lực lượng canh phòng III. Trang bị vũ khí và những trường hợp được sử dụng vũ khí	Thực hành	4	2.0	Liên quan đến bài học	
				Nghiên cứu các nội dung	
CL01, CL02, CL03, CL04, CL05, CL06				- Tài liệu tập huấn - Đề cương bài giảng	- Tài liệu liên quan

Loại	Phương pháp, hình thức tổ chức DH	Mục đích sử dụng	CBR của học phần
Li thuyết	Thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại	Giúp SV hiểu rõ hơn về nguyên lý - kỹ thuật và cách thức xử dụng vũ khí, vật liê nồ.	PLO3, PLO4

11.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

11. Phương pháp và hình thức dạy học, danh giá kết quả học tập

21	Hộp dụng cụ KTBB	4	
20	Bao đạn, túi dụng đạn	20	
19	Đồng tiền di động	2	
18	Địa bàn	2	
17	Ông nhóm	2	
16	Kính kiểm tra	10	
15	Già dật bia (bộ bia)	5	
14	Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07	2	
13	Máy bắn tập	3	
12	Mô hình đường đạn trong không khí	2	
11	Đạn K54 luyện tập	20	
10	Mô hình súng bắn tập Iaze AK	2	
9	Mô hình súng K54 (composite)	30	
8	Mô hình lựu đạn Φ 1 cắt bộ	5	
7	MH súng trường CKC cắt bộ	5	
6	MH súng tiểu liên AK 47 cắt bộ	5	
5	Mô hình lựu đạn Φ 1 luyện tập (gang)	20	
4	Mô hình lựu đạn Φ 1 luyện tập (composite)	20	
3	Mô hình súng tiểu liên K54 luyện tập	10	
2	Mô hình súng diệt tăng B41 cắt bộ (kém mô hình đạn B41 cắt bộ)	5	
1	Mô hình súng diệt tăng B40 cắt bộ (kém mô hình đạn B40 cắt bộ)	5	
THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (cho 1 nhóm thực tập) (Nhà trường)			
19	Địa hình huấn luyện	1	
18	Dây lunge SQ	1	
17	Ca vát	1	
16	Biển tên	1	
15	Nền phủ hiệu	1	
14	Nền cấp hiệu	1	

Lê Đình Thảo

GIANG VIÊN

Luu Ngọc Hoàn

GIANG VIÊN

Bùi Quang Khai

TRƯỞNG BỘ MÔN

12. Ngày hoàn thành đề cương: 30/06/2022

Danh giá thi viết học phần III, IV			
Các hình thức đánh giá	Điểm thực hành 1	Điểm thực hành 2	Điểm thực hành 3
Trọng số (%)	100/3	100/3	100/3
Chuẩn đầu ra của học phần	PLO3, PLO4	PLO3, PLO4	PLO3, PLO4

Trọng số các điểm thành phần như sau:

- Đối với học phần thực hành: Điểm các bài kiểm tra thực hành đạt 5.0 điểm trở lên thì mới đạt yêu cầu tổng kết học phần, nếu 1 trong 3 điểm không đạt 5.0 điểm thì phải học lại cả học phần.
- Dù điều kiện tổng kết môn học và cấp chứng chỉ khi điểm thi kết thúc học phần lý thuyết và các điểm kiểm tra thực hành, thi chuẩn kiến thức môn học đạt 5.0 điểm trở lên. Nếu học phần nào không đạt yêu cầu thi phải học lại ở học phần đó.

Cụ thể như sau:

Đục đại học.

học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục 08/9/2015 về việc ban hành qui định tổ chức dạy, học và danh giá kết quả tập môn thực đào tạo theo tin chỉ. Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLBTBXH ngày năm 2009 về việc chuyển đổi chương trình đào tạo hiện hành phù hợp với phương và Đào tạo và Hướng dẫn số 189/HD-DHSP KỸ THUẬT HUNG YÊN ngày 23 tháng 4 định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Quyết

11.3. Cách thức đánh giá điểm: Thực hiện theo Qui chế ban hành kèm theo Quyết

- Hình thức: Kiểm tra động tác thực hành.
- Nội dung: Kỹ thuật bắn súng, kỹ thuật sử dụng lựu đạn, Điều lệnh đội ngũ đơn vị...

11.2. Mục đích, nội dung thi và hình thức đánh giá các điểm thành phần

Thực hành	Làm mẫu, phân tích, đàm thoại	- Giúp SV hiểu rõ hơn về các kỹ năng động tác thực hành, kỹ năng vận động, phối hợp nhóm.	PLO3, PLO4
Bài tập, thảo luận	Tình huống, thảo luận nhóm, toàn lớp	Phát triển kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề và trình bày vấn đề giáo viên đưa ra.	PLO3, PLO4
Tự học, tự NC	Hướng dẫn học độc lập	Giúp người học phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần	PLO3, PLO4

